N° 181 Février 1938

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

TÂM-LÝ NGƯỜI PHÁP (1)

Nay ta thử chụp lấy cái ảnh chân-thực của người Pháp về đường tính-tình thế nào, xét xem có những tính tốt tính xấu thế nào và hiện nay có thay đổi đi đường nào.

Xét về phương-diện tình-cảm thì đời xưa nhà làm sách La-mã tên là STRABON đã nói rằng người Pháp có tính dễ kích-thích, ngày nay thời người Đức vẫn thường chê người Pháp là có tính đa-cảm. Âu cũng là cái thiên-tính tự-nhiên dễ cảm-kích vậy. Lấy sinh-lý-học mà xét thời nguyên-nhân nó là ở cái thể-chất di truyền thịnh về đường thần-kinh cảm-động. Thể-chất này là thể-chất đa-huyết mà thịnh-kinh (*tempérament sanguin-nerveux*) cho nên hay ham những sự kích-thích vui-vẻ, mà hay sợ những sự cảm-động buồn-bã. Vậy thời trong tâm-lý người Pháp, phàm những tình-cảm nó thúc-giục cho cái sinh-khí của người ta vẫn được thắng, còn những tình-cảm nó ngăn-ngừa cho cái sinh-khí ấy không phấn-phát lên được, nó khiến cho người ta phải gắng-gỏi, phải khó-nhọc, phải trầm-trệ uất-ức, những tình-cảm ấy thời phải phần thua vậy. Cũng bởi lẽ đó nên người Pháp ngày nay cũng như người Pháp đời xưa, vẫn hay ham những sự vui-chơi khoái-lạc, thứ nhất là những cái khoái-lạc tự-nhiên dễ-dàng hơn cả. Đại-để người Pháp ham cái gì không ham một cách trầm-trọng chuyên-nhất mà ham một cách khoái-hoạt hăng-hái, nghĩa là chịu ảnh-hưởng một cái ý-tưởng hay, một cái cảm-tình tốt, đột-nhiên bị kích-thích, phấn-phát lên một lúc mà không bền vậy. Nếu đổi cái ý-tưởng đi, dùng cách lý-luận khác mà chuyển thần-trí về một phương-hướng khác, thời tự-nhiên tình-cảm cũng chuyển-dịch ngay, vì không phải do trong thâm-tâm mà ra, chính là bởi cái phong-trào thảng-lai ở bên ngoài mà tới vậy.

Đó là cái đặc-tính thứ nhất trong tình-cảm của người Pháp.

Cái đặc-tính thứ nhì là cái tính hay bành-trướng phát-tiết ra ngoài, xưa cũng vậy mà nay cũng vậy; tính đó là tính di-truyền của giống *Celtique* đời xưa. Vả lại tính-cách đó cũng là thông-thường ở những giống có tính chất đa-huyết thịnh-kinh, là tính chất không có ủy-xúc trầm-trọng mà hay tản-mạn phát-lộ ra ngoài. Nhân đó có thể suy ra một điều quan-trọng, là những người có cái tình-cảm mẫn-tiệp và bành-trướng như vậy, thời hễ họp đông lại với nhau, tất là cái cách hành-động và phản-động vừa mau và vừa mạnh, nghĩa là cái cảm-tình nó dễ bén và dễ khiến cho người ta đồng-thanh

(1) Lược dịch một chương trong sách « Tâm-lý dân-tộc Pháp » (*Psychologie du peuple français* của nhà triết-học ALFRED FOUILLÉE, xuất-bản tại hiệu sách *Félix Alcan ở Paris*.

tương-ứng, đồng-khí tương-cầu. Cái bản-năng xã-giao của người Pháp phát-đạt được tới một trình-độ cao như vậy, chắc cũng còn vì những nguyên nhân về tri-thức, về lịch-sử nữa, nhưng xét ra thì cái mầm thứ nhất của nó là ở như tình-cảm dễ bành-trướng, cái sức cảm-dỗ của người ta rất mạnh, truyền-nhiễm rất mau vậy. Thật thế, không có dân-tộc nào mà cái đời công-cộng lại có ảnh-hưởng trong dân gian sâu-xa bằng dân tộc Pháp, vì người Pháp bao giờ cũng cần phải chung cùng xum-họp với nhau thì mới lấy làm sung-sướng. Người Pháp lấy sự cô-độc làm khổ lắm, ngạn-ngữ có câu : « Có xum-họp mới có sức mạnh », đối với người Pháp thì không những thế, mà lại có xum-họp mới có hạnh-phúc vậy. Người Pháp không thể tự-cam tư-tưởng một mình, cảm-giác một mình, hưởng-thụ một mình được ; không thể phân-biệt sự khoái-lạc của mình với sự khoái-lạc của người vậy. Bởi thế nên thường có cái tính thật-thà tưởng rằng cái gì làm cho mình sung-sướng tất cũng làm cho cả thế-giới được sung-sướng, và suốt nhân-loại đều phải tư-tưởng cảm-giác như người Pháp cả mới được. Vì vậy nên người Pháp vẫn hay có cái tính tuyên-truyền cổ-động, và tinh-thần của nước Pháp hay muốn truyền-nhiễm bành-trướng ra ngoài, nhiều khi khiến cho các dân-tộc khác cũng như bị cuốn vào phong-trào mà phải đi theo, dù có dân có cái tính tự-nhiên lãnh-đạm hay có cái tình-ý thiên không phục mặc lòng. Cái tâm-lý đó vẫn là tốt, nhưng cũng có một cái phương-diện không hay, là thiệt-tình muốn làm tốt cho người mà thành ra có ý chuyên-chế người ta, muốn cho ai ai cũng phải tư-tưởng cảm-giác như mình hết thảy. Lại cũng thường khi không muốn chuyên ép người ta thời tự mình chọn lấy con đường tắt cho gần với người, nghĩa là cũng cảm-giác, cũng tư-tưởng như người ta, không xem xét sâu-xa gì nữa. Phàm những dân-tộc có cái tính-chất đa-huyết đa-cân (*tempérament sanguin-musculaire*) hay là ở nơi khí-hậu tốt, cảnh-vật tươi cười, thời vẫn có cái tính lạc-quan, không hay nghĩ-ngợi đến chuyện tương-lai, chỉ biết cái thời-khắc hiện-tại vui-vẻ mà thôi. Những cái khuynh-hướng đó, trong dân-tộc Pháp vẫn từng nghiệm thấy. Người Pháp có tính vui-vẻ, dễ hi-vọng, dễ tin mình, tin người, tin hết thảy. Người Pháp ưa cười-cợt vui-vẻ. Sự vui-vẻ vẫn là có cái tính-cách xã-giao ở đó. Trong cái tính tươi-cười vui-vẻ là hàm có hai điều : điều thứ nhất là cái tính khuynh-hướng ra ngoài mạnh hơn cái tính tri-trọng ở trong, như người Anh, người Đức có tính trầm-trọng không hay cười-cợt bao giờ ; điều thứ nhì là cái tính vui-cười đã là tính tự-nhiên thời dù có cười-cợt kẻ khác cũng không sợ người ta giận mình, oán mình hay muốn thù lại mình, nếu không thì có câu nói đùa lắm khi thành ra cái vạ lớn : cho nên người Tây-ban-nha, người Ý-đại-lợi có tính hay hiềm-thù thời không thể cười-cợt vui-vẻ được.

Còn như cái ý-chí của dân-tộc Pháp thời ngày nay cũng như về thời-đại người *Gaulois* ngày xưa, thường hay phát-biểu ra một cách mãnh-liệt, như một cái sức mạnh tự nơi trung-tâm-điểm phát ra mà cứ đi một đường thẳng vậy. Giá một nhà sinh-lý-học thì nói rằng : ở dân-tộc Pháp cái sức phát-động ra bao giờ cũng mạnh hơn là cái sức cầm giữ lại. Người Pháp ngày nay cũng như người *Gaulois* ngày xưa, tính can-đảm nhiều khi quá đến thành ra táo-bạo, ham tự-do nhiều khi quá đến thành ra vô-kỷ-luật, nhưng cái ý-chí đó nhiều khi nó sậu-phát chứ nó không có tiệm-tiến, thành ra chóng ham mà cũng chóng chán, rồi rút-cục lại cũng thành ra lại theo cái qui-củ cũ, lại

phục cái lề-lối xưa mà thôi. Phàm người có cái ý-chí tự-nhiên sậu-phát thời hay quả-quyết mau và hay định-đoạt chóng. Bởi thế nên thiên-hạ có khi trách người Pháp là nhẹ-nhàng khinh-suất. Nhưng trái lại, phàm ý-chí tự-nhiên sậu-phát thời có cái hay, là bộc-trực ngay-thẳng. Vì rằng muốn trí-trá thì phải suy-nghĩ, phải hồi-hộ, tức là phải ngăn cái ý-chí tự-nhiên lại; muốn lập mưu lập kế, thời phải tính-toán xa-xôi, phải dự-bị lâu và phải kiên-nhẫn lắm: người Pháp vốn không có cái thiên-tính đó. Người Pháp theo cái kiểu-mẫu cổ-điển thời bổn-tính vẫn thành-thực dễ-dàng. Thẳng-hoặc có nói hay làm sai sự thực, chỉ là vì cái trí tưởng-tượng mạnh, hay là cái lòng ham muốn huyễn-diệu người ta mà thôi, bấy giờ mới sửa-sang thêu-dệt thêm cho nó sai cái chân-tướng đi. Thường không phải là dụng-tâm mưu-tính, chẳng qua là khí-chất dồi-dào mà thôi. Ngạn tây có câu: « Khoác-lác như người *Gascon* »; người Pháp dù gốc-tích ở giống *Celte* hay giống *Franc* cũng vậy, vẫn thời - thường có cái tính-cách *Gascon* đó.

Phàm những người có cái cảm-giác tinh-nhuệ, cái ý-chí bồng-bột như vậy, thời trí-tuệ cũng là mẫn-tiệp mà phát ra như cái tia sáng cứ chạy thẳng, không có nhìn trở lại hay chiếu chung quanh nữa. Cho nên sự dung-dị, tức là cái thiên-tài đệ-nhất của người Pháp. Sự dung-dị có điều lợi, nhưng cũng có điều hại; có lợi là thâu-thái cái gì cũng mau chóng, am-hiểu cái gì cũng dễ-dàng, nhưng mau mà không được bền, dễ mà không được chắc; vả lại dễ quá thời mềm quá, mềm quá thời cứ uốn theo cái cơ-hội bên ngoài mà thay đổi, thay đổi luôn thời thành ra bất-thường bất-định. Cũng có khi cai-quát được cái toàn-thể mau quá mà không kịp xét kỹ sâu-xa đến những nơi tế-mật. Văn-sĩ SAINT-EVREMONT xưa đã có câu nói rằng: « Trí-tuệ người Pháp không gì là không làm được, duy phải chịu khó suy-nghĩ mới được » Cái công chịu khó đó, thời người Pháp ít khi hứng lắm; tin ở cái tính uyển-chuyển tự-nhiên của mình, bao giờ cũng vội cho đạt tới mục-đích, nên phán-đoán thường mau quá. Sự phán-đoán đó vẫn không phải là hoàn-toàn sai cả, nhưng thường là khuyết-điểm, chỉ khu về một phương-diện mà không xét đến các phương-diện khác. Thường cái phương-diện con mắt mình xét tới ngay, lại là cái biểu-diện bề ngoài, vậy thời trách sao cái trí-tuệ trung-bình của người Pháp lại không thường thường thiển-cận một đôi chút ? Tuy-nhiên đã có con mắt sáng-suốt thời xét vẫn mau và vẫn đúng, còn hơn là kẻ đầu óc nặng-nề, nhìn mãi mà không trông rõ vậy.

Phàm người có trí-tuệ mau chóng, cảm-giác linh-lợi, thời cố-nhiên là ưa sự rõ-ràng sáng sủa; lấy sự tối-tăm mờ ám là một cái trở-lực cho không tự-nhiên hành-động ra được; bởi thế nên cái gì khó-khăn mờ tối thời rất là không ưa. Cũng bởi thế nên phàm tư-tưởng có trật-tự, có mành-mối, khiến cho người ta dễ lý-hội được, thế là người Pháp ưng lắm. Tính tự-nhiên của người Pháp là ưa những cái gì giản-dị. Cho nên những tư-tưởng đại-đồng, những tư-tưởng thuộc về trừu-tượng, là những tư-tưởng có thể truyền-bá cho nhiều người được, có cái tính-cách xã-hội hơn cả, ấy là những tư-tưởng người Pháp sở-thích hơn cả. Người Pháp ưa sự sáng-sủa cho đến nỗi phàm cái gì hơi ám-chỉ xa-xôi cũng không chịu, muốn cho phải phân-minh rạch-ròi mới nghe. Một cái quan-niệm gì mà phảng-phất mơ-màng, dù chan-chứa những tình-ý sâu-xa mặc lòng, người Pháp cũng cho là không có giá-trị. PASCAL đã có câu nói rằng: « Chân-lý là một cái mũi nhọn rất sắc ». Hễ

không phải là cái mũi nhọn đó, thì người Pháp khinh-thường cả. Nếu bao giờ cũng chắc là tìm đúng được cái mũi nhọn đó, thời còn gì hay bằng nữa, nhưng thần-trí người ta bao giờ cũng có khuyết-điểm, không mong tìm đúng ngay được cái mũi nhọn tinh-lý đó, cho nên một cái tư-tưởng mơ-màng man-mác có khi lại bao - hàm được nhiều chân-lý hơn là một cái tư-tưởng nhỏ-hẹp đích-xác.

Phàm cảm-giác thế nào, thời tưởng-tượng cũng in như thế; như người Pháp thời tưởng tượng không có mạnh lắm bao giờ. Cái sức tưởng-tượng ấy không có mãnh-liệt thâm-trầm, cũng không có dồi-dào chan-chứa như người Đức hay người Anh: thường là lấy trí-tuệ mà quan-cảm về sự-vật, hơn là lấy tình-tình mà trực-tiếp với sự-vật. Cái trí người Pháp vẫn khéo lý luận, khéo kết-cấu, cho nên không có cái tài hình-dung những sự-vật hiển-nhiên mà lại có cái tài liên-lạc những sự-vật trong lý-tưởng kết-cấu ra. Nói tóm lại thời cái trí tưởng-tượng của người Pháp là thuộc về lý-luận, về kết-cấu sở-trường ở cái nét vẽ phác họa về sự đời. Trong văn-học-sử nước Pháp mà có những nhà văn có tưởng-tượng dồi-dào như Chateau Briand, Hugo, Flaubert, Zola, là những nhân-vật phi-thường đặc-biệt cả. Chứ thường-thường thì người Pháp lý-luận nhiều hơn là tưởng-tượng, mà trong khi tưởng-tượng cũng không phải là sở-trường ở sự tưởng-tượng về cái ngoại-cảnh, ngoại-giới đâu, mà chính là sở-trường ở sự tưởng-tượng về cái nội-giới, tâm-giới, là cõi tình-cảm cùng tư-tưởng của người ta.

Phàm ham lý-luận quá thời nhiều khi quên cả sự quan-sát. Nhà triết-học Anh Stuart Mill bình-phẩm về nhà triết-học Pháp Auguste Comte có nói một câu như sau này, giá khái-luận nói cả về dân tộc Pháp cũng được: «Ông lý-luận một cách chặt-chẽ cho đến nỗi người ta phải phục cái cách lý-luận của ông mà cho là chân-lý hiển nhiên rồi. Cái tài kết-cấu cho thành thống-hệ, do một cái nguyên-tắc mà suy-diễn cho đến cùng, lại khéo phô-diễn một cách sáng-sủa vô-cùng, tài đó là cái tài đặc-biệt của hết thảy các nhà văn có tiếng ở nước Pháp. Nhưng có cái tài như vậy, mà tài ấy lại liền với một sự khuyết-điểm như sau này: là người Pháp lý-luận một cách sáng-sủa quá, tiền-đề thế nọ thì hậu-kết phải thế kia, coi nó chỉnh-đốn lấy làm khoái lắm, đến quên hẳn không đem câu kết luận mà đối-chiếu với sự thực xem có đúng không. Theo ý tôi thời chính vì cái khuyết-điểm đó nó khiến cho Auguste Comte có cái sức lý-luận một cách chặt-chẽ như vậy, dựng thành một cái thuyết-hệ coi ra vẻ nghiêm-trang vững-vàng lắm, cứ bề ngoài thì có thể cho là một cái nền thực-học tuyệt-đối vậy.»

Cảm-giác cùng ý-chí thế nào không những là định được hình-thể cùng cách-thức của trí-tuệ mà thôi; lại có quan-hệ đến cả cách kén chọn những sự-vật của tư-tưởng nữa; cho nên có thể dự đoán rằng phàm những tư-tưởng có tính cách về xã-hội, về nhân-loại, là những tư-tưởng thích-hợp với thần-trí người Pháp hơn cả. Những tư-tưởng đại-đồng mà đem ứng-dụng về xã-hội thì tiện-thị thành những tư-tưởng quảng-đại, chính những tư-tưởng đó là dễ lưu-hành ở nước Pháp hơn cả. Những nhà chuyên-trị về tâm-lý-học các dân-tộc, như Geist, Lazarus, đã từng nghiệm thấy người Pháp có cái khuynh-hướng quên mình đi để chủ-trương một cái tư-tưởng gì, có khi để thờ một cái chủ-nghĩa thuần-túy. Phàm người Pháp quan-niệm hay ý-nguyện, dẫu không được giống như lời Spinoza đã nói, là nhất-thiết theo về phương-diện vĩnh-viễn tuyệt-đối cả, nhưng cũng là nhất-thiết theo về phương-diện thế-giới đại-đồng cả. Nhân

đó mà phàm tư-tưởng của người Pháp là qua ba cái trình-độ như sau này: thứ nhất là hễ tư-tưởng phát-niệm ra, là thành hình hiển-hiện ngay, theo cái nguyên-tắc của DESCARTES đã xướng lên rằng phàm cái gì quan-niệm sáng-sủa là chân-lý hiển-nhiên; thứ nhì là phàm đã gọi là chân-lý thời phải phổ-cập đại-đồng, tư-tưởng đã sáng-sủa mà hợp với chân-lý, thời tiện thị phải đặt thành phép-tắc chung cho vũ-trụ; thứ ba là đã gọi là phép-tắc chung của vũ-trụ, thời phải bao-gồm cả các hiện-tượng, vậy nên tư-tưởng phải diễn thành việc làm. Tư-tưởng với hành-vi phải liền nhau, đối với người Pháp thời đó là một sự yếu-cần khẩn-cấp: trí-tuệ người Pháp vẫn là nóng-nẩy không chịu trì-hoãn được. Người Pháp không bao giờ chịu chỉ quan-niệm suông về lý-tưởng mà thôi: mỗi người đều có cái tính độc-đoán về lý-tưởng mà cấp-tốc về thực-hành. Nếu lý-tưởng độc-đoán mà trúng, thời còn gì hay bằng; bấy giờ làm nên những sự-nghiệp lớn dễ như chơi. Nhưng nếu chẳng may độc-đoán mà sai-lầm, thời cũng cứ nhắm mắt theo cho đến cùng, rồi bị sự thực ngăn-trở, đến đụng đầu bươu trán mới tỉnh-ngộ.

Dân-tộc Pháp đã có những cái bản-tính như vậy, lại thêm chịu văn-hóa của La-mã, thế-tất phải tôn-sùng cái chủ-nghĩa duy-lý. Người La-mã đời xưa cũng đã lấy lý-tưởng làm trọng lắm, pháp-luật của La-mã đều muốn đặt thành phép-tắc chung cho cả nhân-loại, nhưng đối với người La-mã thời đó chẳng qua là vì cái mục-đích muốn làm chúa tể cả thế-giới mà thôi: cái thế-giới chủ-nghĩa của La-mã là muốn cho cả thế-giới phụng-sự La-mã, chứ không phải là La-mã phụng-sự thế-giới. Kịp đến đạo Cơ-đốc thời đã tiến lên một tầng cao hơn mà muốn bao gồm cả nhân-loại. Nay nước Pháp thừa cả hai cái ảnh-hưởng của phép La-mã và của đạo Cơ-đốc, tất là đủ tư-cách để suy-diễn cái chủ-nghĩa duy-lý (*rationalisme*) đến cực-điểm, thoát ra ngoài vòng chính-trị tôn-giáo mà khiến cho có một cái ý-nghĩa triết-lý cao-xa. Chủ nghĩa duy-lý cùng với chủ-nghĩa duy-trí cũng là một: chủ-nghĩa duy-trí (*intellectualisme*) của nước Pháp là căn-cứ ở sự tin rằng trong vạn-vật bao-la không gì là thần-trí người ta không lý-hội được, dù sự-học còn khuyết-điểm chưa thể hiểu thấu hết, nhưng đến ngày sự học hoàn-toàn thời chi chi cũng hiểu hết. Trái lại với người Pháp thời người Đức lại cho rằng vạn vật đều có một phần cao-thâm bí-hiểm, trí-tuệ người ta không hiểu được hoặc phải dụng cảm-tình hay ý chí mới có thể đạt tới: cho rằng trong cõi chân-tướng có phần sâu hơn lý-luận hay vượt qua lý-luận nữa. Có phần thuộc về « lý-nhi-hạ », mà lại thiết-tha thâm-trầm hơn lý-trí, đó là phần tự-nhiên (*nature*), và đó tức là cái chủ-nghĩa tự-nhiên (*naturalisme*) của người Đức; lại có phần thuộc về « lý-nhi-thượng » tức là phần thần-bí (*divinité*), và đó chính là cái chủ-nghĩa thần-bí (*mysticisme*) của người Đức. Vả lại « lý-nhi-thượng » cùng « lý-nhi-hạ » đều là u-ám man-mác cả, cho nên chủ-nghĩa tự-nhiên cùng với chủ-nghĩa thần-bí là hỗn-hợp cả trong thần-trí người Đức. Thần-trí người Pháp thời trái hẳn lại, không ưa chủ-nghĩa tự-nhiên cũng không ưa chủ-nghĩa thần-bí; không ưa cái sự thực mộc-mạc tối-tăm, cũng không ưa lòng tín-ngưỡng mơ-màng phảng-phất, chỉ ham có cái « lý » rõ ràng mà thôi, ham lý-trí, tiện thị là ưa lý-sự. Người Đức cùng người Anh đều chê người Pháp là quá tin ở lý-tưởng, tin rằng có thể lấy « lý » mà tổ-chức xã-hội được, quá ham tư-tưởng, nhất là những tư-tưởng rõ-ràng khúc-chiết. Những lời chê-trách đó, RENAN và TAINE đã từng truyền lại cho người nước biết. Hai

nhà triết-học đó cho là người ta mà chỉ có những tư-tưởng khúc-chiết, thời không bao giờ khám-phá được điều gì, nhất là trong cõi sinh-hoạt và trong vòng xã-hội, là những nơi mà mọi sự biến-hóa thường u-âm ngầm-ngấm, việc phải làm nhiều khi không thể lấy lẽ mà chứng-minh ra được. Vẫn biết thế, nhưng trong sự học hay việc làm, khu-khu giữ lấy mấy cái tư-tưởng sáng-sủa đã thu-hoạch được, không tìm rộng ra ngoài nữa, đó là một cách ; còn như cố theo đuổi lấy cái ánh-sáng ở trong đám tối, muốn cho nhất-thiết được sáng-sủa rõ ràng cả, đó lại là một cách khác. Cái giản-dị không phải là ở ngay trên mặt, thường ở tận dưới đáy sâu-xa, mà giản-dị tức là sáng-sủa đó, cho nên sự sáng-sủa cũng có hai đường, có cái « sáng thiệt », thời bao giờ cũng phải cầu lấy cho được, còn cái « sáng giả » thời chớ nên mắc lầm. Nay xét ra thì người Pháp thường khi mắc lầm cái sáng giả mà quên cái sáng thiệt. Thí-dụ một vấn-đề chi, có cách giải-quyết nửa chừng, người Pháp ưa hơn là giải-quyết một cách trọn-vẹn, vì cho là sáng-sủa khúc-chiết hơn ; lại có việc toàn-thể chưa lý-hội mà đã tưởng rằng hiểu rõ các bộ-phận rồi : đó cũng là do cái tính nóng-nảy mà sinh ra sai-lầm như vậy, rất là nguy-hiểm về đường xã-hội. Nhà hiền-triết nước Đức Gœthe có câu nói rằng : « Xin cho được sáng sủa, cho sáng-sủa thêm lên ! » Câu đó giá vào người Pháp nói thì mới thật là đúng.

Platon xưa kia, đã nghiệm rằng phàm duy-lý tất khuynh-hướng về duy-nhất (*unité*). Người Pháp ham sự duy-nhất, cái đó cũng giống với cổ-nhân và nhất là giống người La-mã đã truyền cái tâm-lý đó cho người Pháp. Nhân ham sự duy-nhất, cho nên phàm cái gì trái với dư-luận hiện-hành cũng là không dung cả, có khi trái với ý-kiến riêng của mình cũng không dung, vì tự cho ý-kiến đó mới là hợp lẽ. Cho nên thần-trí người Pháp là tự-nhiên thiên về đường độc-đoán (*dogmatisme*). Nhưng cũng may được một điều, là người Pháp lại hay có cái tình muốn đẹp lòng kẻ khác, cho nên cũng vẫn sẵn lòng nhường-nhịn với người.

Bấy nhiêu tư-cách của thần-trí người Pháp, nay đem lên đến cực-điểm, thời thành ra cái tài phân-tích sự-vật (*faculté d'analyse*), vạn-sự vạn-vật rối như bòng-bong mà cái trí người Pháp tinh-nhuệ gỡ ra được cả, tìm ra mành-mối, xếp lại chỉnh-đốn, khiến cho có trật-tự, có phép-tắc hẳn-hoi. Người Pháp lại có cái tài suy-diễn (*faculté de déduction*) nữa, trong khi lý-luận đã nắm được cái đầu mối, thời quanh-co bối-rối thế nào cũng cứ lần theo mà đi mãi được, cái giây lý-luận liên-tiếp không gián-đoạn một khúc nào ; cách đó cũng giống cách biện-luận (*dialectiquer*) của người Hi-lạp xưa, nhưng hợp với chính-lý hơn và không có cái vẻ lộng-xảo vậy. Lại có cái tài làm cho sự-vật phiền-tạp mà thành ra giản-dị được, tức cũng như nhà số-học rút lại mấy con số cốt-yếu, đủ hình-dung được sự-vật một cách trừu-tượng, nhưng cũng sáng sủa cho trí người hiểu được. Đã có cái tài giải-thích phân-tích như vậy, lại có cái tài quí hơn nữa, là đoán biết lẽ phải đương-nhiên tức là cái tài sáng-kiến về số-học, về lý-luận, người nước Pháp thường sở-trường lắm. Nước Pháp từ xưa đến giờ, mà hiện nay cũng vậy, vẫn nổi danh về khoa số-học, Phái kỷ-hà-học của Pháp ngày nay là đứng đầu cả thế-giới. Nhưng mà cái trí khúc-chiết (*esprit de géométrie*) của người Pháp không hề ngăn trở mất cái trí tinh-nhuệ (*esprit de finesse*) những bậc như Descartes, như Pascal, chẳng phải là những tay số-học rất đích-xác, lại vừa kiêm triết-học rất

tinh-thâm dư ? Cái đặc-sắc của thần-trí người Pháp là khéo biết gỡ ra mành-mối các sự-vật, cho nên người Pháp có cái khoái-lạc đặc-biệt, là hay ưa lấy tư-tưởng mà lộng xảo, dùng tư-tưởng như quân cờ để tha-hồ mà sắp-đặt, khi thì đi ngược, khi thì đánh xuôi, lấy thế làm khoái-trá. Nếu khám-phá được đúng cái mối quan-hệ của sự-vật, lý-hội được chỗ khó-khăn mà diễn ra một cách ly-kỳ, thời đó chính là cái tài riêng mà thiên-hạ gọi là cái trí dĩnh-ngộ của người Pháp (*l'esprit français*). Trí dĩnh-ngộ này không giống cái trí hoạt-kê (*humour*) của người Anh hay người Đức : trí hoạt-kê thường chua-cay khốc-liệt, là tỏ ra cái cảm-giác ý-chí của một người đối với người khác, tức là một cuộc xung-đột về nhân-cách, đến như trí dĩnh-ngộ của người Pháp thì thuộc về trí-tuệ hơn là về nhân-cách, là tư-tưởng chọi nhau mà bật thành tia sáng, chứ không phải nhân-cách chọi nhau mà gây nên hiềm-khích vậy. Dù cá-nhân có can-thiệp vào cũng là can-thiệp về phương-diện xã-giao mà thôi, lấy cách bỡn-cợt để cho đẹp lòng kẻ khác vậy.

Trí-tuệ người Pháp ở bậc thượng-lưu vừa rộng-rãi mà vừa sâu-xa ; nhưng đến bậc trung-lưu, hạ-lưu, dẫu không được rộng được sâu bằng, nhưng vẫn biết xét đoán một cách sáng-suốt và ngay thẳng: đó tức là cái «lương-tri» (*le bon sens*) của kẻ bình-dân, cái lương-tri đó cũng có dân-tộc thì khai-thông, mà cũng có dân-tộc còn bế-tắc. Xem ra thì cái lương-tri đó nó không ưa những sự hoang-đường mà cũng không ưa những sự thấp-hẹp, thường những dân-tộc thuộc về giống *Celte* hay giống *Slave* có nhiều hơn là những dân-tộc về giống *Scandinave* hay giống *Germanique*, hay những dân-tộc ở duyên bờ Địa-trung-hải ; bởi thế nên kẻ bình-dân ở nước Pháp, dù là dân quê hay dân chợ, cũng vẫn thường thấy có cái lương-tri đó, nghĩa là cái tính tự-nhiên biết điều phải lẽ chăng, biết sự lợi, sự hại. Cái lương-tri đó nó thường không lợi cho những sự phi-thường đặc-biệt. Gœthe đã có câu nói rằng : « Ở nước Pháp người nào dám tư-tưởng hành-vi một cách khác mọi người, thì người ấy can-đảm thực. Không có dân-tộc nào hay sợ thiên-hạ cười bằng dân-tộc Pháp ; nhất-cử nhất-động, hơi trái với lệ thường, lạ tai lạ mắt người ta, là người ta không dung. » Thật thế, cái tính người Pháp là tính thiên về đường xã-hội, cho nên phàm sự gì không hợp với thói thường của xã-hội, thời tựa-hồ như là một cách của cá-nhân phản-đối với xã-hội, xã hội không dung vậy.

Về văn-chương cùng mĩ-thuật, sự cảm-giác của người ta đã lấy lý mà chế-ngự, thời tức gọi là sự thưởng-thức (*le goût*), có thưởng-thức tất-nhiên có phẩm-bình (*critique*). Cho nên cái tài phê-bình của người Pháp thì thật là sáng-suốt vô-cùng, đem một cái tác-phẩm về văn-chương mĩ-thuật mà phân-tích ra một cách rạch-ròi, phô-bày ra cái hay cái dở, không căn-cứ ở cái sở-thích riêng của mỗi người mà căn-cứ ở cái lẽ phải chung của xã-hội hiện-thời.

Ấy những đặc-tính của tâm-lý người Pháp như vậy. Người Pháp hay theo cái « mốt » lưu-hành, khi thì hứng bắt chước người Bắc-phương, khi thì hứng bắt chước người Đông-phương, khi thì ưa người Anh. Khi thì ham người Mĩ, nhưng rút cục, cái tâm-lý cố-hữu vẫn không ngoại mấy tính cách vừa lược-thuật trên đó.

T.-C. *dịch*

CÁI BỆNH CỦA THANH-NIÊN NƯỚC ĐỨC

Xem các nhật-báo Đức gần đây thấy nói hiện nay trong nước ấy có tới bốn vạn đến sáu vạn người vào hạng học-thức mà không có nghề-nghiệp sinh-nhai ; số đó tính ra có lẽ mỗi năm còn tăng lên từ hai vạn đến hai vạn rưởi người nữa. Coi một việc đó cũng đủ tỏ-rạng được một phần cái tâm-lý của các lớp thanh-niên nước Đức, tức là một vấn-đề hiện nay chính ở Đức và ở Pháp đương thảo-luận nhiều lắm.

Hai nhà trước-thuật trứ-danh nước Đức, có khuynh-hướng về chủ-nghĩa tự-do dân-chủ, là ông SIEBURG và giáo-sư BONN mới rồi có đăng trong báo nước Pháp mấy bài nói về vấn-đề đó. Ông SIEBURG thì nói riêng về thái-độ thanh-niên nước Đức đối với nước Pháp, thái-độ ấy theo ý ông không phải là căm giận hay phản-đối chi, nhưng chính là thản-nhiên lãnh-đạm vậy. Còn ông BONN thì giải cái tâm-lý của bọn thanh-niên đó có tính cực-đoan quá-khích, không thiết gì đến lẽ phải lẽ trái, sự thiệt sự hơn, cho nên đưa nhau mà theo về những phái bạo-động như phái HITLER.

Ý-kiến của hai nhà trước-thuật Đức đó, đại-khái cũng đúng lắm, nhưng nên giải-thích cho rõ hơn. Trước hết cái phái thanh-niên mà hai nhà trước-thuật bàn-luận đó, phần nhiều là phái học-sinh, nghĩa là hạng thanh-niên còn đương học-tập để dự-bị ra làm các chức-nghiệp ở nước Pháp gọi là « chức nghiệp tự-do » (*professions libérales*), mà ở Đức thì gọi là « các chức-nghiệp văn-học » (*professions académiques*), nghĩa là phải có tốt-nghiệp ở các trường Đại-học ra thì mới đương được, hoặc dự-bị để làm các quan-chức cao trong nước. Ông SIEBURG thì quả-quyết rằng những kẻ thanh-niên nước Đức đó trách nước Pháp và trách hòa-ước *Versaille* đã làm cho các nghề-nghiệp đó bị eo-hẹp, không có chỗ dung thân. Còn ông BONN thời lại qui-cữu về cái tình-hình kinh-tế quẫn-bách tự sau khi chiến-tranh cùng cái tình-trạng hóa-vật phá-giá làm cho các giai-cấp trung-lưu là hạng người chuyên về các nghề-nghiệp đó đến sa-sút khốn-đốn.

Xét cho kỹ ra thì các lẽ đó chửa chắc đã là chánh-đáng. Nói rằng vì cái chính-sách nghiêm-khắc của nước Pháp đối với nước Đức mà các nhà học-thức Đức không có nghề-nghiệp làm thầy thuốc không có khách thăm, thầy giáo không có học-trò, thầy nghề không có xưởng thợ, thời thử nghĩ kỹ, hai việc đó phỏng có liên-can gì với nhau không ? Còn như phái trung-lưu mà phải đến thất-nghiệp thời cũng như phái thợ-thuyền mà có lẽ lại thêm hơn nữa, chính là bởi số người nhiều quá đó mà thôi. Nếu đem so-sánh những số người thất-nghiệp với số học-sinh các trường thời thấy rằng ngày nay số học-sinh nhiều hơn gấp đôi năm 1913 (hồi ấy có năm vạn người, mà hiện nay tới 10 vạn). Đó là cái hiện-tượng hiển-nhiên như vậy, chẳng phải tại việc ngoại-giao nước Pháp với nước Đức hay việc nội-chính của nước Đức về đảng BRÜNING, đảng VON PAPEN hay đảng HITLER mà thành ra được, Dân-số nước Đức ngày nay cũng ngang bằng với dân-số trước khi chiến-tranh, vậy thời không thể dùng gấp hai số thầy thuốc, thầy kiện, quan-lại, nhà ngoại-giao hay nhà công-nghệ hơn trước được.

Có lẽ hiện nay và trong mấy năm về sau nữa lại cần dùng đến ít hơn là vì hồi trước chiến-tranh, nước Đức đương vào thời-kỳ phát-đạt, dân-số đương tăng lên nhiều, cần phải làm nhà, làm trường, làm công-sở, làm xưởng thợ, làm đường xe-lửa xe-điện thật nhiều mới đủ dùng được. Sau

năm 1919, nhất là trong khoảng từ 1924 đến 1929, bấy giờ các công-việc trong nước dương khuếch-trương to-tát lắm, để chỉnh-lý và cải-tân các khí-cụ cùng máy-móc về công-nghệ, làm gấp cho kéo lại mười năm trước phải đình-đốn cả. Nhưng hiện nay, thời nước Đức đã thừa đủ máy-móc, tăng nhiều công-nghệ lắm rồi, số thầy thuốc, số quan-lại cũng nhiều quá rồi, mà số dân-đinh thời đã đến cực-điểm, không thấy tấn-tới nữa, như thành *Berlin* trong khoảng một năm nay sút kém đi mỗi tháng 10.000 người, nhà trọ không có khách ở nữa. Như vậy thời những kiến-trúc kỹ-sư, ngoại-khoa bác-sĩ, nào là thầy chữa răng, nào là thầy hóa-học, nào là những tiến-sĩ khoa nọ, tốt-nghiệp trường kia, dầy đường ra đó, dùng để làm gì? Thiệt không có việc chi mà làm nữa, đến một nửa phải chịu cái thân-phận sống một cách bần-cùng eo hẹp Thành ra một hạng người « thức-giả lao-động» (*prolétaires intellectuels*), một hạng người bất-đắc-chí, rất nguy-hiểm cho sự hòa-bình trật-tự trong xã-hội.

Những người ấy từ trước đến nay, tự mình cũng chưa hiểu rõ cái nguyên-nhân của tình-cảnh khốn-nạn của mình, phần nhiều thì cho là tại cái chính-thể hiện-hành trong nước từ 13 năm nay mà sinh ra như thế, và tưởng rằng giả thay đổi hẳn cái chính-thể ấy đi thì tình-cảnh mình sẽ được khá hơn bây giờ. Bởi thế nên đua nhau mà theo về các đảng cực-đoan, như đảng cộng-sản, và nhất là đảng quốc-gia xã-hội (*nazi*). Họ tin ở những cái danh-hiệu kịch-liệt đó, không biết rằng tin như vậy là xuẩn quá, vì trong phạm-vi kinh-tế, chỉ có sự thực hiển-nhiên, con số trước mắt là chúa-tể mà thôi, chứ nói đến chính-sách nọ hay chính-thể kia, có tài gì mà thay đổi được cái tình-cảnh khốc-liệt: thí dụ số người bệnh chỉ cần đến hai thầy thuốc thôi mà dùng đến bốn thầy thuốc, thì tất hai người trước phải giảm mất một nửa khách đi, hay là hai người thu được 90°/o khách bệnh, còn hai người chỉ được có 10°/o mà thôi, thành ra hai người sau đó tất đến thất-nghiệp.

Nay nếu không xét về nguyên-nhân cái tình-cảnh khốn-nạn đó mà chỉ lấy cái tình-cảnh ấy làm một cái hiện-tượng nhỡn-tiền mà thôi, thời lời phán đoán của ông SIEBURG cho cái thái-độ của thanh-niên nước Đức đối với nước Pháp là lãnh-đạm thản-nhiên cũng là phải. Thanh-niên đã không có hi-vọng gì nữa, coi cái tiền-đồ trước mắt như mờ ám bí tắc cả, đến cái kế sinh-nhai cho bản-thân mình cũng còn lúng-túng không biết nghĩ sao, thời nói chuyện văn chương, triết-lý, văn-hóa, lịch-sử một nước láng giềng, tất cho là câu chuyện thừa không mảng nghĩ tới. Phàm những chuyện tinh-thần nghệ-thuật, là những cái sở-chí sở-sự của con người học-thức xưa nay, đến lúc này cũng gác bỏ một bên hết thảy. Thanh-niên nước Đức ngày nay (mà há phải một thanh-niên nước Đức mà thôi!) chỉ thấy tri-trục về đường lợi-lộc nhỡn-tiền, mà cái kế no đủ càng khó khăn thời cái lòng ham muốn lại càng hăng hái. Lại thấy khinh-bỉ những điều nghĩa-lý, những thói phong-nhã, mà công-nhiên theo những chủ-nghĩa cấp-tốc bạo-động, muốn đem thực-hiện ngay trong phạm-vi xã-hội.

Trong phái học-sinh, thời tựu-trung cũng có một phần tập-tục từ xưa đến giờ. Mới rồi một cái tạp-chí Đức nọ có thuật chuyện một ông giáo bị học-trò hành-hạ đủ điều, không những trong khi dạy học ở nhà trường, mà đến tận khi về nhà riêng nữa. Đọc chuyện đó, tưởng là một câu chuyện thường hàng ngày, các báo vẫn thuật luôn. Không phải thế: Chính là chuyện ông FICHTE ngày xưa, là một nhà giáo-dục trứ danh của nước Đức, một tay soạn ra biết bao nhiêu những bài hiểu-

dụ thiết-tha cho quốc-dân Đức, tưởng cả phải thanh-niên học-sinh trong nước đáng thờ như một bậc quốc-sư mới phải! Câu chuyện đó là câu chuyện cũ tới hơn một thế-kỷ, mà nghe như chuyện ngày nay vậy. Thế thì ra cái tâm-lý của người học-sinh Đức từ xưa đến nay vẫn không thay đổi hay sao? Nhất là bọn học-sinh đã lập thành đoàn-thể, thì thật là: nhất quỉ, nhì ma, thứ ba học trò; Họ cho là cái danh-dự của họ phải thường đánh lộn nhau đến vỡ đầu sứt tai mới cam. Họ tưởng làm thân học-trò không gì danh-giá bằng, tự đời trung-cổ đến giờ, kẻ sĩ-tử vẫn có quyền-lợi riêng ở trong nước. Thành ra một cái tinh-thần giai-cấp, khiến cho kẻ học-sinh trông thấy những người nhờ cái chính-thể dân-chủ mới mà đột-khởi, chiếm quyền nọ vị kia, có kẻ trước còn làm thư-ký cho nghiệp-đoàn nọ, nay đã lên chức quận-trưởng, huyện-trưởng, sảnh-trưởng trong các bộ, có khi đến cả chức quốc-vụ-khanh nữa: thấy vậy có ý khinh, căm tức rằng những kẻ ấy chiếm-đoạt mất địa-vị của mình, cho rằng cái đường tiến-thân của mình ngày nay khó-khăn, chính là bởi bọn đó thắng-thế, bây giờ phải làm thế nào trừ-khử được họ đi, kẻ đi buôn thì về bán hàng, người làm công thì về xưởng thợ, dù phải dùng đến những phương-cách tàn-bạo cũng cam!

Song bọn học-sinh không phải là cả thanh-niên nước Đức. Có lẽ thiên hạ cho bọn đó một cái giá-trị quá đáng, mà nói rằng học-sinh ngày nay tức là giai-cấp chủ-trương (*classe dirigeante*) sau này. Có thật như vậy chăng? Chưa chắc. Nước Pháp là một nước dân-chủ mà phần nhiều nhà chính-trị là những tay thầy kiện, tay giáo học cả; ta không nên lấy gương nước Pháp mà xét nước Đức. Những tay cầm-quyền chủ-trương ở nước Đức từ năm 1919 đến giờ thời hoặc là những nhà công-nghệ lớn, như STINNES, RATHENAU, hoặc là những tay thợ-thuyền cũ như EBERT, BRAUN, SEVERING, hoặc là người trong phái quân-nhân như HINDENBURG, SCHLEICHER. Chứ như HITLER cũng không phải là nhà trí-thức, chưa từng có cái bằng bác-sĩ nào cả: thủa hàn-vi làm thợ sơn cửa, mà nay nghiễm-nhiên làm lãnh-tụ một đảng lớn nhất trong nước!

Nước Đức xưa nay vẫn có tiếng là nước trọng khoa-bảng, vậy mà ngày nay cái văn-bằng cử-nghiệp đã sụt kém giá-trị đi nhiều lắm. Đó cũng là một duyên-cớ khiến cho những kẻ dư bị về các nghề tự-do, đến khủng-hoảng thất-vọng. Còn những kẻ thanh-niên làm công làm thợ, thời cái nạn thất-nghiệp cũng làm cho tâm-lý biến-đổi đi.

Nào là diễn-kịch, nào là tiểu-thuyết, nào là báo chí, nào là vô-tuyến-điện cùng *cinéma*, đâu đâu cũng thấy tả cái cảnh khốn-nạn trong gia-đình kẻ thất-nghiệp. Nào là con phản-đối với cha mẹ, ăn ở chui-giúc trong một nơi chật-hẹp, tranh nhau miếng rau miếng cháo, căm-tức lẫn nhau mà oán-giận xã-hội. Nhiều khi không chịu được cái đời khốn-cực đó, phải bỏ nhà mà đi. Tức như cái cảnh những kẻ thanh-niên phiêu-lưu ở nước Nga trong hồi loạn-li mấy năm trước mà lang-thang những nơi đầu đường sò chợ, sống như cái đời dã-man con vật vậy. Tuy ở Đức chưa đến nỗi thậm-tệ như vậy, nhưng cũng đã phảng-phất có cái phong-vị đó rồi. Tuy ở Đức cũng còn có nhiều cách kiếm ăn. Trong một nơi đô-thành lớn như *Berlin*, có nhiều nghề cũng lạ lùng: sở cảnh-sát tính ra ước có 30.000 kẻ thanh-niên vô-nghệ-nghiệp, làm nghề nuôi gái kiếm ăn; lại có những kẻ họp nhau lại thành tóp từ 10 đến 50 người có khi cả con gái cũng tùng-đảng nữa, để đi lữ-hành nơi nọ đến nơi kia, hoặc cùng nhau ăn trộm, hoặc cùng nhau phóng-túng chơi bời; ở *Berlin* ước được

600 tóp như vậy, có tóp thiệt là những đảng ăn-cướp công-nhiên.

Cứ theo số thống-kê về mùa đông vừa rồi, thời có 900.000 kẻ thanh-niên từ 14 đến 21 tuổi không có công-việc làm, và tự đó đến nay ước 120.000 đến 130.000 kẻ thiếu-niên bỏ học, mà trong số đó thì chỉ được 40% là kiếm được nơi tập nghề mà thôi, còn ngoại-giả thời lại qui vào số thất-nghiệp hết. Trong bọn thất-nghiệp thời có một số ít (là những kẻ trước đã từng có việc làm ít lâu) thời được lĩnh một số tiền trợ-cấp thất-nghiệp mỗi tuần-lễ là 8 mã-khắc 15. Còn những kẻ khác thời là ăn báo cha mẹ cả, mà cha mẹ lắm khi cũng thất-nghiệp, hoặc ăn báo xã-hội, làm nghề hành-khất, hay những nghề nghiệp bất-lương như trên kia đã nói.

Tình-cảnh thanh-niên như vậy, thời lạ chi không làm tai nghe những kẻ cổ-động theo các đảng cực-đoan, nào là theo đội tiên-phong nọ, phát cho mỗi người một cái áo dấu với một miếng bánh mì, nào là theo đoàn xích-quân kia, phải ra trường biểu-tình, để đấu-võ với đảng HITLER. Phần nhiều thời chẳng phải là ưng chủ-nghĩa HITLER hay chủ-nghĩa cộng-sản gì cả, chủ-nghĩa nào cũng được, mà muốn đổi bên nọ sang bên kia cũng được (hằng ngày thường thấy vậy); chẳng qua là những kẻ thất-cước, lơ-láo bông-lông, bị trôi giạt ra ngoài cái đời ngay-thẳng nghiêm-chỉnh, thành ra liều-lĩnh, sẵn lòng làm những thủ-đoạn bạo-động, dù thuộc về đời công hay thuộc về riêng cũng vậy.

Lại thêm cái họa chính-trị ngày nay, nó diên man ra khắp mọi nơi, không những ở trường Đại-học, mà đến trường tiểu-học cũng thấy can-thiệp vào, khiến cho cái dục-tình ái-ố của người ta càng ngày càng xung-đột, càng ngày càng kịch-liệt, lại càng thêm cho cái bệnh loạn-óc trong phái thanh-niên đó nặng hơn lên, tạo thành ra trong quốc-dân một cái tâm-lý nội-loạn (*une mentalité de guerre civile*).

Nói tóm lại thời sau cái loạn chiến-tranh, đến cái loạn tiền-tệ, hết khủng-hoảng nọ đến khủng hoảng kia, nền kinh-tế đạo-đức trong nước đảo-điên cả, đến nay thời lại tiếp đến cái nạn thất-nghiệp, thật là cái nguyên-nhân lớn làm cho nhân-tâm ly-tán, làm cho thế nước chênh-vênh. Cái nạn mới đó lại càng rõ rệt những cái khuynh-hướng tiềm-tàng trong phái thanh-niên nước Đức, khuynh-hướng này không phải riêng gì một nước Đức, nhiều nước khác cũng thấy như vậy, tức là cái khuynh-hướng muốn thả rông cho cái phần vật-dục ở trong người nó tha-hồ mà túng-sinh, chẳng-quản gì danh-nghĩa, trật-tự cùng lễ-phép nữa. Trong một phần phái thanh-niên đó (nhưng chỉ có một phần mà thôi) thời cũng có cái lòng phẫn-uất vì quốc-thể thấy tình cảnh thất-bại của nước mình mà đau đớn, muốn ra công khôi-phục cho nước nhà.

Cái công khôi-phục đó, bắt đầu đã lâu rồi, thế tất rồi cũng có ngày thành công. Duy có cái vấn-đề chính-đốn nền kinh-tế thế nào cho thủ-tiêu được cái số thất-nghiệp đi, thì xem ra khó khăn lắm, không biết có thành công kết-quả không. Còn như các chức-nghiệp tự-do, hiện nay việc ít người nhiều, thời cũng có cách giải-quyết được, là dùng những kế-hoạch cương-quyết để tuyển trạch các học-sinh: Chính-phủ Đức sắp tuyên-bố một đạo luật về việc đó.

Nói tóm lại, nếu cái nạn kinh-tế trừ dẫu được mà cái nạn chính-trị giảm đi được mấy đó, thời những sự tệ-lạm của phái thanh-niên nước Đức cũng lần lần bớt đi, chỉ còn lại cái khí hăng-hái của tuổi trẻ, cái lòng mạo-hiểm cùng cái chí tiến-thủ, là những tính hay tính tốt, cần cho thời-đại hoạt-động cạnh-tranh này.

HỒNG-NHÂN *biên dịch*

VẤN-ĐỀ QUỐC-VĂN

A) *Ý-kiến người nước ngoài*

1.— Cho người Việt-Nam nói và học tiếng Việt-Nam được thấu-đáo, và cũng học chữ nho là thứ chữ của ông cha đã yêu quí, cho người mọi được nói tiếng mọi, chúng tôi thật biểu-đồng-tình, mỗi người đều giữ-gìn các di-tích về cuộc dĩ-vãng và cái món tôi không biết tả làm sao nó ẩn trong tiếng tổ-quốc.

Nếu chúng ta muốn cho các giống dân ấy có một thứ tiếng chung, có một thứ tiếng để dùng trong việc giao-thiệp về hai phương-diện tinh-thần, kinh-tế, thì cớ sao lại chọn tiếng Nam? cớ sao lại không chọn tiếng Pháp ?

G. MIGNON

l'Impartial Août 1924

2. — Khi tôi yết-kiến ông TAGORE xong rồi, ông giáo-sư SUNITI có nói rằng ông đã ở bên Pháp tại *Paris*, nhưng không có dịp giao-thiệp với học-sinh Việt-Nam.

Ông đã xem một bản dịch quyển vận-văn có tiếng nhất ở nước ta, quyển *Kim-Vân-Kiều* và đã thưởng-thức ít nhiều cái thú văn-chương, cái thú tâm-lý.

HOÀNG TÍCH-CHU

l'Echo annamite, 2-8-27

3. — Các học-sinh học tiếng Việt-Nam đã được phương-pháp nào để giữ-gìn tiếng tổ-quốc của mình? Nhờ cách nói chuyện với nhau không? Tiếng nói thông-thường có phải là tiếng văn-chương không và có thể thay thế cho tiếng văn-chương không?..

Các học-sinh ấy có thể dùng sách bằng tiếng riêng của xứ họ không? Hãy hỏi họ thử xem. Họ sẽ trả lời rằng : chúng tôi để sách ấy bên Đông-dương.

Sự thật hiển-nhiên nó buộc mình phải kết-luận thế nào ? Là xin mở một khoa tiếng Việt-Nam ở các trường Pháp nào có thể tiện dùng về việc ấy, cũng như các cuộc đã thi-hành hay mới dự-định để dạy tiếng Ả-rập tại *Marseille*, *Bordeaux*, *Lyon*, *Paris*.

Đó là một bằng-cớ sự lo-lắng đối với dân bảo-hộ Đông-dương, đó là thi-hành sự bảo-hộ, sự kính-vì tư-tưởng quốc-gia, và lề-lối cũ-kỹ trong nước ấy.

Luôn một thể, đó cũng việc lợi cho sự cộng-tác của hai nước Nam-Pháp. Biết tiếng dân bản-xứ, và thường thường là biết tiếng của một xứ nào, tức là thấu-hiểu tâm-lý dân ấy.

GASTON VALRAN

l'Echo annamite, 2-5-1928

4. — Một người học-sinh Việt-Nam, vừa mới học thuốc bên Pháp, ngày nọ có viết một bài ở báo *l'Europe nouvelle* về các điều cải-cách, ông ước-ao cho thi-hành ở xứ ông, và ông bày vẽ cái chương-trình như sau, ông nói chắc rằng lời ông tỏ ra là điều mong-mỏi chung của phần nhiều đồng-bào ông.

1º Lập ra việc giáo-dục cưỡng-bách. Việc ấy dễ-dàng và không tốn kém, nếu kẻ chuyên-trách chỉ dùng tiếng Việt-Nam làm tiếng cơ-quan, và tuyển thầy dạy trong bọn thầy giáo ở ngay mỗi làng và huấn-luyện rất chóng bằng tiếng Việt-Nam mà thôi.

LE GAC

le Courrier d'Haïphong, Septembre 1928

5. — Muốn cho người Ba-lan yên bề « dịch chủ tái-nô », anh Nga cho họ

vài cái tự-do « con con » như cho họ làm việc trong các công-sở, cho họ được dùng chữ của họ trong công-văn, v. v..

LÝ CHI-NAM

Đuốc-nhà-nam, 22-8-29

6. – (Ở hội-nghị thủy-binh tại *Londres*) — Khi ông GRANDI, thượng thư bộ ngoại-giao nước Ý, đứng dậy nói, thì công-chúng lấy làm lạ vì ông nói tiếng Anh rất đúng và có ý ráng lắm. Ở *Washington*, các đại-biểu nước Ý nói tiếng nước Ý về phiên hội khai-mạc; ở *Genève* họ thường dùng một thứ tiếng la-tinh đã được công-nhận vào hàng hai thứ tiếng chính-thức, là tiếng Pháp; nay ở *Londres*, muốn bày một việc mới mà dân *Anglosaxons* lấy làm lạ-lùng hơn là cảm-động, nên ông GRANDI nói tiếng Anh.

... Ông WAKATSUKI, chánh đại-biểu Nhật-bản, tuy đủ tư-cách biện luận bằng tiếng Anh, nhưng trái với ông GRANDI, buổi hội thứ nhất này ông định dùng tiếng quốc-ngữ của ông.

Le Matin, 22-1-30

7.— Trong số báo ra ngày thứ sáu 25 Septembre, bạn đồng-nghiệp « *Aube nouvelle* » trong Sài-gòn có đăng tin rằng hiện nay ở trong ấy có một số ít nhà có nhiệt-tâm với chữ quốc-ngữ, đang cùng nhau trù-tính lập một hội gọi là : «*Ligne des amis de la langue annamite*». Mục-đích hội này là để hội-hiệp những người chuyên về nghề cầm bút viết văn và có tư-cách xứng-đáng để làm nghề ấy, ngõ-hầu đồng lòng hiệp sức cùng nhau nghiên-cứu điều-tra về những phương-pháp để làm cho văn-tự nước nhà được ngày thêm tốt-đẹp.

Ngọ-báo, 4-10-31

8. — Quan giáo-sư CHARLES RICHET, năm dài tuổi cao không làm cho người chí hăng-hái và mất cái tinh-thần trai trẻ, đã đăng trong báo này một bài tán-dương quốc-văn Pháp và đã chứng-minh sự hữu-ích cho nước Pháp, cho thế-lực tinh-thần nước Pháp và cho khắp cả nhân-loại về sự khuếch-trương truyền-bá tiếng Pháp trong thế-giới. Hình như về một vấn-đề hiển-nhiên như thế cả thảy người Pháp phải đồng-ý nhau ! Nhưng cái danh-vọng tinh-thần nước Pháp, cái thanh-thế nước Pháp ở thế-giới, khi chiến-thắng đã chiếm được cái địa-vị cao-quí dường ấy, có vài người Pháp không cho vào đâu, họ đã mờ-ám vì những chuyện ganh-ghét cũ, chuyện ganh-ghét này trận chiến-tranh vừa rồi lẽ phải quét sạch hết, khác nào trận cuồng-phong dứt lìa mấy cành mục-nát ở các cổ-thụ trên rừng!

Mấy người Pháp ấy, mình đã biết chắc như sau đây thì vừa đau-đớn vừa thẹn-thùng, mấy người ấy là các nghị-viên về phần đại-đa-số ở Thượng-nghị-viện.

(Tác-giả nói sao không kịp ưng-chuẩn đạo luật cho các giáo-sĩ đạo Gia-tô dạy tiếng Pháp ở Nam-Mĩ-châu, rồi kết như sau này).

Trong khi ấy, các ông các bà giáo-sĩ là mấy nhà truyền bá tiếng Pháp cả thế-kỷ này sang thế-kỷ khác, là những người gìn-giữ quốc-túy nước ta đều tạ thế lần lần. Rồi cũng lần lần mấy kẻ ngoại-quốc vào thay !

Chừng vài năm nữa chỉ còn lại tình hoài-vọng các giáo-sĩ và thương tiếc trong tâm mấy kẻ biết họ.

Tiếng của ta và thế-lực của ta sẽ giảm bớt mỗi ngày mỗi nhiều, và hoặc có ngày sẽ tiêu-trầm luôn ! Và là các người thượng-nghị-viên nước Pháp đã vui lòng làm cho tổ-quốc suy-đồi.

(*Notre langue et notre influence déminueront de plus en plus et quelque jour s'effaceront. Et ce sont les sénateurs de la France qui travaillent d'un cœur léger à la décadence de la patrie!*)

Bác-sĩ JEAN-LOUIS FAURE

Le Matin, 30-1-32

9. — Quan thủy-sư đô-đốc NAGANO, tôi đã đi thăm hôm nay, là người ít nói. Quan trả lời với tôi bằng tiếng Nhật-bản, chầm-rải, đàng-hoàng, nhờ quan tư Ko thông-ngôn, ông này nói tiếng Pháp rất thạo.

HENRY DE KORAB
Le Matin, 21-5-32

10. — Ông được cái danh-vọng đặc-biệt vì thảo bài luận-văn bằng tiếng Pháp, và trong khi biện-luận đã tỏ ra là người học tiếng chúng tôi rất thấu-đáo.

(Lời ông giáo sư EMILE BOREL, nguyên tổng-trưởng nói với ông BADRI NATH PRASAD, quê quán ở *Allahabad*).

La Tribune indochinoise, 5-8-32

11.— Nơi đó, các vị giáo-sư nghiêm-khắc và hay làm khó, vâng theo lệnh cay-nghiệt của METTERNICH, rán sức làm cho Ngài (công-tước DE REICHSTADT) quên cái gốc-gác Pháp-quốc của mình đi, và xóa trong trí nhớ các dấu vết về đức Tiên-đế. Các điều ước ao nọ vô-ích, việc cố ý kia chẳng có kết-quả gì.

OCTAVE AUBRY
Revue des deux mondes, 1932

12. — Chính-phủ vừa xem xét xong các điều phê-bình về tờ trình *Lytton* ở hội Quốc-liên, và phản-đối các điều sai lầm ở tờ trình ấy. Mấy điều phê-bình viết bằng tiếng Anh và tiếng Pháp.

Tin Arip, Tokio 14-10-32

13. — Nhờ quyền bảo-trợ của hội Pháp-quốc liên-hiệp (chi ngành *Manille* và nhờ tấm lòng hạ-cố của ông PALME, quản-đốc trường Đại học *Philippines*, của cô FLAGG đốc-học *Central School* và của quan năm MARTIN, nguyên giáo-sư dạy Pháp-văn ở trường võ bị *Westpoint*, khoa Pháp-văn mới mở ở trường Đại-học, về quan công-sứ Pháp rất mẫn-cán là ông DE WILLOQUET quản-đốc. Sự thành-công của việc mới này đã quá hơn điều dự-định trước. Hơn trăm học-sinh xin ghi tên. Giáo-sư là các ông DE WILLOQUET, PEYRONNET phó công-sứ Pháp và ZIALCITA, có văn-bằng Đại-học *Paris*. Cuộc mới bày đây sẽ giúp một phần lớn trong việc truyền-bá tiếng Pháp ở quần-đảo *Philippines* và giúp sự giao-thiệp của Đông-dương với quần-đảo ấy.

Le Courrier, Octobre 1932

14. — Thơ tập thơ *Calendal*) viết bằng tiếng *Provence*, dường như thi-sĩ cố ý soạn ra để cho mọi người đều đọc bằng tiếng ấy và biết cho cái công khó-nhọc của người thợ có tài. . . Than ôi ! Chính nên đem lời nói của MONTAIGNE mà tặng cho ông MISTRAL, nhà thi-nhân cao-thượng ấy :

« Anh có nhớ cái người cứ thường chịu khó-nhọc chuyên tâm về một việc ít ai biết đến, hoặc có kẻ hỏi chịu khó như thế để làm gì thì người ấy lại trả lời rằng : « Có ít người biết đến đã đủ rồi. Một người biết cũng đủ, mà dẫu không ai biết cả cũng đủ vậy. »

. . . Trong lúc ông MISTRAL đọc thơ, ông viết bằng tiếng *Provence* phong-phú kia, hơn ba phần tư là tiếng La-mã, ngày xưa là tiếng nói của bậc công-nương hoàng-hậu mà bây giờ họa chăng chỉ có lũ mục-đồng là còn hiểu biết đến thôi, tôi lặng ngắm ông mà lấy làm thán-phục, rồi lại nghĩ đến cảnh điêu-tàn của tiếng mẹ đẻ trong lúc ông ra tay chấn-chỉnh, chẳng khác nào tình-cảnh một chốn vương-phủ xưa ở đất *Baux* như người ta trông thấy ở vùng *Alpilles* bây giờ : mái đồ, tường xiêu, câu lơn, cửa kính, cửa cuốn, cái gì cũng tan-nát cả, rong bám trên cửa, gà bới trong sân, heo vùi dưới cột, chỗ giáo-đường cỏ mọc lên, lửa vào ăn, bình nước thánh đầy tràn nước mưa để cho bồ-câu uống, lại có

vài ba cái gia-đình của người nhà quê che chòi ngay giữa chốn cố-phủ đó mà ở.

Một hôm trong bọn người kia, có một kẻ con trai nhìn thấy tình-cảnh điêu-tàn nọ mà động lòng liền ra tay tu-bổ lại, đuổi dân thú ra ngoài, sửa thang, gác tường, xây đài, lót kiến, sơn thếp lại rực-rỡ thành ra một chốn cung-đền trang-nghiêm thề-thế như ngày xưa.

Cái vương-phủ trùng-tu ấy chính là tiếng *Provence*.

Chàng con trai nhà quê ấy là thi-sĩ MISTRAL vậy.

Nguyên Pháp-văn của A. DAUDET
bản dịch của TRÚC-HÀ
Phụ-nữ tân-văn, 20-10-32

15.— Bàn hội trung-ương của hội Hoa-Ý vừa mới thành-lập, có nhóm hội, chủ-tọa là ông BODRERE hội-trưởng hội liên-hiệp các nhà trí-thức Quốc-gia Pha-xi. — Bữa hôi ấy quyết-nghị nhiều điều. Nhất là đã quyết nghị mở tại *Rome* một khoa dạy công-chúng về tiếng nói và văn-hóa nước Tàu ai ai cũng có thể vào học, và thiết-lập tại *Rome* và các thành-phố khác nước Ý những cuộc diễn-thuyết về văn-hóa Hoa-Ý...

Tin Arip, Rome, 19-11-32

16 — Không có sự học cao-đẳng thời cái văn-minh của ta ngày nay sẽ chìm-đắm vào trong đêm tối. Phải học sử, phải lấy sử làm gương, không phải là để giúp cho phái thủ-cựu, nhưng để làm cái chứng-cứ cho sự tiến-bộ chân-chính. Khoa-học dù quan-hệ thế nào mặc lòng, không có cổ-học cũng không làm ra văn-minh được.

CALVIN COOLIDGE
Bản dịch báo Nam-Phong số 89

17.— Trong tinh-xá (tinh-xá *Santiniketan*) cũng có học chữ Pháp, các ngài nghe điều đó chắc lấy làm mừng; và tiếng Pháp dạy có lẽ lại xuất-sắc hơn tiếng Anh.—Tôi xin nói ngay để các ngài biết rằng được như vậy cũng là nhờ được ở nước Pháp ta đây có nhiều người giúp cho ông TAGORE đắc-lực lắm. Người Ấn-độ kiều-cư ở *Paris* có tặng ông ba vạn quan để mua sách Pháp. Bộ Ngoại-giao Pháp cũng hiểu rõ sự ích-lợi của việc ông làm đó và trợ-cấp cho cũng nhiều. Lại năm 1921, ông có qua thành *Strasbourg*, thành này muốn kỷ-niệm sự ông qua chơi đó, có tặng ông một vạn hai nghìn quan để mua một bộ sách danh-văn Pháp. Thành ra cái thư-viện chữ Pháp ở *Santiniketan* là một kho sách Pháp quí nhất ở Á-đông.

SYLVAIN LÉVI
Bản dịch báo Nam-Phong số 94

18.— Trường Đại học này (trường ở nước *Népal*), không những lập ra để dạy học cao-đẳng cho các con nhà quí-phái *Gourkhas* mà thôi. Lại chuyên-chủ mở-mang cho tiếng quốc-âm được phát-đạt nữa, đó là một cái tư-tưởng mới, ông TAGORE cũng đã thấy nhóm lên ở *Bengale*. Những dân-tộc ấy từ trước kia không ngờ, nay đột-nhiên mới hiểu rằng tiếng nói tức là tiêu-biểu cho sinh-mệnh, cho sự độc-lập, sự danh-dự của mình. Sẽ lập ra trường Đại-học, vì mong rằng có thể dạy bằng tiếng *Gourkhas* được, tiếng này ba trăm năm về trước còn là thứ tiếng man-mọi, bất-quá đủ cho sự nhật-dụng thường-đàm, chứ chưa thể diễn được những tư tưởng cao, thế mà ngày nay nhờ có một hội của ông MAHARADJA khởi-xướng ra, gia công rèn-tập đã thấy biến-cải đi nhiều. Hội này lập ra để truyền-bá tiếng *Gourkhas*, in những sách giáo-khoa, những kinh-sách cũ, những bản chú-thích. Hiện đã in những bản dịch từng hồi các đại-anh-hùng-ca của Ấn-độ, những sách tính, sách tập đọc, sách vệ-sinh,

một bộ giáo-khoa về nông-học. Làm chăm-chỉ dụng-công, mà người ngoài tuyệt nhiên không biết đến.

SYLVAIN LÉVI

Bản dịch báo Nam-Phong số 95

19. — Nói về dân-tộc, thì không lấy sức mạnh mà phá đi được, cũng không lấy sức mạnh mà tạo ra được.

Như hai châu *Alsace*, *Lorraine*, nước *Pologne*, nước *Bohême* chết rồi mà còn khôi-phục lại được, vì cái hồn nó vẫn sống.

ANDRÉ TARDIEU

Bản dịch Nam-Phong số 169

20. — Đó là mấy nhà bác-sĩ theo đạo Thần-học; họ tiêu-biểu sự phấn-đấu rất cố-nhiên của tính bảo-thủ trong nước, phấn-đấu với việc áp-chế lâu dài của các ý-kiến, các việc tin-tưởng ở ngoại-quốc, phấn-đấu với văn-chương, triết-học, thế-lực bọn quan-liêu Tàu, phấn-đấu với thế-lực lấp-láp của tôn-giáo ngoại-quốc là Phật-giáo trong việc giáo-dục. Đối với các món đó, họ biểu-dương cái văn-chương căn-bản xưa của nước Nhật, thơ-phú xưa, lễ-giáo xưa, các lề-thói và các cách cúng-kiến ban sơ trong đạo Thần-học.

LAFCADIO HEDRN

Le Japon, p. 350

21. — Cái tai-họa của chính-sách đồng-hóa lâu nay có người nói rõ, và nước Pháp đã bỏ chính-sách ấy ước được mươi lăm năm nay.

Về phương-diện giáo-huấn, sự dùng các tiếng bản-xứ làm bằng cho cuộc thay đổi kia Thay vì ráng dạy trẻ con bản-xứ học tiếng Pháp đôi ba năm mà không được kết-quả chi, thì nay lại dùng tiếng chúng nó mà dạy cho nó biết những điều tri-thức cần-kíp, không thể sao học bằng tiếng Pháp được.

LA PAROLE

Bản sao lục l'Echo Annamite, 27-10-25

22. — Tôi đang trù-nghĩ mấy việc cải-cách quan-trọng hơn. Về cách dạy dỗ tôi không vừa ý chút nào cả. Đó là vấn-đề khó giải. Cứ thật mà nói, tôi tưởng nước Pháp vì quá nhiệt-thành mà phải lầm-lỡ, vì muốn đem đủ cả các cách thức dạy-dỗ bên Pháp thay vào việc dạy-dỗ ở bản-xứ. Nước Pháp chưa kiến-thiết chi mà đã vội phá-hoại rất nhiều.

Lời quan Toàn-quyền A. VARENNE

23. — Ta nên dạy món nào cho con em bản-xứ? Có nên dạy in hệt như dạy con em bên Pháp không? Quyết hẳn là không. Có lẽ phải dạy cho bọn này biết đến nước Pháp dạy cho biết cái sự-nghiệp đối với nhân-loại ngày trước và đối với liệt-cường ngày nay của một nước tự-nhận cảnh-tình dân Đông-dương cho tiến-bộ theo văn-hóa Tây-phương. Nhưng nói thế không phải là dạy cho thật đúng theo bên Pháp. Bọn học-sinh này trước nhất là phải biết xứ sở chúng nó, phải biết lịch-sử, luân-lý phải biết cái nền-tảng cuộc đời chính-trị và kinh-tế. Chúng nó phải học cho biết cái hoàn-cảnh đất Đông-dương đang sinh-hoạt, ít nữa là biết cái đại-cương lịch-sử cõi đại-lục Á-châu mà xứ này là một bộ-phận, phải cho thông rõ các việc xảy ra chung quanh đây.

Dịch lời diễn-thuyết của quan Toàn-quyền A. VARENNE *ở Hội-đồng chính-phủ (l'Echo Annamite, 30-12-1925)*

24. — Tôi dám quyết rằng phần đông nhà chí-sĩ Việt-Nam ấy không thể kể được tên các tỉnh Trung-Bắc-kỳ, còn về bên Pháp huyện nào ở tại tỉnh nào thì họ có thể nói cho tôi nghe, không hề lẫn-lộn.

Nay đã đến cơ-hội cải-cách thật sâu-xa việc học ở Đông-Pháp, không thế thì người Việt-Nam sẽ mất hẳn cái nhân-cách cố-hữu.

C. N.

l'Impartial, 23-10-26

25. — Tôi có thể nói quyết rằng đem đúng các phương-pháp dạy người Tây-phương sang dạy người Đông-phương thì thật sai lầm. Muốn thưởng ý-vị cái kiệt-tác nào trong văn-hóa Tây-phương, tất phải sành về cổ-điển-học và biết kha-khá về Cơ-đốc-giáo. Ông cũng đã rõ sự thưởng-thức kia buộc người Á-châu phải phí bao nhiêu công khó.

Đành phải bãi cách dạy-dỗ đó, ít ra là trong cõi đất Xiêm-la.

Còn lại vấn-đề tiếng «La-Hi cố-hữu» của chúng tôi : tiếng *Lâhi* đối với chúng tôi rõ là bằng-đẳng với tiếng *Latin* trong Pháp-văn.

Đó là cỗi-rễ nửa phần các tiếng thông-dụng lại là tiếng cơ-quan trong tôn-giáo chúng tôi, là Phật-giáo.

Văn-chương *Sanserit* được phong-phú, được nhiều điệu có thể sánh với rừng học tuyệt xảo nước Hi-lạp.

G. M. thuật lời quan Thượng-thư bộ Học nước Xiêm-la, hoàng-tử DHANI.

l'Impartial, 1-12-26

26.— Trong các điện-tín ngợi khen gửi về cung *Vatican*, theo dịp thập-chu-niên kỷ-niệm việc bầu-cử đức Giáo-hoàng PIE XI, có nhiều bức viết bằng tiếng Pháp. Chúng tôi xin kể mấy bức các vua nước *Belgique*, *Yougoslavie*, *Roumanie*, *Bulgarie*, mấy bức các chính-phủ nước *Pologne*, *Portugal*, *Tchécoslovaquie*, *Haïti*, *Lettonie*, *Luxembourg*, và một bức của sứ-đoàn ở *Rome*. Xem thế thì tiếng ta vẫn còn giữ trọn thế-lực trong trường quốc-tế.

Le Matin, 3-4-32

27. — Cô AMÉLIA EARHART người Bắc-Mĩ) được ban phi-thuyền ở Thượng-nghị-viện tiếp kiến buổi trưa hôm qua, tại cung *Luxembourg*, khách-phòng *de Brosse*.

Trưởng-ban, ông GASTON MENIER chúc mừng, ai nấy vỗ tay, còn nhà nữ-phi-công can-đảm ấy trả lời vài câu tiếng Anh rất cảm-động.

Le Matin, 8-6-32

28. — Nhân cuộc đại-hội-nghị các văn-sĩ Pháp — hội tại *Lille* —, có điều yêu-cầu rất hay do nhà văn-sĩ là M. WILMOTE nước *Belgique* khởi-xướng lên; yêu-cầu lập một cơ-quan tụ-họp cả các nhà văn-sĩ viết tiếng Pháp, bất-luận là thuộc về nòi giống nào.

Le Matin, 31-7-32

29.— Bên Pháp ít người nhớ đến cái xứ tốt đẹp, rộng lớn và khả-ái kia, mà huyết-hãn công-phu dân Pháp tầm-tưới vun-bồi. Chính tôi cũng không nhớ gì, nên vừa mới đây sang sông *Mississipi*, nghe kẻ làm công ở các đò chở xe hỏa trả lời các câu hỏi của tôi bằng tiếng Pháp và nói chuyện không ngập-ngừng chút nào, tôi lấy làm ngạc-nhiên và cảm động lắm.

Có kẻ nói lại rằng: một triệu dân *Louisiane*, có lẽ còn đông hơn nữa, còn dùng tiếng Pháp. Và ngoài cỗi *Louisiane*, ở *Texas*, ở bắc-bộ nước *Mexique*, mỗi độ đường chúng tôi đi qua đều có gặp dân *Cajuns*. Bên ấy gọi như thế là nói trại chữ *Acadiens*, dòng giống các nông-dân ở *Canada* ngày trước, đến ngày nay còn nói tiếng ta.

Tuy-nhiên, hại thay, ở góc trời ấy tiếng ta sắp phải tiêu-diệt.

ANDRÉ MALVIL

Le Temps, Août 1932

. . .

B) *Ý-kiến người trong nước*

20 bis — Sách vở phần nhiều là thuộc về khoa triết-học, đại-khái như tâm-lý-học, luân-lý-học, như xã-hội-học của DURKHEIM, sư-phạm khoa của FRÉBŒL và COMPAYRÉ, vân-vân, và dễ thường đủ những bộ tân-tiểu-thuyết trứ-danh của BARRÈS và BOURGET.

Bạn tôi thích riêng về các khoa ấy mà cũng đã nổi tiếng trong học-đường, hi-vọng của bạn tôi muốn đem những khoa ấy mà so-sánh và tham-bác với lý-tưởng Á-đông rồi lấy quốc-văn mà diễn ra một thứ luân-lý, sư-phạm... thích-hợp với tính-tình người Nam-Việt.

Về khoa quốc-văn thì Đạm-thủy lại có biệt-tài, trong học-đường ngoài xã-hội đã nhiều phen đắc-thắng.

Song-an HOÀNG NGỌC-PHÁCH
(Tố-tâm)

21 bis.— Một dân tộc không có thứ tiếng riêng để dùng là một hạng tử-dân-tộc.

VŨ ĐÌNH-HẢI và EUG. CONTI
Dictionnaire des lettrés

22 bis.— Lại nên nhận rằng sự đào-tạo một hạng thượng-lưu tri-thức chân-chính ở nước Việt-Nam không phải là bỏ hẳn nền sơ-đẳng-học, nghĩa là sự học theo bề ngang (*plan horizontal*). Trái lại, nên mong mỏi cho nền sơ-học được khuếch-trương một cách mạnh-bạo trong dân-chúng. Mà phải ban-bố như thế nào?

Đến đây, chúng tôi theo lời yêu-cầu của ông PHẠM QUỲNH, quản-lý báo *Nam-Phong* ở Hà-nội. Sự học sơ-đẳng sẽ dùng toàn chữ quốc-ngữ, có thi một cái văn-bằng về bậc ấy. Mong cho người nhà quê Việt-Nam sẽ về cày ruộng, khi đã tập nói được thông-thạo tiếng tổ-quốc và nhớ tiếng này mà học được một ít điều tri-thức thông-thường.

Trong sách sắp-đặt việc học tôi đã bày vẽ, chỉ hạng giỏi nhất mới được cho vào học tiếng Pháp là thìa-khóa mở cho họ cái phạm vi tư-tưởng và khoa-học thế-giới, nơi ấy những kẻ non-nớt và không đủ tư-cách chắc phải lạc lầm.

ĐỖ TIÊN-SINH
L'Écho annamite, 25-7-24

23 bis Cái công-cuộc mới-mẻ đó (ban tu thư thành lập do nghị-định quan Toàn-quyền ngày 14-10-1924) muốn đạt ba mục đích như sau :

Trước hết theo lời chúng tôi đã nói ở trên, là sắm cho các học-trò những sách giáo-khoa bằng quốc-ngữ có những bài nói về bản-xứ (phong-tục, lịch-sử, ca-dao, tục-ngữ, những chuyện đặt theo các việc xảy đến hằng ngày) và có thể làm cho chúng nó ưa-thích một cách đặc-biệt.

Thứ hai là cho các sách giáo-khoa đó là một cái tính-cách chung, một cái tính-cách về Đông-dương, được đến đâu hay đến đó. Bởi thế nên vừa có bài về Nam-kỳ, Trung Bắc-kỳ, lại có bài về Miên, Lào. Làm như vậy, các xứ ở đoàn-thể Đông-dương từ hồi nào chỉ muốn không biết nhau, thì từ nay sẽ biết nhau rõ-ràng hơn.

Thứ ba là bản sách ấy giá thật rẻ, ai cũng có thể mua được; giá đắt làm trở-ngại cho sự phổ-thông nhiều quyển sách học. Muốn đạt mục-đích đó, nên Chính-phủ tính bán cho học trò và cho công-chúng theo giá tổn-phí mà thôi, không lấy lời chi hết. Có thể mong-mỏi rằng sách này sẽ được tràn lan ở nhà quê, sẽ đi đến cái chòi lá hèn mọn hơn hết và giúp cho phổ-thông trong dân Bảo-hộ các điều tri-thức về sơ-đẳng-học.

THẦY ĐỒ
L'Indépendance tonkinoise, Juin 1925

24 bis Lớp ấu-học ở ta hiện nay đương thi-hành cái chương-trình dạy bằng quốc-văn. Cái chương-trình ấy đã làm cho dân ngôn-luận sôi nổi lên một cái phong-trào. Kẻ khen cũng lắm, người bác cũng nhiều, tựu-trung cũng bất-ngoại hai cái ý-kiến như ý-kiến của PHAN CHÂU-TRINH và ông HUỲNH VĂN-CHÍNH, mới đây có bày tỏ ở trong báo-giới Nam-kỳ.

... Ông PHAN là cảnh chê. Ý ông nói: chữ quốc-ngữ là thứ chữ học ba

Cuộc ngự-giá miền Bắc Trung-kỳ

Hoàng-thượng cùng các quan đi thăm « Lũy Thầy »

Cuộc ngự-giá miền Bắc Trung-kỳ

Các quan làm lễ bái khánh trước hành-cung Quảng-bình

Kinh ảnh Nguyễn Hữu-Tiến

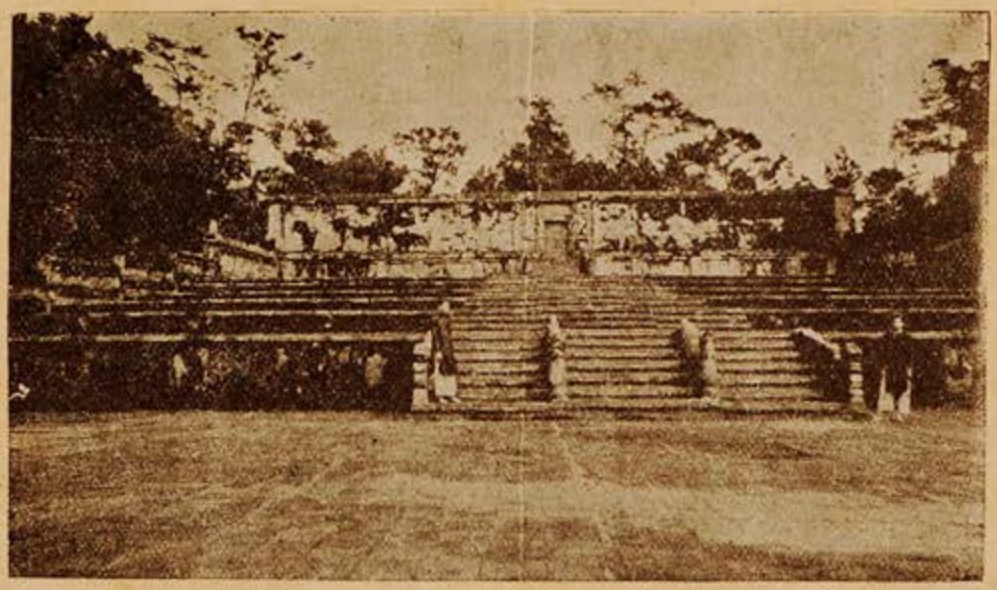

Trước lăng đức Gia-Long

Trước lăng đức Gia-Long

Kinh ảnh Selleger

tháng đã thông, cần gì phải bắt con trẻ phí cái quang-âm trong ba bốn năm trời để học một thứ tiếng không học cũng hay, mà làm thêm chậm cái bước đường học chữ Pháp của chúng nó. Ông Huỳnh là cánh khen. ý ông nói: ông Phan nói thế thì quá! Tôi mọi điều thì biểu-đồng-tình, chứ điều ấy không dám biểu-đồng-tình với ông. Tiếng một nước đối với dân một nước nó cũng có một cái quan-hệ thế nào đấy, nếu bọn dân con mà quên tiếng mẹ đẻ thì còn ra làm sao? Dân-tộc ta còn là dân-tộc ta, thì tiếng nói ta phải thành ra tiếng nói ta mới được.

.. Cứ như ý ông Phan thì cho cái chương-trình này là có hại. Hại cho cái Pháp-học của học-sinh. Cái nền Pháp-học ở dân ta có hay, có rộng thì người minh mới nhiều người biết đến tinh-tình, ý-chí, học-thuật, chính-trị nước Pháp,... sẽ hiểu rõ quyền-lợi, thấu biết tình-hình để vì nước nhà lo bênh-vực, lo yêu-cầu mà định cái vận-mệnh lớn. Cứ lẽ đó thì người minh ai ai cũng nên trước học chữ Pháp cho đến nơi đến chốn, còn cái chữ minh thì học lúc nào nên lúc ấy; của nhà đã sẵn, đi đâu mà vội mà vàng? Lý-thuyết thì thế, song sự-thực thì xa. Ông dựa vào lý-thuyết nên ông phản-đối cái chương-trình ấu-học này, song ký-thực thì đàn con em ta kia có phải rằng toàn-thể đều có cái hoàn-cảnh, cái tình-thế, cái thông-minh và có cái hi-vọng học chữ Pháp cho đến nơi đến chốn cả đâu. Trường thì thiếu, nhà thì nghèo, phần nhiều con em ta ở chỗ thôn-quê, và phần ít con em ta ở chỗ tỉnh-thành chỉ có thể cầu lấy cái trí-thức phổ-thông trong một cái hạn học ngắn.

Cứ như ý ông Huỳnh, thì cái chương-trình này có lợi cho nền quốc-văn, song tôi thì cho là có lợi chỉ lợi cho cái trí-thức phổ-thông thôi, chứ về phần quốc-văn thì chưa dám chắc... chữ quốc-ngữ dễ đến đâu đi nữa, song đã là một thứ văn-tự, dù văn-tự bản-quốc, cũng không có thể học trong ba năm mà sành.

NHƯỢNG-TỐNG

Thực-nghiệp dân-báo, 22-9-1925

25 bis. — Những mong các trường chỗ thôn-quê niên-hạn học chia ra làm năm năm, mà ra lệnh cưỡng-bách giáo-dục, dạy toàn quốc-văn, trẻ con học từ lúc vỡ lòng cho đến năm thứ ba là thi bằng sơ-học yếu-lược, rồi kén xem người nào có thể học được nữa thì cho lên các trường phủ, trường huyện mà theo đòi chữ Pháp.

CẢNH-VIÊM

Thực-nghiệp dân-báo, 12-9-25

26 bis — Bộ *Kim-Vân-Kiều* là một bộ văn-chương kiệt-tác khác nào một cây cột cái trong nền quốc-văn. Ấy là nói về phương-diện văn-chương, biết bao nhiêu lời than như khóc, bao nhiêu câu như giọng thở dài, bao nhiêu câu hùng-hồn siêu-thoát; chỉ như câu chuyện thì cũng không phải ly-kỳ.

TRANG-TỬ

Đông-Pháp thời-báo tháng 10, 1925

27 bis — Bẩm quan Toàn-quyền, chúng tôi còn mong ở mỗi làng trong nước Việt-Nam này đều có một thầy đồ dạy chữ nho...

Chúng tôi không đồng-ý với vài người đồng-bào ngoài Bắc xin Ngài giúp chúng tôi giữ-gìn tiếng nói của chúng tôi, giúp chúng tôi làm cho tiếng ấy được phong-phú và làm cho tiếng ấy chuyển-di theo khoa-học tân-thời và các việc cần dùng mới mẻ. Tiếng chúng tôi đã có nhiều kiệt-tác đáng qui-trọng; chúng tôi qui yêu lắm và chúng tôi tự có sức giữ-gìn để làm tiếng văn-chương của chúng tôi...

PHẠM NGỌC-THUẦN

La Tribune Indochinoise, 13-8-26

28bis — Rốt lại, mấy bài khảo-cứu chẳng phải chuyên về nước Pháp mà thôi, mà cũng thuộc về bản-xứ, vừa giúp khai-trí, vừa giúp tiến-đức.

L. K. VAN

L'Echo Annamite, 5-11-26

29bis — Ta mà học chữ Tàu chữ Pháp tưởng là sự bất-đắc-dĩ đó mà thôi, nay ta có một thứ quốc-văn riêng, ta há lại không yêu chữ nước nhà hơn hai thứ chữ kia sao ?

Nói rằng chữ Pháp hay, rồi bảo người Anh bỏ chữ Anh để học chữ Pháp, hoặc nói chữ Tàu hay, rồi bảo người Cao-miên bỏ quốc-văn họ để học chữ Tàu, nếu trừ cái cường-quyền nó áp-chế thì không kể, còn thì thử coi người Anh hay người Cao-miên họ có chịu hay không thì biết. Lấy đó mà suy thì biết cái khổ-tâm của người Nam ta học chữ Hán, chữ Pháp vậy.

May sao gần đây, cái rừng học Âu-tây lại nẩy cho ta một chồi quốc-ngữ, ta xin lấy đó, rồi vun-quén làm cây quốc-văn của ta. Biết rằng cái chồi đó dẫu non, song nhờ cái khí-bẩm của cây cái của nó là chữ Pháp rất mạnh khỏe, lại nhờ ta trồng nó xuống miếng đất Việt này, nhờ món phân Hán-văn, lâu nay đã nổi tiếng là miếng đất tốt, nên chi nó sinh-trưởng rất là sởn-sơ. Vậy ta há không lấy đó làm vinh-diệu sao ? Nay kẻ nào cho rằng người mình không thể nào ỷ-lại vào chữ quốc-ngữ mà mong cho được khai-phóng hoặc về đường tinh-thần hoặc về đường chính-trị sau này thì có ai tin lời nói đó không ?

PHẠM HUẤN-CHƯƠNG

Đông-Pháp thời-báo, 11-3-27

30 bis.— Cái chương-trình quốc-dân giáo-dục bao-hàm cả sự giáo-dục phổ-thông, mà muốn cho sự giáo-dục được phổ-thông tất phải có trường sơ-đẳng cho nhiều và buộc mỗi người dân, đàn ông hay đàn bà cũng vậy, hễ đúng mấy tuổi phải có học tới bậc sơ-đẳng cả.

... Sự giáo-dục quốc-dân là một vấn-đề khẩn-yếu nhất bây giờ, bỏ qua không đặng. Trong một nước dẫu những bậc thánh-nhân chí-sĩ như GANDHI, TÔN-VĂN, PHAN CHÂU-TRINH, PHAN BỘI-CHÂU có ít, mà cả quốc-dân đều là người có học, có biết bổn-phận công-dân thì cũng làm nên đại-sự đặng, chớ như cả quốc-dân đều là hạng ù-ù lì-lì thì dẫu có trăm ngàn ông GANDHI, TÔN-VĂN, PHAN CHÂU-TRINH, PHAN BỘI-CHÂU đi nữa cũng phải khoanh tay bó gối, tắc lưỡi than thầm mà thôi vậy.

V. N.

Đông-pháp thời-báo, 20-4-27

31 bis.— Tiếng nói thông-thường đã sống như cây cỏ ở đất hoang. Nó cũng vững-vàng, không hề chi. Nó lại trổ sinh nhiều hoa đẹp như ca-dao, tục-ngữ, thi-ca, tiểu-thuyết lưu-truyền đến hậu-thế, và chứng rằng tiếng kia cũng đủ dùng cho người khó tính hơn nhất, đủ dùng cho việc nhu-yếu hơn nhất, miễn là, và điều đó là cố-nhiên, người ta khéo dùng, và người ta rán thưởng-thức các cái tinh-anh, người ta rán tìm các cái hay đã ẩn trong đó.

... Tiếng ấy sẽ có một cái tiền-đồ quan-trọng, tiếng ấy đương dự bị đó.

... Phải làm thế nào cho tiếng ấy bớt quê-hèn, cho tiếng ấy được văn-minh, được dùng phép lịch sự, phải dạy dỗ, phải giáo-hóa, phải giúp cho tiếng ấy được phong-phú.

H. H.

L'Echo annamite, 22-4-27

32. -- Trần (Trần Hữu-Nhân) dẫu làm bộ-trưởng ngoại giao, mà vẫn thuần-nhiên là một nhà ngoại-giao ngoại-quốc, vì chữ Trung-hoa Trần vẫn chưa thông-hiểu, các công-văn cứ phải dịch ra chữ Anh đưa Trần phủ-duyệt, ký tên thì dùng bút sắt ký tên chữ Anh,

các nhân-viên trong bộ ngoại-giao đều lấy làm khổ,

Thực-nghiệp dân-báo, 10-6-27

33. — Một cô thầy kiện nữ-đồng-nghiệp của ông (ông Georges Garros) đã có nói : « Trong bao nhiêu ý-tưởng tràn-trề, điều-đình cuộc hành-vi của loài người, có thứ làm cho ta phải dùn da tràn, phải cặm-cụi rán công tìm kiếm một mình, có thứ đẹp vui làm cho say mê sức tưởng-tượng ta mà lại có thứ dường bắt dê ta ngay nơi cuống họng làm vẫy-vùng la vang ». Thứ ý-tưởng sau này « dê ta ngay nơi cuống họng » buộc phải tính cho xong có thể nói là ý-tưởng này : « Người An-Nam nên bỏ tiếng An-Nam, theo tiếng ngoại-quốc nào hay là nên chấn-chỉnh tiếng mình, văn-minh cho khỏi muôn việc đều ỷ-lại ở người, đến cách tỏ những tư-tưởng, tình-cảm mình cũng phải mượn của người nữa ? » Vấn-đề « Ngôn-ngữ văn-tự Việt-Nam » cũng quan-trọng lắm, không thua chi các vấn-đề kinh-tế, chính-trị khác.

NGUYỄN MỤC-TIÊN

Đông-pháp thời-báo, 13-6-1927

34. — Ông Lưu Văn-Chắc tức Charles Van Leo vui lòng hứa với chúng tôi rằng ông sẽ viết nhiều bài về cuộc tiến-hóa ở phương-diện xã-hội, chính-trị ở xứ ông vừa tạm-biệt, ở xứ ông đã ở lâu.

Nhưng có điều này ; ông viết bằng tiếng Anh.

...Sự khó-khăn đó không phải không giải-quyết được. Hoặc có người sẽ hỏi : sao ông Van Leo lại không viết quốc-ngữ ?

Chúng tôi cũng đã nghĩ thế ; nhưng ông ấy ít nói tiếng Việt-Nam, và viết tiếng Việt-Nam càng ít hơn nữa. Bởi quá thâm-nhiễm tiếng Anh, nên ông hơi nhãng quên tiếng tổ-quốc. Điều này cũng đã trông thấy ở một số đông người học tiếng Pháp.

l'Echo Annamite, 22-6-1927

35. — Đại-đề thời tiếng An-Nam ngoài Bắc-kỳ vào cho tới Nam-kỳ trừ ra một vài tiếng hai xứ nói khác nhau, như dủ với ô, một người ở Moncay một người ở mũi Cà-mau viết thơ cho nhau cũng hiểu được nhau ; mà gặp nhau nói chuyện cũng hiểu được nhau nữa. Tiếng An-Nam như thế cũng là hiệp-nhất lắm rồi. Song le tiếng An-Nam tựu-trung cũng có chỗ sai-biệt (? Hai chữ này ở báo cũ, chữ lu-lờ, kẻ sao-lục không nhận được rõ). Có một điều đáng nói, là người Nghệ-an Hà-tĩnh nói tiếng An-Nam có lẽ đúng hơn các chỗ khác trong nước Nam này.

...Tóm lại mà nói, chữ quốc-ngữ ngày nay có hai điều khuyết điểm :

1° Chưa thật hiệp-nhất vì giọng nói chưa thật hiệp-nhất, Bắc lầm thủ-tự mà Nam lầm vĩ-tự. Chủ mẫu-âm lại cũng thấy có biến đổi ít nhiều, như chữ ê và i trong vần ênh, inh, lệnh lịnh.

2° Khi dịch âm chữ Tàu thời làm cho « dỉnh ba chân gãy mất một chân ». Nếu điều khuyết-điểm thứ hai này mà lại có gồm điều khuyết-điểm thứ nhất vào nữa, thời cái đỉnh ấy còn được một chân là may vì rằng chữ quốc-ngữ là chữ dịch âm, mà nếu dịch-âm còn sai nữa, thời chữ Tàu đem qua chữ quốc-ngữ, có còn làm sao mà hiểu được nữa.

...Cứ như chữ quốc-ngữ viết thuở nay, thời quyết là không thể mai sau này dùng làm lợi-khí để đạt đến sự quốc-dân giáo-dục được ; chữ quốc-ngữ thuở nay, thật là hỗn-độn vô-cùng.

...Ngoài Bắc được *Nam-Phong tạp-chí*, *Trung-Bắc tân-văn* và một vài thư-xã đại- tề viết quốc-ngữ đúng theo *Paulus Của* và *Génibrel* ; còn thời là thủ tự không đâu viết đúng.

PHAN VĂN-HÙM

Đông-pháp thời-báo, thượng-tuần tháng 5, 1928

36. — Nước Tàu trước hồi Cách-mệnh đã dịch gần hết các sách có tiếng của các nước Thái-tây, nhất là các sách của VOLTAIRE, MONTESQUIEUR, ROUSSEAU, DARWIN, KANT, mấy cuốn sử liệt-quốc Âu-Mĩ. Những tư tưởng về tự-do, bình-đẳng, dân-chủ, dân-quyền đã nhờ các bản dịch ấy và nhờ những văn cổ-động triệt-thiết trầm-đinh của mấy nhà văn-hào như Lương Khải-Siêu và Khang Hữu-Vi mà tràn khắp trong nước.

NHƯ-NGỌC

Thần-chung, 7-6-1928

37. — Thương hại cho tôi đến ngoài hai mươi tuổi mới biết học tiếng mẹ đẻ! Tôi cũng biết sự khốn-nạn ấy, chẳng đề phần riêng một mình tôi, con nhà Việt-Nam chắc cũng có lắm người cảm biết cái cảnh khốn-nạn ấy như tôi.

TÂN-DÂN

Đông pháp thời-báo 12-7-1928

38. — Cứ lấy lịch-sử cận-thời mà xét, tôi chưa hề thấy nước nào trọng sự học của người hơn sự học của mình bao giờ. Ông MUSTAPHA KÉMAL lên thống trị nước Thổ-nhĩ-kỳ đối với văn-học, khoa-học Âu-Mĩ ông rất hoan-nghênh song không quên hẳn tiếng Thổ bao giờ nên sai các bác-sĩ đi khắp các nơi có người Thổ ở mà lượm lặt những tiếng xưa tích cũ để làm tự-điển dạy khắp cả dân-gian. Ông GANDHI đối với văn-học, khoa-học ngoại quốc, nhất là nước Anh, vui lòng mở rộng cửa sổ nước mình cho gió đầm-ấm ở ngoài lọt vào, song ông cũng không quên hẳn dân mình là dân Ấn-độ. Đó là việc gần đây. Nếu trở lên một chút nữa, thì năm 1868, nếu Nhật-bản mà quên mình thì đâu có nước Nhật-bản ngày nay.

VÂN-TRÌNH

Ký-lân-báo, 16-8-28

39. — Các trường tư và trường công-giáo ngoại-quốc (ở nước *Turquie*, Thổ-nhĩ-kỳ) đều được dạy dỗ tự-do. Có một điều cấm truyền-bá tư-tưởng gì trái hẳn với tư-tưởng cộng-hòa, nhất là truyền-bá đạo-giáo và phải tuân theo chương-trình chính-phủ đã định, nghĩa là dạy tiếng Thổ, và dùng tiếng Thổ mà dạy địa-dư sử-ký nước Thổ-nhĩ-kỳ.

... Học trường riêng xong, mới qua học trường trung-học. Tới lớp thi tú tài, chia ra hai môn khoa-học và văn-học. Nhà nước buộc phải dạy một thứ tiếng ngoại-quốc (Pháp, Đức, Anh). Tiếng La-tinh và tiếng Hi-lạp thì đổi, để dạy tiếng Ba-tư và tiếng *Arabe* là tiếng hợp-thời thích-dụng hơn.

TRANG-NGỌC

Ký-lân báo, 16-8-28

40. — Trong bọn đồng-bào ta, đã cho nước Nhật-bản là một cái kiểu mẫu và là một món thèm-thuồng, nhưng thường quên rằng thần-dân của Nhật-hoàng tiến-hóa được rõ-ràng như thế, không phải nhờ bỏ ngang và bỏ tuyệt cái văn-hóa bản-xứ, cũng không phải nhờ bắt chước người Âu-châu một cách hèn-hạ, mà là nhờ một cái học-vấn nghiêm-trang, cái khoa-học tân-thời sắp lớp theo, mà chẳng lẫn lộn, cái căn-bản cũ của nước Nhật.

NGUYỄN PHAN-LONG

l'Echo Annamite, 12-9-28

41. — Lớp trung học (ở Nhật-bản). Mỗi một năm, trong 1.200.000 trẻ nhỏ ở lớp sơ-học, thời 950.000 đứa vào lớp trung-học. Các môn học như sau này: 1° Quốc-văn, 2° Hán-văn, 3° Tiếng ngoại-quốc, 4° Lịch-sử, 5° Địa-dư, 6° Toán-pháp.

Về tiếng ngoại-quốc thì có ba thứ: tiếng Anh, tiếng Đức và tiếng Pháp.

TAM-ĐIỆP

Đuốc-nhà-Nam, 11-5-1929

42. — Tối lại, đúng 9 giờ (ngày 2-16 1929), tại rạp hát tây có một cuộc hội-diện cực kỳ trọng thể. Tuy ban phái-viên định bán giấy vào cửa để lấy tiền

gửi qua Ấn-độ giúp cho học-đường của văn-sĩ (ông RABINDRA NATH TAGORE) lập tại *Shantiniketan*, song công-chúng hoan-nghênh văn-sĩ cho đến nỗi trong rạp không còn trống một ghế nào, khi ban phái-viên, có ông đốc-lý BÉZIAT chủ-tịch, đưa văn-sĩ ra giữa sân khấu để chào công-chúng, tiếng vỗ tay vang rầm.

Ông BÙI QUANG-CHIÊU đứng dậy trình diện văn-sĩ và thuật sự-nghiệp của ngài trong làng văn hoàn-cầu. Kế đó một người Ấn-độ, qui danh MUTHUKARUPPENS CHETTIAR đọc một bài chúc bằng tiếng *tamoul*, rồi dịch ra tiếng Ăng-lê. Bên phía An-Nam, ông DƯƠNG VĂN-GIÁO đọc một bài chúc bằng tiếng An-Nam, bài chúc có dịch ra tiếng Ăng-lê và dâng cho văn-sĩ.

Đ. N N.

(Đuốc-nhà Nam, 25-6-29. Ba ngày thi-sĩ Rabindra Nath Tagore ở Sai-gòn)

43 — Người An-Nam nói tiếng An-Nam, viết chữ quốc-ngữ. Ấy là một câu nói chẳng ai dám chê rằng sai lầm.

Đã đinh-ninh như vậy, thì muốn xưng mình là An-Nam tất phải nói được tiếng An-Nam, viết được chữ quốc-ngữ.

Vì cái lẽ ấy mà xưa nay dư-luận chung thường khích-bác những người phô rằng mình quên tiếng An-Nam, giao thiệp với đồng-bào mà dùng tiếng nước khác. Cũng vì cái lẽ ấy mà mấy người thật máu huyết An-Nam muốn cho con cháu nói được tiếng An-Nam viết chữ quốc-ngữ, đặng ngày sau không hóa ra một dân tộc khác.

HỒ VĂN-NGƯƠN

Đuốc-nhà-nam 18-7-29

44 — Nhờ bọn đánh thức ấy (ở nước Tchécoslovaquie) mà văn-chương mĩ-thuật nầy nở ra, nhắc nhở cho bọn bình-dân biết những sự vinh-quang của lịch-sử mình và những kẻ anh-tài vì nước quyên-sinh liên-tiếp.

Họ dùng sách-vở, nhật-báo và hát xướng mà hô-hào cổ-động. Cần nhất là phải giữ tiếng nói của mình cho được y-nguyên. Cái cơ tồn-vong của nước nhà mình phần nhiều đều ở chỗ nầy. Nước dẫu mất nhưng tiếng nói vẫn còn, tức là còn ngày mong mỏi nhiều.

Vì thế mà năm 1771 họ thử hát một thứ tuồng bằng tiếng *tchèque* trước nhất tại thành *Prague*.

Năm 1779, họ lập ra một gánh hát tiếng *tchèque*, do những nhà tài-tử chủ trương gây dựng. Bắt đầu từ năm 1789, họ mới có một cái nhà in thứ nhất để xuất bản sách vở, và một tờ Quốc-dân nhật-báo.

Năm 1918, thì họ lập ra một cái kho sách để cho bình-dân tới đọc trước nhất. Họ cho rằng sự lập kho sách ấy là một phương-thế rất cần kíp để thức tỉnh dân-trí; bao nhiêu người lớn tuổi, bao nhiêu bọn thanh-niên học hỏi chưa được hoàn-toàn nhờ nó mà gây mình có cái nhân cách người học-thức hoàn-toàn và người quốc-dân xứng-đáng. Ông CHARLES HAYLIK (1821-1856) là một nhà làm báo tân-tiến trong cuộc vận-động phục-sinh của người *Tchèques*, cho rằng bình-dân thơ-viện thật là một cái trường-học chung, thầy dạy rất nhiều, ai ai cũng kính mến.

VÂN-TRÌNH

Thần-Chung, 10-12-1929

45. — Nước Pháp bảo-hộ biết cái nghĩa-vụ là vừa phải khai-hóa nước nầy lại vừa phải duy-trì cho ta một cái nhân cách riêng, đã bênh cái quyền-lợi chánh-đáng cho ta mà để kháng lại không cho tiếng nhà tiêu-diệt đi trong phái học-sinh du-học bên Pháp. Theo cái quảng-ý ấy, chính-phủ đã công-nhận tiếng Nam vào chương-trình thi

tú-tài tây, cũng như các tiếng Anh, Đức, Ý, Tây-ban-nha, Ả-rập vậy.

T. H.

Lục-tỉnh tân-văn, 28-2-1930

46. — Nền văn-học của ta, tuy là ngày nay nhờ có khí-cụ rất tiện-lợi, quốc-ngữ rất phổ-thông, nhưng mà vẫn chưa xây dựng lên được là vì còn nhiều sự ngăn trở khó khăn lắm.

HỒNG-TIÊU

Đuốc-nhà-nam 3-5-1930

47. — Người Tàu đem chữ nghĩa và văn-minh của họ qua, bắt ta phải theo, đặng làm cho ta mất quốc-tịch của ta đi, rồi cũng hóa làm người họ, song ta đã biết tỏ cách mềm mỏng lạ lùng, lợi-dụng những cái dã-tâm của họ trở lại làm có ích cho ta. Người minh biết hóa văn-tự của người Tàu đi, từ thể-thức bề ngoài cho tới tinh-túy bề trong, làm thành ra một nền văn-tự của minh.

NGUYỄN PHAN-LONG

Đuốc-nhà-nam 5-5-30

48 — Ông (ông Phạm Quỳnh) muốn bảo-tồn lấy những cái đặc-sắc trong văn-hóa Đông-phương, mà ông biết rằng cái văn-hóa ấy cần phải dung-hòa với cái văn-minh Tây-phương mới có thể sống được ở cái đời khoa-học nay.

Nên chi những công-trình về văn-học triết-học của Âu-châu và nhất là của nước Pháp, ông diễn-dịch ra quốc-văn rất nhiều mà dịch thật đúng, thật hay, vừa biết tôn-trọng cái nguyên-ý của tác-giả lại vừa hay lựa theo cái giọng điệu của quốc-văn.

Bởi muốn mưu một cái công-cuộc mới-mẻ đó, mà cái tiếng nói bản-quốc còn nghèo-nàn túng thiếu quá, nên ông lại phải lo tài-bồi cho quốc-văn, mượn những danh-từ triết-học của tiếng Tàu tiếng Nhật cho nhập-tịch vào quốc-ngữ để có thể diễn thuật được những cái mà tiếng nôm ta không đủ để gọi nó ra.

THIẾU-SƠN

Phụ-nữ tân-văn, 30-7-31

49. — Phải, tiếng An-Nam là thứ tiếng nói, mà có phải là thứ tiếng nói hèn hạ gì đâu.

Không hèn, cho nên mới có cái lịch-sử trải mấy ngàn năm đó, mấy chục triệu người dùng nó, nói nó, để hiểu biết ăn-ở với nhau.

Không hèn, cho nên mới có một kho tục-ngữ một nền văn-chương, tuy so sánh với người ta thì chưa vào đâu, nhưng cũng có cuốn sách nọ, tập văn kia, như là *Tần-cung-oán*, *Chinh-phụ-ngâm*, *Kim-Vân-Kiều*, *Lục Vân-Tiên*, v. v.. là một áng văn-chương vừa tốt-đẹp, vừa thâm-thúy.

Không hèn, cho nên bây giờ người nào thiệt là người Việt-Nam, đều phải nhận rằng cái tương-lai hay dở của dân-tộc ta quan-hệ ở quốc-văn rất nhiều, ngày nay phải lo điểm-tô bồi-đắp cho nó thành một nền văn-học riêng.

Phụ-nữ tân-văn, 24-9-31

50. — Sự dịch thành-ngữ, tục-ngữ ngoại-quốc cho nhập-tịch tiếng ta là sự ích-lợi nên làm. Có điều phải dịch cho hay mà đừng làm hại tiếng ta mới được.

C. Đ.

Phụ-nữ tân-văn, số 99

51. — Tiếng An-Nam không phải là hạng thổ-ngữ vô-dụng mà cũng là một thứ tiếng nói (une langue) có giá-trị như các thứ tiếng nói khác.

NGUYỄN PHAN-LONG

Lời diễn-thuyết ở Quản-hạt Nghị-viện Nam-kỳ ngày 10-9-31 (Bản dịch Phụ-nữ tân-văn, 24-9-31)

52. — Người đồng-hương, không có chi vui bằng được gặp nhau đông như

vậy mà lại nói chuyện với nhau bằng tiếng nước nhà.

Ông N. V. B. thuật lời diễn-thuyết của bác-sĩ Nguyễn Văn-Nhã (Công-luận báo, 1932)

53. — Học-thuật của dân-tộc nước Pháp thành-lập mới độ ba trăm năm nay. Trước kia, người Pháp cũng mượn học-thuật của La-mã Hi-lạp. Từ khi họ đặt được chữ quốc văn mới bắt đầu dịch sách soạn sách bằng tiếng mẹ đẻ, rồi làm cho sáng tỏ rộng lớn mãi ra. Nhờ đó những bản-năng của dân-tộc được phát-siển ra hết, tân-thuyết tân-nghệ kế-tiếp ra đời, đến nay nhất-thiết học-thuật từ hình-thượng đến hình-hạ đều đổi một cái tính-cách của dân-tộc là tính-cách Pháp-lan-tây (française) tự-do hoạt-bát.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

Đông-thanh tạp-chí, số 1

54. — Ta hãy xét nguyên về tiếng nói, thì thấy những cách kết-cấu và lập-thành của tiếng ta thật là tinh-vi và thần-diệu. Tiếng nghe bằng tai mà hiểu bằng tưởng-tượng, trong tiếng có đủ tượng-hình, tượng-thanh, tượng-ý. Lại nhờ có tiếng Tàu thâu-nhập vào đến bảy, tám phần mười, làm cho cái kho văn-liệu của tiếng ta một ngày một giàu thêm. Một thứ tiếng không có chữ viết mà vẫn sinh-tồn, vẫn phồn-tư mãi, thật là một thứ tiếng hay.

Quốc-văn phôi-thai ở đời Trần, các nhà văn-sĩ mới mượn chữ Tàu đặt ra chữ nôm, để phiên-dịch những khúc ca-ngâm. Đến Lê, Nguyễn, quốc-văn một ngày một thịnh, tuy chữ nôm đặt chưa đủ, song các nhà văn-sĩ cố tìm hết cách chép chữ ra tiếng để lưu-truyền lại bao nhiêu áng văn-chương về sau nay.

Nay nhờ có chữ quốc-ngữ, cả nước thông-dụng, dầu cách đặt chữ chưa chắc đã được hoàn-toàn, song ta hãy có thể lợi-dụng làm một thứ chữ viết của ta. Vậy ta bây giờ có đủ cả tiếng cả chữ, chắc không còn cái gì làm trở-lực cho quốc-văn nữa.

BÙI KỶ

Đông-thanh tạp-chí, số 1

55. — Học hay chưa chắc đã viết giỏi, huống chi ngày nay các bạn trẻ lo học Pháp-văn hơn là quốc-ngữ, thì sự viết quốc-văn của các bạn, thế nào cũng phải khó-khăn lắm. Không luyện-tập quyết không thể nào viết hay, viết rành cái thứ văn cần nhất, cái thứ tiếng mẹ đẻ của mình được.

Tôi chắc các bạn đã thấy đôi ba ông du-học bên Pháp đỗ bằng Tiến-sĩ, Cử-nhơn viết bài bằng quốc-văn đăng vào báo rồi chớ.

...Tôi lại cho các bạn biết rằng lâu nay trong báo-giới có một vài ông viết Pháp-văn giỏi lắm, nhưng đến lúc viết bài đăng vào báo quốc-âm, các ông lại phải viết bằng chữ Lang-sa rồi nhờ người ta dịch lại ..

HÀM-TIẾU

Phụ-nữ tân-văn, 1932

56. — Người đi học Tây bây giờ khác nào như thầy Đường Tam Tạng sang Tây-trúc lấy kinh thuở trước; gian-nan nguy-hiểm biết bao mới lấy được cái hay về; nhưng lấy về mà không truyền ra thì có ích gì; mà truyền ra được thì đó là cái công rút ngắn đường dài, đỡ gánh nặng cho bao nhiêu người muốn biết.

Chẳng nói ai lại không biết lẽ phải ấy. Nhưng muốn cầm đến quản bút, mà viết thì nó mới khó-khăn làm sao chớ! Cũng quản bút ấy mà viết chữ Tây thì nó nhẹ-nhàng biết là chừng nào, cũng tờ giấy ấy mà viết tiếng Tây thì nó ngắn-ngủi là chừng nào, mà viết tiếng An-Nam thì thiệt là:

Tay cầm quản bút ngàn cân nặng,
Mắt ngắm tờ hoa vạn thước dài.

Đừng nói viết sách nữa, cứ hỏi anh em học Tây mà xem, độ trăm người chưa chắc có lấy ba-mươi người hiểu tiếng An-Nam nữa. Kỳ thi tú-tài vừa rồi ở Montpellier có bài sau này để dịch ra tiếng Tây :

« Không hàng bánh, bánh ăn sao có?
Không chủ tiền, gỗ nọ lấy đâu.
Làm nhà kẻ khó, người giàu?
Chó kia cũng chẳng cúi đầu mà nằm !»

Bài này của ông Nguyễn Ngọc-Uyển, làm theo ý bài « Các nghề » của ông Jean Aicard... Có ông dịch mấy chữ « kẻ khó, người giàu » là « bois-de khó. bois de giàu », nghĩa là « gỗ khó » và « gỗ giàu ».

...Xem báo *Phụ-nữ* số 167 có bài : « Tiếng nói của loài vật » của ông, V. H. đoạn cuối có nói rằng : « Mình đã có một thứ tiếng riêng của tổ-quốc để lại rất quí-báu, rất thâm-trầm, mà có người xui bỏ nó đi, học theo tiếng người khác, thì thật là lạ-lùng quái-dị. »

NGUYỄN DUY-THANH

Điện máy chuyên nghề — Paris
Phụ-nữ tân-văn. 18-2-1932

57. — Ấy ta học chữ Hán đã lâu, theo phong-hóa Tàu đã lắm, nên muốn biết ý-tưởng cùng sự-tích của các bậc tiền-nhân tất phải xem nguyên-văn của các cụ di-truyền lại, thời mới hiểu được đại-ý, mà cho được xem hiểu đại-ý của nguyên-văn, thời cái vấn-đề Hán-học lại chẳng phải cái vấn-đề có thể để nhẵng qua được.

NGỌC-SƠN

An-nam tạp-chí, 27-2-32

58. — Học-sinh ta bên Pháp đã từng trổ mặt đối với một tiếng không phải tiếng nước mình...

— Nếu người du-học-sinh không kiếm học thêm, nếu người học dở-dang không lo học hỏi thêm, thì nguy mất cho tiền-đồ ! Nếu cứ dụng ngay giờ dư để thỏa-thích cái lòng vật-dục của mình mãi, còn ngoài ra việc nhà, việc nước không hiểu gì hết, có ai hỏi đến thuyết Khổng, Mạnh, Lão, Thích, văn-chương cùng là lịch-sử nước nhà, thì ngẩn-ngơ, ngơ-ngẩn, thì sao gọi có học-thức ?

Đồng-nai, 1-3-32

59. — Theo ý riêng của người viết bài này, thì trong khi viết văn Quốc-ngữ có lập ra một cái nguyên-tắc rồi cứ đó mà theo ; cho nên lúc nào nghe ai nói về sự dùng chữ trong văn ta mà không trúng với cái nguyên-tắc ấy thì không biểu-đồng-tình được. Cái nguyên-tắc ấy như vầy :

Phàm chữ nào nói tiếng ta được thì cứ nói tiếng ta ; phàm chữ nào nói tiếng ta không được, hoặc nói tiếng ta không ngộ, không hết ý, không gọn... thì dùng tiếng Tàu ; tiếng Tàu không mãn-nguyện thì cũng dám dùng tới tiếng Pháp hoặc tiếng ngoại-quốc nào khác nữa.

...Tôi phải nói thiệt-thà rằng tiếng ta có thể độc-lập và thành-văn được, nhưng ấy là về sau kia, chớ ngày nay thì nó đương thiếu-thốn lắm. Sự thiếu-thốn đó là tại lâu nay dân-tộc ta không lo trau-dồi nó, thì nó đầy-đủ sao được ? mà cũng có tại một lẽ nữa, là bởi cái trình-độ trí-thức của người mình còn kém lắm, cho nên phần nhiều những tiếng hơi khó một chút, người mình không dùng mấy, là vì không cần. Theo công-lệ của âm-ngữ-học, dân-tộc nào đã văn-minh, cái triết-lý đã phổ-thông trong xã-hội họ, họ mới cần có nhiều tiếng để phân-biệt ý-tưởng của mình trong khi phô-diễn nó ra ; những dân-tộc nào mà trí-thức còn đơn-giản, các ý-tưởng của họ không cần phân-biệt lắm, thì họ cũng không cần có nhiều chữ. Tôi e cho dân-tộc ta đây còn nằm về cái hạng sau đó.

PHAN KHÔI

Phụ-nữ tân-văn, 3-3-1932

60. — Tôi không dám bảo rằng đọc sách Pháp-văn là vô-bổ, nhưng tôi không công-nhận sự nguội lạnh đối với sách quốc-văn.

Nói làm chi đến mấy cậu học-sinh sức còn thấp, lấy ngay mấy ông giáo ra, thử hỏi các ông khi cầm đọc một cuốn sách, một tờ Nhật-báo, một tờ tạp-chí Pháp-văn luận về xã-hội, chính-trị, kinh-tế, v. v., các ông có thông-hiểu bằng khi đọc một cuốn sách, một tờ nhật-báo, một tờ tạp-chí quốc-văn cũng luận về một vấn-đề đó không? chắc các ông sẽ trả lời rằng không thông bằng!

Biết rằng quốc-văn giúp ích cho đường trí-thức của các ông lắm lắm, thì các ông chớ có tự-phụ rằng thông-hiểu Pháp-văn là đủ ra tay học-vấn uyên-thâm, rồi ra chiều mạt-sát quốc-văn.

Hướng-đạo là các ông, các ông có quan-tâm đến quốc-văn, trẻ em mới biết mà chú-ý đến nó, bằng trái lại, trẻ em cũng sai lối lạc đường như các ông, chứng đó chính các ông đập nát cả hi-vọng của đám đầu xanh tuổi trẻ kia.

TRƯƠNG LẬP-TẠO

Đuốc-nhà-nam, 14-3-32

61 — Có một điều tôi rất lấy làm để ý, là vấn-đề dạy-dỗ cho những đàn bà con gái nghèo-khổ, thất-học từ hồi nhỏ.

TRỊNH DỤC-TÚ

S. T. *dịch — Phụ-nữ tân-văn, 17-3-32*

62 — Đôi chục năm nay sĩ-phu ta có một cái sỉ-nhục khó chịu là một thứ tiếng nói hơn 20 triệu người mà không có tự-điển của người bản-quốc làm ra cho thật đứng-đắn. Nhiều khi có người ngoại-quốc nào hỏi ta điều ấy thì ta hay bị lúng-túng với họ quá, mà trả lời bề nào cũng không xuôi. Nhờ hội Khai-trí tiến-đức, may ra về sau khỏi bị cái sỉ-nhục này, cũng đỡ lắm.

PHAN KHÔI

Phụ-nữ tân-văn, 17-3-32

63 — Nước Tàu lâu nay văn với tiếng nói khác nhau. Tiếng nói thì là tiếng nói đời nay mà văn thì viết theo đời xưa trên hai ba ngàn năm. Tuy cũng có những tiểu-thuyết viết bằng tiếng nói đời nay, tức kêu là bạch-thoại, nhưng các thứ văn khác đứng-đắn thì buộc phải viết theo lối đời xưa cả, kêu là « văn-ngôn ».

Tiếng nói với văn khác nhau thật là một sự bất-tiện lắm. Trong một nước, nếu muốn giáo-dục cho phổ-cập, hết thảy mọi người đều biết chữ, mà văn và tiếng lại chia ra như vậy thì rõ là một cái trở lực đến con đường tấn-hóa.

Phụ-nữ tân-văn, 7-4-32

64 — Phải sao cho rèn đúc được để tân quốc-văn có một cái hồn cứng mạnh, có một cái sức-lực cổ-võ phấn-khởi lòng người, giục cho ai nấy đều nuôi cái chí cá-nhân phải có tiến-bộ về đường tinh-thần, chẳng là « thượng-nhân », « người trên », như chủ-nghĩa của nhà triết-học NIETZSCHE, thì cũng phải là « thí-sai » cái địa-vị bề trên; — nhiên-hậu xã-hội mới có ngày đổi mới một cách mau chóng và rực-rỡ.

... Muốn có cái sức nhương ấy, cảm-tình và tư-tưởng của nhà văn phải mượn lời mà phát ra, lại phải mượn cái đẹp cái hay của lời mà bắt người ta phải để ý đến. ANATOLE France có nói: Vô-phúc thay cho nhà văn nào mà dám khinh lời văn! Văn sở-dĩ lưu-truyền thiên-cổ, là nhờ về cái lời văn hay mà thôi. Tư-tưởng được thêm giá-trị cũng nhờ về cái lời khéo đem diễn-giải ra. Đem lời mới mà diễn giải một cái ý-tưởng cũ, đó chính là mĩ-thuật gồm cả ở đấy! » (*Malheur à qui méprise la forme! On ne dure que par elle. Une idée ne vaut que par la forme. Donner une forme nouvelle à une vieille idée, c'est tout l'art...*)

Tuy câu chuyện « quốc-văn mới » này, không phải là một câu chuyện mĩ.

thuật, mà là một câu chuyện có quan-hệ đến vận nước, nhưng văn-chương muốn có ích cho nước cũng phải có vẻ đẹp, vì không đẹp thì ai chuộng (1).

NGUYỄN TIẾN-LÃNG

An-nam tạp-chí, 19-3-32

(1) nên so với câu :

Ảnh-hưởng của ROUSSEAU không phải là chỉ thuộc về đường văn-học mà thôi, xem như trên đó thì biết, nhưng cũng là nhờ cái văn-chương tuyệt-bút của ông mà những tư-tưởng ông truyền bá ra được rộng và được sâu như thế.

Nam-Phong, quyển thứ XVIII, trang 225

65 — Mặc dầu ai khinh rẻ tiếng Việt-Nam cho mấy đi nữa, là cái giá-trị của nó cũng vẫn cứ càng ngày càng qui, cái địa-vị của nó cũng vẫn cứ càng ngày càng cao. Ấy là cái xu-thế tự-nhiên, người ta chỉ có thể hùa theo cái xu-thế ấy làm cho tiếng Việt-Nam phát-đạt hoàn-toàn mau hơn thì được, chớ muốn cầm chừng nó, ngăn cản nó, hay muốn làm cho nó tiêu-diệt đi là không được vậy.

.. Chiều thứ bảy trước, 19 Mars, nhân làm lễ khánh-thành cuộc chợ phiên, ban trị-sự có mở tiệc trong một phòng ở phủ Toàn-quyền, mời quan Thống-đốc đến chứng-kiến. Mãn tiệc rồi, ngài có đọc một bài diễn-văn bằng tiếng Việt-Nam. Ấy là một việc mới lạ lắm.

...Chúng tôi xin để lời kính khen quan Thống-đốc vì ngài đã làm một việc để khuyến-khích người Tây cố-nhiên, mà cũng tỏ ra cái lòng ngài không khinh-rẻ tiếng chúng tôi, là thứ tiếng rất có thế-lực từ trước đến nay và từ nay về sau.

Phụ-nữ tân-văn, 31-3-1932

66. — Trong nước, bọn nhà văn, nhà báo chúng tôi vẫn gia-công đắp móng xây nền, dù thường mỗi người làm một lối, mà đều lo giúp một phần gây-dựng, tô-điểm, mở-mang cho tiếng An-Nam thêm giàu, thêm mạnh.

HOÀNG TÍCH-CHU

Đông-tây, 9-4-1932

67. — Thuở trước, ta lấy chữ Hán làm quốc-văn, là một điều rất bất-tiện. Bởi thứ chữ ấy khác với tiếng nói của ta, học nó mà cho đến bậc xem sách được cũng phải mất công-phu trên mười năm. Như vậy, chép sách bằng chữ Hán lại là điều khó cho độc-giả nữa. Không trách được, trong xã-hội ta từ xưa ít có sách-vở lưu-hành là phải lắm.

P. K.

Phụ-nữ tân-văn, 14-4-1932

68. — Một dân-tộc mà rẻ-rúng tiếng nói của mình tưởng không còn đâu hơn thứ dân-tộc này nữa hết. Dễ thường người nước nào thì nói tiếng nước nấy, thế mà bọn tân-học nước mình lại ít chịu nói tiếng nước mình.

Đồng-nai, 15-4-32

69. — Số người An-Nam đọc chữ Tây được thì không bao nhiêu. Biết chữ Tàu lại còn ít hơn nữa. Nhất là ở Nam-kỳ. Phải chi chính-phủ để cho chúng tôi thong-thả dịch sách Tây ra quốc-văn, cho người An-Nam thấy biết thêm một chút, tưởng cũng không có chỗ chi hại.

H. X. C.

Đồng-nai, 15-4-32

70. — Hán-tự là chữ của Tàu mà nước ta mượn dùng lâu nay, chữ quốc-ngữ thiệt là chữ dùng hiện-thời. lại phần nhiều bách-tính không hiểu chữ Hán, nếu không dịch ra quốc-văn thì làm sao phổ-thông đặng đạo-lý.

Từ-bi-âm, 15-4-1932

71. — Ta không nên quên cái mục-đích của ta khi luyện-tập quốc-văn, chỉ cốt sao cho quốc-văn càng ngày

càng thêm gẫy-gọn, sáng-sủa, không những chữ nọ không được lẫn với chữ kia, mà ý-tưởng này ta không nên để cho ai lầm với ý-tưởng khác.

...Người ta thường nói : « Xét văn-chương có thể biết được dân-tộc ». Điều đó, có lẽ cứ xét riêng về cái quan-niệm dùng chữ cũng đủ chứng-nghiệm được một phần. Một dân-tộc dùng chữ một cách lờ-mờ tối-tăm quả-nhiên tối tăm, quả-nhiên tối-tăm lờ-mờ thật ! óc của dân-chúng đại-đa số mập-mờ, ý-tưởng trừu-tượng một chút là khó hiểu cho đến nơi, mà có hiểu cũng khó đạt ra cho rõ-ràng được.

Dân-tộc ta chính đang là một dân-tộc đó. Cho đến khi nào, mỗi tiếng không coi là một chữ, trong óc dân-chúng, nghĩa tiếng ăn chẳng hạn, không vừa là cái ăn, sự ăn, thức ăn, v. v., nghĩa là có cái quan-niệm về từng nghĩa tiếng ăn cho rành mạch, cho đến ngày ấy, óc dân ta còn phải lung-tung, rối-rít, mập-mờ, mà tiếng Việt-Nam ta còn phải ở vào các địa-vị thấp-kém vậy.

Muốn chữa cái óc mập-mờ ấy, về phần cá-nhân, cố-nhiên là phải ra công hàm-súc, nhưng về phần dân-chúng, tất phải có một quyển tự-điển giải-thích từng chữ một cho vừa kỹ-càng vừa rành mạch, để giúp sự học quốc-văn.

NGUYỄN CÁT-NGẠC

An-nam tạp-chí 30-4-32

72.— Lấy riêng về phương-diện văn-học mà nói thì cái phong-trào này (phong-trào nam-hóa) chính là một cái chứng-triệu về sự tấn-hóa của nữ-lưu ở trên đường văn-học.

Sự tiến-hóa đó ta chưa thấy được mạnh-mẽ, vì trong xã-hội, ngoài những trường-học công, tư, theo chương-trình của nhà-nước, thiệt chưa có cái cơ-quan văn-học nào của nữ-lưu.

Đó là một sự thiếu-sót mà chúng ta đều lấy làm phàn-nàn, và chính cũng là một lẽ khiến cho chúng ta trông-đợi có một vài nữ-lưu học-hội mở ra trong xã-hội Việt-Nam này.

Lời diễn-thuyết của cô

NGUYỄN THỊ-KIỀM

Phụ-nữ tân-văn, 26-5-32

73. — Mỗi một dân-tộc có một thứ tiếng nói riêng, rồi dùng một thứ phù-hiệu hoặc tượng-hình, hoặc hội-ý, hoặc tiêu-âm để ghi-chép lấy cái tiếng nói ấy thì tức là văn-tự riêng của một dân-tộc nói thứ tiếng nói ấy. Chỉ có thứ tiếng nói ấy thì mới đạo-đạt được hết tình, hết lẽ cái tư-tưởng, cái tâm-tình, cái ý-chí của dân-tộc mình, mới có thể truyền báo được hết điều hơn điều thiệt, điều hay điều dở trong dân-tộc mình với nhau, quốc-hồn ở đấy, quốc túy ở đấy, mà quốc-hoa cũng là ở đấy.

...Văn-học của các dân-tộc khác, dù hay ho tốt đẹp đến bậc nào, mình chỉ có thể thu-thái lấy, lượm-nhặt lấy, mô-phỏng lấy, mượn mỗ lấy cái hay cái tốt của người để sáp-nhập làm thêm cái hay cái tốt cho văn-học mình, chứ không thể bỏ của mình mà lấy tất cả của người làm của mình được. Chẳng những thế, lại dù muốn học của người để hòng có thâu-thái được, lượm nhặt được, mô phỏng được, mượn mỗ được cái hay cái tốt của người, cũng phải có căn-bản của mình cho vững-chắc trước đã rồi mới có đất mà tiếp-thụ được cái ở ngoài tăng-phụ vào sau.

Văn-học tạp-chí số 1, mai 1932

74. — Ta đừng tưởng lầm rằng Espérants sẽ thay tất cả các « quốc-ngữ », đó chỉ là một thứ tiếng phụ quốc-tế (*langue auxiliaire internationale*) trung lập, mà ai ai cũng nên học thêm vào tiếng mẹ đẻ của mình.

N. M.

An-nam tạp-chí, 1er-6-32

75. — Người An-Nam nói tiếng Pháp ở giữa công-chúng An-Nam. Điều ấy ta thường thấy hằng ngày.

HỒNG HOA-TỬ

Đông-tây, 25-6-32

76. — Chữ Việt-Nam sở-dĩ chưa có thế-lực lan rộng ra ngoài thế-giới là bởi nước Việt-Nam chưa có thế-lực, bởi quốc-dân Việt-Nam chưa có thế-lực đó thôi...

Có sách hay tất có người muốn học; người nước khác muốn học tất phải dịch ra chữ nước họ. Xem như Phạn-kinh của Ấn-độ, ngũ-kinh tứ-thư của Tàu cũng đã thấy dịch hầu khắp các thứ chữ thế-giới. Truyện *Kim-Vân-Kiều* của Việt-Nam ta nay cũng đã có người Pháp dịch, người nước khác cũng đã có đọc đến mà cũng đều phải xưng-tụng tác-giả quyển văn-chương Việt-Nam kia là « thần thơ ».

ĐÔNG-HỒ

Văn-học tạp-chí số 2, Juin 1932

77. — Nay ta đã biết lấy quốc-văn m trọng, thì hễ có cách gì phát-huy ợc cái hay cái đẹp trong quốc-văn, cũng nên để ý đến, mà một cách hát-huy cái hay của văn-chương tức cách dùng điển, vì làm cho người phải nghĩ-ngợi nhắc-nhớ đến câu ớ câu văn xưa mà chứng-giải rằng n-chương nước mình có điển-cố.

HẢI-LƯỢNG

Văn-học tạp-chí số 2, Juin 1932

78. — Nước Nhật-bản theo nhiều phương-pháp Âu-châu mà được phú-cường, nhưng muốn đắc-thắng cho quyết, cho trọn thì phải giữ sao cho mình còn là nước Nhật-bản hay là khi quá mê võ-lực mà phải một hồi không được đúng là nước Nhật-bản nữa thì cũng phải trở lại làm nước Nhật-bản như trước. Nước Tàu đã hóa theo Âu-châu, nếu những quên cái tinh-hoa của mình, cái nền móng chân-chính của sức mạnh và sức lâu bền của mình, thì sẽ là một xứ hỗn-độn mà thôi.

Vậy thì người Việt-Nam phải giữ cốt-cách người Việt-Nam, nếu muốn mong nhờ các việc hay ở văn-hóa Âu-châu mà nước Pháp đã đem đến đây. Họ phải tiêm-nhiễm lần-lượt và theo chừng mực đã định riêng cho các món ấy, tiêm-nhiễm phương-pháp và tư-tưởng Âu-châu; họ phải giữ cái văn-hóa nghìn năm đã tạo nên cái sức mạnh của họ, đã khiến cho khác với thế-giới mình đã sáp-nhập khi xưa và khiến cho có cái hình-trạng, cái tinh-thần đặc-biệt.

Nói giữ cốt-cách người Việt-Nam, không phải là cố công cùng sức giữ-gìn một vài điều vặt-vãnh về cách ăn mặc, về phong-tục, về những dáng-điệu lề-lối bề ngoài mình đã quen dùng về một vài cơ-hội nào đó.

Giữ cốt-cách người Việt-Nam ta, trước nhất, tạo nên một cách đoàn-luyện giáo-hóa riêng cho người Việt-Nam, là nuôi dạy con trẻ Việt-Nam cho thành người Việt-Nam biết tiếp-tục, biết giữ-gìn mãi mãi mấy tính-chất riêng đã làm sức mạnh, sức lâu bền của giống dân này, khi kinh-qua các cuộc biến-thiên dữ-dội trong lịch-sử.

NGUYỄN VĂN-VĨNH

L'Annam nouveau, Juin 1932

79. — Đối với văn-hóa Đông-phương chúng tôi cho là có nhiều điều rất hay, rất tốt, dù chẳng hay chẳng tốt với ai, nhưng cũng hay cũng tốt với mình, vì nó thích-hợp với hoàn-cảnh mình, chỉ vì trải qua mấy nghìn năm dâu bể, văn-hóa ấy cũng bị sai-lạc đi nhiều. Vậy nay cũng cần phải biết kén chọn...

Đông-thanh tạp-chí số 1, 1-7-32

80. — Luôn hai tháng nay, anh có đặng mấy cái thơ của em Mà mấy cái

thơ này lại viết một cách rất khác hẳn với những thơ trước kia ; em viết pha lẫn tiếng Tây trong thơ rất nhiều. Tại sao vậy ? Tiếng Việt-Nam thiếu cho em dùng chăng ?

TRƯƠNG LỤC-KIẾT

Phụ-nữ tân-văn số 158 ; 7-7-32

81. — Không ai ước-ao việc thống-nhất tiếng Việt-Nam cho hơn tác-giả bài này ; nhưng phải nhận rằng cuộc thống-nhất hiện đang tiến-hành hằng ngày, chưa có thể hoàn-toàn được.

La Tribune indochinoise, 11-7-32

NGUYỄN VĂN-KIỂM *sao và dịch*

SO-SÁNH TIẾNG AN-NAM VÀ TIẾNG PHÁP (1)

Vấn-đề « vay chữ » là một cái cấp-vụ hiện-thời cho dân-tộc ta. Vậy ta nên vay chữ của dân tộc nào ? Tất ai cũng trả lời rằng : Ta nên vay chữ của người Tàu và của người Pháp, vì chữ Tàu và chữ Pháp ảnh-hưởng chữ An-Nam ta, là một lẽ hiển-nhiên. Vay chữ Tàu chúng tôi không cần bàn nữa, vì ta học chữ Tàu mà đọc theo tiếng ta, nên bao nhiêu chữ Tàu đều viết ra chữ ta được cả. Nhưng vay chữ Tàu cũng không đủ, vì Tàu là một nước văn-minh cũ, bao nhiêu danh-từ về triết-học, nhất là về khoa-học, về kỹ-nghệ, về cơ-khí, tuy người Nhật đã phiên-dịch ra rất nhiều, nhưng thiết-tưởng cũng chưa được sung-túc lắm. Vả lại ta đã đi vay thời nên vay một cách trực-tiếp, tội-tình gì mà vay cách gián-tiếp để không khỏi thác-tạp phân-vân?

Hiện-thời ta lại giao-thông với người Pháp, về phương-diện chính-trị, về phương-diện kinh-tế, về phương-diện tinh-thần... Chữ Pháp rất là phong-thiệm đích-xác rõ-ràng, ai cũng công-nhận như vậy. Vì bao nhiêu lẽ đó ta nên mượn chữ Pháp để làm cho chữ ta thêm giàu, thêm đích-xác, thêm rõ-ràng.

Nhưng trước khi bàn phải vay những thứ chữ nào, phải vay cách nào, đứng về phương-diện nào mà vay, ta nên so-sánh tiếng ta với tiếng Pháp cho biết hiện-trạng tiếng ta hơn tiếng Pháp về phương diện nào, kém tiếng Pháp về phương-diện nào, cái gì ta thiếu, nên bắt-chước của người Pháp mà bổ-khuyết, cái gì ta khuyết-điểm ta nên mô-phỏng theo tiếng Pháp mà cải-bổ, đính-chính kỹ cho được hoàn-bị phân-minh.

Vậy trước hết ta phải biết tiếng một dân-tộc là cái gì ? Theo thiển-ý chúng tôi thì tiếng một dân-tộc nào là tất cả các tiếng mà dân-tộc ấy dùng để mà giao thông với nhau ; hoặc trong đơn-tự 單字 hay trong phức-tự 複字 của họ.

Ví-dụ tiếng An-Nam : Non, sông, nào, phải, buổi bình-thời.

Những tiếng : Non, sông, nào, phải, buổi *là những tiếng dùng trong đơn-tự của An-nam ; còn những tiếng* bình-thời *thì dùng trong phức-tự.*

Tiếng Pháp : La-va-lơ nát-tăng poang lơ nông-bờ-rờ để dan-nê, (La valeur n'attend point le nombre des années).

Những tiếng : la, poang, lơ, để *thì dùng về đơn-tự, còn những tiếng :* va, lơ, nát, tăng, nông, bờ, rờ, dan, nê *thì dùng về phức-tự.*

Vậy ta hãy so các tiếng mà người An-Nam dùng với các tiếng mà người Pháp dùng.

(1) Bài này tác-giả trước đã cho đăng ở một tạp-chí khác, nhưng chưa đăng được trọn bài. Nay gởi cả toàn-cảo cho bản-chí, xét ra lời bàn cũng có nhiều điều khám-phá, vậy đăng cả toàn-văn ra đây, để công-đồng-lãm.

Thanh-âm tiếng Nam so với thanh-âm tiếng Pháp

		THANH							
		Trường-bình	Đoản-bình	Trường khứ	Đoản khứ	Trường thượng	Đoản thượng	Trường nhập	Đoản nhập
ÂM	Hầu 喉	a ha ga qua gia nga	à hà gà quà già ngà	á há gá quá giá ngá	ã hã gã quã giã ngã	ả hả gả quả giả ngả	ạ hạ gạ quạ giạ ngạ	ét hét ghét quét giét nghét	ẹt hẹt ghẹt quẹt giẹt nghẹt
		a gal la ya	O	O	O	O	O	ex. gat.....	O
	Thiệt thượng 舌上	Tra na	trà nà	trá ná	trã nã	trả nả	trạ nạ	trét nét	trẹt nẹt
		Na	O	O	O	O	O	Nat nex	O
	Thiệt đầu 舌頭	Tha ra	thà rà	thá rá	thã rã	thả rả	thạ rạ	thét rét	thẹt rẹt
		Ra	O	O	O	O	O	Rat rex	O
	Chính xỉ 正齒	xa cha	xà chà	xá chá	xã chã	xả chả	xạ chạ	xét chét	xẹt chẹt
		Sa	O	O	O	O	O	Sax sex	O
	Bán xỉ 半齒	La nha	Là nhà	Lá nhá	Lã nhã	Lả nhả	Lạ chạ	Lét nhét	Lẹt nhẹt
		Gua La	O	O	O	O	O	Lat	O
	Xỉ-đầu 齒頭	ta da đa sa	tà dà đà sà	tá dá đá sá	tã dã đã sã	tả dả đả sả	tạ dạ đạ sạ	tét dét đét sét	tẹt dẹt đẹt sẹt
		ta *sa* Zada cha	O	O	O	O	O	tat. chat....	O
	Nha 牙	ca kha	cà khà	cá khá	cã khã	cả khả	cạ khạ	két khét	kẹt khẹt
		kha	O	O	O	O	O	cat	O
	Khinh thần 輕唇	pha va	phà và	phá vá	phã vã	phả vả	phạ vạ	phét vét	phẹt vẹt
		Fa va Wa	O	O	O	O	O	Fat. vat...	O
	Trọng thần 重唇	ba ma	bà má	bá má	bã mã	bả mả	bạ mạ	bét mét	bẹt mẹt
		Pa Ba Ma	O	O	O	O	O	Pat, Bat, mat	O

I.— Tiếng và giọng

A. Tiếng.— *Khi ta xét một tiếng nào, tiếng « non » hay là tiếng « la », thì ta phải xét hai mặt, mặt âm và mặt thanh. Xét mặt âm là xét giống* (nature) *của tiếng, nghĩa là tìm cho biết cái tiếng đó phát-xuất từ cơ-quan nào trong bộ máy thanh-âm* (appareil vocal) *của người. Xét thanh là xét cái độ* (degré) *của tiếng, nghĩa là tìm cho biết tiếng đó cao, thấp, nặng, nhẹ, dài, vắn thế nào. Hãy so âm, thanh tiếng An-nam cùng âm-thanh tiếng Pháp.*

Xét trong cái đồ thanh-âm này, tiếng An-Nam ở trên điểm-tuyến (pointillé) *tiếng Pháp ở dưới điểm-tuyến, thì ta không có những âm* Ja *và* Pa. (*Tiếng « Za » của Pháp cũng na-ná như tiếng « Da » của ta*). *Còn tiếng Pháp chỉ có thanh-trường-bình và trường-nhập còn bao nhiêu thanh khác : đoản-bình, trường-thượng, đoản-thượng, trường-khứ, đoản-khứ, đoản nhập thời tiếng Pháp không có. Về phương-diện âm, ta chỉ thua Pháp những âm* Sa, Pa *mà lại hơn tiếng Pháp những âm* Nga, tra, tha, kha. *Về phương-diện thanh thời tiếng ta hơn tiếng Pháp đến sáu thanh. Cái số tiếng mà người An-Nam ta dùng trong ngôn-ngữ và văn-tự của ta độ chừng trên dưới 15.000 tiếng ; còn số tiếng của người Pháp dùng trong ngôn-ngữ, văn-tự của họ chỉ có trên dưới 2.000 tiếng mà thôi ; thế là tiếng An-Nam phỏng chừng 8 lần nhiều hơn tiếng Pháp,* (*ta có thể chiếu theo « xi-láp » mà biết số tiếng của ta hay của người một cách đích-xác, nhưng chuyện đó là chuyện giải-trí, chưa cần-thiết cho cái vấn-đề này bao nhiêu*).

B. Giọng.— *Giọng là cái kết-quả của sự biến-hóa của tiếng. Một tiếng có thể biến-hóa ra nhiều giọng. Chúng tôi không phải là một nhà âm-nhạc-học, nên không biết số giọng của tiếng là vô-cùng hay hữu-hạn. Chúng tôi chỉ biết một tiếng có thể biến-hóa ra được nhiều giọng mà thôi ; hiện-thời tiếng An-Nam ta có những giọng sau này :*

1° Giọng ca : Ca nam-bằng, ca nam-ai, ca kim-tiền, ca từ-đại-cảnh, vân-vân.

2° Giọng hát : Hát ru con, hát giã-gạo, hát chèo đò, hát bội, hát xẩm, hát chèo, v. v ..

3° Giọng thầy : thầy bát-dật, v. v...

4° Giọng lý : lý hoa-tình, lý nam-xang, v. v ..

5° Giọng bình : Bình văn, bình sách...

6° Giọng ngâm : Ngâm Kiều, ngâm sa-mạc, ngâm cải-lương, v. v...

7° Giọng đọc chúc : Đọc văn tế, đọc văn ai, v. v...

8° Giọng xướng : Xướng cát-sự, xướng hung-sự, v. v...

9° Giọng bạch.

10° Giọng tán.

11° Giọng tụng.

12° Giọng nghinh-linh.

13° Giọng diễn-thuyết.

14° Giọng tụng kinh, vân vân ..

Tiếng Pháp thì có những giọng :

1° Giọng hát.

2° Giọng diễn-thuyết.

3° Giọng đọc kinh, sám-hối, vân vân...

Chúng tôi không biết được nhiều giọng tiếng Pháp. Nhưng tiếng An-Nam nhiều hơn tiếng Pháp, chúng tôi có thể chắc rằng giọng tiếng An-Nam cũng nhiều hơn giọng tiếng Pháp, vì tiếng biến-hóa thành ra giọng như đã nói trên kia. Tiếng An-Nam phong-phú hơn, thanh-âm An-Nam cũng phong-phú hơn. Giọng An-Nam lại cũng phong-phú hơn, nên thơ ca An-Nam cũng có nhiều phần đặc-sắc hơn thơ ca Pháp.

Người ta dùng « xi-láp » để hình-dung một tiếng. Người Pháp hình-dung tiếng họ, có khi họ dùng một « lét » âm hay là nhiều « lét » âm, ví-dụ : O, Ai...

Khi thì họ dùng một « lét » câm, vì dụ : France (« lét » F. hình-dung tiếng « phở » cũng như là một « xi-láp »).

Khi thì họ dùng một « lét » âm với một « lét » câm hoặc với nhiều « lét » câm, vì-dụ : At. Art...

Khi thì họ dụng một « lét » câm với một « lét » âm hay nhiều « lét » âm, vì dụ: ta, tôi, *vân-vân...*

Người An-Nam ta hình-dung tiếng ta thì dùng « lét » âm, « lét » câm và 5 dấu tiếng.

Vậy An-Nam ta không khi nào dùng một « lét » câm làm một « xi-láp », mà trong tiếng Pháp thời mấy dấu tiếng không thấy dùng khi nào.

Người An-Nam cũng như người Pháp đều dùng tiêu-điểm (ponctuation) *để hình-dung các giọng :*

Chấm hỏi (?) *dùng để hình-dung giọng hỏi*

Chấm phát-tinh (!) *dùng để hình-dung giọng kinh-ngạc, giọng kỳ-dị, giọng đắc-ý, vân-vân...*

Hai ngoặc ((...)) *dùng để đổi giọng.*

Chấm qua hàng dùng để phân-triệt.

Chấm cuối cùng (point final) *dùng để dứt lời.*

Vì giọng quá nhiều nên người ta không thể hình-dung hết được.

II.— Chữ và sự thay-đổi của chữ

A. Chữ. — *Tiếng và chữ khác nhau, có tiếng không thành chữ như là : buyên, lươu.*

Có khi một tiếng thành một chữ như là :

a) *Đầu, cổ, bụng, ngực..* (*chữ An-Nam*).

b) *Cou, œil, nez, dent...* (*chữ Pháp*).

Có khi hai tiếng thành một chữ :

c) *Lạt-lẽo, lặng-lẽ, êm-đềm, thong-thả, thẳn-lẳn, bồ-cạp, v. v..* (*chữ An-Nam*).

d) *Marcher, pied, cheval, bâteau' content...* (*chữ Pháp*).

Có khi ba tiếng thành một chữ :

d) *Tửng-tửng-tưng, tảnh-tảnh-tanh, sạch-sành-sanh, bất-đắc-dĩ, võ-dư-lương, vị thuốc* (*chữ An-Nam*).

e) *Pharmacie, pantalon, mangoustan, vêtement* (*chữ Pháp*).

Có khi bốn tiếng thành một chữ :

g) *Lất-la lất-lẻo, ngất-nga-ngất-nghẻo, vương-bất-lưu-hành* (*chữ An-Nam*).

h) *Monovalent, habillement, rapidement* (*chữ Pháp*)

Có khi năm tiếng thành một chữ :

i) *Thế-tổ-cao-hoàng-đế, Công-tôn-nữ-cẩm-xuân* (*chữ An-Nam*).

j) *Tétravalent, momentanément, hospitalité, malheureusement* (*chữ Pháp*).

Chữ An-Nam không có chữ nào đến sáu tiếng, nhưng chữ Pháp có khi đến mười một tiếng, như là : anticonstitutionnellement.

Chữ Pháp thời chữ phức-vận nhiều mà chữ đơn-vận ít. Còn chữ An-Nam thời chữ đơn-vận nhiều mà chữ phức-vận ít. Có lẽ vì tiếng Pháp ít nên một chữ phải nhiều tiếng để chữ này phân-biệt với chữ kia ; như nói rằng tiếng An-Nam là một thứ tiếng đơn-vận (langue monosyllabique) *chúng tôi xin quyết rằng nói sai.*

B. Sự thay-đổi của chữ — *Chữ Pháp có những thứ chữ hay thay hình đổi dạng như những chữ : danh-từ, quán-tự, chỉ-minh* (adjectif), *thế-đại* (pronom) *động-từ.*

Chữ An-Nam thời không có thứ chữ nào thay đổi cả ; lại có khi một chữ mà khi thì danh-từ, khi thì quán-tự, khi thì chỉ-minh, khi thì thế-đại, khi thì động-từ, khi thì tăng-phụ (adverbe), *khi thì thán-từ* (interjection), *vì dụ : Những người làm việc thiện là thầy của chúng ta (thầy = danh-từ).*

Thầy *Tăng-Tử mỗi ngày xét lỗi mình ba lần* (*Thầy = quán-tự*).

Học trò nên siêng học để đẹp lòng thầy (*thầy = chỉ-minh*)

Thầy *ở lại đây, mấy trò không hiểu điều gì cần phải hỏi* thầy (*thầy = thế-đại*).

Tấm lòng có nhân nghĩa, nói phô cho hòa-nhã, ăn ở cho thủy-chung mới có thể làm thầy bạn thanh-niên anh-tuấn được (*thầy = động-từ*).

Còn chữ Pháp thì danh-từ cứ danh-từ, chỉ-minh cứ chỉ-minh, thế-đại cứ thế-đại, động từ cứ động-từ, vân vân... (1).

Những chữ Pháp lại hay thay đổi theo giống đực giống cái, số ít số nhiều ngôi thứ nhất, ngôi thứ nhì, ngôi thứ ba, vân-vân...

Chữ An-Nam ta thời không thay đổi như vậy, nhưng ta có thể thêm những chữ chỉ-minh hoặc những chữ tăng-phụ. . thời ý nghĩa cũng tự-nhiên rõ-ràng. Vậy « không thay đổi như thế » cũng là không phải là một điều bất-lợi. Những chữ động-từ Pháp lại hay thay đổi theo thời-gian, vi-dụ : Je vais, J'allais, *vân vân. .*

Thiết-tưởng sự đó cũng một sự phiền ; như chữ An-Nam ta muốn nhất-định về phương-diện thời-gian cứ thêm một vài chữ vào thời ý-nghĩa thời-gian cũng đoán-định. Vả lại thời-gian là vô cùng, vô-tận chỉ có tám thì (*8 temps*) *cũng nọ đủ vào đâu. Vậy tiếng An-Nam ta không chia « ve-bờ » lại cũng không phải là một sự bất-lợi.*

Trong động-từ Pháp lại có trực-trần-trạng (mode indicatif), *nghi-nghị-trạng* (mode conditionnel) . . . *có ngôi thứ nhất, thứ nhì... ; chữ An-nam tuy không đổi theo trạng, theo ngôi, nhưng biết dùng chữ mà đặt rõ-ràng thì cũng có thể chỉ trạng, chỉ ngôn một cách phân-minh đích-xác được. Nói tóm lại sự đổi theo giống đực, giống cái, số ít, số nhiều, trạng, thời gian, ngôi thứ nhất, ngôi thứ nhì, vân-vân... tưởng chữ An-Nam không cần gì mô-phỏng hệt như chữ Pháp.*

Tự-thể (*Morphologie*)

Duy tự-thể chữ An-Nam thì thác-tạp phần nhiều. Như trên đã nói, chữ An-Nam không phải là một thứ chữ đơn-vân, vì có chữ hai tiếng, có chữ ba tiếng, có chữ bốn tiếng, có chữ năm tiếng, nên câu sau này, ta có thể viết như vầy cũng có ý nghĩa : Một ngày kia, cô Công-tôn-nữ Thị-Hoa bảo người bạn rằng: « Ngủ dậy ngắc-nga-ngắc-nghéo, ăn rồi cứ tửng-từng-tưng, nghỉ, hiện-thời, đàn-bà An-Nam ta, phần nhiều, thật là vô-dụng ».

Nhưng có khi bất-tiện ! Khi nào « lét » cuối chữ trước và « lét » đầu chữ sau đều là « lét » âm thời ta có thể đọc lộn chữ này qua chữ kia, vi-dụ hai chữ « thụ » « ân », mà viết lại một chữ thì tất phải đọc « thuận » ; thế nên ta không có thể bắt-chước chữ Pháp mà viết như câu trên đây được. Tuy vậy mà ta có thể dùng cái « dấu-nối » để làm cho tự-thể chữ ta được phân-minh xác-thực hơn. Vậy cái dấu-nối là một cái dấu rất quan-hệ trong sự viết quốc-văn ta.

Chữ ta vẫn nhiều chữ « ô-mô-nim », vì phần nhiều chữ ta từ chữ Hán mà ra, vi-dụ :

Thi = *thi-ca* (詩).
Thi = *thi-đua* (試).
Thi = *thi-thể, thây* (尸).
Thi = *thi-hành* (施).
Thi = *cổ-thi vân-vân...*

Bao nhiêu chữ Hán đó thì đọc in nhau, mà tự-thể khác nhau. Còn chữ

(1) Loại chữ danh-từ không khi nào dùng như các loại chữ khác. Nhưng tất cả các loại chữ khác đều có thể dùng như danh-từ được cả.

ta thì đọc in nhau mà tự-thể cũng in nhau.

Nhiều « ô-mô-nim » như vậy cũng là sự bất-tiện. Nên có người bảo rằng những chữ « ô-mô-nim » trong quốc-văn ta cần phải sửa tự-thể để chữ này phân-biệt với chữ kia. Thiết-tưởng sự sửa đổi như vậy là một sự phiền phức vô-cùng, khó-khăn vô-cùng! Một cái tập-quán gần 300 năm, ảnh-hưởng đến gần 20 triệu người, không có thể sửa-sang canh-cải dễ-dàng như lời nói được! Vả chăng có bất-tiện nữa cũng bất-tiện cho người ngoại-quốc, chớ người An-Nam ta, học tiếng mẹ đẻ, sự nhiều « ô-mô-nim » cũng không bất-tiện bao nhiêu

Chúng tôi hãy nhắc lại một lần thứ hai, ta không nên khi nào sơ-hốt cái dấu nối được.

Mẹo

Có chữ thì phải có mẹo ; mẹo dạy về nghĩa chữ, tánh chất của chữ, tự-thể của chữ, vị-trí của chữ ở trong câu. Muốn đặt câu văn cho rõ-ràng, tất phải học mẹo. Có người bảo rằng : học chữ An-Nam không cần học mẹo, thậm-chí bảo rằng quyển mẹo của nhà nọ là một quái-vật trong làng văn. Nói như vậy là mô-hồ và vô-lý, bàn về mẹo mà không biết mẹo là giống gì! Mới đây vì phân-biệt ba chữ : « những, các, mấy », mà cụ Huỳnh với ông Phan tranh-biện cùng nhau ; mấy bài tranh-biện đó không phải những bài bàn về mẹo hay sao? Ước-ao rằng Nguyễn Cát-Ngạc tiên-sinh sẽ ấn-hành một quyển sách mẹo tiếng An-Nam rất có giá-trị.

Tự-vị

Có chữ phải có tự-vị ; tự-vị dùng để định tự-thể của chữ, định nghĩa của chữ, để người Nam viết gì người Bắc cũng hiểu, người Bắc nói gì người Nam cũng không lầm, để kẻ ham-mộ quốc-văn có phương-châm mà nghiên-cầu tra-cứu. Mấy lâu nay nhiều người bảo rằng trong quốc-văn không nên dùng chữ Hán nhiều, vì dùng chữ Hán nhiều khó hiểu khó nhớ, vân-vân.

Có người lại bàn rằng : « Nói như thế thì thất-ư-quá trong tiếng Nam ». Có người lại bàn rằng : « Người dốt tiếng Nam cũng là người nhác học, mà người không ưng dùng chữ Hán cũng là người nhác học ». Nhưng xét ra cho kỹ có người không nhác học mà cũng không làm sao giỏi được quốc-văn. Là tại chưa có quyển tự-vị! Ví-dụ đọc gặp chữ khái-niệm mà không hiểu nghĩa là gì, không biết tra-cứu vào đâu, mà cũng không biết hỏi ai, thế thì làm sao cho giỏi quốc-văn được? Thế thì làm sao mà hâm-mộ quốc-văn được?

Người ham đọc sách đến đâu, nếu gặp ba chữ mà không hiểu cả ba, thì chi cũng tắt đèn ngủ quách!

Theo ý-kiến chúng tôi sách cần cho sự học quốc-văn ta bây giờ ta phải kể đầu-tiên là quyển tự-vị. Có tự-vị tất số người hâm-mộ quốc-văn sẽ tăng thêm không biết bao nhiêu.

Kết

Ta so tiếng An-Nam với tiếng Pháp như vậy thì ta thấy :

1) Ta thua tiếng Pháp 2 âm : âm Ja và âm Pa.

2) Chữ ta không gồm nhiều tiếng bằng chữ Pháp.

3) Ta chưa có quyển mẹo và quyển tự-vị.

4) Chữ Pháp nhiều hơn chữ ta. Theo quyển tự-vị Hàn-lâm của Pháp thời người Pháp hiện thời có hơn 32.000 chữ. Chữ An-Nam ta chưa có tự-vị chưa biết số chữ được bao nhiêu, nhưng ta có thể chắc rằng số chữ An-Nam cũng thua số chữ Pháp. Vậy thì ta phải vay chữ Pháp. Mà muốn vay chữ Pháp

thời phải thêm hai vần vào «an-pha-bê» ta, là :

Ja jă jâ je jê ji jo jô jơ ju jư.
Pa pă pâ pe pê pi po pô pơ pu pư.

Những chữ Pháp gồm có 5 tiếng, 4 tiếng, nhất là 3 tiếng, 2 tiếng, 1 tiếng đều sẽ nhập-tịch chữ ta được cả ; ví-dụ : bốc (boxe), *xi-măn* (ciment), *vi-ta-minh* (vitamine), *vân vân...*

Chữ ta cũng có thể mô-phỏng theo chữ Pháp mà liệt ra chính-loại, là : danh-từ, quán-tự, chỉ-minh, thế-đại, động-từ, tăng-phụ, tiếp-tục, giới-từ và thán-từ. Những loại chữ quán-tự, thế-đại, giới-từ, tiếp-tục, thán-từ thì ta đã có đủ dùng. Dug phải vay những loại chữ danh-từ, chỉ-minh, động-từ và tăng-phụ vì thuộc về những loại chữ đó thời quốc-văn ta vẫn thiếu nhiều, nhất là về loại danh-từ.

Nhưng, như chúng tôi đã nói trên, một chữ danh-từ, hoặc một chữ chỉ-minh đều dùng như một chữ động-từ hay một chữ tăng-phụ. Vậy ta phải vay chữ Pháp chỉ vay về những loại danh-từ và chỉ-minh mà thôi.

Vả chăng vấn-đề văn-tự và ngôn-ngữ là một vấn-đề tập-quán (question d'usage ; *người Nhật họ đã dùng chữ Tàu mà dịch chữ Pháp ra đã nhiều, những chữ họ đã dịch mà dùng đã trở lại Tàu và truyền sang ta cũng đã nhiều. Vậy ta không có thể nhất-nhất toàn vay chữ Pháp hết cả được, vì nhiều danh-từ mới dịch bằng chữ Tàu đã nhập-tịch quốc-âm ta và vì thanh-âm chữ Tàu giống hệt như thanh-âm chữ ta. Nên ta vay trực-tiếp mặc lòng ta cũng phải giữ đạo trung-dung.*

Những chữ dùng về địa-dư và lịch-sử, chữ nào phát-xuất từ một khu đất đã chịu ảnh-hưởng văn-hóa Tàu như là : Mãn-châu, Mông-cổ, Nhật-bản, Cao-ly, thì ta cứ dùng danh-từ chữ. Như Mông-cổ thời cứ nói Mông-cổ, Thượng-hải cứ nói Thượng-hải, Hốt-tất-liệt cứ nói Hốt-tất-liệt ; không nên nói Mông-gô-ly, Sang gay, Cu-bi-lai. *Những chữ phát-xuất từ những khu đất không chịu ảnh hưởng văn-hóa Tàu bao nhiêu như là phía Bắc và phía Tây châu Á và tất cả bốn châu kia Âu, Phi, Mỹ, Úc, ta nên mượn trực-tiếp chữ Tây như* Moscou *thì nói Mốt-cu, không nên nói Mạc-tư-khoa,* Maroc *thì nói Ma-rốc không nên nói Ma lạc-kha,* Voltaire *thì nói Vôn-te không nên nói Phúc-lập-đặc-nhĩ,* Guillaune *thì nói Gay-giôm không nên nói Ly-liêm vân vân... Nếu đọc và viết như ý-kiến chúng tôi thì đọc nghe cũng dông-giống như tiếng Tây mà viết ra tự-dạng cũng na-ná như chữ Tây vậy. Trừ ra những chữ ta đã dùng quen lắm rồi như là Nã-phá-luân, Hoa-thịnh-đốn, v. v... thì ta cứ dùng như vậy cũng không hại.*

Những chữ thuộc về khoa-học nhất là về hóa-học thì ta cứ mượn trực tiếp chữ Pháp. Ta cứ nói « phốt-phát, a-xit, ốc-xit, pẹt-mân-ga-nát, hy-pô-suynh-phit *» v. v. Còn «xem-bôn»* (symbole) *những chất hóa-học thì cứ bắt chước như chữ Pháp ; cũng như người Pháp dùng* Hg. *làm «xem-bôn» cho chất* mercure, *dùng «lét»* K. *làm «xem-bôn» cho chất* potassium ; *những «lét»* H. *và* g. *không dính-líu gì với chữ* mercure, *«lét»* K. *không dính-líu gì với chữ* potassium. *Trừ ra những chất mà ta đã có tên rồi như là diêm-sinh, lân-tinh vàng, bạc, đồng, chì, than, kẽm, v. v... ta cứ dùng chữ ta mà cũng cứ dùng «xem-bôn» của chữ Pháp, vì các «xem-bôn» đó đã thông-dụng cho các nhà bác-học trong hoàn-cầu.*

Dùng như vậy cũng có điều bất-tiện vì «xem-bôn» không dính líu gì với chữ, nhưng theo ý-kiến chúng tôi không có dùng cách nào hơn. Nhưng bất-tiện mặc lòng, chỉ bất-tiện về phương-diện hóa-học mà thôi, tưởng cũng không quan-hệ gì lắm.

Còn bao nhiêu danh-từ và chỉ-minh khác, chữ nào người Nhật đã dịch ra chữ Tàu thì ta cứ bắt-chước theo chữ Tàu ; chữ nào họ chưa dịch ra thì ta cứ vay trực-tiếp chữ Pháp.

Muốn đạt mục-đích ấy thì ta phải xử-trí như thế này :

Ta phải mua phần mỗi người :

1 quyển Pháp-tự tự-điển đại-toàn (ví dụ : dictionnaire Larousse du vingtième siècle, *1 bộ sáu quyển)*

1 quyển Pháp-tự tự-điển về triết-học.
1 quyển Pháp-tự tự-điển về khoa-học.
1 quyển Pháp-tự tự-điển về kỹ-nghệ.
1 quyển Pháp-Việt tự-điển.
1 quyển Pháp-Hoa tự-điển.
1 quyển Pháp-Nhật tự-điển.
1 quyển Trung-hoa tân-tự-điển.
1 tập giấy trắng rất dày.

Dịch thì phải lấy « Pháp-tự tự-điển đại-toàn » làm gốc, trước khi dịch một chữ nào, phải xét cho rõ ý-nghĩa của chữ, thế phải dùng tự-điển triết-học, cách-trí, kỹ-nghệ, v. v... mà tham-làm cho tường-minh

1° Nếu chữ đó chỉ một vật, một sự, v. v.. mà An-Nam ta đã có tên cứ viết chữ An-Nam mà thích nghĩa rõ-ràng : gốc chữ An-Nam, đoạn cắt-nghĩa, rồi làm một câu, ví-dụ chữ ta. Thế là phải xét trong quyển Pháp-Việt tự-điển.

2° Nếu chữ đó chỉ một sự, một vật mà An-Nam ta chưa có tên thì cứ xem tự-điển Pháp-Hoa, coi người Tàu họ dịch chữ gì, lấy chữ Tàu mà viết ra quốc-ngữ, đoạn giảng-giải và làm một câu ví-dụ như trên.

3° Nếu chữ đó mà trong tự-điển Pháp-hoa không có thì ta phải xem tự-điển Pháp-Nhật, xem người Nhật họ dịch ra chữ gì, (người Nhật cũng dùng chữ Hán) lấy chữ đó mà viết sang chữ quốc-ngữ, đoạn cũng giải-thích và ví-dụ như vậy.

4° Khi cả ta, cả Tàu, cả Nhật cũng chưa có tên để chỉ sự đó vật đó thì ta cứ viết tiếng Pháp sang tiếng quốc-ngữ, rồi cũng giải-thích và ví-dụ như vậy.

Đại loại làm như thế này :

P.

Pierre. — Đá (A) — *Một chất đặc và cứng dùng để làng cột xây vách, lát đường,...*
Ví dụ : Xứ nào đất núi thường có đá nhiều.

Phosphore. — Lân-tinh (T. 燐精) — *Một chất trong lánh như gương, như hồ-phách, nhạy lửa, bỏ chỗ tối thì tự nhiên thấy sáng như đom-đóm.*
Ví dụ : Lân-tinh có hai thứ : thứ đỏ và thứ trắng, (xem-bôn = P).

Phare. — Pha (Ph) — *Đèn xây trên một cái gò hay là trên một cái tháp gần bờ biển để chỉ đường cho tàu đi.*
Ví dụ : Cửa Qui-nhơn có hai cái pha.

Khi nào gặp chữ nho thì phải tra tự-điển Trung-hoa cho hiểu nghĩa.

Khi gặp chữ Pháp cuối cùng có vần câm, nếu phải viết sang chữ quốc-ngữ thì nên bỏ vần cuối cùng ấy đi, vì chữ ta thường có nhiều chữ đơn-âm, nên vần-tắt chừng nào thì nghe êm tai, đọc dịu-dàng chừng nấy

Ví dụ : Mètre = *Mét.*
Phare = *Pha.*
Lisbonne = *Lít-bôn. vân vân.*

Mục-đích ta làm quyển tự-điển này, cốt để dịch sách Pháp nên phải dịch cả nghĩa đen, nghĩa bóng từng chữ, mà lại phải dịch cả mấy « thành-ngữ » (expressions) vì công dụng một « thành-ngữ » cũng như công-dụng một chữ vậy.

Làm như vậy thì dịch sách Pháp, sách nào dịch cũng được, mà cũng có thể nói rằng người nào có chút học-thức phiên-dịch đều được. Hiện bây giờ có người đương biên-tập quyển Việt-Nam tự-điển, cũng có người đương toản-tu quyển Hoa-Việt tự-điển. May mà quyển Pháp-Việt tự-điển này cáo-thành được sớm thì không lo gì không có bộ Việt-Nam tự-điển đại-toản. Vì ngày sau ta có thể góp nhặt lựa chọn (khi mà ta đã có viện Hàn-lâm) chữ trong ba bộ tự-điển ấy mà làm thành ra một bộ đại-toản. Chữ Việt lúc bấy giờ chẳng những giàu bằng chữ Pháp mà lại có lẽ nhiều hơn chữ Pháp nữa : vì có cả chữ Tàu, chữ Pháp và chữ ta.

Nước Tàu là một nước văn hóa xưa rất thịnh ở Đông-Á, mà nước Pháp là một nước văn-minh mới rất mực ở Tây-Âu. Ta được học hai nước này, thì cũng như học cả mấy nước trên hoàn-cầu vậy.

Có người bảo rằng số chữ tăng thêm theo trình-độ văn-minh của từng dân-tộc, dân càng văn-minh thời văn-tự càng nhiều ; nói vậy rất là hiệp-lý : vì có tư-tưởng mới có văn-tự.

Song-le văn-tự cũng có ảnh-hưởng cho tư-tưởng, nên ta có thể đi ngược lại, nghĩa là đặt cho nhiều văn-tự để tư-tưởng ta cho rộng thêm, để kiến-thức ta cho xa thêm.

Một việc to-tát như thế này một người không thể kham được. Ít nữa cũng phải sáu người, đủ nghị-lực, có nhiệt-thành đối với quốc-văn, chia nhau mỗi quyển mỗi người, nghị-luận và thương-lượng cùng nhau đặt ra một cái chương-trình, hè nhau mà lăn-lóc trong mười năm nữa có thể trông mong thành hiệu.

TRẦN KỲ-Ý

VIỆT-NAM TỔ-QUỐC TÚY-NGÔN

越南祖國粹言

X

433— *Miệng thơn-thớt, dạ ớt ngâm* (1).

434— *Một mặt người bằng mười mặt của* (2).

435— *Mưu cao chẳng bằng chí dầy* (3).

436— *Mất lòng trước mà được lòng sau* (4).

437— *Một câu nhịn là chín câu lành* (5).

438— *Muốn làm ông cái lòng không muốn mất* (6).

439— *Nói mười voi không được một bát nước sáo* (7).

440— *Miếng ngon nhớ lâu, điều đau nhớ đời* (8).

441— *Một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa* (9).

442— *Một ngày nên nghĩa, chuyến đò nên quen* (10).

1) *Thơn-thớt* là cách nói ra ý dễ-dàng vui-vẻ. *Dạ ớt ngâm* là như ngâm ớt ở trong lòng cay một cách ngầm-ngấm. Đó là nói kẻ giả đạo-đức, ngoài miệng thì ngọt-ngào mà trong lòng thì cay độc.

2) Người đạo-đức là người biết giữ cái thể-diện của mình, không bao giờ vì tài-lợi mà lật cái mặt trái ra được. Thế cho nên ai tin giao cái của gì cho, phải coi quí cái mặt của mình bằng mười cái mặt của cái của ấy, không

khi nào đổi khác cái mặt mình đi mà giở-giáo để lấy của ấy được. Bởi vậy kẻ bội-ước, thất-tín cũng gọi là « *lật mặt* », « *muối mặt* ».

3) Mưu cao là lập ra những mưu mẹo cao sâu, quỉ-quái để lừa người. Chí dầy là giữ được chí cho bền dai không biến đổi. Mưu cao là gian-ác, chí dầy là đạo-đức thực-thà. Mưu cao đấu với chí dầy, kỳ-thủy thì tựa hồ mưu cao hơn. Nhưng mưu thì gian, gian thì có lúc bại-lộ, mà phải cùng. Còn như chí thế nào cứ thế mà theo mãi, đến khi mưu cao đổ thì là chí dầy thắng.

4) Khi mới hợp nhau cùng bàn định làm việc gì, phải trực-trần hết mọi nỗi khó-khăn ra trước để cho nhau liệu mà tránh trước. Không nên nề-nang chỉ nói cái dễ cái hay mà không nói rõ cái khó cái dở cho nhau liệu trước thì rồi tất không lâu dai được với nhau. Cho nên những lúc đó, cứ thực nói ra, người nghe có mất lòng, nhưng sau khỏi hối. Còn hơn là miễn-cưỡng cho được lòng lúc bấy giờ mà không nói rõ, đến sau vì đó không nên việc, thành ra mất lòng nhau mãi. Thế là mất lòng trước mà được lòng sau, hơn là được lòng trước mà sau lại mất lòng vậy.

5) Đây là nói về đối với trong nhà. Trong nhà tình thân cốt-nhục, anh em chị em với nhau lấy nhường làm trọng. Có điều gì bất-bình cũng nên nhịn nhau, nhường nhau, không đi đâu mà thiệt. Cho nên cổ-ngữ Tàu cũng có câu « *Bách-nhẫn đường trung hữu thái-hòa* », nghĩa là trong nhà trăm điều đều nhịn được thì rất vui-vẻ hòa-bình. Còn như đối với ngoài thì lấy công-bình làm chuẩn cho sự giao-tế. Nhịn tùy từng điều, nếu cái gì cũng nhịn cho được yên lành, thì kẻ ác càng thêm ác mà mình vị-tất đã được yên lành.

6) Đời Chiến-quốc bên Tàu có « đạo Dương » của Dương Chu xướng lên. Chủ-nghĩa là « *Bạt nhất mao nhi lợi thiên-hạ bất vi dã* 拔一毛而利天下不為也 », nghĩa là nhổ một cái lông ra mà làm lợi được cho đời cũng không làm. Đời gọi là đạo « Vị ngã ». Đây nói kẻ biển-lận tham-lam, muốn làm bậc « ông » là bậc có địa-vị trong xã-hội, người ta phải tôn-kính. Nhưng không chịu tốn công thiệt của chút nào, một cái lông cũng không muốn mất, chính là tín-đồ của đạo « Vị-ngã », vô-ích cho đời muốn đời tôn-kính thì làm sao được.

7) Kẻ giả đạo-đức đối với việc nghĩa nào cũng quả-cảm nhận làm, lại tự bày đặt ra những phương này cách khác để cho chúng khen là giỏi. Đến nơi chẳng làm được một việc gì. Chẳng khác như kẻ nói định mổ đến mười con voi để làm cỗ, mà rút cục chẳng thấy được một bát sáo voi nào. Thật là kẻ « nói khoác », kẻ « đại-ngôn ».

8) Đây là nói làm người phải biết ơn và biết oán. Ai cho mình ăn miếng gì ngon phải nhớ mãi, mà ai xử với mình điều gì đau lòng thì suốt đời không quên được. Trái lại kẻ đã dễ quên ơn thì tức cũng dễ quên oán, sao là phường đạo-đức.

9) Không cứ học thành một đạo-nghệ ở ai thì người ấy mới là thầy, không cứ ăn ở với ai lâu năm mới là nghĩa. Thầy ấy nghĩa ấy đã cố-nhiên đi rồi. Nhưng nếu mình hỏi ai bảo cho mình một chữ một nghĩa nào cho mình biết thêm ra cũng nên kính người ấy là thầy. Mình ăn ở với ai trong một ngày cũng là tình nghĩa với nhau không quên được.

10) Cũng giống như nghĩa câu trên.

. . .

443 — Một miếng khi đói bằng gói khi no (1).

444 Mặt đỏ như lửa, thấy đàn bà chửa cũng tránh (2).

445— *Mặc ai chác lợi mua danh,*
Miễn ta học được đạo lành thì thôi
446— *Mất trâu thì lại tậu trâu,* [3].
Những quân cướp nợ có giàu hơn
447— *Mụ gia, ba bảy mụ gia,* [ai (4).
Mụ thì tiền rưỡi, mụ ba mươi đồng
448— « *Muôn vàn* » *chớ cấy kẻ La,* [5].
Cái tương thì thối, cái cà thì thâm
449— *Năng nói, năng lỗi* 7 . [(6).
450— *Ném đất giấu tay* (8)
451 - *Nói như khướu bách thanh* (9).
452— *Nói như dao chém đá* (10).

1) Đối với lúc nguy-cấp thì ai cứu cho miễn được lúc ấy là ơn, dù nhỏ mà thực to. Lúc kẻ bị đói mà người ta cho được một miếng cho khỏi khổ cũng là thâm-ân lắm rồi. Nó thực quí hơn một gói thức ăn mà người ta tặng cho lúc no vậy. Thế thì cái ơn đáng nhớ là ở sự cần-cấp chứ không phải ở của ít nhiều.

2) *Mặt đỏ* là chỉ về kẻ hung-bạo, mặt đỏ như lửa là kẻ đang nổi cơn hung-bạo. Đây là nói dù hung-bạo hay là giận-dữ thế nào thì gặp sự đáng thương đáng cảm cũng phải động lòng mà thư tâm cứu giúp mới là người. Cho nên kẻ hung-bạo mặt đang bốc lên đỏ như lửa đi đánh giết ai kia, mà giữa đường gặp người đàn bà chửa là người mềm-yếu lại đang mang thai nặng nề, thì kẻ hung-bạo ấy cũng phải tránh. Xem thế thì biết cái lòng nhân, ai cũng đều có sẵn.

3) Đây là nói trọng đạo lành hơn danh-lợi.

4) Vay nợ mà dùng cách vỗ trắng không trả là cướp nợ. Kẻ giàu mới có trâu, cho nên dù có bị mất con trâu ấy lại có con trâu khác. Kẻ túng thiếu mới phải đi vay, thế mà cướp nợ, thì không ai tin nữa, sẽ nguy-hiểm cho sự làm ăn của mình, còn giàu sao được.

5) *Mụ gia* là người dâu-da với mình, cũng gọi là mẹ chồng. — *Ba bảy* là nhiều hạng nhiều bậc — Cỗ tiền cứ 60 đồng là một tiền quí — *Rưỡi* là nửa. — Đây là chê cách đối-đãi với các bà dâu-da không công-bằng. Bà thì coi quí, bà thì coi khinh, mà quí đến gấp ba thì thực là thói xấu. Thói xấu ấy tất có vì thế-vị, tài-lợi mà ra.

6) Kẻ La là một làng ở Hà-đông. Cổ tục bạc-đãi những người thợ cày thợ cấy ở các làng khác đến làm thuê. Cho ăn uống những đồ không ngon lành. Thực là tục bạc-ác không biết xét công cho người vất-vả giúp việc. Nên những người thợ cấy này thề không đến làm thuê cho làng ấy nữa.

7) Đây là răn những nết hay nói nhiều mà nói quá sự-thực. Cho nên càng nói nhiều càng sinh lỗi.

8) Đối với sự bất-bình, với kẻ bất-nhân, thì cứ công-nhiên ra mặt mà công-kích, mà tố-cáo mới là trượng-phu. Nay đi xui ngầm kẻ khác làm mà mình thì chối cãi không dám nhận là mình xui, hoặc giả-cách làm ra như là không biết đến, hoặc lại đến nịnh kẻ cường-bạo kia để kẻ ấy khỏi thù mình, đó là kẻ hèn. Thế cũng như người cầm đất ném rồi liền giấu tay vào bọc để tỏ ra không ném. Người thực đạo-đức không khi nào làm ám-muội như thế.

9) *Chim khướu* hót một lúc giở đủ trăm thứ giọng thì là khướu hay Người mà nói liến-thoắng, đang giọng, này giở ngay ra giọng khác, cùng một việc vừa mới khen lại quay ra chê ngay thì là người xấu.

10) Dao chém vào đá thì có vết ngay không lau sạch được nữa. Lời nói của người quân tử đã nói ra khỏi miệng thì giữ y như lời, chứ không chối cãi hoặc thay đổi đi được, không khác gì nhát dao đã chém vào đá vậy.

. . .

453— *Na-mô một bồ lấy bốn,*
Người ta đã khốn lại còn na-mô (1)
454 - *Na-mô một bồ dao găm* (2).

455 – Nói như đanh đóng cột (3).
456 Nói con rắn trong lỗ bò ra (4).
457— Nói lời phải giữ lấy lời,
Đừng như con bướm đậu rồi lại bay (5).
458— Nói người chẳng ngẫm đến ta,
Cái gương tầy liếp để mà ai soi 6).
459— Nói người chẳng ngẫm đến thân,
Thử sờ lên gáy xem gần hay xa (7).
460 – Nước đầy rót đĩa khôn bưng,
Dù ai vinh-hiển ta mừng cho nhau
461— Ngỏ cửa cho gió lọt vào (9). [(8).
462— Ngoài anh em trong cờ bạc (10).

1) Đây là nói về cách đạo-đức cửa miệng của các bà nhà giàu cho vay lãi. Lúc nào bà cũng đọc lời « na-mô » để niệm Phật, tỏ ra mình mến đạo từ-bi thương người. Thế mà bà cho người ta vay một bồ thóc, bà đã lấy thành bốn bồ cả vốn lãi rồi. Lãi lấy đến một thành bốn là cực ác cực nghiệt, kẻ trả nợ khốn-đốn không biết chừng nào, thế mà bà cứ niệm Phật bừa đi ra điều bà vẫn có lòng thương kẻ nghèo phải đi vay, phải trả nợ ấy.

2) Kẻ bạc-ác gian-trá ngoài miệng thì làm mặt giả-đạo-đức mà trong lòng vẫn chứa-chất những mưu độc-ác giết người. Cho nên nói là một bồ dao găm.

3) Đó là chỉ về lời nói nhất-định bất-dịch.

4) Chê kẻ khéo nói. Rắn là giống vật ẩn ở trong lỗ, bị lời nói khéo dỗ-dành còn phải mê mà bò ra, phương-chi là người. Coi đó biết cái ma-lực của lời nói khéo là đường nào. Cho nên lời nói đã khéo là có mẹo ở trong.

5) Đây là dặn kẻ đã hứa lời giao-ước với nhau thì phải giữ. Xem con bướm kia nó đi tìm chất ngọt trong nhị hoa, đậu xuống bông nào mút vội-vàng hết chất ngọt rồi thì lại phải bay sang bông khác, không đâu yên được một chốc. Vậy lời nói mà lại chập-chờn như thế, thì sao phải là người có đạo-đức biết giữ tín-nghĩa.

6) Đây là bảo kẻ hay bài-bác chê-giễu người ta, thì trước hết phải soi vào cái gương của mình nó to bằng cái liếp ấy, thiếu gì là chỗ nhọ-nhem ở mặt, sao không lau sạch đi đã. Nghĩa là phải tự xét lại mình thiếu gì là sự xấu thì hằng tu thân lại đã, rồi sẽ nói xấu người.

7) Cũng giống nghĩa câu trên.

8) Đây là khuyên kẻ thấy bà-con bạn-hữu khá lên thì nên mừng cho nhau mà không nên đố-kỵ nói xấu. Phải biết rằng cái lượng của cái đĩa thì chứa được có ngần mà thôi. Nếu rót nước vào đến tràn lên miệng đĩa thì khó bưng đi bưng lại được. Cũng như cái tao-tế của mình chỉ làm được cho mình hưởng-thụ có ngần ấy thôi. Nếu cứ cái tao-tế nông-cạn như lòng đĩa ấy mà muốn sở-đắc hơn lên thì khó lắm. Vậy thì bà con bạn hữu có ai vinh-hiển lên thì tất kẻ ấy có chỗ may hơn mình. Mình nên mừng cho nhau mà không nên ghen-ghét mới phải.

9) Đây là dặn những người trong chỗ thân-tình với nhau, phải dung-thứ và che đậy những sự chẳng hay cho nhau. Nếu động một tí thì sinh ra hiềm-khích, tất người ngoài sẽ thừa cái khe hở ấy mà lấn vào làm hại dần cả trong cái đoàn-thể ấy được. Cũng như cái cửa cốt để che gió, nay vì mình có ngỏ cái cửa ấy ra thì gió nó mới lọt vào.

10) *Ngoài* là khỏi chỗ cờ bạc trở ra, *trong* là ở giữa chỗ cờ bạc. Câu này ý nói đã vào trong chỗ cờ bạc là cái chỗ được thua bóc lột nhau đồng tiền thì không còn có tình gì anh với em, ruột thịt với nhường nhịn gì nữa. Coi đó đủ biết thói cờ bạc vô-đạo-đức là đường nào.

. . .

463 — *Người là vàng, của là ngãi* (1).

464 — *Người làm quan, nhất tự cách trùng* (2).

465 — *Người một quan khinh kẻ chín tiền* (3).

466 — *Người mà vô lễ, khác gì muông dê* (4).

467 — *Người ăn thì còn, con ăn thì lớn* (5).

468 — *Người làm nên của, của không làm nên người* (6).

469 — *Ngồi buồn kể ruốc nhau ra,*
Ruốc ông thì thối ruốc bà cũng chẳng thơm (7).

470 — *Người trồng cây hạnh người chơi,*
Ta trồng cây đức để đời về sau (8).

471 — *Nhờ gió bẻ măng* (9).

472 — *Lời nói là một gói vàng* (10).

1) Thế-tình thường quí vàng hơn người, đây thì coi người là vàng tức là quí người hơn vàng. Còn vàng thực thì là cái của để dùng mà xử với nhau cho tỏ ra tình nghĩa mà thôi. Người có vàng thì dùng mà xử, người không có thì thôi, không lấy đó làm so-sánh.

2) *Nhất tự* là một chữ tước-hiệu về quan-phẩm — *Cách-trùng* là cách-biệt mấy lần. Đây là chê những kẻ mới có quan-tước mà khinh rẻ bà con bạn hữu, không thèm xử bằng hàng như trước với nhau nữa. Thật là cái thói tệ-bạc hủ-lậu. Không biết rằng ở đời thực có công-đức thì người ta cảm mến ở trong bụng mà tự tôn-kính. Kẻ có công-đức bất tất cứ phải có quan-tước, mà kẻ có quan-tước vị-tất đều có công-đức. Vậy vì tao-tế mà có quan-tước là đắc thời để hành-đạo, đối với người ngoài cũng không nên cách-trùng nữa là với bà con bạn hữu trong luân-lý rất thân, mà mới nhất tự đã cách trùng thì đáng bỉ là dường nào. Thế mà những kẻ tổng-lý, những kẻ tước mua quan quyên cũng vội cách-trùng ngay với bà con, chúng bạn, thực là cái thói giai-cấp hủ-lậu, đáng nên kíp đổi.

3) Cổ tiền 60 đồng là một tiền qui, 10 tiền qui là một quan. Chê đời chỉ lấy tiền làm trọng, hơn nhau một chút là đã khinh nhau, đến như kẻ không có đồng nào thì còn kể vào đâu nữa.

4) Răn kẻ vô-lễ. Nếu ăn ở vô-lễ thì cũng như cầm thú vậy.

5) Đây là khuyên kẻ có của cho người nhờ-vả nên khoan-dong. Mình cấp cho người ta, người ta có ăn đi mất, nhưng người ta còn thì của mình còn, rồi có lúc người ta trả lại mình được. Cũng như của ấy để nuôi con thì con cũng ăn đi hết, nhưng được cái lãi là con mình nhớn lên để được trông cậy. Thế thì kẻ có của cho người nhờ-vả cũng nên dong-thứ.

6) Khuyên đừng coi của trọng hơn người. Bởi vì của là cái mà người ta làm nên nó, chứ nó không làm nên người được. Vậy thì người là qui.

7) Ruốc là sự xấu, dơ rước. Lại ruốc là một thứ sinh-vật ở vùng sông Thái-bình Bắc-kỳ. Nó bé nhỏ như hột cát, mỗi năm cứ đến mùa đông thì sản-xuất ra ở mặt nước, đi có từng đàn ở trong nước như vẩn bụi. Người thuyền chài phải lấy cái xăm may bằng lụa, trăng ngang sông mà lọc lấy. Nắm vào từng nắm đem bán để người ta mua mà nấu ăn. Ruốc vào lửa hoặc rượu thì đỏ ra như sắc tôm tép chín. Nó có chất ngon ngọt cũng như tôm tép, nên cũng dùng làm mắm gọi là mắm ruốc. Ruốc có tên nữa gọi là « thủy trần 水塵 ».

Đây là cách nhạo tiếng ruốc-dơ cũng như mắm ruốc thối. Chê cả hai ông bà cùng có nhiều cái ruốc, chẳng thơm gì mà còn cứ giở lẫn của nhau ra. Thực là đều không biết tự xét mình.

8) *Hạnh* là một thứ cây quả ngon hoa đẹp. Người ta trồng ở trong vườn làm cảnh chơi qui mà có lợi. *Đức* là

điều nhân-nghĩa, yêu người giúp chúng hằng làm sự phải.

Đây là nói người đời chỉ biết vun trồng cho cái cây vật-chất để cầu lấy cái lợi chơi hoa hái quả nhỡn-tiền, mà không biết còn có cái cây tinh thần lợi ích lớn lao và lâu dài đáng nên vun trồng hơn.

9) Khi gió to thì những cây tre ngoài bờ lũy xô đập vào nhau, thành những tiếng kêu ồn-ào và lắc-rắc. Kẻ gian bên nhân dịp ấy bẻ trộm măng thì người trong nhà có nghe tiếng măng gẫy cũng cho là tiếng gió chuyển mà không ngờ, nên dễ làm được sự gian-phi. Đó là vì với lúc đời loạn-lạc, trật-tự luật-pháp đảo-điên. Kẻ gian dễ thừa-cơ mà làm bậy để cầu lấy phú-quí cho mình.

10) Nói về cái giá-trị to của lời nói thực.

. .

473— Nhời nói là đọi máu (1).
474— Quân-tử nhất ngôn (2).
475— Qua đò khinh sóng (3).
476 — Rượu nhạt uống lắm cũng say,
Người khôn nói lắm dẫu hay cũng nhàm (4).
477 — Sống chỉ mặt chết chỉ mồ (5).
478 — Suy bụng ta ra bụng người (6).
479— Sợ hẹp lòng không sợ hẹp nhà (7).
480 — Sống chết mặc bay tiền thầy bỏ túi (8)
481 — Sáng rửa cửa, trưa mài dục, chửa tối đã giục nhau về (9).
482 — Sinh không tử lại hoàn không,
Khó ta ta chịu đừng mong giàu người (10).

1) *Đọi* cũng là đĩa bát. Đó là chê những lời nói thâm-hiểm độc-ác, để vu cho người ta. Mỗi một lời có thể khiến cho người ta phải uất-ức mà thổ huyết ra. Kẻ có đạo-đức phải kiêng những lời nói ấy.

2) Quân-tử là người giữ được nhân-cách cao-thượng, tức là người chân-đạo-đức. Nhất-ngôn là chỉ nói có một lần rồi giữ mãi mà không quên.

3) Đây là chê kẻ nhát gan mà lếu-láo. Lúc làm chỗ uy-quyền thì sợ hãi mê-tơi, lúc ra ngoài thì lại nói lời ngạo-mạn. Cũng như kẻ ngồi đò thấy sóng to thì sợ chết, khấn vái rối-rít, đến khi qua đò thì lại coi sóng không ra gì. Thế là kẻ tiểu-nhân. Cho nên làm chỗ uy-quyền không sợ, ra ngoài không ghen ghét mới là quân-tử.

4) Đây là răn không nên nói đi nói lại mãi một câu chuyện gì.

5) Ở đời, thiện thì người ta nhớ mãi mà ác thì người ta cũng không bao giờ quên. Cho nên đối với kẻ ác kia, lúc y còn sống thì người ta chỉ vào mặt mà bảo nhau tránh. Lúc y chết rồi thì người ta thường chỉ vào mồ mà thuật lại những sự bất-nhân bất-nghĩa của y ra cho người sau biết.

6) Đây là một câu rất công-bình chính-trung bao-quát hết các phương-diện luân-lý đạo-đức. Người ta tuy có cổ kim đông tây khác nhau, nhưng trời kia bẩm-thụ, cũng (*sentir*) tình cảm ấy hà thiên-phú nào, nên cái bụng nghĩ không khác gì nhau vậy. Ta ưa sắc đẹp thì người khác thấy sắc đẹp cũng ưa. Ta ghét hơi thối thì người khác thấy hơi thối cũng ghét. Vậy thì cứ suy bụng ta ra thì biết được bụng người, đừng đem cái mình ghét đãi người ta thì việc đời không bao giờ có tranh loạn. Khổng Phu-tử nói: «Cái gì mình không muốn chớ đem thi-hành cho người ta». Kinh đạo Thiên-chúa nói: «Yêu người ta bằng mình ta vậy». Cũng cùng một cái chuẩn-đích tối-cao về đạo-đức ấy cả.

7) Nếu có lòng dung nhau thì nhà hẹp cũng thu xếp gọn mà cho nhau ở nhờ với. Còn như không có lòng dung nhau thì nhà dẫu rộng bỗ dễ đã cho nhau ở nhờ được dư. Cho nên chỉ sợ hẹp bụng mà thôi. Đây là đối với

những khi thân-thích túng nhỡ không có nhà ở.

8) Đây là chê những thầy thuốc vô-đạo-đức. Ý thầy tự nghĩ: «Ta cứ đòi lấy tiền công mà bay đã nhờ ta đến chữa để bỏ vào túi đã, còn bệnh bay sống hay chết mặc kệ, ta không cần». Ôi câu này thực tả đúng được tâm-lý của các thầy thuốc vô đạo-đức ở đời. Như thế còn gọi là cứu-dân độ-thế thế nào được.

9) Đây là chê những bọn công-nhân vô-đạo-đức. Chỉ kềnh-càng sửa-soạn cho hết ngày, thế mà cơm ăn tiền lấy, thật là vô-hạnh. Trái lại những nhà tài-chủ kẻ La cho thợ cấy ăn «cái tương thì thối, cái cà thì thâm», những hạng tư-bản với lao động như thế đều trái với nhân-đạo cả.

10) Thuyết Phật-giáo: Người ta cũng như vạn vật bẩm-thụ khí-chất của tạo-hóa đang không mà sinh ra có, đến lúc chết khí-chất tiêu-tán đi hết lại về chốn không. Như thế thì tiền của, ruộng vườn, lâu đài, quyền-vị phỏng còn có ra chi. Vậy thì ta mà nghèo khó là tự ta muốn, hoặc tự tài-lực của ta chỉ có thế, thì ta yên tâm mà chịu Hà-tất còn mong ở cái của của ai mà môi-cầu, mà lừa-đảo lấy cho khổ mà thất-đức.

. . .

483— *Sự đời mặc đời lo âu,*
Nghiêng tai giả điếc, gật đầu làm ngơ (1).

484— *Thờ thầy mới được làm thầy* (2).

485— *Thương người lại khó đến thân* (3).

486— *Thí một chén nước, phước chất bằng non* (4).

487— *Thương con nhà bồ-côi, đồng đồ xóc cậy* (5).

488— *Thương miệng thương môi, ai có thương ôi đồng tiền* (6).

489 *Thật-thà là cha quỉ-quái, quỉ-quái còn phải giái thực-thà* (7).

490— *Thức lâu mới biết đêm dài,*
Ở lâu mới biết con người có nhân [(8).

491— *Trọng nghĩa khinh tài* (9)

492— *Trẻ nhà người như trẻ nhà ta* (10).

493— *Xấu mặt no lòng* (11).

494 *Xấu mặt chặt nồi* (12).

1) Đây là lời của kẻ yếm-thế. Người này thấy việc đời đảo-điên không ra gì, bèn gác bỏ việc đời ra ngoài mái tai không nghe tới nữa Lời nói ấy mới nghe tựa-hồ như có ý cao-thượng; song nghĩ kỹ thì là lời có hại cho đời. Bởi vì việc đời mà hay, không phải là nó tự-nhiên mà hay, phải có nhiều người hay hết sức giúp nên mới được. Cũng như việc đời mà dở không phải là nó tự-nhiên mà dở, phải có nhiều người dở hết sức phá đi mới nên. Vậy nếu sự đời mà dở là tất vì đời không có người hay, hoặc cũng có mà thấy dở bèn lánh mình ra ngoài cầu lấy yên thân, phó mặc sự đời cho kẻ dở phá-hoại, mặc người giữa cuộc phải lo, mà kẻ hay ấy không hết lòng lo giúp vào nữa, thế thì kẻ hay ấy cũng là dở mà có lỗi với đời. Một là túng-ác cho kẻ dở, một là chút gánh nặng cho đời, há không phải là phải vị-ngã dư?

2) Phàm đạo nghệ, cái gì cũng phải có thầy dạy mới nên. Cổ-ngữ có câu: «Sư-đạo tôn thì nhiều người hay». Vì thế sư đạo đời xưa rất là tôn-sùng, từ vua đến kẻ thứ-dân ai cũng có thầy riêng mà ai cũng hết bổn-phận thờ thầy. Học thầy mà có tin thầy mới thấu được hết đạo-nghệ của thầy, khi đã thâm-đắc rồi mình sẽ biến-hóa đi mà lập thành đạo-nghệ riêng của mình mà làm thầy cho kẻ khác. Coi đó thì biết sự tư-tưởng tự do, phán-đoán tự-do, suy-tầm tự-do là nghĩa-vụ của sự học, thầy không có cấm học trò cứ phải tuân theo một cái tử-qui-củ của mình. Nhưng lễ thờ thầy là nghĩa-vụ ơn-huệ của kẻ chưa biết phải học thầy mới biết, phải giữ. Đó cũng là một

cách báo đền tự-nhiên. Nếu đãi kẻ dạy đạo-nghệ cũng như đãi kẻ làm mướn, thì ai còn chịu vất-vả làm cái nghề quyền không lộc ít để đào-tạo cho thiếu-niên làm gì. Như nói rằng dạy người cũng là nghĩa-vụ của kẻ làm thầy đối xã-hội phải làm trọn. Song nghĩa-vụ phải có quyền-lợi thì người làm phận-sự mới phu lòng, bằng chỉ những nghĩa-vụ khó-khan nghiêm-ngặt, thì có lúc không đủ làm khuyên người vậy. Tuy-nhiên, lễ thờ thầy là ở tinh-thần đối-đãi, chứ làm như lối « bồ môn-sinh » ngày xưa thì cũng là hủ.

3) Đó là lời của kẻ vị-kỷ thoái-thác. Cho rằng mình thương người nguy-nạn mà cứu thì thường xảy ra sự khó-khăn đến mình, có khi bị đả-lụy hoặc ngờ-vực nữa. Vậy chỉ thương thôi mà không dám cứu. Song xét kỹ ra thì là lời giả-dối không có bụng chân-tâm thương người. Nếu kẻ có bụng chân-tâm thương người thì thấy nguy-nạn phải cứu, còn kịp nghĩ đâu đến sự gì khó-khăn về sau nữa.

4) Lấy nghĩa tôn-giáo, cứu người được phúc để khuyên người thêm phát tâm làm thiện.

5) Lời trách những bà giả-đạo-đức thấy đứa trẻ con nhà bồ-côi không chỗ nương nhờ phải đi bán xóc cậy để nuôi thân. Giá cạy nó bán mỗi xóc một đồng trinh, bà trông thấy bèn miệng nói vài câu tỏ lòng thương nó bị cảnh bồ-côi khốn-nạn, rồi liền trả nó cứ mỗi đồng trinh là đôi xóc cậy.

6) Đây cũng là chê lối giả-đạo-đức, chỉ nói thương mà không bỏ tiền giúp.

7) Thực-thà thì bền, bền tức là có lợi mà là cái lợi tử-tế. Quỉ-quái định kiếm lợi ngay, nhưng quỉ-quái bao giờ rồi cũng bại-lộ, bại-lộ thì người chán mà phản thành hại. Thế cho nên mới đem quỉ-quái so với thực-thà thì quỉ-quái hơn, nhưng về sau thực-thà vẫn nghiễm-nhiên bậc trên mà quỉ-quái phải sợ.

8) Người ta mới biết nhau, mới cư-xử với nhau, ban đầu thường khó phân-biệt hay dở. Kẻ bất-nhân hay cầu-kỷ tựa như tử-tế lắm, kẻ có nhân thì hồn-nhiên tựa như ơ-hờ. Song sự thực thì càng lâu càng rõ-rệt ra, nên ở lâu với nhau mới biết là người có nhân, cũng như kẻ có thức đêm không ngủ được mới biết là đêm dài.

9) *Nghĩa* là việc phải nên làm. *Tài* 財 là của. Đem nghĩa đối tài thì nghĩa là trọng mà tài là khinh. Cho nên lúc làm việc nghĩa thì vất bỏ tài-hóa ra mà không tiếc. Đó là những độ-lượng của những bậc hào-hiệp, nhân-nhân, quân-tử, chí-sĩ mới có được.

10) Đây cũng là thuộc về cái đạo « Suy bụng ta ra bụng người ». Ta yêu trẻ nhà ta thế nào, thì người ta yêu trẻ nhà người ta thế. Vậy thì đối với trẻ nhà người cũng phải một lòng yêu thương như đối với trẻ nhà ta, thì mới phải là nhân-đạo, là công-bình, là mới không hổ với lương-tâm trời đã phú. Mạnh-tử nói : « Thấy đứa trẻ sắp ngã xuống giếng thì cái lòng thương-hại ai cũng tự-nhiên sinh ra ngay ». Đem cái lòng thương-hại ấy mà mở rộng ra thì còn phân-biệt gì trẻ nhà người với trẻ nhà ta nữa.

11) Đây là lời nói của đứa vô-sỉ, hoặc là lời để chê đứa vô-sỉ. Lăn vào chỗ ô-trọc, làm những việc trái đạo để chỉ cốt lấy miếng ăn cho no lòng. Còn cái mặt bị đời chửi-bới cũng không lấy làm xấu.

12) *Chặt nồi* là đầy chặt nồi cơm. Cũng giống nghĩa câu trên.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU và ĐỖ-NAM

HỒN AI?

Đêm hôm ấy là đêm rằm tháng giêng năm qui-dậu (1933), sau khi tôi đi viếng mả các tiên-nhân về. Đó là cái lễ thường khiến cho tôi mỗi năm được đem tâm-hồn giao-tiếp với người chết một lần. Lần này thì lòng tôi có cảm-xúc một cách rất não-nùng thấm-thía hơn, nên trằn-trọc đến khuya mà không ngủ được. Tôi bèn một mình lên thư-lâu ra đứng trước cái ban-công (*balcon*), lặng ngắm tứ bề cảnh-vật, thì quang-cảnh lúc bấy giờ, từ chỗ ban-công trở ra cho đến chung-quanh trời đất non-sông một vùng đó, đều một vẻ lờ-mờ mà không mờ hẳn, sang-sáng mà không sáng rõ, đâu đấy đều ẩn-ẩn có cái khí-sắc đạm-quang, là nhờ có vầng trăng vùi sâu vào trong tầng mây phủ dầy một lượt ở trên không vậy.

Vũ-trụ của tôi lúc đó, uyển-nhiên thành một bức phông (*fond*) ám-đạm vi-mang, thiên-nhiên tuyệt-diệu. Cái nền của bức phông đó tức là tầng mây phủ dầy trên không thu hẹp vũ-trụ lại, nó không để cho tầm mắt của người ta được chiếu suốt ra ngoài chân trời mặt đất tít-tắp mênh mang như những lúc trời quang mây tạnh khác. Tầng mây làm nền phông ấy nó đều một loạt, nhuộm một mầu nhàn-nhạt, không vết không gợn, tối-tối mà sang-sáng, bởi ánh mặt trăng trong chỗ kín thấu suốt ra, nó giống như nước mực nhạt phủ ở trên tấm giấy có tráng thuốc ngân-tiêu (*Nitrate d'argent*) của bức ảnh, nhưng nó còn sinh-hoạt và lộng-lẫy biết bao. Sắc ngân-quang của nó vẫn cứ anh-ánh hâng-hẳng như muốn phá bung chỗ mây tối ấy mà ra, chỗ mây tối ấy như muốn cố che lấp nó đi mà không che lấp hết được.

Nay ngắm xuống đến phần dưới bức phông là phần cảnh-vật. Ngoài nhất là những chỗ cánh đồng, vì cái nền phông nó đã chắn đi rồi không thấy hơn ra được nữa. Những cánh đồng đó tức là những nơi ruộng chiêm, trong có rải-rắc những bãi tha ma, những gò cao đống lớn. Tức là cái nơi có những mồ mả lăng-phần của các tiên-nhân nhà tôi cùng các tiên-nhân nhà khác, ký-thác ở đó từ bao thủo bao thì, mà hồi trưa tôi vừa đi thăm viếng về đó. Bây giờ thì ở đấy khí mờ sương ám, còn tỏ cho tôi nhận ra từng xứ-sở được là nhờ có một vài cái lốt sáng ma-trơi hay là đóm đuốc của những kẻ đi đêm, những kẻ làm đồng, rập-rờn khi lòe khi tắt.

Thứ đến một vài thôn xóm quanh đó, sắc cây cỗ-thụ cùng sắc những dẫy tre thì lại vờn bằng mầu mực tối-tối hơn sắc của nền phông. Vào gần hơn thì những mưỡu những cây ở đấy đồi hẳn bằng một sắc mực tầu đen kịt.

Đến phần chính: Con sông nhỏ uốn khúc ở trước mé nam, ánh nước gợn mập-mờ, lác-đác đôi ba ngọn đèn thuyền le lói Cái nghè cổ bên đông nọ, mấy cây si, ngoài thì ua-úa xanh xanh, trong thì tùm-bum mù-tối; tiếng con cú già—vì nó kêu ở xóm tôi dỗ lâu,—đều đặn cứ từng lúc một lại ở trong bụi si bùm-tum mù-tối ấy khoan-thai đưa ra như tiếng trống khẩu cầm canh mà thê lương rầu-rĩ.

Về mé nam, một dẫy phố ở lẫn với làng, nhà gianh, nhà ngói, nhà gác cùng đình miếu thấp cao lố-nhố. Chỗ thì như sắc đất hoe-hoe vàng, chỗ thì như sắc tro xám, sắc khói nhạt. Trong thấp-thoáng lại có một vài ánh đèn khuya lọt khe cửa mà chiếu ra, để cho cái vùng làng phố đêm thanh đó khỏi ủ-ê lạnh-nhạt quá.

Lúc ấy nhìn xuống trước ban-công,

mấy khóm hoa hồng, mấy giò cúc trắng cúc vàng, mấy cây thủy-tùng non, trắc-bách-diệp nhỏ, cùng mấy cây « và-nước » bờ ao cao vóng, đều sắc không rõ sắc, hình không rõ hình, một vẻ lờ-mờ, thấp-thoáng một mầu nhợt-nhạt như sắc bụi cây si cùng sắc nóc nhà gần đó cả. Trời thì cứ im phăng-phắc, không có chút gió đến lay động, lại càng tỏ thêm ra cái cảnh vắng-vẻ đìu-hiu hơn.

Thế rồi thì bỗng đâu tiếng trùng trong bụi, tiếng chẫu-chuộc, tiếng ếch ở bờ ao, khéo bảo nhau mà dóng-dả kéo lên, như những tiếng tơ tiếng trúc, tiếng đá tiếng vàng, hòa-hợp với nhau khi bổng khi trầm, lúc đứt lúc nối, hết nhặt lại khoan. Lúc thì ồn-ào sôi-nổi như bão tuôn sóng vỗ bên bờ bể đại-dương. Lúc thì cấp bách rộn-ràng như bánh xe móng ngựa cùng gươm súng, xô đập nhau ở giữa bãi chiến-trường. Lại lúc thì ai-oán nỉ-non như điệu kèn lâm-khốc ở ngoài mộ-địa. Ấy thế mà sắc ngân-quang trong tầng mây mờ của bức phông giữa trời vẫn lóng-lánh đưa ánh sáng xuống. Tiếng con cú già nơi nghè cồ kia thì lại cứ theo dóng-một mà điểm xen vào để làm tiếng cầm chầu giữ dịp cho đội âm-nhạc côn-trùng đang họa-vận.

Không-gian ấy, thời-gian ấy, cảnh ấy, sắc ấy, âm-nhạc ấy, vị khán-quan là tôi ấy, ôi thật là một cuộc thiên-nhiên thấu-xảo, xứng hợp biết bao. Khen ai khéo lựa vận xếp trò, không khác gì cái quang-cảnh lúc Phật Quan-âm sắp xuống chơi Địa-phủ vậy.

Bề diện-tích cái ban-công ước độ năm thước vuông, tôi một mình hết đi đi lại lại, thì lại khoanh tay và cúi khom-khom lưng vào bức lan-can mà trông ra. Hết dựa vào lan-can bên đông thì lại sang lan-can bên tây, rồi lại ra lan-can mé trước mà cúi và dựa để trông ra như thế. Trông ra như thế để mà ngắm cảnh, để mà trầm-ngâm để mà nghĩ-ngợi.

Tôi nghĩ-ngợi chi chi, nghĩ cuộc tạo-hóa, nghĩ cơ vật-lý, nghĩ cõi nhân-sinh, nghĩ sự sống sự chết, sự hơn sự kém, sự mòn sự nở, sự bại sự thành ở trong nhân-thế. Nghĩ đôi-đoạn lặng đòi hồi, rồi bất-giác buột miệng đọc ra một câu rằng :

Cổ kim dằng dặc đêm mờ mịt,
Dân bể toang-hoang bóng lập-lòe.

Bấy giờ rồi thì tôi lại ngẩng đầu tròng-trọc trông ra mấy cánh đồng giáp chân bức phông là chỗ những gò, những đống những bãi tha-ma, những mồ-mả lăng-phần của các tiên-nhân nhà tôi cùng các tiên-nhân nhà khác đã ký-thác từ bao thủo bao thì mà hồi ban trưa tôi mới qua thăm viếng. Mắt tôi đang ngắm-nghía, tai tôi đang lắng nghe, óc tôi đang suy tưởng, cảnh-sắc chung quanh vẫn một mầu sáng mờ mà lành-lạnh. Âm-nhạc từ phía vẫn theo cung bậc điệu-bộ mà lên xuống đều. Bấy giờ tôi nhìn lắm mỏi mắt, nghĩ lắm mỏi óc, đi lại mãi mỏi cả chân tay. Tinh-thần cũng thấy mệt, mắt thấy lờ-đờ. Tôi nghĩ rằng ta đang mang một mối u-sầu, một niềm cảm-xúc, âm-ỷ ngấm ngầm ở giữa cái cảnh đêm tối trăng mờ, có chiều ủ-dột, có vẻ trầm-uất của bức phông thiên-nhiên này. Ở giữa cái dám thanh-âm của vật-loại như giận như mừng, như cười như khóc này, thật là giữa chốn nhân-gian mà hầu như ở nơi âm giới nào vậy. Ta nghe bọn phù-thủy họ lợi-dụng cái bệnh mơ-màng của tâm-lý, dùng phép thôi-miên mà làm cho người sống gặp được người chết ở trong cơn ảo-mộng, thì chi cho bằng ta tự kết-cấu lấy ảo-cảnh, khiến cho trong chỗ linh-đài của ta tự phản-chiếu mà quay lấy cuốn phim thiên-cổ, cho tâm-hồn ta được tiếp-xúc với chân-tướng thì há chẳng thú hơn dư?

Quả-nhiên như ý tôi vừa nghĩ. Tôi bỗng thấy vô-số là người, ầm-ầm như

cơn gió ở từ những gò những đống những bãi tha-ma ngoài mấy cánh đồng kia mà sầm-sập kéo vào một lũ dài. Vào đến chỗ cái ban-công tôi đứng, rồi đi giễu quanh cái thư-lâu ba vòng như đội quân của tướng NAPOLÉON đi giễu quanh cái tháp nước Ai-cập, như vòng quân vua Lê-Lợi vây thành Đông-quan vậy.

Trong đám người đông ấy, đi có phân ra từng đội ngũ hẳn-hoi. Tôi trông rõ bọn đi tiên-phong đều là những người cao lớn khỏe-mạnh, hoặc mũ da áo giáp, hoặc nón dấu áo nẹp, kẻ thì cầm gươm cầm mộc, kẻ thì cầm giáo cầm cờ. Ý-giả là phái vũ-sĩ.

Kế đến một bọn nón lá áo tơi, có cả đàn ông đàn bà, hoặc vác cày bừa hoặc cầm liềm hái. Ý-giả là phái canh-nông.

Một bọn nữa thì ăn mặc chất-phác, mà gọn gàng, hoặc cầm bay cầm thước, vác cưa cầm tràng-đục. Đàn bà thì cầm go cầm thoi, Ý giả cho là phái công-nghệ.

Lại một bọn thì ăn mặc xem ra không đều có người áo ngắn, có người áo chùng, đàn ông đàn bà đủ cả. Hoặc cầm cân cầm đấu, hoặc vác đòn-ống quang thừng, hoặc vác cái mái chèo gỗ cùng con sào tre. Ý-giả là phái buôn thủy buôn vã.

Sau cùng thì một bọn nhiều đàn ông, loáng-thoáng mới có một vài người đàn-bà. Bọn này thì khôi-ngô tuấn-tú mà ăn-vận thì lượt-thượt lắm. Hoặc nón chóp sơn áo nâu đi dép, hoặc nón dứa áo the đi giầy, hoặc mũ áo như lối quan-viên đi tế đình. Đàn bà thì nón thúng quai thao dép cong. Nhưng người nào cũng cắp sách cầm bút. Ý-giả là phái văn-nhân.

Bọn người đông lắm, đi giễu ba vòng xong thì đứng vây khắp cái ban-công chỗ tôi mà trông cả vào tôi và đứng im phăng-phắc, lơ-lửng ở giữa không-trung. Mắt đều trấp-trới, miệng đều tủm-tỉm tỏ ý vui-vẻ muốn cười nói với tôi. Thì một người đàn-ông đội cái mũ nho-quan bỏ hai dải ra sau lưng, mặc cặp áo giao-lĩnh thâm hàng nam mà tay thụng. Chân đi đôi hia may bằng thứ thung-thúc xứ Đoài. Người này tu-mi đạo-mạo, mắt sáng miệng tươi, có vẻ tiên-sinh, có ý hùng-biện, đứng ra trước mặt tôi mà cất tiếng nói:

« Khoác cái áo ba suy (*pardessus*) dạ bà-xòa mà gọn-gàng ấm-áp, đi đôi giầy tây bó sát chân bước nhẹ-nhàng nhanh-nhẹn, dạo qua cả những mả của chúng ta hồi trưa, há không phải nhà ngươi đấy dư? Bây giờ đứng ở trên cái hiên gác cao mát mà trông ngắm rộng xa, lại há không phải là nhà ngươi đấy dư? Vì nhà-ngươi có cái tâm-hồn u-uất, có cái cảm-xúc ngấm-ngầm với người chết, nên chúng ta đến mà đáp ứng lại. Người chết há rằng mất hết, tồ-tôn nào phải đâu xa, hễ cảm-xúc đã sâu thì phản-xạ tất mạnh, mà tồ-tôn với người chết tự gặp-gỡ được ở nơi tâm-hồn.

« Ta biết nhà ngươi là người cũng có biết suy-nghĩ. Ta chắc nhà-ngươi không đến nỗi lấy rằng đã được mặc cái áo lối mới ấy, được đi đôi giầy kiểu mới ấy, được đứng trên cái hiên gác tân-thức này, mà tự-phụ tự-đắc, tự lấy làm vẻ-vang rằng mình văn-minh hơn người trước. Song dù thế mặc lòng, phàm sự gì đã có nghĩ đến mà có nhắc đi nhắc lại thì lại càng thêm tin sâu mà nhớ mãi.

« Người ta sống ở đời là sống với thời-đại. Thì-giờ nó đi như nước chảy xuôi, như gió thổi mạnh. Ai hay lấp hết được nước ra bể, che hết được gió thổi mùa, thì sẽ ngăn-cản được thời-đại lại mà không cho lưu-hành. Thế cho nên thời-vận biến-thiên vô cùng thì thời-thế cũng canh-cải bất-nhất. Gươm đoản giáo trường, hia rộng dép cong, đó là một thời. Súng dạn tầu xe, áo ba-suy, hiên ban-công đó là một thời. Rồi sau này nó còn thay đổi biến hóa đi nhiều hình-dạng, thì đó cũng

là từng thời một về sau này vậy. Ở thời-đại ngày nay mà ngắm tại thời-đại ngày xưa, thì cũng như ở thời-đại sau này mà ngắm lại thời-đại ngày nay, mỗi lúc nó mỗi mới ra mỗi hơn lên, nhưng cũng không lấy gì làm lạ. Là vì nó thuộc về thời-đại mà thôi. Vả thời-đại không đứt quãng, tiến-hóa không thốt-nhiên, cho nên có cũ mới có mới, muốn lên phải noi bậc, lẽ tất-nhiên như vậy.

« Chúng ta cũng chịu rằng cái văn-minh về thời-đại ngày nay, nó tinh-tân quảng-bác và hoạt-động hơn cái văn-minh già cỗi về thời-đại của chúng ta nhiều. Thời-đại nào, kỷ-cương ấy, theo là phải. Chúng ta cũng mừng cho các ngươi đã biết theo. Chúng ta mong rằng các ngươi không những theo, là còn phải đuổi cho hết thảy mọi cái về sự sống đều được kịp thời nữa, chứ không phải chỉ khoác cái áo ba-suy ấm, đi đôi giầy tây bóng, đứng trên ban-công cao mát như thế mà đã gọi là theo được thời đâu. Vả theo thời là theo một cách có ý-chí, có chủ-trương có biến-hóa dù cảnh-ngộ thế nào mặc lòng. Cảnh-ngộ càng vất-vả treo-neo lại càng phải nên cẩn-thận và phải nên cần-kíp lắm. Nghĩa là mình phải đón lấy thời mà dùng lấy, chứ đừng thần-thờ lờ-lững để cho thời nó xô lướt mình đi. Các ngươi há chẳng thấy người mọi ở trung-bộ châu Phi với người mọi ở các gò Nam-dương, họ cũng biết khoác áo ba-suy, đi giầy tây bóng, đứng gác ban công vô số ra đấy. Ơn mưa móc văn-minh tưới khắp hoàn-hải nào có hẹp gì ai. Cũng theo thời cả, cũng phải theo thời cả, nhưng cái cơ hay dở chỉ khác nhau về có ý-chí, có chủ-trương, có biến-hóa hay là không mà thôi.

Nói tóm lại là sống ở thời-đại nào phải làm cho hết bổn-phận đối với sự sống của mình về thời-đại ấy. Phải làm cho cái sống của mình được dồi-dào, được tiện-lợi được ung-dung, được hả-hê, theo cái ý-chí, cái công-phu của mình. Một người phải như thế, một xã hội, một dân-quần cũng phải như thế.

« Chúng ta đây cũng đã từng phải như thế. Nói đến thời-đại của chúng ta, thấy những hình-thức còn sót lại, tất có kẻ lấy làm trướng mắt, vì nó mộc-mạc đơn-sơ có khi vì đó mà con cháu với tổ-tiên đến phai-nhạt cả tình ân-ái. Song chúng ta đã nói đó là một thời rồi kia mà. Thế nhưng chỉ có bấy nhiêu mà chúng ta được sống một cách trọn bổn-phận đối với đất nước về thời-đại ấy đó. Chúng ta đây là những linh-hồn trên lịch-sử, không phải thuộc về một dòng một họ nào. Chúng ta đã từng được sống một cách dồi-dào, ung-dung hỉ-hả không phải hối-hận gì. Sống một cách rõ ràng ngay thẳng không phải giấu-giếm gì. Chúng ta đủ sức để tự sinh-hoạt ra mà tự thụ-lập lấy, tự chế-tạo sản-xuất ra mà dùng. Rồi tự hộ-vệ, tự hiển-dương và tự khai-thác lấy mà đối-phó với thời-thế lúc bấy giờ.

Nói cho rõ hơn, thì gươm kia đã từng giữ vững ải bắc mà mở rộng miền nam ; bút kia đã từng thảo thơ ở lầu Hoàng-hạc, viết sách ở nhà Quế-đường cùng viết « hịch » viết « cáo » ở thủa Trần Lê, mà phô-trương quốc-hoa quốc-uy với người đời ; còn các khí-cụ thì cũng đủ để ứng-dụng cho sự sống được phát-đạt một thời. Chúng ta thực không hổ với cao dầy, không phụ-phàng với đất nước, không trái dịp với thời-thế. Song chúng ta không phải như người đi xem hội, tan đàm thì rũ áo ra về mà không còn để chút công ơn, tình nghĩa gì với chỗ ghế ngồi ấy nữa. Chúng ta biết rằng sự sống ở đời, không những chỉ sống với hiện-tại mà còn phải sống với tương-lai. Cái sống phải có giống nòi, phải có dây duyên như cái dây chão tam cố, bởi biết bao những sợi tơ nhỏ bện chắp lại, mà cũng chỉ gọi là một cái chão mà thôi. Thế cũng như người xưa kia đã đem chúng ta đến đây, chúng ta lại

đem các ngươi đến đây, rồi các ngươi lại đem người sau các ngươi đến đây, cứ như thế mãi mãi. Mà dở hay cũng chỉ gọi bằng một cái tên chung của nòi giống mà thôi. Cho nên trời sinh vạn-vật, vật nào cũng sẵn có cái tính thiên-phú là vừa vì đời mình và vừa vì đời sau, thế cho nên dẫu vô-tri cũng bắt đèo bòng, nhờ có thế mà thế-giới mới vĩnh-viễn tồn-tại. Cho nên chúng ta không quản đem biết bao nước mắt hồ hôi, biết bao máu đào xương trắng, làm tan nát ra mà chôn mà hòa vào với đất với nước của xứ-sở này. Để mà vun mà tưới cho hoa mầu cây cỏ, trừ bị có đủ đồ dưỡng-sinh, rồi đem tinh-thần khí-huyết mà truyền lại làm cái thân sau, tức là các ngươi cả trai cả gái của chúng ta đấy. Các ngươi sinh ra rồi thì cứ ăn hưởng lấy những lợi-lộc lưu-truyền ấy mà sống với thời-đại mình. Vậy thì biết con cháu không những là thân sau của tổ-tiên, mà nuôi con cháu lại cũng vẫn lấy ở di-hài của tổ-tiên nát ra, như cái thai trong bụng mẹ, mẹ sinh ra mà ăn bằng huyết của mẹ đó.

« Tạm xem như đàn ông kia, cùng nhau kiếm phấn xây tầng, mút hoa chế mật, xong thì đẻ mỗi lỗ một cái trứng vào. Ấy thế rồi đàn ông ấy già và chết, là hết bổn-phận. Kể cái tâm cái chí của đàn ông ấy vì loài vì giống như thế, thiết-tha khổ-sở là dường nào! Vậy cái nghĩa-vụ của đàn ông lớp sau cũng chỉ là làm làm sao cho trọn cái việc xây tầng, chế mật và đẻ trứng, cho cái sống hiện-tại với tương-lai theo thời-đại mà được vững-vàng và nẩy-nở hơn lên. Còn phấn với mật lấy ở hoa thì phải theo mùa mà thay đổi cách thu-hoạch chế-hóa, chứ có câu-nệ cố-chấp một phép-tắc lề-lối nào được. Nay vì mà đàn ông ra sau đó, không đủ trí-lực, không trọn phận-sự đối với sự sống của mình và thân sau cho kịp với thời thế, thì phỏng có xứng-đáng với cái đạo thiên-phú của trời kia không?

« Người ta đã không sống lẻ-loi ra được, đất nước đã chung thì tổ-tôn với con cháu cũng là chung với nhau cả. Cái tên hiệu gọi họ nọ họ kia về ngành trai, cũng là một lối tạm dùng cho có từng thống thuộc nho-nhỏ một mà thôi. Thực thì giọt máu đã hòa lẫn đi với nhau cả rồi, không còn phân-biệt họ nào được nữa. Vậy chỉ khu-khu tính lợi-hại trong một nhà một họ là lầm. Đã nghĩ đến người chết là phải nghĩ đến tất cả mọi lớp người trong đất nước trên lịch-sử. Phải nhận lấy ơn, kế lấy chí, theo thời-đại mà biến đổi cho xứng-đáng với sự sống. Thì nên suy-nghĩ lấy đôi câu đối lâu nay các nhà văn viết để thờ ông vải rằng:

自生氣魄存天地
Hữu-sinh khí phách tồn thiên-địa,
不死精神在子孫
Bất tử tinh-thần tại tử-tôn.

« Nghĩa là phần khí-phách của tổ-tôn về thủo sống thì đã hòa tán ra với khí với đất với nước mà còn ở trong trời đất, không trông thấy được nữa. Duy có phần tinh-thần của tổ-tôn là không bao giờ chết được. Tinh-thần ấy đã truyền vào con cháu thì hễ con cháu còn là tinh-thần của tổ-tôn còn. Vậy thì đem tinh-thần ấy mà làm cho phát-đạt, hiển-dương lên ở thời đại mình, để bồi-bổ cho sự sống của mình, tức là cái đạo hiếu với người trước đó ».

Tôi vẫn còn muốn nghe, thì bỗng đâu bốn bề xáo-xạc tiếng gà, tôi vùng một cái mở mắt ra, đứng ngay người lên, thì những hình ảnh bọn người thiên-cổ trong phim ngoài ban-công cũng biến đâu mất cả. Sắc ngân-quang của bức phông giữa trời vẫn hanh-hanh soi xuống, cảnh-vật vẫn im-ả và một vẻ u-âm, con cú bên nghè cổ vẫn thong-thả điểm tiếng trống chầu, sâu bọ dưới đất vẫn họa tràn khúc nhạc tiêu-tao. Tôi tự hỏi: Hồn ai?

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

QUẢNG-NGÃI TỈNH CHÍ (1)

廣義省誌

Lời mở đầu

Tỉnh Quảng-ngãi cũng đã có biên chép vào lịch-sử và địa-dư của «các bậc tiền bối», nhưng chưa có chí thặng riêng. Huống-chi cuộc đời mỗi ngày mỗi khác, cách trong một hạn mười năm thì đã thấy hình-thế, chính-trị và kinh-tế của một hạt thay đổi nhiều. Muốn cho biết tương-lai trong hạt cần phải xét dĩ-vãng và hiện-tại. Vậy chúng tôi xin kê-cứu trong lịch-sử và địa-dư có biên-chép về tỉnh Quảng-ngãi để chứng sự dĩ vãng; kê-cứu về các biểu thống-kê của các quan Thương-chánh cùng số kê-khai của các phủ huyện và phỏng-sát trong dân-gian, lược biên ra thành tập, đặt tên là «Quảng-ngãi tỉnh-chí».

Trong tập này chia làm ba mục:
Hình-thế.
Chính-trị.
Kinh-tế.

Sự kê-cứu của chúng tôi trong tập này không dám lấy làm đúng chắc, nhưng chúng tôi chỉ trông rằng không sai-lạc mấy, có thể gần với sự thực để giúp ích cho sự khảo-cứu.

HÌNH-THẾ

I. – Nói qua về lịch-sử

Lịch-sử của tỉnh Quảng-ngãi trong mục chính-trị sau này sẽ xin nói rõ, đây chúng tôi chỉ kê đại-lược mà thôi.

Tỉnh Quảng-ngãi cũng như các tỉnh khác miền nam Trung-kỳ, lịch-sử về «thượng-cổ» không được biết cho rõ, chỉ biết ngang đời «trung-cổ» trở lại; đất này do Chiêm-thành chiếm-cứ hiện còn di-tích ít nhiều. Trung-gian người Chiêm-thành cùng dân-tộc người Việt-Nam tranh lẫn nhau, kết-cục Chiêm-thành không đương nổi, thành ra hoàn-toàn là một lãnh-thổ của dân-tộc Việt-Nam chiếm-cứ. Từ bản-triều sắp về trước thời chỉ có một phủ ở men về hải-ngạn, đến đời đức Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế vào trấn, về sau mới đặt thành Dinh, thành Trấn, thành tỉnh, mở thêm phủ, huyện, và dân-số càng ngày càng đông, đất ruộng càng ngày

(1) Khi Hoàng-thượng Nam-tuần qua tỉnh Quảng-ngãi, tỉnh-thần có dâng Ngự lãm một tập Quảng-ngãi tỉnh-chí 廣義省誌, nói về hình-thế, chính-trị, kinh-tế trong tỉnh, khảo-cứu tinh-tường, theo như lối các «tỉnh-chí» đời xưa. Quan đầu tỉnh Quảng-ngãi chính là quan tuần Nguyễn Bá-Trác là một nhà sáng-lập ra bản-chí. Sau khi dâng ngự-lãm, có xin phép Hoàng-đế cho đăng báo để công-đồng-lãm. Vậy bản-chí vui lòng đăng tập «Quảng-ngãi tỉnh-chí» và ước-ao rằng các tỉnh khác ở Trung-kỳ Bắc-kỳ đều mỗi tỉnh làm một tập «tỉnh-chí» như vậy, thì giúp cho việc học địa-dư trong nước không phải là ít vậy.

Sách «Quảng-ngãi tỉnh-chí» do quan Tuần Nguyễn Bá-Trác, quan Án Nguyễn Đình-Chi chủ-trương, các ông Khiếu Hữu-Kiều Hàn-lâm-viện tu-soạn, có bằng tú-tài Tây, Nguyễn Trân và Phan Đình Thi Hàn-lâm-viện cung-phụng biên-tập.

càng rộng; bây giờ thành ra một tỉnh có bốn phủ hai huyện, bốn đồn Kiểm-lý, một đồn Bang-tá. Xem trong lịch-sử một đoạn ba trăm năm của bản-triều khai-thác ở tỉnh Quảng-ngãi thời thấy cái năng-lực của dân-tộc Việt-Nam phát-triển rất mau chóng, mà những núi sông hiểm-yếu, đất ruộng phì nhiêu, cũng nhờ có cái năng-lực của dân-tộc ấy ra công khai-thác mà thành ra một hình-thế có giá-trị trên mặt đất.

II. — Giới-hạn

Tỉnh Quảng-ngãi ở vào trong khoảng kinh-tuyến bắc 14° 9» và 19° 9», vĩ-tuyến đông 106° 2» và 106° 11».

Tỉnh Quảng-ngãi bắc giáp Quảng-nam, đông giáp bể Trung-hoa, nam giáp tỉnh Bình-định, tây giáp tỉnh Kontoum và Quảng-nam. Hai tỉnh này giáp nhau trên dẫy núi Hoành-sơn sau tỉnh Quảng-ngãi, thành ra tỉnh này không giáp Ai-lao và Cao-miên.

Tỉnh Quảng-ngãi hình chữ nhật H, bề dài ước phỏng được 90 cây-lô-mét, bề ngang ước phỏng được 50 đến 60 cây-lô-mét, bề ngang ấy ở miền bắc thì rộng, ở miền nam thì hẹp, nhưng từ Sa-huỳnh trở vào thì bề ngang ấy càng ngày càng hẹp lại mà nhất là vào tới Bình-định, đèo Bình-đê.

Diện-tích tổng-cộng là 4200 cây-lô-mét vuông. Nếu lấy diện-tích mà so với các tỉnh lớn xứ Trung-kỳ thì Quảng-ngãi là hẹp hơn. Diện-tích tỉnh này chỉ bằng một phần ba tỉnh Quảng-nam 12.100 cây-lô-mét vuông, nhưng xét về phần hiểm-yếu thì tỉnh Quảng-ngãi là một tỉnh rất hiểm, vì có nhiều sông núi.

Nếu đi qua tỉnh từ bắc chí nam trên con đường thiên-lý, thì ta sẽ thấy con đường ấy chạy quanh dưới chân núi như ở Bình-sơn, ở Đức-phổ. Khi đi khỏi nha Đức-phổ rồi thì núi càng ngày càng giáp bể thành ra đất đồng bằng càng ngày càng hẹp đi, có nhiều đoạn đứng trên con đường thiên-lý cũng đã trông thấy bể..

III. — Hình-thế đất

Cũng như các tỉnh khác, tỉnh Quảng-ngãi chia ra làm hai miền: Thượng-du và trung châu.

a) Miền thượng du ở về phía tây tỉnh, có dẫy núi Hoành-sơn chạy qua, diện-tích ước rộng hơn 3000 cây-lô-mét vuông; miền ấy nhiều núi cao thấp bất-thường, dưới chân núi thì có cánh đồng nhỏ hẹp.

Có nhiều núi cao hơn bốn năm trăm thước tây, như là:

Núi Truyền-tụng (Bình-sơn).

Núi An-đại-thập (Nghĩa-hành).

Hòn Kỳ-lân (Tư-nghĩa).

Còn núi cao hơn 1000 thước thì rất ít, như:

Núi Thạch-bích (Minh-long).

Nếu xét những núi kê theo từng hạt trong tỉnh Quảng-ngãi thì không có mấy nơi là không có núi, như là:

Phủ Bình-sơn: Núi Thịnh-thịnh.
Núi Phượng-hoàng.
Núi Nam-châm.
Núi Bà-lâu.
Núi Lão-voi.
Núi Cồ-ngựa.
Núi Bích-thành.
Núi Ba-tơ.
Núi Phổ-tịnh.

Phủ Sơn-tịnh: Núi Thiên-ấn (Phú-nhơn).
Núi Long-đầu Phú-nhơn).
Núi Thiên-mã (Tư-cung-nam).

Phủ Tư-nghĩa: Núi Thiên-bút (Chánh-lộ).
Núi Phu-thọ (Phú-thọ).
Núi Hùm, tức là La-hà Thạch-trận (La-hà).
Núi Kỳ-lân (Cồ lũy).
Núi Ngũ-phước-sơn, tức là Trấn-công-sơn (Thu-phổ,

Phủ Mộ đức : Núi Thiết-tràng (núi ấy có sắt và đá ong-ong).

Huyện Đức-phổ: Núi Đại-lãnh (Vạn-lý).
Núi Chấp-giang (An-thành).

Đồn Trà-bồng : Núi Răng-cưa
Núi Trà-quận Sơn-bồng.

Đồn Sơn-hà: Núi Bao-nâm.
Núi Chúa-sơn (trên đỉnh núi này có đất bằng rộng-rãi, có vườn cam quít và chuối rất xanh tốt. Người Mọi gọi chỗ ấy là vườn ông Trấn-bắc Bùi Tá-Hán).

Đồn Minh-long : Núi Cao-muôn.
Núi Thạch-bích.
Núi Hác-thạch-lãnh.
Núi Điếu-lãnh.
Núi Hổ-lãnh.

b) Miền Trung-châu tỉnh Quảng-ngãi là một cánh đồng bằng nằm chẹn ở giữa dẫy núi Hoành-sơn và bể Trung-hoa. Đồng ấy có chỗ thì rất hẹp như khỏi nha Đức-phổ giáp-giới với Bình-định, núi giáp liền với bể, nhưng cũng có chỗ rất rộng như đồng Thi-phổ Quít-lâm Tú-sơn và Mộ-đức.

So với mặt nước bể thì đồng bằng ấy cũng không cao mấy, chỉ cao từ một thước đến 12 thước tây mà thôi.

Đồng bằng tỉnh Quảng-ngãi có nhiều nơi có núi cồn tự-nhiên nổi lên như là :

Phủ Bình-sơn : Núi An-điềm.
Núi Phượng-hoàng.
Núi Phổ-tiên.
Núi Đa-oai.

Phủ Sơn-tịnh : Núi Thiên-ấn.
Núi Bình-ninh
Núi Long-đầu.

Huyện Nghĩa-hành : Núi Phát.
Núi Đá-phúc-hậu.
Núi Vam.

Phủ Mộ-đức : Núi Long-phụng.

Diện-tích miền Trung-châu ước được một phần tư diện-tích toàn tỉnh, nghĩa là được 1000 cây-lô-mét vuông, nhưng trong miền ấy cũng còn nhiều đất chưa khai-khẩn tới, vì thứ đất ấy tuy đồng bằng, nhưng có xen cồn cát, chất đất xấu, canh-bả không dư được lợi nên tuy còn có chỗ để hoang mà dân ta phải lên cày phá Thượng-du, trên sườn núi ta thường thấy có dẫy trồng tỉa sắn, bắp và khoai, v. v. . . Đất khai-khẩn trên núi có phần nhiều hơn đất bỏ hoang dưới Trung-châu, thành ra xét về nghề canh-nông thì dân Quảng-ngãi có phần chuyên nghề hơn dân các tỉnh khác.

Thế đất tỉnh Quảng-ngãi có hơn các tỉnh là mực thủy-bình trên mặt đất rất xuôi, vì thế các ngọn sông nước chảy mạnh tiện-lợi cho nghề làm xe nước và tiện-lợi cho sự đắp đập thường có cái cánh đồng đến một hai nghìn mẫu rộng, nhờ nước đập trong một tuần-lễ thì chảy khắp hết, như là cánh đồng Thi-phổ, Quít-lâm và Trà-ninh chỉ nhờ có một cái đập « Bến-thóc » mở trong bảy ngày thì trổ khắp cả các đồng ruộng. Vì vậy tỉnh Quảng-ngãi tuy ngộ-hạn mà cũng có một phần ruộng lúa nhờ xe, nhờ đập để cứu hạn.

Theo địa-thế của tỉnh Quảng-ngãi và hình-thế núi sông thì Quảng-ngãi có thể mở rộng được thêm nữa. Nếu như có con đường từ Quảng-ngãi đi *Kontoum*, thì dân-cư có thể noi theo con đường ấy mà mở-mang thêm những đất hoang trên miền núi. Các miền núi ấy, hiện bây giờ chỉ có dân Mọi chưa chịu thuế ở, nhưng sau này có đường thông-thương rồi thì những Mọi ấy cũng phải tùng-phục như Mọi mấy đồn, và sau này có dân Trung-châu lên khai-khẩn đất, xen ở thì những Mọi ấy cũng sẽ là dân-cư nội-tịch như dân-cư An-Nam vậy ; mấy đồn trên thượng-du sẽ thành ra những địa-hạt có quan-trọng về đường chính-trị và đường kinh-tế như những phủ huyện hiện-thời.

IV.— Các sông ngòi

Tỉnh Quảng-ngãi có một bộ thủy-đạo rất sung túc và rất tiện-lợi cho sự giao-thông buôn-bán trong tỉnh.

Bộ thủy-đạo ấy gồm có ba con sông chính phát-nguyên từ núi Hoàng-sơn là sông Trà-khúc, sông Trà-bồng và sông Vệ.

I - *Sông Trà-khúc.* — Sông Trà-khúc phát-nguyên từ núi Trường-lũy ngoại-máng mà người ta thường gọi là xứ Lý-mang; lúc mới phát-nguyên ra thì gọi là sông Lòe.

Thượng-nguyên sông Trà-khúc chảy qua sách Bầu-rói tổng Sơn-bồng, sách Trà-cảnh tổng Sơn-thuận và sách Mang-xinh thuộc đất Sơn-hà và Sơn-tịnh, hữu-ngạn sông ấy thì giáp đất Tư-nghĩa; sông Trà-khúc chảy xuống cửa Cổ-lũy rồi chảy ra bể.

Nước sông Trà-khúc chảy mạnh lại nhờ có cừ đóng ngăn, nước càng chảy mạnh thêm, nhân-dân có thể lập hai bên bờ sông những xe nước có ích-lợi cho sự dẫn-thủy nhập-điền.

Sông nhánh bên tả-ngạn. — Bên tả-ngạn thì có:

1· Sông Xã-điều.
2· Sông Giang.

Sông nhánh bên hữu-ngạn. — Bên hữu-ngạn thì có:

1· Sông Nước-lát } phát-nguyên từ
2· Sông Trà-riêng } Ta-gầm.
3· Sông Mùng.
4. Sông Tam-linh.
5· Sông Tam-ráp: { phát-nguyên từ núi Đá-vách.
6· Sông Phước.

II — *Sông Trà-bồng.* — Sông Trà-bồng phát-nguyên từ dẫy núi Trà-bồng gồm có hai chi:

a) Một chi phát-nguyên từ làng Mọi Ma-vang tên gọi là Bà-lâu.

b) Một chi nữa gọi là sông Trà-quận.

Hai chi ấy họp thành con sông Trà-bồng chảy qua phủ Bình-sơn châu Ô rồi theo cửa Sơn-trà mà chảy ra bể, lòng sông ấy thường có đá nổi, nên những thuyền bè to không thể đi lại được. Con sông ấy có một cái thác gọi là thác Mĩ-lộc.

Sông nhánh bên hữu-ngạn. — Bên hữu-ngạn sông Trà-bồng, thì có suối Tra-bi chảy xuống.

III — *Sông Vệ.* — Sông Vệ phát-nguyên từ dẫy núi Giò-vút (Ba-tơ). Thượng-nguyên sông ấy thì gồm có ba con sông nhỏ họp lại:

a) Con sông thứ nhất phát-nguyên tại Tô-sơn gọi là Tô-giang.

b) Con sông thứ nhì phát-nguyên tại Lý-sơn gọi là Lý-giang.

c) Con sông thứ ba là một cái suối chảy dưới đất gọi là Na-giang.

Ba con sông ấy tới Cao-muôn thì họp lại thành một con sông lớn gọi là Bồn-giang; con sông ấy chảy về phía đông, chảy theo chân núi Hùng-nhĩ tới Hương-quán thì sông ấy gọi là sông Vệ.

Trên thượng-nguyên thì sông Vệ có nhiều ghềnh thác như là thác Đá-chất ngang tổng Hành-cầu (Nghĩa-hành) và thác Quán-thơm «Vực-ba» ngang tổng Hành-thượng.

Thượng-nguyên sông Vệ chảy qua đồn Ba-tơ; trung-nguyên chảy qua Mộ-đức, Nghĩa-hành và hạ nguyên chảy qua Tư-nghĩa. Sông Vệ cũng như sông Trà-khúc chảy xuống cửa Cổ-lũy rồi chảy ra bể. Năm Khải-định thứ bảy sông Vệ mở thêm một cửa nữa ở làng An-chuẩn.

Sông Trà-câu. — Sông Trà-câu phát-nguyên từ núi Bàn-thạch, chảy qua hạt Đức-phổ, qua ngang cầu Trà-câu rồi chảy qua cửa Mĩ-á.

Những sông ngòi trong tỉnh Quảng-ngãi thì không thể đi lại suốt cả năm được, vì trên thượng-nguyên thì có nhiều thác ghềnh và vì cửa bể thì có cồn cát chặn ngang, thành ra tầu thủy và thuyền lớn không thể đi lại được.

V. — Bờ bể

Bờ bể phía bắc tỉnh Quảng-ngãi thì không được thẳng và bằng phẳng, vì có mấy cái núi doi ra bể như là núi An-hải và núi An-vĩnh. Ở đó có mấy cái mũi đất doi ra bể như là mũi Ba-tam ở Sơn-trà và mũi Sa-bằng ở Sa-kỳ. Lại cũng có mấy vịnh như vịnh Dung-quát cửa sông Trà-bồng và vịnh Biệt-thanh ở An-hòa.

Từ An-vĩnh trở vào thì bờ bể toàn cát và bằng phẳng chỉ thỉnh-thoảng có cửa sông cắt đứt bờ bể ấy ra mà thôi, những cửa sông ấy vì cũng có những cồn cát chặn ngang, nên tầu lớn không có thể vào núp được, chỉ có thuyền bè vào đậu mà thôi.

Ở ngoài bể tỉnh Quảng-ngãi lại có một hòn cù-lao gọi là Lý-sơn « Poulo Canton».

Cù-lao Lý-sơn thì gồm có hai làng : An-hải-phường và An-vĩnh-phường.

Hai làng ấy cũng có dân ở đông-đúc, cù-lao ấy cách đất liền chừng nửa ngày thuyền trong lúc thuận buồm xuôi gió.

Trên cù-lao ấy nhà nước có lập một cây đèn viễn-chiếu « Phare » để dẫn đường cho tầu thủy đi lại.

Tỉnh Quảng-ngãi có một hòn cù-lao nữa gọi là hòn Huỳnh-sa ở gần cù-lao Lý-sơn, từ cửa Sa-kỳ ra đi thuyền thuận gió ước ba bốn ngày. Trong cù-lao ấy có cái doi cát vàng khá dài,tục gọi là Vạn-lý trường-xa-châu. Trong doi cát ấy có giếng nước ngọt. Cù-lao ấy có nhiều thứ ốc tốt, hải-xâm, xà-cừ và đồi-mồi. Bản-triều có lập một đội lính ở đó, gọi là đội Huỳnh-sa. Lấy dân làng An-vĩnh điều lính ấy. Mỗi năm tháng ba lính ra lấy đồ hải-vật, đến tháng tám về cửa Tư-hiền nộp, về sau triệt bãi. Đời Minh-mệnh có sai quân thuyền đến xét hải-trình. Minh-mệnh thứ XVI có chở ngói gạch đến làm chùa trên cù-lao ấy. Trong cù-lao có cái chùa phật có hòn bia khắc bốn chữ « Vạn-lý bình », phía tây bắc cù-lao có hòn đá san-hô cao bằng đống cát rộng,chu-vi ước 340 trượng, xem rất đẹp. Gần đây cù-lao ấy không có người ở mà cũng không kinh-lý đến.

VI. — Thời-tiết khí-hậu

Khí-hậu tỉnh Quảng-ngãi cũng lành. Nói về phần thời-tiết thì trong một năm có thể phân-biệt ba mùa.

1°) Từ tháng chạp đến tháng ba,(dương-lịch) thời-tiết cũng không nóng nực lắm. Hàn-thử-biểu không mấy khi xuống dưới 17 độ, mùa này ít mưa song thỉnh-thoảng có mưa phùn.

2°) Từ tháng tư đến tháng chín thì là mùa nóng, hàn-thử-biểu thường chỉ khoảng 28 và 35 độ. Thỉnh thoảng hay có giông-tố. Về mùa này nhờ có gió tây-nam nên khí-tiết có phần dịu hơn.

3°) Từ tháng mười đến tháng chạp, khí trời có phần lạnh-lẽo, mùa này thường có mưa to làm cho ngập lụt, nhưng lụt cũng chóng lui và hay có giông-tố ở bể Trung-hoa thổi vào sinh ra gió bão rất là hại cho mùa-màng ; ví như bão lụt ngày 16 tháng mười năm 1932 làm hại đến bốn phần mười ba-lợi, và sự thiệt-hại ấy đánh giá tới 2000.000 đồng, nhưng may thay năm nay mùa màng rất tốt, thành ra sự thiệt-hại đó chả qua là sự mất hưởng về sự được mùa mà thôi. Tuy mùa còn lại chỉ có sáu phần mười, nhưng cũng chẳng kém gì mùa tầm-thường mọi năm

Nếu ta xem xét về những trận bão ấy xảy ra trong khoảng năm 1911 và năm 1929 theo như bản đồ đính theo đây thì ta sẽ biết gió bão ấy mạnh và hay xảy ra vào khoảng tháng nào ; tháng mười nhiều bão nhất, đồ-dồng trong khoảng 1911-1929 thì bể Trung-hoa mỗi năm có tới hai-mươi hai cái bão đi qua tỉnh Quảng-ngãi hoặc đi gần tới Quảng-ngãi.

Hãy xem bản-đồ gió bão này thì sẽ rõ.

TYPHONS

DE LA MER DE CHINE

1911-1929

FRÉQUENCE PAR MOIS

Janvier	3
Fèvrier	"
Mars	"
Avril	"
Mai	7
Juin	10
Juillet	33
Août	23
Septembre	20
Octobre	22
Novembre	21
Décembre	7
TOTAL	146

Khiếu hữu Kiều

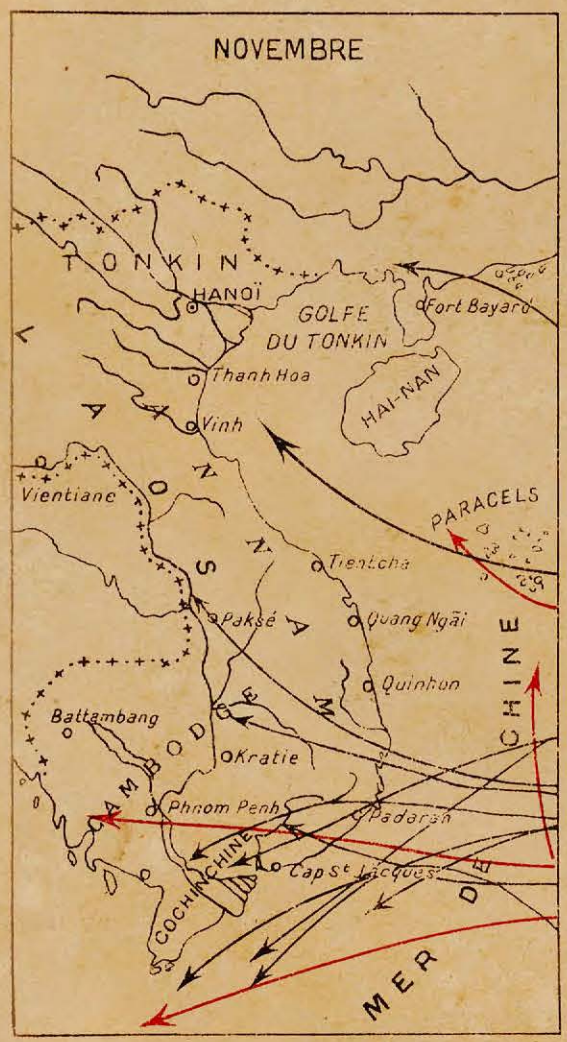

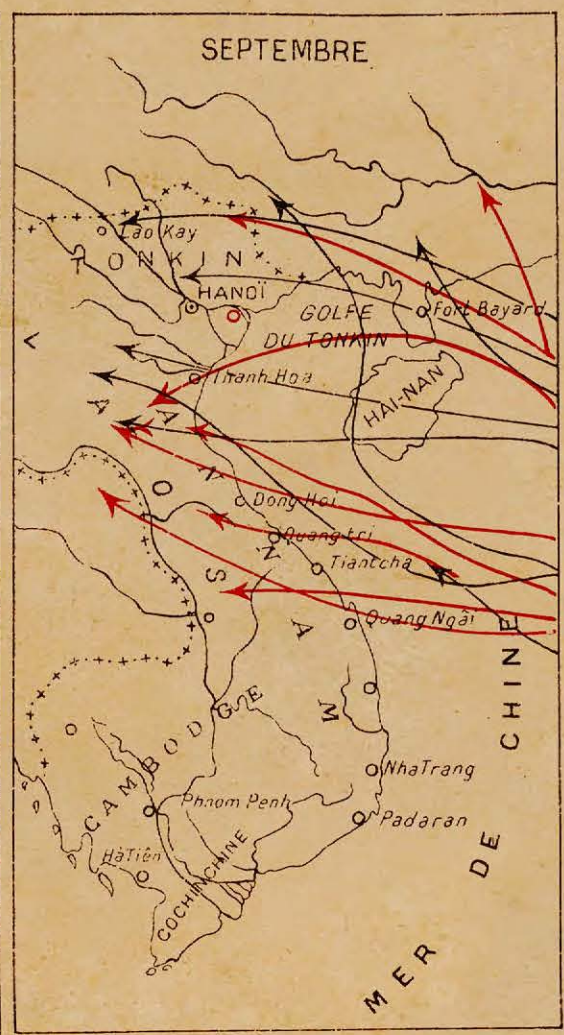

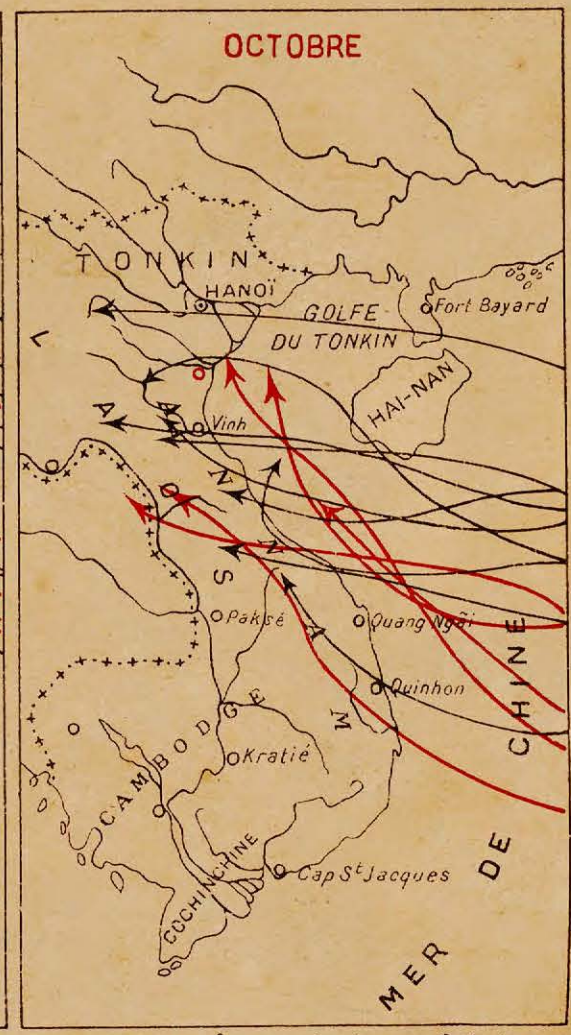

Le Typhon peut tomber sur Quảng Ngãi en Sept. Nov. & sur tout en Octobre

Còn như thường ngày thì gió bể thổi vào rất là mát-mẻ. Nếu ta xét bản kê biên về số ngày mưa thì ta thấy trời hay mưa nhất vào những tháng sau này:

a) Tháng 10, 31 ngày mưa hết 18 ngày $^{18}/_{31}$.

b) Tháng 11, 30 ngày mưa hết 20 ngày $^{20}/_{30}$.

c) Tháng 12, 31 ngày mưa hết 18 ngày $^{18}/_{31}$.

Ta hãy xét bản kê thứ I thì rõ.

Bản kê thứ I

Nơi xem xét	Kinh-tuyến	Vĩ-tuyến	Cao khỏi mặt đất	j	f	m	a	m	j	j	a	s	o	n	d	Tổng-cộng
Sơn-trà.....	108°49	15°23	5m00	15	9	5	7	3	4	4	6	7	13	14	14	101
Quảng-ngãi	108°53	15°08	7m00	13	7	5	3	5	6	7	9	14	18	20	18	125
Cổ-lũy.....	108°53	15°08	2m40	11	7	3	2	1	4	3	4	7	14	12	11	79
Sa-huỳnh..	109°04	14°39	21m00	10	7	3	5	3	5	3	6	8	18	16	10	94

Nếu ta xét bản mưa được nhiều ít nước, thì ta sẽ thấy trời hay mưa to vào khoảng tháng 10 và tháng 11 tây.

Bản kê thứ II

Ta hãy xét bản thứ II thì rõ

Nơi xem xét	j	f	m	a	m	j	j	a	s	o	n	d	Tổng cộng	Xem xét năm nào	Trong mấy năm
Sơn-trà.....	193	98	43	84	22	19	34	88	169	332	385	145	1612	1927 - 1929	3
Quảng-ngãi ...	143	65	50	99	53	62	63	115	251	545	616	270	2262	1907 - 1929	23
Cổ-lũy.....	126	64	14	49	10	41	45	91	117	298	315	141	1511	1927 - 1929	3
Sa huỳnh.....	142	76	16	70	40	33	40	79	94	344	379	174	1687	1927 - 1929	3

Nếu ta muốn biết khí-trời nóng nhất thì hàn-thử-biểu lên mấy độ, lạnh nhất thì xuống mấy độ, sự ẩm thấp nhiều ít thế nào thì ta hãy xét bản kê thứ ba thì rõ. Theo bản kê ấy thì trời nóng nhất vào khoảng tháng sáu tây 40°, tháng bảy 39°6.

Bản kê thứ III

Về nóng lạnh ẩm thấp

Tháng (Dương-lịch)	Nóng lạnh đồ đồng	Nóng nhất	Lạnh nhất	Ẩm thấp mấy phần trăm
Giêng.	22,3	22,6	13,5	82,5°/.
Hai.	23,2	33,3	14,8	81°/o
Ba.	24,7	35,7	15,0	78°/o
Tư.	27,1	39,0	17,3	74,5°/
Năm.	29,0	39,1	19,6	71,5°/o
Sáu.	29,7	40,0	20,0	69,5°/o
Bảy.	29,7	39,6	21,1	69°/o
Tám.	29,8	39,9	20,0	69°/o
Chín.	29,9	39,0	21,0	78°/o
Mười.	25,9	34,6	18,2	83,2°/o
Một.	24,2	33,7	15,8	33. °/o
Chạp.	22,7	31,1	14,2	84,5 /.

Nếu ta muốn biết rõ về mùa nào gió thổi hướng nào thì hãy xem bản kê thứ IV về những luồng gió thổi.

Bản kê thứ IV

Tháng	Phương-hướng
Giêng. . .	Bắc
Hai.	Bắc
Ba. . . . . :	Nam
Tư.	Bắc
Năm. . . .	Đông nam
Sáu	Đông-nam
Bảy. . . .	Đông-nam
Tám. . . .	Tây-nam
Chín. . . .	Tây-nam
Mười. . . .	Tây-nam
Một . . .	Tây-nam
Chạp. . . .	Tây-nam

Xét về phần khí-hậu thời-tiết thì tỉnh Quảng-ngãi là một tỉnh dễ ở.

Đất trung-châu lành, nước hiền và khí-tiết cũng dễ chịu, còn miền thượng-du thì có vài nơi như Minh-long, Ba-tơ và Sơn-hà là độc mà thôi.

Tuy vậy càng ngày dân ở đồng-bằng lên khai-khẩn đất trên thượng-du càng đông, và buôn bán với Mọi càng nhiều, thì một ngày kia miền núi-non mà có nhiều người khai-khẩn làm ăn đông-đúc tất khí-hậu lam-phong và chướng-khí cũng lần lần nhẹ đi, và đất nước cũng lần lần bớt độc, vì có câu nói rằng :

«Chỗ nào mà người ta nhúng tay tới thì tạo-hóa cũng phải lui và nhường bước ». Nếu ta xem qua lịch-sử Quảng-ngãi thì ta sẽ biết rằng lời nói ấy rất đúng.

VII. — Cổ-tích linh-từ

Về những di-tích Chiêm-thành ở trong tỉnh, thì nay chỉ còn rời-rạc một vài vết tích, không có giá-trị mấy. Cứ xét về thắng-cảnh, cổ-tích, linh-từ, thì ta có thể chia làm ba đoạn :

Thứ nhất, — Phong-cảnh tự-nhiên và nhân-tạo

a) Phong-cảnh tự-nhiên

1) Làng Thạch-bích phủ Bình-sơn và làng Thạch-nham phủ Sơn-tịnh, làng Ôn-thủy phủ Tư-nghĩa và làng Thạch-trụ huyện Mộ-đức có suối nước nóng; gần Thạch-trụ lại có một cái suối nước mặn nóng.

2) Ta có thể kê vào chỗ phong-cảnh này mười-hai cảnh theo tư-tưởng nhà văn-sĩ phê-bình cho giang-sơn tỉnh Quảng-ngãi ấy là :

1. Thiên-ấn niêm-hà. — Chỉ núi Thiên-ấn làng Phú-nhơn. Nguyên hòn núi này hình tựa như một cái ấn, lại nằm ngang bên bờ sông Trà-khúc, nên mới đặt là Thiên-ấn niêm-hà.

2. Thiên-bút phê-vân. — Chỉ núi Thiên-bút ở làng Chánh-lộ. Nguyên hòn núi ấy giữa cánh đồng-bằng nổi lên hình như cái bút, nên mới gọi là Thiên-bút.

3. Long-đầu hí-thủy. — Ở làng Phú-nhơn bên kia sông Trà-khúc có núi hình như đầu rồng, nước sông Trà-khúc ở trên chảy xuống tỏa vào hòn núi đó.

4. La-hà thạch-trận. — Là núi La-hà ở làng La-hà và An-hà gần đường thiên-lý. Nguyên chỗ ấy có ba hòn đá lớn đứng giụm lại rồi lại có đá rải-rác từ Cô-sơn tới La-hà, Điện-an, ở đó la-liệt những đá lồm-chồm, chỗ hai ba hòn, chỗ năm bảy hòn, hình như thiên-binh vạn mã đang giao-chiến với nhau, nên gọi là La-hà thạch-trận.

5. Thạch-bích tà-dương. — Là chỉ núi Thạch-bích ở gần núi Liệt-sơn về Đức-phổ bóng chiều dọi xuống thì ưng-ửng đỏ.

6. Hà-nhai vãng-độ. — Là chỉ bến đò Hà-nhai (Sơn-tịnh) vì dân buổi chiều đi làm mía làng Xuân-phổ (Tư-nghĩa) về rất đông, nhưng bây giờ không còn được đông-đúc như xưa.

7. An-hải sa-bàng. — Là cái gò cát ở An-hải, phía nam cửa Sa-kỳ vì đứng xa trông thấy những đá cát vun lên nên người ta đặt tên ấy.

8. Cổ-lũy cô-thôn. — Là chỉ một làng nhỏ ở một mình bên cửa Cổ-lũy, nếu leo lên Thạch-sơn thì mới thấy phong-cảnh đẹp.

9. Liên-trì dục-nguyệt. — Là chỉ ao sen làng Liên-chiểu, huyện Đức-phổ, ban đêm mặt trăng dọi rất đẹp.

10. Vu-sơn lộc trường. — Là trỏ hòn Vu-sơn về phần đất hướng tây phủ Bình-sơn và Sơn-tịnh, hòn núi ấy phát mạch cho các núi ở về phủ ấy. Núi này cao, sau lưng núi có chỗ sầm-uất, ngày xưa hươu nai ở rất đông, nên gọi là Vu-sơn-lộc-trường.

11. Vân-phong túc-vũ. — Là một cảnh trên miền Thượng-du.

12. Thạch-cơ điếu-tầu. — Ở về cửa Sa-kỳ (Bình-sơn) có một cái gành đá đỏ ra ngoài mé bể ở xa xem như hình người, nên đặt tên ấy.

Khi trước ông Nguyễn Cư-Trinh làm Tuần-vũ Quảng-ngãi nhân-cảnh tự-nhiên mà đặt tên chỉ có mười cảnh, sau thêm hai cảnh nữa, thành ra mười hai cảnh.

Mười hai cảnh của văn-sĩ phê-bình cho tỉnh Quảng-ngãi, tựu-trung cũng có cảnh đặt tên để cho đẹp tai nghe, nay ta trừ ngoài mười-hai cảnh ấy mà du-lịch một lần nữa ở tỉnh Quảng-ngãi để tìm những phong-cảnh cho đẹp mắt thấy.

Bắt đầu từ địa-đầu tỉnh Quảng-ngãi đi vào địa-hạt Bình-sơn, ta quẹo lên con đường Long-giang, lên Trà-bồng xem những cảnh núi dọc đường có xen đồng ruộng nhỏ, dân-cư ở thì cũng vui mắt, trở về đèo Vĩnh-tuy tục gọi là đèo Thơm, đến mùa thơm thì hai bên đèo thấy những thơm ra trái, sắc lá xanh xen với sắc hồng-hồng ở trong vườn trên sườn núi, thỉnh-thoảng lại có vườn chè vườn cau xen lẫn, qua đèo Thơm rồi xuống chợ Ba-da, lên đồn Sơn-hà, từ Ba-da lên ước trên 20 cây

ô-mét, tới sách Lê-lang của mọi tức là lị-sở của đồn ; chỗ ấy có núi có sông, phong-cảnh rất đẹp, qua khỏi đồn đi 5 cây lô-mét nữa tới nền cũ của đồn Làng-ri. Triều Thành-thái trước đây ba-mươi năm, nơi ấy cũng là cái trung-tâm-điểm để cai-trị bọn mọi, nhưng không bao lâu triệt bãi. Bây giờ chỉ còn hai trụ cửa ngõ là di-tích của đồn mà thôi. Đến đó hết đường giao-thông bằng điện-xa, phải trở về con đường Phước-lộc để đi ra đường Thiên-lý, hai bên đường làng Phước-lộc khi lúa đã nặng hột ướm chín, vun xủn trên mặt ruộng như đơm màm xôi. Đi về đến đường cái quan ra đến đường cầu Chày xuống cửa Sơn-trà ta sẽ thấy cái đầm ở trong vũng nước biếc, ba mặt núi xanh, phong-cảnh rất là ngoạn-mục ; quay về bờ sông Trà-khúc đi thẳng con đường Mĩ-khê được vài cây-lô-mét leo lên núi Thiên-ấn mà xem xuống Mĩ-khê Tư-cung và Cồ-lũy, thì thấy các ngọn sông uyển-chuyển, các thôn-lạc rải-rác hoặc cụm dừa, hoặc bãi cát, hoặc gò núi đất điểm-xuyết thành màu trắng màu vàng màu xanh, ba sắc, ta day người lại mà ngó qua tỉnh-thành thì sẽ thấy một bức họa-đồ rất là ngoạn-mục, nếu muốn xem tận nơi Cồ-lũy ta sẽ đi qua sông Trà-khúc mà xuống hòn Thạch-sơn ở làng Phú-thọ xem chơi ; đứng trên hòn Thạch-sơn trông về hướng đông thì thấy một biển mênh-mông, sinh ra lòng người có bụng hùng-dũng ; ta quay lại xem cái cánh đồng Mộ-đức và cánh đồng Tư-nghĩa thì lố-nhố nào nhà nào ruộng, nào đất mía nào đất lúa, thấy được cái quang-cảnh dân-cư trù-mật, thổ-địa phì-nhiêu, khiến cho ta vừa thương vừa mến mà không còn nghĩ chi đến Cồ-thôn của Cồ-lũy, đến Thiên-bút đã trông xa được hai cánh đồng của Tư-nghĩa Mộ-đức, rồi ta sẽ trở về do đường thiên-lý mà đi vào Mộ-đức, thì quả thực cánh đồng Thi-phổ là một cánh đồng lúa rất phì-nhiêu, cánh đồng ấy gồm có cánh đồng Quất-lâm, Trà-ninh, đất rộng hơn mấy nghìn mẫu ; sự làm ruộng ở đồng ấy có dễ-dàng hơn đồng Phước-lộc. Đồng Phước-lộc thì phải có xe nước mà tưới ruộng, đồng Thi-phổ thì nhờ có cái đập Bến-thóc trong một năm trổ bảy ngày về kỳ tháng sáu, nên vườn hoa lúa ở làng Thi-phổ tươi-tốt đượm-nhuần. Ta sẽ vào Thạch-trụ lên con đường Ba-tơ, qua khỏi đồn Đức-phổ rồi thấy hai bên đường cây cối sầm-uất, con đường như rắn bò trong mấy cái nách núi khiến lòng u-trầm không hùng-dũng như khi đứng trên hòn Thạch-sơn Thiên-ấn nữa. Ta đi con đường ấy biết tỉnh Quảng-ngãi ngày sau sẽ rộng lớn, mà đất miền Thượng-du sẽ cung-cấp sự sinh-hoạt của dân Quảng-ngãi được nhiều, trong một ngày người Trung-châu đi lên Mọi buôn-bán ước được vài trăm người, mà người nào khi đi về cũng có một gánh lúa hay là một gánh thổ-sản gì của Mọ như bắp đậu, v. v. Nếu cầu sông Gia-vực không bị đổ mà con đường lên Mọi đã thông thì ta do đường Ba-tơ mà qua Minh-long Sơn-hà và Trà-bồng, có lẽ trong ấy nhiều phong-cảnh đẹp lắm, hay là tắt ngang mà đi xe về hướng tây thì ta sẽ dời khỏi tỉnh Quảng-ngãi mà đến phần đất Kontoum. Nhưng vì chưa có đường nên phải quay lại trở về Mộ-đức vô Đức-phổ mà đi xem phong-cảnh của miền ấy. Nếu đi vô Sa-huỳnh hồi bốn giờ đêm ngày 30 ta trong tiết mùa hạ, ngó về phía tay trái thấy một dải đèn xa-xa hình như đèn điện ước trên dưới trăm ngọn, ta ngỡ rằng ta sẽ tới một cái thành-phố nào nữa, nhưng lạ thay cái thành-phố ấy sao mà yên-lặng không có tiếng ồn-ào xe ngựa như trong những thành-phố lớn, lại thỉnh-thoảng có luồng gió thổi mát rươi cả người, sau xét kỹ mới biết là một đoàn ngư-châu đánh cá các đầm gần cửa Sa-huỳnh, nếu có ông văn-sĩ chịu đi đêm xem thì ông sẽ đặt tên rằng « Sa-tấn ngư-đăng » nhập vào một thắng-cảnh nữa.

b) Phong-cảnh nhân-tạo

Phong-cảnh nhân-tạo thì ta có thể nói tới những xe nước đặt ở bên sông Trà-

khúc và sông Vệ ; nhưng xe nước ấy là những khí-cụ rất có ích cho nghề canh-nông về phương-diện dẫn-thủy nhập-điền (sẽ tường ở mục kinh-tế).

Thứ nhì. — Đền chùa và miếu mộ

1· Đền vua Quang-chiếu ở Xuân-quang. — Theo lời xưa truyền lại thì vua Quang-chiếu trước là một người học-trò nghèo ở đời nhà Lê mà sau làm mãi đến chức Trấn-nam Đô-tướng.

2· Miếu dinh bà ở Thuận-an, đèo Ba-đào. —Theo lời xưa truyền lại thì miếu này để thờ một vị nữ-anh-hùng ngày xưa tử-trận tại nơi đó.

3· Đền Bùi-trấn-công ở Thu-phổ. — Đền này để thờ ông Trấn-công Bùi Tá-Hán.

4· Bạch-thạch-tự ở Trà bồng. — Chùa này chính là một cái hang đá trước để thờ một vị nữ-thần. lâu nay không ai dám tới, vì ở đó có nhiều rắn-rết.

5· Chùa Thiên-ấn. — Chùa này ở trên núi Thiên-ấn có sắc-tứ là Thiên-ấn-tự, là một nơi chùa lớn của đạo Phật ở Quảng-ngãi.

6· Mộ vua Quang-chiếu. — Ở làng Phú-thọ phủ Tư-nghĩa.

7· Mộ ông Bùi Trấn công. — Ở làng Thu-phổ phủ Tư-nghĩa.

8· Mộ ông Hoàng Đề-đốc. — Ông là Hoàng-Thiệu, đánh giặc Mọi bị chết, mộ chôn ở huyện Mộ-đức.

9· Đền ông Lê. — Thuở xưa có ông Lê làm quan coi Mọi và người An-Nam (ở chung với nhau phỏng đến năm đời) Ở tại sách Ca-la núi Bù-ru, mọi kêu là Hoắn-ru, có đền ông Lê, có đồn ở, có giếng uống nước, có chỗ bắn bia, nay di-tích hãy còn ; thuở ấy dân An-Nam và dân Mọi ở chung, ông Lê làm quan cai-trị đóng đồn ở đấy.

10· Đền ông Bùi. — Đền ông Bùi ở Lê-lang, gần đó có lò hầm gạch, nay di-tích hãy còn lưu. Ông Bùi đây có lẽ là ông Bùi Trấn-bắc.

11· Đập Bà-bố. — Bà Bố này là người An-Nam rất giàu có, ăn ở rất có lòng bác-ái. xuất tiền của nuôi, dụ Mọi làm ruộng, vỡ đất tỉa lúa, tỉa bắp, làm chè cau và đi khắp cả Mọi huấn-dụ làm ăn, dân Mọi vỡ ruộng mà không làm sao có nước cày cấy, lúc ấy bà xuất tiền thuê đắp đập để lấy nước mà cày, sau có hoa-lợi bà thu một ít kêu là « lúa nước » mà thôi. Những nơi Bà-Bố đã đến mà có huấn-dụ Mọi làm ăn là những nơi sau này :

Ở sách Ca-la xóm Bồ-định và Vọng-kỳ (tổng Sơn-tân) và sách Mang-kiều (tổng Sơn-thượng nay vẫn còn di-tích chút ít và tục hay xưng-hô là « Đập Bà Bố ».

Về sau bà già cả rồi qua đời tại sách Lê-lang (làng Rê), hiện nay âm-phần vẫn còn an-táng tại nơi gần đó.

Thứ ba. — Dấu tích xưa để lại

1· Cồn Phú-thọ. — Ở về làng Phú-thọ và Cồ-lũy. Triều Tự-đức có đắp một cái thành để ngăn chặn giặc bể ; dấu tích về cái thành đó hiện giờ hãy còn.

2· Lũy Đoan-trường. — Lũy này đi từ An-khang đến Phú-khương miền Tây-nam giáp đất Mọi Minh-long, do ông Tả-quân Lê Văn-Duyệt đắp năm Gia-long 18 để ngăn Mọi.

3· Thành Đại-la. — Thành này ở làng Châu-sa và làng Hòa-bân, tục truyền là thành của Chiêm-thành, đời nhà Lê có đóng quân ở đó.

4· Xuân-quang phế-thành. — Thành này ở làng Xuân-quang (Tư nghĩa nhưng nay không còn, dân làng đã cày thành ruộng.

5· Bồ-đề miếu Phật. — Tượng ở làng Bồ-đề (Mộ-đức).

6· Dấu-tích Chiêm-thành. — Ở làng Chánh-lộ (Tư-nghĩa).

7· Hai miếng đá Chiêm-thành. — Ở Phú-thọ (Tư-nghĩa).

8· Hai Thạch-tượng. — Ở Đông phước (Bình-sơn).

9. Miễu Kim-thần-tượng. — Theo dân truyền thì tượng còn gọi là tượng Bà-voi ở chùa Tây-hi tổng Bình-hà (Bình-sơn).

10. Thạch-bi của Chiêm-thành — Bia này để lại ở làng Long-thạnh (Đức-phổ).

11. Thạch-bi của Chiêm-thành. — Ở làng Mỹ-thuận (Đức-phổ).

12. Dấu tích Chiêm thành. — Ở làng Phong-niên (Sơn-tịnh).

13. Dấu-tích Chiêm-thành. — Ở làng Trà-bình (Sơn-tịnh).

VIII. — Kết-luận về hình-thế

Theo như địa-thế tỉnh Quảng-ngãi thì ta có thể tổng-luận được rằng dân An-Nam dưới đồng-bằng có thể lên miền Thượng-du tỉnh này mà ở dễ-dàng hơn các miền Thượng-du tỉnh khác. Càng ngày dân đồng-bằng lên khai-khẩn trên miền núi càng đông thì khí-hậu càng ngày cũng càng nhẹ đi và đỡ độc. Như vậy mấy đồn trước toàn Mọi, sau có người An-Nam lên ở rồi không bao lâu Mọi cũng hóa ra theo phong-tục An-Nam, vì Mọi Quảng-ngãi đã chịu phép-luật Triều-đình và chỗ nào có Mọi ở thì đã có người An-Nam giao-dịch ; trừ ra một đôi nơi Mọi hoang chưa chịu thuế thì sự giao-dịch chưa được tiện-lợi, có thể chắc rằng ngày sau dân Mọi cũng hỗn-hóa với dân-tộc An-Nam làm một. Nhưng muốn tự hỗn-hóa cho được mau chóng, thì tỉnh này cần phải mở-mang các con đường trên xứ Mọi cho nhiều ; nhưng muốn biết rõ tương-lai tỉnh Quảng-ngãi thì nên xem xét về phương-diện chính-trị và kinh-tế.

(Còn-nữa)

SƯU TẬP THƠ-VĂN CỔ

VIII

Diễn bài « Tì-bà-hành » và tự (1) (của Bạch Cư-Dị)

琵琶行并序
(白居易)

I

元和十年。余左遷九江郡司馬。明年秋送客湓浦口。聞舟中夜彈琵琶者。聽其音錚錚然有京都聲。

Niên-hiệu Nguyên-hòa thứ mười, ta phải thiên ra làm Tư-mã quận Cửu-giang. Mùa thu năm sau đi tiễn khách ở bến Bồn-phố đêm nghe thấy người gảy đàn tì-bà ở trong một chiếc thuyền kia, những giọng đàn lanh-lảnh có tiếng ở Kinh-kỳ.

問其人本長安倡女。嘗學琵琶於穆曹二善才。年長色衰。委身爲賈人婦。

Hỏi ra mới biết là một người xướng-nữ ở Trường-an, thường học đàn ở hai nhà tài tử Mục và Tào, đến khi tuổi già sắc suy, mới gửi thân vào ánh lái buôn.

遂命酒使快彈數曲。曲能悽然自叙少小時歡樂事。今漂淪憔悴。轉徙於江湖間。

Ta mới gọi sang khiến hầu rượu và gảy mấy khúc đàn chơi. Gảy xong, nàng phàn nàn kể khi trẻ-trung thì vui thú chừng nào, nay phải phiêu-lưu tiêu-tụy hết chốn nọ đến chốn kia.

---

(1) Bài này nguyên-văn chữ nho của ông Bạch Cư-Dị Tiến-sĩ đời Đường Nguyên-hòa bên Tàu. Dịch ra quốc-âm (văn song-thất lục-bát) là ông Phan Huy-Vịnh 潘輝泳 cử-nhân đời vua Minh-mệnh triều Nguyễn ta.

余出官二年。恬然自安。感斯人言。是夕始覺有遷謫意。因爲長篇歌以贈之。凡六百一十六言。命曰琵琶行。

Ta làm quan ra đây đã hai năm, vẫn thường lẳng-lặng tự dưng, đêm ấy nghe mấy lời nàng nói mới cảm giác đến nỗng-nỗi mình, nhân làm bài ca trường-thiên để tặng, cả bài sáu trăm mười sáu chữ, đặt tên là Tỳ bà-hành.

∴

潯陽江頭夜送客
楓葉荻花秋瑟瑟

Bến Tầm-dương canh khuya đưa khách,
Quạnh hơi thu lau lách đìu-hiu;

主人下馬客在船
舉酒欲飲無管絃

Người xuống ngựa khách dừng chèo,
Chén quỳnh mong cạn nhớ chiều trúc ti.

醉不成歡慘將別
別時茫茫江浸月

Say những luống ngại khi hầu rẽ,
Nước mênh-mông đượm vẻ gương trong;

忽聞水上琵琶聲
主人忘歸客不發

Tiếng tỳ nghe vẳng bên sông.
Chủ khuây-khỏa lại khách dùng-dằng xuôi.

尋聲暗問彈者誰
琵琶聲停欲語遲

Lần tiếng sẽ hỏi ai đàn tá?
Lửng tiếng đàn nán-ná làm thinh;

移船相近邀相見
添酒回燈重開宴

Dời thuyền nèo hỏi thăm tình,
Chong đèn thêm rượu con dành tiệc vui.

千呼萬喚始出來
猶抱琵琶半遮面

Mời-mọc mãi thấy người bỡ ngỡ,
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa;

轉軸撥絃三兩聲
未成曲調先有情

Vặn đàn dạo tiếng năm ba,
Tuy chưa trọn khúc tình đà thoảng hay.

絃絃掩抑聲聲思
似訴平生不得志

Nghe não-nuột mấy dây rất mực,
Dường nỗi-niềm tấm tức bấy lâu;

低眉信手續續彈
說盡心中無限事

Mày chau tay gảy khúc sầu,
Dãi bày hết nỗi trước sau muôn vàn.

輕攏慢撚抹復挑
初爲霓裳後六么

Ngón buông bắt khoan khoan dìu-dặt,
Trước Nghê-thường sau thoắt Lục-yêu;

大絃嘈嘈如急雨
小絃切切如私語

Dây to dường đổ mưa dào,
Nỉ non dây nhỏ như chiều chuyện riêng.

嘈嘈切切錯雜彈
大珠小珠落玉盤

Tiếng cao thấp lựa chen lẫn gảy,
Mâm ngọc đâu bỗng nảy hạt châu;

間關鶯語花底滑
幽咽流泉水下灘

Trong hoa oanh ríu-rít nhau,
Nước tuôn róc-rách chảy mau xuống doành.

水泉冷澀絃凝絕
凝絕不通聲暫歇

Nước suối lạnh dây mảnh ngừng dứt,
Ngừng dứt nên phút bặt tiếng tơ;

別有幽情暗恨生
此時無聲勝有聲

Tâm thần dường có ngẩn-ngơ,
So ra lặng lẽ bấy giờ càng hay.

銀瓶乍破水漿迸
鐵騎突出刀鎗鳴

Bình bạc vỡ tuôn đầy mạch nước,
Ngựa sắt giong thét ngược tiếng đao;

曲終抽撥當心畫
四絃一聲如裂帛

Cung đàn trọn khúc thanh-tao,
Tiếng buông xé lụa lựa vào bốn dây.

東船西舫悄無言
惟見江心秋月白

Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt,
Một vầng trăng trong vắt lòng sông;

沉吟收撥插絃中
整頓衣裳起斂容

Ngậm ngùi đàn bát xếp xong,
Áo xiêm khép nép hầu mong dãi lời.

自言本是京城女
家在蝦蟆陵下住

Rằng xưa vốn là người kẻ chợ,
Cồn Hà-mô thủ ở lân-la;

十三學得琵琶成
名在教坊第一部

Học đàn từ thuở mười-ba,
Giáo-phường đệ nhất sổ đã chép tên.

曲罷曾教善才服
妝成每被秋娘妬

Gã Thiện-tài sợ phen dừng khúc,
Ả Thu-nương ghen lúc điểm-tô;

五陵年少爭纏頭
一曲紅綃不知數

Ngũ-lăng chàng trẻ ganh đua,
Biết bao the thắm chuộc mua tiếng đàn.

鈿頭雲篦擊節碎
血色羅裙翻酒污

Vành lược bạc gẫy tan dịp gõ,
Bức quần hồng hoen ố rượu rơi;

今年歡笑復明年
秋月春風等閒度

Năm năm lần lữa vui cười,
Mải gió trăng chẳng đoái hoài xuân thâu.

弟走從軍阿姨死
暮去朝來顏色故

Buồn em trẩy lại sầu di thác,
Lần hôm mai đổi khác hình-dung;

門前冷落鞍馬稀
老大嫁作商人婦

Cửa ngoài xe ngựa vắng không,
Thân già mới kết đôi cùng khách-thương.

商人重利輕別離
前月浮梁買茶去

Khách trọng lợi khinh đường ly-cách
Mải buôn chè sớm tếch miền khơi;

去來江口守空船
繞船明月江水寒

Thuyền không đậu bến mặc ai,
Quanh thuyền trăng dãi nước trời lạnh-lùng.

夜深忽憶少年事
夢啼妝淚紅闌干

Đêm khuya sực nhớ vòng tuổi trẻ;
Lại mơ-màng quen vẻ phấn-son;

我聞琵琶已歎息
又聞此語重唧唧

Nghe đàn ta đã chạnh buồn,
Lại rầu nghe nỗi nỉ-non mấy lời.

同是天涯淪落人
相逢何必曾相識

Cũng một lứa bên trời lận-đận,
Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau;

我從去年辭帝京
謫居臥病潯陽城

Từ xa Kinh khuyết bấy lâu,
Tầm-dương đất trích gối sầu hôm mai.

潯陽地僻無音樂
終歲不聞絲竹聲

Chốn cùng tịch lấy ai vui thích,
Tai chẳng nghe đàn địch cả năm;

住在湓江地低濕
黃蘆苦竹繞宅生

Sông Bồn gần chốn cát lầm,
Lau vàng trúc vỗ nảy mầm quanh hiên.

其間旦暮聞何物
杜鵑啼血猿哀鳴

Tiếng chi đó nghe liền sớm tối,
Quốc kêu sầu vượn nói nỉ-non;

春江花朝秋月夜
往往取酒還獨傾

Hoa xuân nở nguyệt thu tròn,
Lần lần tay chuốc chén son riêng ngừng.

豈無山歌與村笛
呕啞嘲哳難爲聽

Há chẳng có ca rừng địch nội,
Giọng líu-lo nhiều nỗi khó nghe;

今夜聞君琵琶語
如聽仙樂耳暫明

Tì-bà nghe đạo canh khuya,
Dường như tiên-nhạc gần kề bên tai.

莫辭更坐彈一曲
爲君翻作琵琶行

Khuyên ngồi lại gẩy chơi khúc nữa,
Sẽ vì nàng soạn sửa bài ca.

感我此言良久立
却坐促絃絃轉急

Đứng lâu dường cảm lời ta,
Lại ngồi lựa phiếm đàn đà kịp dây.

凄凄不似向前聲
滿座聞之皆掩泣

Nghe não-nuột khác tay đàn trước,
Khắp tiệc hoa tuôn nước lệ rơi.

座中泣下誰最多
江州司馬青衫濕

Lệ ai chan-chứa hơn ai ?
Giang-châu Tư-mã đượm mùi áo xanh.

II

Bến Tầm-dương đêm chầy đưa khách,
Gió kim-phong hoa địch chồi bông ;
Người vó ngựa khách thuyền từng,
Muốn đưa tiệc rượu mà không tiếng đàn.
Vui chẳng đã sầu toan bẻ liễu,
Trong doành sông leo-lẻo vầng trăng ;
Đàn ai văng vẳng bên giang,
Thần-thơ kẻ lại dừng-dằng người đi.
Khúc tuyệt-điệu ai rầy ướm hỏi,
Đã dừng tay muốn nói còn e ;
Chèo ngay một mái thuyền kề,
Chén quỳnh thêm đặt đuốc huê thêm [bày.
Gọi lại gọi hỏi rồi lại hỏi,
Tay nâng đàn tay hãy còn che ;
Gảy vài ba tiếng đàn tì,
Chưa rồi khúc điệu đã mê-mệt tình.
Dây với tiếng ra hình âm-ỷ,
Dường kêu van nỗi bấy nhiêu lâu ;
Sa mày buông ngón thuộc lầu,
Nỗi niềm ngỏ hết mấy câu đàn này
Khêu lại vuốt bắt buông mấy khúc,
Trước Nghê-thường nối Lục-yêu sau ;
Dây to như trận mưa dào,
Nỉ-non dây nhỏ như câu chuyện thầm.
Dây văn vũ bồng trầm đưa đợt,
Trên ngọc-bàn lạc-đạc châu tuôn ;
Tình u một khúc một buồn,
Oanh kêu đầu ngọn nước tuôn dưới doành.
Doành lạnh ngắt tơ mành như đứt,
Đứt chẳng thông tạm ngớt cung tơ ;
Như sầu như ngẩn như ngơ,
Từ riêng hay gấp tiếng tơ muôn phần.
Ào như tiếng ngân-bình tuôn nước,
Tót như người lên ngựa tuốt-đao ;
Trọn cung một tiếng kíp sao,
Hình như xé lụa luôn vào bốn dây.
Thuyền khách đỗ đông tây lặng ngắt,
Một doành sông với mặt gương thâu ;
Buồn sao buồn rĩ buồn rầu,
Quấn dây sốc áo dậy tâu sự mình.
Xưa kia cũng kinh-thành phận gái,
Chốn non Chàng hang Nhái là nhà ;
Nghề riêng quen thuở mười-ba,
Giáo-phường mấy bộ tên ra đứng đầu.
Tài với sắc mỗi mầu mỗi đủ,
Vụng Thiện-tài lại xấu Thu-nương ;
Xui người khuê ngọc các vàng,
Một cung chưa biết mấy vàn hồng-tiêu.
Đem trâm lược thay chiều kích tiết,
Sắc la-quân chi biệt rượu chè ;
Trận cười đã mấy năm chờ,
Thay gương thu nguyệt đổi cờ xuân-phong.
Kiếp người thiếu-tráng dễ không,
Sớm qua tối lại còn hồng nhan đâu.
Khách xe ngựa ai hầu trông lại,
Chút xuân già gửi lại thương-quân ;
Một tình một lợi nào cân,
Buôn chè tháng trước đã lần bè xuôi.
Minh thê-bạc bên trời một chiếc,
Lạnh-lùng thay với nước cùng trăng ;
Ngày xuân còn nhớ tơ giăng,
Nỉ non phiếm trúc nước ngưng lệ hồng.
Say cầm sắt bên lòng đã rối,
Lại lời than lầm nỗi nồng nồng ;
Rằng trong một kiếp bình-bồng,
Chẳng tương-tri cũng tương-phùng từ đây.
Ta những thuở từ nơi phượng-khuyết,
Cũng xa-xôi ra đến nẻo này ;
Băng chừng nước quanh non khơi,
Tuần trăng đã đủ cầm-đài nào nghe.
Gian thảo-xá ở cùng thủy-khúc,
Những chòm lan khóm trúc rả-rà ;
Sớm khuya những tiếng chi là,
Quyên gầy kêu hạ vượn già gào đông.

Hoa xuân tốt trăng thu trong,
Nghiêng bầu rót rượu luống không ai
Dẫu ca địch vang lừng thôn-ổ, [*cùng*
Những lìu-lo cũng khó vào tai ;
Một hôm nghe tiếng đàn ai,
Nhạc Thiều giẳng giỏi bên ai ngọt-ngào.
Gảy khúc nữa tiệc đào cho trót,
Cùng vì nhau mượn bút làm ghi ;
Nặng lòng cầm nỗi tương-tri,
Gót hoa nương chiếu đàn tì lên cung.
Ẩo-nùng hời não-nùng thay bấy,
Khách nhàn-du những sái giao-châu;
Nực cười có kẻ riêng sầu ;
Áo lam Tư-mã còn mầu gì xanh

HÁT CHÈO

BÍCH-CÂU KỲ-NGỘ (1)

(*Truyện Tú-Uyên*)

III

Cảnh thứ V. — Nhà giàu Phòng lâu-đài, vườn hoa

Tú-Uyên mặc bộ công-tử ra nói ngoài, nói lối

Hừ nghĩ như mình : văn không đến nỗi văn tục, vợ thì lấy được vợ tiên; muốn tiêu sẵn có bạc tiền ; làm phép gây nên nhà cửa. Vậy thì mình nếu không chơi cũng rứa, mà không chén cũng hoài. Chẳng thà mình rượu uống say nghiêng dốc bầu trời ; ngủ mê tít xoay hoài chiếu đất, có sướng không ?

Giốc bầu rượu uống say rồi ngất ngưởng than nói lối tiếp :

Than ôi, thói đời ngây-ngất ; cuộc thế đảo-điên. Hễ có tiền thì sướng bằng tiên ; mà kém chữ thì liền bất-cú. Tội gì chẳng chén anh chén chú ; kể chi là đời cổ đời nay. Vậy có câu rằng :

Vía : Đất say đất cũng phải xoay, trời say trời cũng đỏ gay mặt hồng.

Hát lão say : Áng bể trần sóng vỗ long-bong, kìa ai khe Thái-Thạch lặn dòng mò trăng ; phải là ông Lý Bạch hay chăng, thần hồn lảng-vảng vớt trăng trên mặt làn; tưởng như ông sướng nhất cõi doanh-hoàn, nước đời xoay giở mấy cuộc tàn ra sao ; trò đời như giấc chiêm bao, không say say tít nữa nào thấy ai ; ông như tiên như thánh như trời, vượt qua bể khổ ra ngoài bến mê ; mặc đời say rượu tiết đê.

Gọi : A đồng ra đi chơi với cậu đây.

Đồng nói :

Dạ thưa cậu, cậu say lắm rồi, cậu còn đi chơi đâu ?

Tú-Uyên nói :

Cậu say lắm à ? Mày cứ vác cái mai mày đi với cậu, hễ thấy cậu ngã xuống đâu, mày cứ đào lỗ mà chôn ngay a đồng. (*các hạ*)

Dáng-Kiều ra ngồi than sử :

Ơi thương ơi, tôi từ khi với chàng kết bạn ; rút ruột tằm nhả đoạn dây tơ. Vén vun nên sản-nghiệp tư-cơ ; thu xếp cả giang-sơn vừa một quảy. Ngày cơm nước bữa thường dẫu vậy ; nươm rượu bầu ních dẫy tủ thơ. Hay đâu chàng say tỉnh gật gờ ; đành phải lựa thì giờ mà khuyên nhủ.

(1) Xem *Nam-Phong* số 179.

Nói tán : Rõ khốn quá, tôi từ khi kết bạn với cậu nó, mình cũng tưởng chiều chồng lấy con, nên ngoài bữa cơm thường ra vẫn sắp đủ rượu bầu thơ túi cho chồng, không ngờ giờ cậu nó quen nết đi, ngày nào cũng say ngất-ngưng ngất ngưởng, giờ lại bắt thằng đồng vác mai đi theo bảo hễ ngã xuống đâu thì đào lỗ chôn, vậy giờ mình phải đợi khi nào về có hơi tỉnh mình sẽ can mới được.

Ca nam-thương : Thương thay ruột rối tơ vò, tơ vò con nhện, quyến-quyện dây tơ, đứt đoạn mối tơ, sao có nỡ thờ-ơ, vì chồng tính nết say-sưa, ưa sao đặng mà ưa, những là chừa mong chừa; nhớ xưa duyên nợ tương-cờ, tương cờ tương-ngộ, vẽ là đề thơ, gửi gió đưa thơ, bức tranh bức tranh tỏ mờ, nét trai-lơ, người ngẩn-ngơ, khi thần-thờ, cảng vẩn-vơ, biết đâu say mờ, khi say mờ, gặt gờ hỗi bạn, khôn xiết nỗi mần ngơ, khéo là những sự say sưa, xui nên dạ thờ-ơ, trăm năm duyên vờ.

Nói : Quái không biết cậu nó hễ say lên là đi, không biết đi đâu thế, mà mãi không thấy về ?

Ngâm :

Trách chàng quá nỗi say-sưa,
Để cho dạ thiếp vò tơ trăm vòng.

Tú-Uyên cùng đồng vế.

Dáng-Kiều đứng dậy chạy ra dòn nói :

Ấy kìa cậu đã về, cậu đã bớt say chưa? A-hoàn đi pha nước cậu uống cho đỡ say.

Tú-Uyên nói :

È ai say cóc gì, cứ bảo người ta say. (*ngồi xuống ghế uống nước*)

Ngâm :

Thế-gian vàng đỏ đen lòng,
Sao bằng rượu trắng đỏ hồng mặt ai.

Dáng-Kiều nói :

À này cậu, vẫn cậu uống rượu thì tiên-tửu lắm, nhưng tôi sợ uống nhiều quá thì say suốt ngày và mê-mệt, còn có thú gì, nên tôi có bài khuyên can cậu, xin đọc cho cậu nghe.

Tú-Uyên nói :

Ừ thì mợ thử đọc xem, nhưng cấm không được bảo tôi là ma men và anh nhè đó, è.

Dáng-Kiều ca vọng-phu can chồng :

Này anh ơi anh lắng nghe đây, để thiếp can rằng: Kia ai khuấy nước mò trăng, nước trong trăng lửng đặng chăng mà mò; thôi anh lắng lắng nghe đây, anh hỡi hời hơi, anh hỡi hời hơi, rượu quá ông chồng ơi !

Rượu say choáng vì duyên chi hỡi, ới chàng chàng ơi, ới chàng chàng ơi, chi mà rượu lắm chàng, chi mà mệt mà mệt lắm chàng, thôi anh lắng lắng nghe đây, anh hỡi hời hơi, anh lắng nghe đây, anh hỡi hời hơi, anh hỡi hời hơi, rượu lắm ông chồng ơi !

Chàng say chi mần rứa, biền non thề, biền hẹn non thề, chàng phụ tôi chăng ới chàng chàng ơi !

Đêm năm canh bóng lụi dầu hao, thiếp nằm bỗng chiêm-bao, chàng tới động-đào, chàng uống rượu tiên, ới chàng chàng ơi !

Nhắp làm chi rượu tiên hỡi, nay anh còn mệt mãi chừa đi, ới chàng chàng ơi !

Anh nằm xuống đây kẻo nữa say mệt lắm, hay anh còn chìm đắm ao men, ới chàng chàng ơi, ới chàng chàng ơi, chi mà rượu lắm chàng, chi mà mệt mà mệt lắm chàng, thôi anh lắng lắng nghe đây, anh hỡi hời hơi, anh lắng nghe đây, anh hỡi hời hơi, rượu quá ông chồng ơi !

Tú-Uyên làm mặt giận tiết lối :

Ủa này tiên-châu ; sao mà tục-nhỡn; Mình uống rượu có mất chi nghìn vạn . nàng can lời nghe chán cả một hai. Nói chi thêm nỗi rác tai ; trông thấy rõ mà ghét mặt. Thôi thì đi phắt ; ai ngặt

cầu gì. Bước ngay đi, đừng nói nữa. (*Đập bàn đập ghế đuổi*)

Dáng-Kiều than sử :

Ơi thương ơi ! tôi xót phận mỏng manh bồ-liễu ; nên rấn mình nương bóng tùng-quân. Tưởng kết duyên tài-tử giai-nhân ; ngờ đâu thói tục-trần phụ bạc.

Tú-Uyên nói :

À lại dám bảo mình là thói tục-trần phụ bạc à ! thôi bước bước, tục chẳng đọ chi với tiên, tiên đi đi, kẻo tục lại giã cho đó.

Đồng chạy ra can :

Thôi thôi van cậu, cậu nghĩ lại thế nào kẻo mợ tôi biến lên tiên thật, thì tục lại chỉ ốm tương-cà quá ngày nào ấy.

Hát trống-quân :

Cậu ơi tục chẳng đọ tiên, rồi mai lại ốm nằm rên tương cà. Máu ma-men ai lạ chi mà, rượu tiết-dê xơi dẫy hễ vắng đàn bà rồi nguy. Mợ ơi mợ cứ lánh đi, ông nhè đã đuổi mợ tiếc chi ông nhè.

Tú-Uyên nói :

A mày lại dám bảo ông là ma-men với ông nhè à ? (*Đuổi đánh đồng chạy. Dáng-Kiều biến mất*).

Tú-Uyên quay lại không thấy Dáng-Kiều, đứng ngẩn ra. Đồng đứng trong cửa mở sách đọc :

Tam hoàng ngũ đế chi thư, có ông mất vợ đứng thư mặt ra.

Tú-Uyên nghĩ hối lại ngồi than sử :

Than ôi, mình lâu bị ma-men rắc-rối ; khi tỉnh ra biết hối đã chầy. Nhớ từ ngày được lá thơ bay ; vì duyên-kiếp những rối vầy tơ nhện. Đền Bạch-mã chiêm-bao mộng-hiện ; nẻo cầu Đông qua bến mua tranh. Trải từng phen canh ngọt cơm lành ; người tiên bỗng hiện hình ra kết bạn. Gây nên có tư-cơ đ ền-sản ; gồng giang-sơn không quản nặng-nề. Trách nay mình say quá nên mê ; để nàng tủi lại về động bích. Nghĩ càng ngẩn-tiếc ; xiết nỗi đeo sầu. Biết tìm đâu biết gọi nơi đâu ; xui khúc dạ dưa dầu mà muối xót.

Hà-sinh lại hỏi thăm :

Dạ thưa bác, chả biết bữa nay bác có sự gì mà buồn-bã thế a bác ? Bác sẽ ngỏ cho em được biết.

Ngâm :

Nguồn cơn ngỏ với cố-nhân,
Họa may sẽ bớt được ngần nào chăng.

Tú-Uyên :

Em nói giấu gì bác, em lấy được mợ nó, thì là người ở trong tranh biện ra, làm cho em nên nhà nên cửa, nhưng tính em thì hay chén rượu chén chè, mợ nó can ngăn, em giận em mắng, rồi ra mợ nó lại biến mất, thế mới rõ chiều người thì dễ, chiều ma thì khó, giờ em biết tìm đâu được, lại đâm ra bệnh ốm đây, a bác.

Ngâm :

Non tiên khuất bóng ả Hằng.
Nhìn mây ngao-ngán nom trăng thẫn-thờ.

Hà-sinh :

Tôi vẫn biết cái tính rượu của bác hay gần toẹt, lúc chưa lấy được vợ, thì ốm tương-cà tương-cà, khi lấy được rồi thì đá bằng chân, bây giờ vợ đi mất, lại ngây-ngất thương thần, coi lỡ ra ốm mà chết, thì người ta lại cười cho là tính ma-men đó, a bác.

Ca hành-vân :

Bạn nên chừa, bạn nên chừa, nết rượu ngày xưa, ngày ao-ước rượu nước say-sưa, sớm trưa gần toẹt, nhà nho kiết, song mua tiên, gái chuộng thuyền-quyên, tiền cóc tiền cóc tiền sinh bệnh. Trời kia định, vợ trong tranh, chợt biến hình, kết tình phu-phụ, lại đành hanh, đành hanh. Chừ say quá đá tung trời, vợ lánh đi hoài, khóc trời ơi trời ơi. Bệnh tương-cà bớt rượu hồ vơi, kẻo thời ốm chết, người cười cái nết con giơi.

Nói : Thôi bác hãy nên đành lòng khuây khỏa đi vậy, và chừa bớt cái tính rượu gần toẹt ấy đi, họa may bác gái có về chăng, chứ bác cứ thương nhớ mãi, lỡ ra thì khốn a bác.

Tú-Uyên nói :

Nghĩa vợ chồng đầu gối má kề, bác bảo không thương nhớ sao đành, thôi tôi chết thì chết, mà ai cười thì cười, hễ mợ nó quả không trở về nữa, thì tôi cũng đành chết đây thôi.

Ca tam-thất :

Mong (a) em, mong (a) em, chừ em tới (ủ ư ứ hừ) bao bao bao bao bao bao về, em tới bao về, (tình bằng) bao về, (ơ ở ơ ơ), (tình bằng) bao về (ơ ở ơ ơ); nghìn (ơ) vàng, nghìn vàng anh chẳng tiếc (ơ ở ơ ơ) tiếc kề, (ơ ở ơ ơ) (tình bằng) tiếc kề (ơ ở ơ ơ) tiếc kề má sou (ơ ở ơ ơ).

Hà-sinh nói :

Thôi tôi can bác không được, thì tôi cũng xin cáo bác tôi về xin chào bác.

Tú-Uyên nói :

A đồng, cậu say quá, cậu chót mắng đuổi mợ mày, bây giờ mợ mày giận cậu bỏ đi mất, cậu tìm đâu cũng không thấy bác Hà-sinh bác ấy lại can cậu đừng nên thương nhớ nữa, thì cậu đừng thế nào được, cậu đành vào màn, cậu nằm cậu thiếp đi cậu chết đây, a đồng.

Ngâm :

Màn là rủ sẵn bên mình,
Cũng liều trắng nợ phàm-tình xem sao.

Đồng nói :

Chết bây giờ cậu đuổi mợ đi, cậu không thấy mợ, cậu lại toan chết à ? Chớ chớ, cậu cứ chừa hết cái tính ma-men đi, rồi cậu vào ngủ khoẻo đấy một giấc, khắc mợ tôi lại về đó, a cậu.

Ca hành-vân :

Cậu ơi hời, cậu ơi hời, chết đặng đặng hoài hơi, rầy rượu nước mời rước ai xơi, dễ ma-men chết thật ; về ăn đất, khôn tìm tiên, hễ chết là thôi, trời ơi trời hỡi trời có thấu.

Tú-Uyên nói :

A đồng, rầy cậu đã xin chừa rượu rồi, nhưng cậu vào đây cậu nằm, nếu mợ mày không về, thì cậu đành chết thật đó.

Ca tiếp hành vân : Chứ đây cậu rượu không be, mợ không về, cậu đành chết thật, ngủ bỏ mê bỏ mê.

Đồng nói :

Cậu có ngủ thì ngủ, chứ đừng chết nữa hoài.

Ca tiếp hành-vân : Này ai đó, nọ ông nhè, sự chết chi hề, họ cười chê cười chê, ở trong nhà sẵn rượu đầy be, uống mà ngủ tốt, mợ về chớ đức be be.

Tú-Uyên vào nằm ngủ. Đồng coi nhà.

Đồng n âm :

Làm trai mọt vợ thêm hao,
Vợ đi rồi lại chiếm bao nằm mòng.
Biết rằng có chết được không,
Hay là làm một giấc nồng cho tỉnh hơi men.
Ông nhè ơi ông cũng sinh phiền,
Hễ ông chừa thói tục rồi tiên lại về.

Dáng-Kiều vô hỏi :

Chớ cậu đâu hử đồng ?

Đồng nói :

Ô mợ đã về ! ấy từ hôm mợ đi, cậu tôi tìm mãi không được, giờ đã chừa bớt tính bét rượu, bảo vào màn nằm, rồi hễ mợ không về, thì cắn lưỡi chết đấy, a mợ.

Dáng-Kiều nói :

Thế kia à ! Vậy mày vào đánh thức cậu dậy bảo mợ đã về nhé.

Đồng vâng vào đánh thức.

Tú-Uyên chạy vội ra :

A mợ nó đã về đó à, gớm tôi tưởng mợ mày không về, thì dễ tôi chết thật, thôi rầy tôi đã chừa được bết cái tính

ma-men rồi, tôi chẳng dám nói động đến mợ mày nữa.

Dáng-Kiều nói :

Nếu cậu bỏ được cái nết anh nhè đi thì khá lắm, tôi khuyên cậu giữ lấy tính tiên-tửu, chứ có phải tôi bảo cậu chừa rượu đừng uống đâu, có uống vừa vừa thôi thì tốt a cậu.

Cùng ngồi ca kim-tiền:

Khéo duyên tại vì duyên, bởi kiếp xưa kia chót nặng nguyền, mà xe buộc dây huyền, bởi vì duyên, ấy là tiên-duyên, khi tranh nền khi dâng rượu, khi khêu đèn, sự gia-nghiệp làm nên, ấy mà gây nên, chứ nay dám khuyên cùng bạn, chớ đoạn tơ mành, chớ đoạn tơ mành, trông chừng tơ liễu còn xanh, trông trông chừng tơ liễu còn xanh, ên anh duyên nợ, ngãi chồng vợ chồng vợ ngang vai, ấy ai duyên nợ chồng vợ.

Đồng nói :

Dạ thưa cậu mợ, rằy cậu mợ đã hòa-hợp với nhau, thì cậu nên chừa bớt cái tính ma-men đi, mà mợ cũng đừng nên biến-hiện lập-lòe như ma-trơi nữa, kẻo lắm bận đánh cãi nhau lục-đục, làm nhọ-nhĩnh như ma lem, rồi mang tiếng là nhà có ma-xó, thưa cậu mợ.

Hát trống-quân:

Chứ này tôi xin cậu, ma men đừng dức be-be, tôi van cả mợ chớ lập-lòe ma-trơi; kẻo rồi mang tiếng đến trời, rằng nhà n a-xó mấy trò đời họ chê; thằng đồng tôi nghĩ mà ê, tưởng chừng nhọ-nhĩnh hơn chú hề ma-lem.

(Hạ màn)

Cảnh thứ VI.— Vườn hoa

Tú-Uyên Dáng-Kiều với con là Trần Ngư và Đồng với a-hoàn cùng ra vườn hoa ăn tiệc.

Dáng-Kiều ngồi nói :

A này cậu, nay gặp buổi phong-quang tạnh-tễ; cảnh vườn hoa mát-mẻ thanh-thơi. Nhân khi êm-ả chiều trời; tiện đó đặt bày tiệc cỗ. Trước là để tự-tình phu-phụ, sau nữa cùng vui-thú gia-đình đó a cậu.

Ngâm bồng-mạc sa-mạc

Này ới ai ơi bừ bừ, chén son nguyện với trăng già, bông dâu tà, bông hoa nở, ngãi mặn-mà, duyên gặp-gỡ, trẻ thơ chờm chỡ, đặng một nhà vui chung. (*Sa-mạc*) : Trăm năm nặng nghĩa đèo bòng, ngắm hoa còn đượm má hồng xuân xanh.

Tú-Uyên nói lối tiếp :

À này mợ, còn cảnh chi thú bằng gia-đình, mà tình chi nặng bằng tình phu-phụ. Mình từ thuở kết-duyên kỳ-ngộ; nhà gây nên riêng thú tuyệt-phẩm. Nay đã mừng ngọc nảy cầu Lam; ngày mến cảnh hoa chờm động bích. Nhà coi cũng lịch; cảnh lại thêm vui. Sánh vợ chồng dìu-dặt chén mồi; dắt con trẻ cùng ngồi chen tiệc ngọc đó a mợ.

Ngâm tiếp sa-mạc :

Trên đào từ mách tin oanh, gốc hòe sớm đã nẩy cành quế Yên; khắp so trong cõi ba nghìn, yên-hà riêng nửa lâm-tuyền chia đôi.

Cùng ca kim-tiền :

Thú vui đặng mà vui, kìa thử xem hoa cợt hoa cười, kìa hoa cợt hoa cười, đặng mà tươi, ấy mà thêm tươi, kìa duyên trời, kìa tơ nguyệt, xe cho người, việc duyên nợ hòa hai, đó mà ăn chơi, chứ may con trai sinh hạ, nết lạ trong đời, nết lạ trên đời, theo đòi nghiên bút làm trai, theo theo đòi nghiên-bút làm trai, kém ai danh-dự, ấy danh-dự lịch-sự mai sau, kém đâu danh-dự lịch-sự.

Trầu-Ngư nói lối :

Dạ thưa thầy mẹ, con Trần-Ngư nay còn trẻ nít; cùng mẹ cha dìu-dít tiệc đào. Mảng nghe oanh nói hoa chào; còn rắp bay cao nhảy mạnh.

Tán : Vậy con chỉ muốn đi học thôi, dạ thưa thầy mẹ.

Tú-Uyên Dáng-Kiều nói :

Ừ thì rồi thầy mẹ cho con đi học chứ sao.

Trần-Ngư ngâm :

Hoa cười oanh nói nhởn-nhơ,
Cá mong nhảy sóng rồng chờ vượt mây.

Đồng :

Dạ thưa cậu mợ, xem cảnh gia-đình nhà ta rầy vui quá, hay là cậu mợ gả con Hoàn cho con, để vợ chồng con ở hầu cậu mợ mãi mãi thì hay lắm, thưa cậu mợ.

Hát trống-quân :

Xem như phong-cảnh nhà này, vợ chồng con cái xum-vầy trúc mai ; thằng đồng ở mấy năm trời, thì xin cậu mợ gả cho tôi con Hoàn.

Con Hoàn hát tiếp trống-quân :

Anh đồng rõ khéo khôn-ngoan, lăn-le muốn lấy a-hoàn này chăng ? A-hoàn là gái cung trăng, chúa tiên sao gả cho thằng cuội con ?

Dáng-Kiều :

À đồng, mày cứ chịu khó hầu cậu mợ và trông coi anh Trần Ngư, rồi mợ gả con Hoàn cho mày đó.

Đồng thích quá :

Vâng vâng *Bảo Hoàn* : Đấy mợ chẳng gả cho tôi là gì đấy, còn chối nữa thôi.

Ngâm :

Cuội này mà bảo cuội con,
Rõ rắn như đá lại non như đồng.

A-hoàn ngâm tiếp :

A-hoàn chưa muốn lấy chồng,
Cậu mợ ép gả lấy anh đồng phải có xu.

Đồng nói :

Tôi vạn xu, nhưng mình phải có trinh mới được, à ra tiên cũng thích tiền nhỉ ?

Ca hành-vân :

Sự lu-bù sự lu-bù, tôi vạn vạn là xu, lời non nước thệ ước ba thu, có chăng là bạc vạn.

A-hoàn :

Anh Đồng sẵn tiền thế kia à, người ta bảo có tiền mua tiên cũng được, tiên lại chẳng thích tiền thì sao ?

Ca tiếp hành-vân :

Đời nay hách, duy tiền thôi, chớ phụ tiền-duyên, tiền sẵn tiền tiên thần cũng vị.

Đồng :

Hễ có đồng thì đúc ra xu ra trinh được, đồng lại chả sẵn tiền thì sao ?

Ca tiếp hành-vân :

Người ta lụy vì đồng tiền, thậm chưng hiền thấy tiền cũng mặn, nữa là tiên là tiên.

A-hoàn :

Anh phải biết tiên tức là xu, người ta vẫn nói tam tứ tiên nghĩa là ba bốn xu, nên sẵn xu thì là nhiều tiên đấy, tiên chỉ cốt xu thôi.

Ca tiếp hành-vân :

Tiền đâu tá, lạ anh Đồng, chỉ nói phô sòng, thiệt là ngông là ngông, nghĩa vợ chồng anh hay nói bông, không đồng xu nhỏ, cóc chi cho việc anh xong.

Tú-Uyên thét :

Chi những đứa kia, sao bay đủn-đởn thế, a Đồng ?

Đồng Hoàn cùng sợ chạy.

Dáng-Kiều :

Cậu để mặc chúng nó trò-chuyện cho vui nhà chứ sao.

Vừa nói xong thì có trận gió bay chiếc lá rụng đến trước mặt: Dáng-Kiều đứng dậy nhặt lấy xem, rồi ngẩn người ra.

Tú-Uyên hỏi :

Chớ này sao đang tiệc vui, mà mợ chợt có ý buồn rầu thế hử ?

Dáng-Kiều cầm lá thơ đưa cho chồng, rồi nói than sử từ tạ lên tiên :

Thương ơi, thiếp với chàng xe tơ kết

tóc ; trải bao năm dặn ngọc thề hoa. Chàng bút nghiên nối dõi nghiệp nhà ; thiếp gồng quảy giang-sơn mà đỡ vực. Nay oanh én vườn hồng nô-nức ; vui chồng con thồn-thức xem hoa. Phút bỗng đâu trận gió à à ; bay lá rụng gửi thư nhà bích-động. Thôi từ đó cõi trần khuất bóng ; cách bao ngàn non bồng che mây. Rối ruột tằm dứt đoạn tơ dây ; vì duyên-kiếp có ngần này ngẩn-ngủi.

Nói tán : Thôi bây giờ cái kiếp trần của tôi đã hết, tôi bắt được lá thơ của tiên-cung, lại gọi tôi về nơi động-phủ. Âu thì cậu ở lại cho con nó học-hành a cậu.

Tú-Uyên :

Mợ lên tiên về trời, thì tôi còn ở dưới trần này với ai, thôi con thì nó giống tiên, rồi sau nó cũng là tiên nó học-hành thế nào thì nó học, chứ con nuôi cha, cũng chẳng bằng bà nuôi ông, mợ lên trời thì tôi cũng lên với mợ, chớ tôi chẳng rời mợ ra được một bước nào.

Ngâm :

Con tiên rồi nó giống tiên,
Chứ chồng tiên thì quyết theo tiên tận [trời.
Con nuôi cha ở trong đời,
Sao bằng bà sẵn cơm trời nuôi ông.

Nói :

Thôi thế để cho con nó ở dưới này, còn tôi thì tôi quyết lên trời với mợ, thằng Đồng có lên trời với cậu thì lên a Đồng.

Đồng :

Thưa cậu mợ :

Nếu cậu mợ có gả con Hoàn cho con, thì để vợ chồng con ở lại với anh Trần Ngư dưới này, chứ cái sự bước lên trời thì con không dám, lỡ chượt chân ngã một cái lại chật mắt ra, và xương ra cốm cả.

Hát trống-quân :

Không không, thằng Đồng xin quyết không không, lên trời lộn xuống mấy xương đồng cũng tan ; chỉ xin cậu mợ con Hoàn, với Đồng ở cõi trần-gian vợ chồng.

Dáng-Kiều :

Ừ thì cho con Hoàn với thằng Đồng ở lại hầu-hạ anh Trần Ngư, chỉ tôi với cậu lên thôi

Trần Ngư và Đồng với Hoàn ca nam-thương tiễn biệt :

Biết đâu chấp cánh bay tìm, bay tìm nguyệt-điện ; con nhện vương tơ, con nhạn đưa thơ, cùng trông lại vẩn-vơ, trên ngành con én thoi đưa, xui nên dạ ngẩn-ngơ để mà chờ mong chờ. Xa trông muôn dặm trời mờ trời mờ tuyết ủ, núi nọ tuôn mây, non nọ sa mưa, xui nên xui nên thẩn-thờ, ngẩm lầu thơ, tựa song thưa, biết bao giờ, gặp người xưa, ông xanh xoay lửa, chi xoay lửa lọc lửa vận-hội, cho trúc vội lìa măng, ngập-ngừng xa cõi cung trăng, chăng có thấu tình chăng, biển non sao bằng.

Hai con hạc xuống đón. Hai vợ chồng cưỡi hạc lên trời, cùng ca đồng-thanh bài đàn Tàu điệu khác :

Dải đồng-tâm, dải đồng-tâm, trải rằm trăng khuyết, hoa đóa hoa mỉm cười, mỉm cười tươi-tốt, ngắm cảng xinh tốt, trót với nhau nặng lời, đôi mình nay yêu-mến, bay sẵn lên tận trời lên trời.

(Ca lại hai lượt).

(*Hết*)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM

VĂN-UYỂN

Họa bài thơ Ngũ-thập-lục tự-thuật

(Của cụ Tú Đông-châu đăng số báo 179)

Tóc thưa râu bạc bụng chưa già,
Còn mãi làng nho bọn chúng ta;
Mùi thế chua cay từng nếm thử,
Bước đường gian-hiểm đã xông-pha;
Hát hay êm giọng tai nào điếc,
Đầu trẻ kề bên mắt dễ lòa;
Có lẽ sống lâu trăm tuổi chắc,
Đã qua bốn-chín lại năm-ba.

Qua chùa Trầm thăm động Long-tiên hoài cổ

Bước tới chùa Trầm nhận dấu xưa,
Long-tiên động cũ cảnh bây giờ;
Hương thơm đèn sáng răm tòa phật,
Gió táp mưa sa một vách thơ;
Nét bút bia Lê còn ngấn cũ,
Vết xe cung Trịnh đã rêu mờ;
Non sông tô-điểm nhờ ai đó,
Nào khách qua chơi đã biết chưa?

Loa-thành hoài cổ

Mỗi câu dùng một con giống để chọi mùi chữ Loa là ốc)

Nghe tiếng quyên kêu luống ngậm-ngùi,
Non sông Thục-đế nỏ rùa ai?
Bờ thành trông vẫn xoay trôn ốc,
Nước giếng còn đâu sáng ngọc trai;
Trừ nạn ma gà nhờ có phép,
Mắc mưu lông ngỗng bởi thương người;
Bể nam sóng gió mê đường ngựa,
Đà-cuống *tin chi hối chậm rồi!*

Bài ca vịnh cảnh chơi chùa Hương-tích

Trạnh niềm nhớ cảnh chùa Hương,
Cầm thư nhẹ gánh lên đường qua chơi.
Thanh-minh gặp buổi êm trời,
Thuyền lan thuận gió đón người du-
Châu giang một dải kề gần. [xuân.
Mái chèo tam-bản lần-lần xa đưa.
Cung đàn bầu rượu túi thơ,
Trước buồm Ngư-phủ lưng hồ phong-
quang.
Suối khe trong vắt lồng gương,
Núi phô vẻ gấm hai hàng lô-nhô
Thiên-nhiên một bức đư-đồ
Đào-nguyên khi trước dễ hồ là đây.
Càng trông phong-cảnh càng hay,
Non xanh nước biếc cỏ cây tươi mầu.
Lạ cho vừa đến tiên-châu,
Lòng trần ai cũng sạch lâu như không.
Chùa ngoài bước tới chùa trong,
Biết bao cảnh-trí non Bồng xinh thay!
Hỏi thăm những gió cùng mây,
Nam-thiên đệ-nhất động này phải chăng?
Thang mây ai khéo chỉ đàng,
Gót chân du-khách nhẹ-nhàng lên cao.
Một mình đỉnh núi treo-leo,
Bốn bên sơn-thủy thu vào mắt ta.
Tiêu-dao trong thú yên-hà,
Chim kêu vượn hót đều là tri-âm.
Chuông trưa mõ sớm rầm-rầm,
Tang thương chợt tỉnh khách nằm chiêm-bao.
Chùa Tiên hương khói ngạt-ngào,
Thập phương tử-đệ ra vào na-mô.
Núi đâu tên gọi cậu cô,
Võng đâu rủ xuống cửa chùa thướt-tha.
Đèo đâu tên gọi xôi gà,
Giếng đâu ai đặt hiệu là Giải-oan.
Thợ trời sao khéo đa-đoan,
Xui người trần tục mê-man cảnh thiền.
Non xanh kia vẫn là quen,
Rừng mai khe Yến phỉ-nguyền chơi [xuân.
Kiếp tu đã biết mấy lần.
Mai sau hoặc có hóa-thân chăng là.
Rêu phong vách đá lờ-mờ,
Mấy thiên đề vịnh dấu xưa hãy còn.
Vừng trăng soi tỏ đầu non,
Bóng in đáy nước gương tròn long-lanh.
Con thuyền xuân thủy lênh-đênh,
Nhắc chân chợt tưởng như mình cưỡi [mây.
Thú đâu bằng cái thú này,

Tranh nào ai vẽ được tày cho chưa?
Hóa-công như vẫn đợi chờ,
Mà đưa những khách giang-hồ qua
Mấy phen vật đổi sao dời, [chơi.
Dấu thiêng vẻ quí muôn đời còn đây.
Non non nước nước mây mây,
Nghìn năm phải lấy chốn này làm vui.

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

.·.

Năm mới

Năm mới trông xem mới những gì?
Kìa nơi thành-thị chốn thôn-quê;
Vui xuân lũ lượt bàn quay đất,
Chơi tết năm ba đám ít-xì;
Quần áo không thì mà mới mãi,
Óc khôn chẳng rũa để còn đi;
Thế mà nô-nức sang năm mới,
Năm mới như ai nghĩ cũng kỳ.

Ngày xuân nhớ bạn sông Hương

Xuân sang thêm nỗi nhớ người xa,
Xuân có vui gì ta với ta:
Hoa nở khôn nguôi lòng tưởng vọng,
Chim kêu như nhắc cảnh vừa qua;
Sông Hương hò hẹn ta đành đợi,
Núi Ngọc mong chờ khách lại ra;
Xuân đến tri-âm xa cách nẻo,
Cảnh xuân còn thú với ai mà?

Hỏi thăm bạn sông Hương

I

Non nước xa-xôi cách mấy trùng,
Ai về xứ Huế nhớ ai không?
Gặp nhau chưa thỏa tình khao-khát,
Trung Bắc thêm mang một tấm lòng

II

Trung Bắc thêm mang một tấm lòng,
Những là rày tưởng lại mai mong;
Sông Hương nhắn hỏi người tri-kỷ,
Bao lại qua chơi cảnh Nhĩ, Nùng?

Họa nguyên-vận bài « Đêm hè chơi thuyền hồ Gươm »

(Của một Nữ-thi-sĩ)

Nghiêng-ngả tàu sen gió thổi veo,
Hồ xanh sóng bạc một con chèo;
Gươm thần theo với tăm rùa lặn,
Bút tháp còn in ngấn nước reo;
Hoa nở quanh mình hương sực-nức,
Gương lồng đáy nước bóng lần theo;
Mây bay trăng tỏ trời cao ngất,
Một tiếng chuông chùa ngỡ hạc kêu.

Chơi chợ Trời

(Họa vần bài của một ông bạn)

Phong-cảnh Sài-sơn có chợ Trời,
Vạch cây lăn đá thử lên chơi;
Nhác trông dãy lá còn mê mải,
Dạo gót hàng hoa chẳng muốn dời;
Giá cả hỏi chi tiền đắt rẻ,
Bán đong mặc quách sự đầy vơi;
Chợ Trời vì được người tiên họp,
Khách đến chơi đây hẳn rước mời.

Bài bát

(Đưa cho người quen khi gặp ở xóm Bình-khang)

Biết nhau chưa được bao lâu,
Buồng the lớp trước hồng-lâu bây giờ.
Cuộc đời xem tựa bàn cờ,
Nghĩ người mà lại vẩn-vơ nỗi mình.

Nghĩ quen biết mới vừa ngày nọ, mối tình riêng chưa tỏ hết lời; vì đâu mà xa vắng đôi nơi, lúc gặp gỡ đã thấy người trên chiếu rượu. Son phấn thêm thương người yểu-điệu, văn-chương còn ngẩn mặt tài-hoa, giận vì tình hay bởi số xui ra, mà đành chịu phong-ba là thế ấy. Cuộc dâu bể đã bày ra đấy, gương nhân-tình ai hãy soi qua. Lòng này ai tỏ cho ta?

DƯƠNG THIỆU-CƯƠNG

. .

Đưa thầy Trọng-Toàn về tạm nghỉ ở quê nhà

(Mấy bài đọc ở các tiệc trà ngày 30-7, 2-8 và 4 tháng 8 năm 1931)

I

Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng biết có ngày này năm sau?

Rừng phong thu đã nhuộm màu,
Bước đường xẻ nửa, mối sầu chia đôi.

NGUYỄN THỊ-SANH

2

Tri-kỷ xưa nay dễ mấy người,
Mảnh tình phút bỗng xẻ làm đôi ;
Trông tranh chia rẽ càng ngơ-ngẩn,
Rót chén mời khuyên những ngậm-ngùi;
Non nước Phương-thành màu quyến-
Gió trăng Tân-trụ vẻ mừng vui ; [tuyến,
Chuyện thường tan họp đành là thế,
Mà lúc cầm tay muốn nghẹn lời.

TRẦN THIỆN-TRƯỜNG

3

Một bước ra đi một bước sầu,
Tri-âm ơi hỡi thấu lòng nhau ;
Bỏ đây chớ phụ lòng nhau nhé,
Hội-ngộ tương-phùng cũng chẳng lâu.

NGUYỄN VĨ-KHANH

4

Hạnh-đường quen biết mấy năm trời,
Nay bỗng xa nhau luống ngậm-ngùi :
Dạy dỗ sớm chiều con cháu Lạc,
Vầy-vui ngày tháng nước non người ;
Trước tôi, bác đã về quê bác,
Sau bác, tôi chở lại xứ tôi ;
Mười một năm trời thành Trúc nhỉ,
Xiết bao tình-tứ lúc chia phôi.

QUANG-ĐẨU

5

Mừng bác ngày nay được thảnh-thơi,
Vườn xưa cảnh cũ mặc vui cười ;
Một năm bác đã lòng không bận,
Riêng để anh em cái nợ đời.

NGUYỄN-PHỦ

6

(Bài này đọc ngày 20 tháng 6 năm tân-vị)

Mười năm lại có bây giờ,
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao.
Những là rày ước mai ao,
Thầy xưa bạn cũ biết bao nhiêu tình !
Nay nhìn dưới bóng đèn tỏ rõ,
Tập bài xưa khuyên đỏ vẫn còn in ;
Dư mười năm đã biết mấy công-trình,
Hao tâm-huyết bởi hết tình vì hậu-giác.
Đưa trẻ thơ khỏi đường gai góc,
Đạo thánh-hiền sớm tối khuyên răn;
Giàu nghèo cũng một tấm lòng bằng,
Ân dạy dỗ đã bằng ân sinh-dưỡng.
Biết ân cha, ân thầy phải tưởng,
Giữa hôm nay mà tưởng-tượng buổi hôm qua.
Huệ lan sực-nức một nhà,
Nhìn cảnh cũ biết bao quang cảnh mới.
« Quả đẹp hoa tươi nhờ nước Tân-an nhuận tưới,
Trời quang mây tạnh nhìn sao Bắc-đẩu cao soi ».
Ngày giờ qua thấm thoát như thoi,
Nay họp mặt mai rồi xa cách mặt.
Mùi hương xưa nghe đâu phảng-phất,
Từ đây còn chung-đúc lắm anh-tài.
Ân thầy từ thuở một hai.

LÊ QUANG-PHẤN

7

Mây chiều phủ non Tô như gội,
Nước hồ Đông trăng tối mới soi ;
Đìu-hiu mây nước một trời,
Cao-đình vội giục chia đôi nhân-tình.
Lòng tử-đệ buồn-tênh mọi nỗi,
Những nhớ-nhung còn mới ngày nào;
Cùng thầy, cùng bạn ra vào,
Hạnh-đàn ngày tháng biết bao nhiêu
Nền-nếp cũ văn-minh lối mới, [tình.
Dung-hòa đôi, vun-tưới chồi tơ ;
Khi giảng sách, khi ngâm thơ,
Khi chơi bãi lục, khi chờ trăng lên.
Quanh non nước mấy lần nhàn-hứng,
Tiếng nói cười còn vẳng bên tai ;
Than ôi ! ngày tháng đổi thay,
Ngây thơ nào đã biết ngày biệt-ly.
Rồi bỗng phải người đi kẻ ở,
Cảnh nắng mưa lần lựa mấy niên ;
Còn người may lại còn duyên,
Năm năm còn được vài phen trùng-phùng.
Thế cũng thỏa chút lòng tưởng nhớ,
Biết bao nhiêu ân cũ tình xưa ;
Bây giờ đàn Hạnh vội đưa,

Chút duyên gặp-gỡ đã thưa từ rày
Nơi cố-lý hây-hây tóc bạc,
Buổi đoàn-viên hoan-lạc nhà lan ;
Thầy về thầy được cái nhàn,
Đêm ngày thần tỉnh mộ khan cam lòng.
Cảnh lương-thằng trăng trong gió mát,
Dưỡng tinh-thần lúa biếc tre xanh ;
Thầy về xin chúc mọi lành,
Dặm phần cúc nở như dành riêng ai.
Trăm năm hi-vọng còn dài

BẠCH-NHƯ *bái-phụng*

8

Mấy năm chẳn thầy trò dan-díu,
Tạm về quê phải chịu phân tay ;
Ân thầy giáo-hóa rất dày,
Sao đời vật đổi dạ này dám quên.
Vun nền đức giúp tiền lộ-phí,
Học-trò nghèo ứng-thi khoa-trường ;
Ân-cần dạy-dỗ mọi đàng,
Ân kia nghĩa nọ sông trường non cao
Cuộc ngày tháng xuân thâu đắp đổi,
Bấm đốt tay đã ngoại mười năm ;
Mười năm bỗng phải xa-xăm,
Trông tranh tan họp khôn cầm đau thương.
Từ đây nhỉ bước đường chia rẽ,
Cảnh hợp-hoan đã xẻ làm đôi ;
Nhưng dầu mây nước xa-xôi,
Hạnh-đường chốn cũ dám hồi nào quên.
Hạ sắp mãn, hoa sen tàn-tạ,
Chốn quê nhà, cúc đã giỏ sương ;
Tình quê trăm giấu nghìn thương,
Dặm quê kính chúc mọi đường bình-an.

VƯƠNG MINH-THẦN *kính bái*

9

Trông bóng nguyệt năm đã hầu nửa,
Hoa sen tàn, cúc chửa đâm bông ;
Phong đình tiếng địch não-nùng,
Nghẹn lời tan-họp, đau lòng biệt-ly.
Bứt-rứt nhẻ! người đi kẻ ở,
Rồi từ đây trăng gió chia đôi ;
Thành Phương mây nước ngậm ngùi,
Ân cần trân-trọng đưa người về quê.
Lòng tử-đệ ngại khi hầu rẽ,
Buổi tiễn đưa rầu-rĩ trăm chiều ;
Nhớ khi hội họp năm nào,
Học-đường ngày tháng ra vào cùng nhau.
Khi đọc sách, giồi-trau kinh-sử,
Khi lắng tai dạy-dỗ khuyên răn ;
Tập-tành khi lễ khi văn,
Biết bao ý vị tinh-thần trước sau.
Cũng có lúc lưng đèo đầu núi,
Dắt-díu nhau lặn lội cùng qua ;
Biền trời buông mắt trông xa,
Bức tranh non nước đậm-đà dường [bao.
Tình non nước bắt đầu từ đấy,
Mùi văn-chương rồi thấy càng hay ;
Tơi-bời vẻ gió màu mây,
Trăm khôn nghìn khéo là tay thợ trời.
Nay hồi-tưởng cuộc đời lúc trước,
Dầu nghìn vàng dễ chuộc được vay ;
Bao nhiêu những cuộc xum-vầy,
Bóng hoàng-hôn thoáng một ngày là [xong.
Rồi lũ trẻ chung cùng lúc nọ,
Cũng chia nhau mỗi kẻ một nơi ;
Hạnh-đường chốn cũ xa-xôi,
Xa lời đạo-lý, xa mùi văn-chương.
Bằng nay lại, đôi phương trời nước,
Cả non Tô thành Trúc cùng xa ;
Nhưng mà ân cũ tình xưa,
Dẫu xa-xôi mặt, dám thưa thớt lòng.
Giữa tiệc ngọc, đông-nam đôi vẻ,
Mượn lời văn, tả vẽ tình thương ;
Tiễn-đưa luống ngẩn-ngơ dường,
Chén trà chưa cạn, bước đường như chia.

TRẦN THIÊM-THỚI *cung-tiễn*

Ngày xuân năm qui-dậu (1933)

T.-T. *sao-lục*

Mừng bạn Nguyễn Trọng-Toàn

I

Cận xuân bạn gói-ghém hồi hương,
Cách mặt xa-xôi nỗi khúc đường ;
Xin nhắn chầu xuân nơi qui-phủ,
Thế nhau chúc thọ lễ xuân-đường.

Gò-công, NGUYỄN THÀNH-GIÁO

II

Cây nảy chồi xanh, cú liệng ngang,
Một trời Nam-Việt gió mây quang ;

Xuân về mang cả ngày vui lại,
Rót chén hoàng-hoa chúc Trọng-Toàn.

Mĩ-tho, CAO VĂN-HAI

III

Tạ bạn làng xuân

Từ vui phong-cảnh Tăng-hòa,
Tháng ngày thấm-thoắt nay đã nửa năm.
Văn-chương duyên kết đồng-tâm,
Thơ xuân gởi tặng càng thêm cảm-hoài.
Trời Nam chung một góc trời,
Gió Nam (1) đưa-đẩy cho người quen nhau.

TRỌNG-TOÀN

. . .

Mừng quan huyện thăng tri-phủ (2)

Mưỡu

Tung mây muôn dặm cánh bằng,
Cầm-đường mừng đã giai-thăng Hoàng-đường.
Thềm băng còn dấu Cam-đường,
Thành Tiên họp lại tuần-lương một nhà.

Hát nói

Xuân-phong đắc ý, cánh chim bằng nhẻ-nhẹ bước thang mây ; ngắm thành Tiên hỏi lại cỏ cùng cây, ơn trạch thấm bấy nay đã khắp chửa?

Băng-thất ấm lưu đường-bạt sứ,
Phượng-mao tú-xuất hồ-thần gia ;

Khúc ly-ca chen lẫn tiếng dư-ca, bước vân-lộ một xa là một nhớ. Tích hỉ quân chi lai, kim tư quân chi khứ, tình khứ lưu chan-chứa chén đầy vơi, giai-thăng xin chúc một lời !

Câu đối mừng ông Phạm Tá (3) tục-huyền

Nhà đặng vinh-hoa, cây đức vun trồng, mới biết có nhân thì có quả ;

Duyên mong đằm-thắm, sợi hồng chắp nối, từ đây càng nhuộm lại càng tươi.

Hải-nam, ĐOÀN NHƯ-KHUÊ

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

HẢI-NGOẠI CHÍNH-ĐÀM

Nhật-bản với thế-giới

Việc Nhật-bản đem võ-lực chiếm mất ba tỉnh Mãn-châu của Tàu, lúc ban đầu thế-giới liệt-cường còn có chỗ vì-nể làm lơ; lại nhìn nhận rằng Nhật làm vậy cũng có ít nhiều lý phải của họ trong đó. Nhưng sau thấy Nhật càng ngày càng được trớn làm giá, nhất là việc chiếm cứ Sơn-hải-quan và mưu đoạt Nhiệt-hà bây giờ đây, đã thay đổi cái không-khí bình-hòa của liệt-cường đối với Nhật đi nhiều lắm. Độc-giả xem tin mỗi ngày, có lẽ cũng dư thấy.

Nào là ở *Genève*, thì hội ủy-viên 19 nước xét việc Hoa-Nhật, đều công-kích cái việc Nhật-bản xâm-lược đất Tàu và nhất-định không khi nào nhìn nhận Mãn-châu-quốc; nào là dư-luận hai nước Anh, Mĩ đã đổi cái giọng dè-dặt lúc xưa, mà cho là Nhật có dã-tâm không tốt; nào là Mã Chiếm-Sơn, Tô Bỉnh-Văn thua chạy qua đất Nga. Nhật

---

(1) Báo *Nam-Phong*.

(2) Ông Nguyễn Ngọc-Đĩnh, tri-huyện Tiên-lữ, thăng tri-phủ Ân-thi. Khi trước băng-đường là cụ tuần Cao-Dương cũng tri-huyện Tiên-lữ.

(3) Chủ hiệu nhuộm ở bờ hồ Hoàn-kiếm.

xin Nga bắt giải giao cho mình mà Nga không chịu (1). Thứ nhất dung-chế cho Nhật là nước Pháp, thế mà mới đây theo lời quan sứ-thần De Martel, thì ngài vâng lệnh chính-phủ Pháp qua Đông-kinh ngỏ ý để chính-phủ Nhật biết rằng Nhật làm quá tay lắm rồi đó.

Xem sơ mấy việc thế ấy, đủ thấy rõ ở giữa liệt-cường Âu Mĩ và Nhật-bản, cái cảm-tình đã có chỗ nặng-nề không tốt lắm rồi. Không phải là Nhật không thấy chỗ ấy đâu. Họ tự biết rằng họ tự châm lửa vào ngòi pháo rồi, dầu cái ngòi có dài mấy cũng phải tới lúc cháy bén thuốc pháo, thì nổ lên một cuộc đại-chiến ở giữa Nhật-bản với một hai liệt-cường nào, hay là với cả thế-giới như nước Đức hồi năm 1914 không chừng.

Tuy vậy, họ đã có cái hùng-tâm muốn chinh-phục cả thế-giới, cho nên công việc xâm-lược Trung-hoa họ đã ra tay làm thì cứ làm tới hoài, không lùi bước hay là sợ ai chút nào. Dầu cho đánh với liệt-cường và thế-giới thì cũng đánh.

Coi cái thái-độ của họ ở hội Quốc-liên hết sức cương-ngạnh cứng-cỏi, hâm-he ra hội hoài, không cần chơi với ai hết; và coi ở Mãn-châu, họ lo sửa-sang đường-sá dinh trại từ Tề-tề-cáp-nhĩ lên Mãn châu-lý, lại gấp lấy tỉnh Nhiệt-hà, để cho rộng đường đất làm căn bản, phòng đánh nhau với Nga, ở trong nước thì lo bố-trí chung quanh bờ biển, phòng đánh nhau với Mĩ, ấy đều là những chứng-cớ rằng họ dư biết mình không khỏi một phen đọ sức với thiên-hạ, cho nên họ đã lo dự-bị hẳn-hòi lắm.

Tôi muốn độc-giả xem qua hai việc này càng thấy rõ-ràng hơn: Một là phong-trào chính-trị Nhật-bản năm nay biến đổi to, có lẽ phải võ-nhân lên nắm quyền độc-tài hai là thêm khoản chi-phí để mở-mang binh-lực võ-bị rất nhiều.

. . .

Quân-phiệt (*les militaristes*) Nhật-bản, từ khi Nhật thắng Nga, họ đã được nước mạnh thế rồi; lại từ hồi xâm-lược Mãn-châu đến giờ, càng thêm mạnh thế hơn nhiều nữa. Các ông tướng đã chiếm được Mãn châu như Bản-Trang, Đa-Mộc, đều được nhân-dân hoan-hô sùng-bái như thần như thánh. Trong Chính-phủ thì ông Lục-quân Thượng-thư (bây giờ là Hoang-Mộc đại-tướng) có thế-lực rất lớn đến nỗi mọi việc chính-trị ngoại-giao chưa được bộ Lục-quân đồng-ý thì dẫu tòa Nội-các có nhóm bàn cũng vô-ích. Trong nghị-viện thì đảng Chánh-hữu-hội giúp sức cho phái quân-nhân, thêm phe thanh-niên ái-quốc lập lên đoàn-thể Pha-xít, đông người mạnh thế, càng đắp thêm vây cánh vào cho quân-phiệt nữa.

Quân-phiệt chính là phe có cái hùng-tâm « chinh-phục cả hoàn-cầu, đối-địch với thế-giới » họ nói rằng muốn làm được việc tầy trời ấy, thì chính quyền phải về tay nhà binh cầm mới được, chớ để cho bọn quan văn xen vào không xong. Nay thấy tình-thế Nhật-bản càng ngày càng rõ cái sự cần phải đánh nhau với liệt-cường, cho nên quân-phiệt càng hăng-hái về việc đoạt-thủ chính-quyền. Đảng chánh-hữu và phe Pha-xít đương ra sức vận-động đánh đổ Nội-các Trai-đảng bây giờ đi, mà lập nên chính-phủ « quân-phiệt độc-tài ». Xem cái làn sóng chính-trị nước Nhật người ta e rằng cuộc biến-đổi lớn lao ấy sao cũng xuất-hiện trong phần nửa đầu năm nay.

Đến lúc quân-phiệt lên cầm trọn quyền, chính là lúc Nhật-bản khai-chiến với thế-giới vậy, khó tránh đâu khỏi.

---

(1) Theo tin báo bên Tàu mới qua, thì Mã Chiếm-Sơn, Tô Bỉnh-Văn đã đi vòng ngả Hải-sâm-uy đáp tầu về tới Thượng-hải rồi.

. . .

Công-nhu dự-toán của Nhật-bản trong năm 1933 này, tuy bên thâu vào có một, bên chi-xuất gấp hai, thế mà người ta thấy có khoản gọi là tiền « sửa sang binh-bị » tới số 135 903.000 đồng, đủ biết năm nay Nhật-bản dự-bị về việc chiến-tranh gấp lắm. Nếu không thì trong khi thế-giới đương tính việc giảm binh, mà Nhật dự-bị tiền sải việc binh gì dữ vậy ?

Khoản ấy chia ra :

Lục-quân 247 triệu 370 ngàn ;

Hải-quân 88 triệu 533 ngàn.

Thấy cái chương-trình sửa-sang binh-bị, nào là luyện-tập lính mới, nào là chế thêm súng đạn, đóng thêm phi-cơ, nào là mở-mang bồi đắp các nơi đồn binh trữ lương ở trong nước Nhật, cùng là ở Cao-ly, ở Đài-loan ở Mãn-châu, v. v., bao nhiêu công-việc thi-hành, tiếng gọi là sửa sang binh-bị, nhưng không có một việc sửa-sang nào mà không có ý là lo phòng chiến-tranh với ngoại-quốc. Đến nỗi lương-thực cũng trữ thêm nhiều, hơi độc cũng chế thêm dữ, cho tới các công-xưởng lớn nhỏ trong nước, của nhà nước hay của tư-nhân mặc dầu, họ đều đã sắp đặt một cách rất khôn-khéo để lâm khi chiến-tranh có thể trong giây lát mà biến-hóa thành ra công-xưởng việc quân được hết. Ví-dụ xưởng làm đồng-hồ biến ra làm xưởng đúc súng, xưởng nấu cao-su biến ra làm sở chế-tạo khí-cầu. Thợ thuyền cũng vậy mặc ý ngày thường làm nghề riêng gì, đến hồi chiến-tranh cũng có thể biến thành ra tay thợ rành đồ chế-tạo dùng vào quân-sự hết thảy.

Còn về ngạch lính thì chương-trình mới định rằng khi bắt đầu khai-chiến, nhà-nước kêu lên một tiếng, liền có một triệu lính tiên-phong, rồi đánh nhau lâu thì kêu số lính lên đến 10 triệu. Dân thường hằng ngày, như kẻ làm ruộng, người đi học, dân làm thợ, hết thảy đều có luyện-tập việc binh, khi cần dùng họ đều là lính đi trận được cả.

Tóm lại công-nhu dự-toán của Nhật năm nay, mục-đích chỉ cốt ở việc chiến-tranh. Hình như họ định chắc rằng làm sao năm nay họ cũng phải đối-chiến với một hay là năm bảy nước nào hiệp lại, nên chi nào là phe quân-nhân dũng-được như sắp ra trận, nào là nhà nước sắp đặt khí-giới lương-thực sẵn-sàng, chỉ có việc chờ ai đánh là họ đánh với mà thôi.

Thấy vậy thì ra tuần trước tôi e năm nay thế giới đa-sự là hữu-lý chăng ?

NGUYỄN KỲ-PHỤNG

(Đuốc-nhà-nam)

. . .

Thời-cục nước Tàu

Tình-hình miền Hoa-bắc. — Quân Nhật từ khi chiếm lấy Sơn-hải-quan rồi, lại tiến đánh quân Tàu ở Cửu-môn-khẩu, Thạch-môn-trại, làm rối-loạn cả phía trong Vạn-lý-trường-thành, chực chẹn đường quân Tàu ra cứu-viện để mà đánh lấy Nhiệt-hà. Tình-thế nguy-cấp, làm cho miền Hoa-bắc náo-động cả lên. Trương Học-Lương đã cùng Tống Tử-Văn lên Nhiệt-hà. Trương có cùng Trương Tác-Tường, Thang Ngọc-Lân liên-danh điện đi các nơi trong nước, nói Trung-quốc càng ẩn-nhẫn cầu hòa, càng khiến cho Nhật-bản càng tàn-bạo không chán, chúng ta không thể lại cứ nhẫn-nhục cầu-toàn được mãi, chỉ còn có một đường là đem thực-lực giữ nước. Cái địa-vị tỉnh Nhiệt-hà về quân-sự rất trọng-yếu, cho nên phải đem lực lượng cả nước mà cố giữ. Chúng tôi có cái trách-nhiệm giữ đất, dẫu đánh đến còn một tên lính cũng quyết kế-tiếp ra sức tranh-đấu vậy

Trương Học-Lương và Tống Tử-Văn lần này đi Nhiệt-hà, hội Quốc-liên và các phương đều chú-trọng lắm, cho rằng Trung-quốc đã tỏ lòng quả-quyết kháng Nhật.

Tống Tử-Văn có làm một bài khích-lệ tướng-sĩ chừng hơn bốn nghìn chữ, in ra hơn 10 vạn tờ để phát cho các tướng-sĩ ở mặt trận. Đều dùng lời bạch-thoại, điều cốt-yếu nói: Ngày nay quân Nhật cướp Sơn-hải-quan lại đánh Nhiệt-hà, cả nước căm giận chỉ có liều mạng là cầu sống được. Người Nhật chế-tạo ra nguy-quốc (nước Mãn-châu) và đem cả Nhiệt-hà liệt vào, khinh-nhục nước ta quá lắm, chỉ có dùng máu để rửa nhục mới được, quân nghĩa-dũng huyết-chiến một năm nay rửa bỏ cái dơ-bẩn đã nhiều, hiện nay đợi anh em làm xong cái công lớn ấy. Quân Nhật quen bày ra những lời li-gián khiêu-bát, hiện nay nước ta trên dưới một lòng, quyết không trúng kế quân Nhật. Xin anh em chớ lo sự tiếp-tế, không những chính-phủ chịu trách-nhiệm trù-hoạch, các phương trong nước cũng đều bôn-tẩu trù-hoạch, mong các nước vì Trung-quốc tranh nhân-cách, vì thế-giới đánh đổ cường-quyền.

Tống Tử-Văn lại tuyên-bố như sau này:

1° Người Nhật phao tin rằng các tướng Trung-hoa ở miền bắc và Nhật-bản hai bên đã điều-đình với nhau xong, làm cho các đại-biểu ngoại-quốc cũng đến ngoại-giao-bộ hỏi tin về việc ấy. Chắc là có sự hiểu lầm, mà nhân-dân cũng không hiểu cái ý của chính-phủ. Từ khi Tống Tử-Văn đi công-cán ở Nhiệt-hà cùng với Trương Học-Lương, thì nhân-dân lại có lòng tin cậy. Nhân-dân miền bắc cũng sẵn lòng giúp chính-phủ như nhân-dân miền nam.

2° Tiền-tài hiện có thể chi binh-phí được ba tháng.

3° Quân lính khí-phách rất tốt, chỉ xin được đủ lương-thực để chống cự với địch-quân mà thôi.

4° Chính-phủ được phép mộ-thải 20 triệu *dollars mexicains* để dùng vào việc quốc-phòng.

5° Việc phân-tranh Trung Nhật không biết thế nào mà đoán trước được, nhưng chính-phủ Trung-hoa quyết-chí chống-cự đến kỳ-cùng.

La Văn Cán tổng-trưởng bộ ngoại-giao Nam-kinh có nói rằng: Việc ngoại-giao ngày nay chỉ có hai đường, một như nước Pháp cắt hai châu để cầu hòa, một như nước Bỉ quyết hi-sinh để chiến-đấu. Còn như cầu hòa sợ thóa-mạ, muốn chiến-đấu sợ hi-sinh, cậy đông nhờ tây, tất làm hại nước. Nhưng xét đại-thế, khó mong lấy lại đất đã mất, sẽ đến phải duyệt vong, đối với hội Quốc-liên, nên theo ý ấy để quyết-định cái thái-độ tất-yếu ».

Chính-phủ Trung-hoa đã lập ra một Hội-đồng quốc-phòng có Tưởng Giới-Thạch, các quan tổng trưởng bộ chiến-tranh, bộ hải-quân, bộ nội-vụ, các ông chủ-tịch năm viện và các hội-viên hội-đồng thường-trực của quốc-dân-đảng, đã họp ở Nam-kinh.

Chính phủ sẽ cử Đoàn Kỳ-Thụy một chức rất quan-trọng trong hội-nghị quốc-phòng. Đoàn sẽ có chức-trách đối-phó với quân địch ở ngoài và cả việc trừ tiệt nạn nội-chiến và bọn thổ-phỉ.

Theo tin của ngoại-giao giới thì chính-phủ Đông-kinh đã hạ tối-hậu-thư cho Nam-kinh bắt buộc phải rút hết quân Tàu ra khỏi Nhiệt-hà. Bức thư tối-hậu ấy do Võ-Đằng toàn-quyền đại-sứ Mãn-châu đưa cho Trương Học-Lương và chính-phủ Mãn-châu-quốc đưa cho Thang Ngọc-Lân.

Trung-hoa trả lời không chịu nhận tối-hậu-thư của Nhật-bản Nên Nhật đã phái quan Tổng-trưởng bộ chiến-tranh

là vũ-tướng Trương Hải-Bằng thống-suất các đạo quân của Mãn-châu-quốc, đã bắt đầu tiến quân đánh các đồn Trung-hoa ở mặt trận Nhiệt-hà.

Bên Trung-hoa thì Trương Học-Lương thống-nhất toàn-quân ở miền bắc, định dùng quân chế tập-đoàn, chỉnh-bị quân-dung, ra sức chống Nhật. Trương tự giữ chức tư-lệnh tập-đoàn quân thứ nhất, thống-suất các quân ở trong Sơn-hải-quan, cử Trương Tác-Tướng làm tư-lệnh tập-đoàn quân thứ hai, thống-suất quân Thang Ngọc-Lân và quân chính-thức, quân nghĩa-dũng vào Nhiệt-hà để chống đánh quân Nhật.

Trương lại cử Ông Chiếu-Viên tức là Ông Đằng-Huy là một kiện-tướng trong đạo quân 19 đã nổi tiếng trong cuộc chiến-tranh ở Thượng-hải, đi lên biên-cảnh Nhiệt-hà làm chức trọng-yếu ở mặt trận. Các đạo quân nghĩa-dũng ở biên-cảnh Nhiệt-hà như các bộ Phùng Chiếm-Hải, Vương Thận-Lư và Trịnh Quế-Lâm đều xin cử Ông làm tổng-tư-lệnh, xin chịu quyền chỉ-huy.

Quân Nhật đối với phía tây Sơn-hải-quan và Nhiệt-hà quyết cùng thời hoạt-động. Hiện quân Nhật ở Mãn-châu có 7 sư-đoàn, định lấy một sư-đoàn lưu ở Cát-lâm, Trường-xuân, một sư-đoàn giữ đường Trung-đông, một sư-đoàn lưu ở Sơn-hải-quan chỉ-huy các quân tiến lên phía tây, còn đem 4 sư-đoàn đánh Nhiệt-hà.

Quân Nhật đánh Nhiệt-hà, xếp đặt như sau này: 1er Đường Cẩm-triều có sư-đoàn thứ 8, sư-đoàn thứ hai và bộ-binh, pháo-binh cộng hơn 23.000 người, bốn đại-đội máy bay; 2e Mặt Tuy lăng là sư-đoàn 17, sư-đoàn 11 và 2 lữ-đoàn cộng 35.000 người, hai đại-đội máy bay; 3e Quân « Mãn-châu-quốc » là hai bộ Trương Hải-Bằng, Vũ Chỉ-Sơn giữ mặt Lăng-nam, quân Trịnh Quốc-Thụy giữ mặt Nam-lĩnh; 4e Cùng thời tiến đánh Nam-lĩnh và Lăng-năm, Khai-lỗ tạm không công kích; 5e Lữ-đoàn Linh-mộc do phía tây Sơn-hải-quan tiến bách quân Trung-hoa, định dồn về Loan-hà.

Nhật lại đem thêm đại-đội không-quân đến Cẩm-châu. Thông-liêu sẽ chia đi ném bom phá các thành trấn Nhiệt-hà, trước khi đại-cử đánh Nhiệt-hà hãy làm việc phá-hoại. Mục-đích quân Nhật là muốn trước ngày kỷ-niệm một chu-niên nước Mãn-châu, (ngày 1er Mars) lấy được Nhiệt-hà, để hoàn toàn thống-nhất bốn tỉnh.

Chính-phủ Nhật đã bí-mật ủy Võ-Đằng làm lục không-quân tổng-tư-lệnh đánh Nhiệt-hà. Đêm ngày 20 quân Nhật đã bắt đầu tổng-công-kích. Ba đạo quân Nhật đánh Nhiệt-hà đều phát-động. Tại Lăng-nam cũng đã đánh nhau to. Quân Nhật ở Triều-dương đánh dữ vào Nam-lĩnh, đêm 21, đánh càng dữ, quân Nhật xung-phong 4 lần đều bị đánh lui. Sớm ngày 22, quân Nhật thêm trọng-binh, dùng xe phá-lũy và máy bay kèm bộ-binh xông liều vào. Quân Trung-hoa cũng thêm viện, lữ-tướng Đồng Phúc-Đình hạ lệnh chỉ có tiến không có lui. Ở một giải Khai-lỗ, Đông-đạo, Đài-doanh-tử quân Nhật cùng quân nghĩa-dũng là hai bộ Lý Hải-Thanh, Phùng Chiếm-Hải đánh nhau dữ-dội.

Ngày 23, quân Nhật đại-cử đến biên-cảnh Nhiệt-hà, mục-đích cốt đánh phá phòng-tuyến thứ nhất, thẳng bách Triều-dương và Bắc-phiếu, các nơi ấy đều bị máy bay Nhật ném bom bắn phá rất tàn-hại. Quân Trung-hoa thừa dịp phản-công, hăng-hái nhất là đội đại-đao xung-phong, cùng quân Nhật đánh giáp lá-cà, tiếng reo hò và tiếng gươm đao làm vang động cả lên, thây người nằm ngổn-ngang. Kế đó lại có một đội kỵ-binh Trung-hoa vượt qua đường sắt vây đánh phía bên cạnh quân Nhật. Quân Nhật vì thấy quân

Tàu đã quyết lòng đề-kháng, nên việc tổng-công-kích Nhiệt-hà cốt lấy máy bay làm chủ-lực.

Sau buổi sớm ngày 28, việc chiến-tranh ở Nhiệt-hà dồn cả về hai đường Kiến-bình, Lăng-nam. Trưa 28, đại-bộ sư-đoàn quân Nhật hai lần xông đánh Đại-miêu và núi Lão-hổ đều bị quân Trung-hoa đánh dữ.

Quân Nhật thay đổi đôi chút về cái kế-hoạch tiến đánh Nhiệt-hà, lúc bắt đầu tiến đánh, lấy quân «Mãn-châu-quốc» làm tiên-phong, sau thì mang về hậu-phương.

Quân Mãn-châu-quốc và quân Nhật-bản khai thế công được tám ngày, thì sang ngày 4 *Mars* đã chiếm được Thừa-đức-phủ là kinh-thành Nhiệt-hà. Một toán quân khác của Nhật Mãn lại tiến đến Lâm-khẩu ở Vạn-lý-trường-thành, đánh đuổi quân phản-đối Mãn-châu-quốc ra cách xa Vạn-lý-trường-thành.

Một đại-đội do tướng HATTORI chỉ-huy đã chiếm lấy đèo Linh-khẩu, đề phòng quân Trung-hoa quay lại chực cướp lại Nhiệt-hà chăng. Viên phóng-sự ở Bắc-bình của báo *Nichi Nichi* báo tin rằng sau khi Thừa-đức-phủ thất-thủ, thì Trương Học-Lương dự-bị đề trốn đi ngoại-quốc.

Quân Trung-hoa đã lui về Cổ-bắc-khẩu. Quân Trung-hoa ở mặt Lãng-nguyên lui về Hỉ-phong-khẩu.

Thế là nước Tàu lại mất nốt Nhiệt-hà, cái chương-trình kháng Nhật của Trương Học-Lương đã tan ra khói mây cả.

Vũ-tướng Hà Ứng-Khâm tổng-trưởng bộ chiến-tranh, đi công-cán ở miền bắc có điện về, xin cách-chức Thang Ngọc-Lân, chủ-tịch Nhiệt-hà.

Quân Nhật tiến-hành ở Nhiệt-hà lần này không được dễ-dàng như trước. Xem như quân Nhật bị thất-bại ở đèo Bái-thế-độ thì biết.

Tin tức về chiến-sự mỗi lúc một khác. Theo như tin-tức của Nhật, thì quân Trung-hoa rút khỏi thành Linh-uyên, sau quân Trung-hoa đóng ở Triều-dương lại kéo đến Linh-uyên định đóng đồn thủ-hiểm ở đấy.

Cứ như tin-tức ở *Londres* gửi đến thì đất Triều-dương đã bị quân Nhật hạ được ngày 25 février. Đường trận của Trung-hoa hiện nay như sau này:

Đường trận thứ nhất, do 80.000 quân giữ, chạy dài từ Trịnh-phương đến Trịnh-bình, và từ Ngô-kinh-phủ đến Vạn-lý-trường-thành, vào miền Trịnh-kế-giang.

Đường trận thứ hai, do 34.000 quân giữ, chạy dài từ Đường-sơn đến Bình-thuận, và cũng đến Vạn-lý-trường thành thì hết.

Cứ như lời của các quan Nhật hứa với chính-phủ Anh, thì quân Nhật đóng ở Nhiệt-hà không định vào các tỉnh khác của Trung-hoa, và không vượt khỏi Vạn-lý-trường-thành. Nhật sẽ có nhiều quân lính giữ miền Sơn-hải-quan, và mấy nơi khác tại Vạn-lý-trường-thành. Hiện đã tính-toán việc xếp đặt tỉnh Nhiệt-hà, và có tin rằng trước tiên chính-phủ Mãn-châu-quốc sẽ đặt một đường hỏa-xa qua các núi Nhiệt-hà. Trong độ hai tháng nữa sẽ sửa-sang đường mới từ Cát-lâm đến Khố-luân và đến miền duyên-hải Cao-ly cho tiện đường của Nhật vào Mãn-châu.

Nhật tốn kém bao nhiêu về quân-phí ở Mãn.— Hiện chính-phủ đang xin trù thêm 40.400.000 hoa-viên đề dùng về việc quân-phí ở Mãn trong hai tháng *Février* và *Mars* 1933 này. Số tiền ấy thì 27.800.000 hoa-viên dùng vào lục-quân và 8.900.000 dùng vào thủy-quân. Từ trước đến giờ số tiền quân-phí ở Mãn trù mất tới 573 triệu hoa-viên chia như sau này:

Từ *Septembre* 1931 đến *Mars* 1932 : 88.900.000 hoa-viên.

Ngân-sách 1932-1933 : 293.200.000 hoa-viên.

Ngân-sách 1933-1934 : 190.800.000 hoa-viên.

Tổng-cộng 572 900.000 hoa-viên.

Số tiền này riêng về việc quân-phí ở Mãn-châu thôi, chứ chưa kể đến tiền chi-phí vào đạn-dược, khí-giới trữ ở Nhật, phòng để dùng bên Trung-hoa.

Việc phân-tranh Trung Nhật tại Hội Vạn-quốc. — Đại-hội đồng 19 viên đồng-thanh ưng-chuẩn bản tờ trình và các điều-khoản quyết nghị của ban trị-sự. Chỉ trừ có một phiếu không ưng-thuận, và nước Xiêm thì không bỏ phiếu.

Sáng ngày 25 *Février* đại-hội-đồng Hội Vạn-quốc họp kỳ bất-thường đã nghe M. Nhan Huệ-Khánh đại-biểu Trung-hoa và M. Tùng-Cương đại biểu nước Nhật, hai bên lần lượt bày tỏ mọi lẽ.

M. Nhan đại-biểu Trung-hoa có nói nước Trung-hoa lấy làm yên-ủi và vui lòng về bản tờ trình của hội-đồng trị-sự đệ-trình đại-hội-đồng. Ông sốt-sắng khen-ngợi đại-hội-đồng, và hội-đồng 19 viên. Rồi ông bình-phẩm các phần trong tờ trình, ông có nói Mãn-châu thực là một phần của địa-hạt Trung-hoa, và có nhắc lại rằng theo như lời lẽ trong tờ trình, thì việc đề-chế từ nay Trung-hoa có thể cho là một phương-sách của Trung-hoa được phép dùng để đối-phó với Nhật-bản : Nhật-bản không chịu để liệt-quốc đặt cuộc trọng-tài mà tự-tiện dụng-binh, thế là phạm vào điều thứ 12 trong hiệp-ước của Hội Vạn-quốc ; Hội Vạn-quốc công-nhận cho là Trung-hoa có chủ-quyền ở Mãn-châu và Đông-tam-tỉnh ; các nước có chân trong Hội Vạn-quốc cam đoan không công-nhận sự độc-lập của Mãn-châu-quốc. M. Nhan nói đại-biểu Trung-hoa sẽ bỏ phiếu ưng-thuận tất cả các điều-khoản trong tờ trình.

M. Tùng-Cương đại-biểu của Nhật lên diễn-đàn, bày tỏ mọi lẽ rằng Trung-hoa không thể so-sánh với một nước có trật-tự được, và cái tình-thế ở Trung-hoa ngày nay là nguồn gốc sinh ra sự rối-loạn ở Viễn-đông. Nước Nhật có quyền-lợi quan-hệ mật-thiết ở Mãn-châu, đã hết sức tìm cách hiệp-tác với Trung-hoa mà không được, vậy cái nghĩa-vụ của Nhật là phải bảo-hộ bình-an, trật-tự và sự tiến-bộ ở Viễn-đông. Ông nói trong tờ trình của hội-đồng 19 viên, có ý thiên về Trung-hoa, và không thấy nói cái công-lao ích-lợi của Nhật. Ông nói : nay liệt-quốc cần phải đặt cuộc quản-đốc nước Trung-hoa một cách nghiêm-nghị mới phải mà không biết Trung-hoa có biết điều mà ưng để cho liệt-quốc kiểm-đốc cho không. Ông nói đại-hội-đồng ưng chuẩn bản tờ trình, thì thực là làm tổn-hại cho cuộc hòa-bình. Sau cùng ông chỉ-nghị việc trong tờ trình bản nên đặt các viên-chức liệt-quốc để xem xét mọi việc ở Mãn-châu.

Sau đại-hội-đồng bỏ phiếu ưng-chuẩn bản tờ trình, thì M. Tùng-Cương đứng lên lui ra ngoài hội-đồng. Cả các phái-viên Nhật-bản cùng ra theo.

Buổi chiều đại-hội-đồng họp, đại-biểu Nhật không đến dự, đại-hội-đồng đồng-thanh quyết-nghị đặt một hội-đồng tư-vấn để xem xét tình-thế ở Viễn-đông.

* * *

Hội-đồng tư-vấn do đại-hội-đồng Hội Vạn-quốc lập ra để xem xét việc phân-tranh Trung Nhật, đã họp hội-đồng do M. Hymans chủ-tịch. Theo như lời quyết-nghị của đại-hội-đồng, thì hội-đồng đã mời Hoa-kỳ và nước Nga hiệp-tác với hội-đồng.

M. Eden có bày tỏ mọi lẽ để hội-đồng rõ việc cấm chở khí-giới sang Viễn-đông, mà hiện chính-phủ Anh đương điều-đình với các nước có quan-hệ về việc ấy. Hiện chưa quyết nghị ra làm sao. Còn đợi các đại-biểu của Hoa-kỳ và nước Nga. Song đại-biểu Trung-hoa đã tỏ tình phản-đối việc cấm chở khí-giới, nói rằng Trung-hoa đã được Hội Vạn-quốc công-nhận cho mình có quyền bảo-toàn lấy bờ cõi của mình, thì không có lẽ nào lại cấm các nước bán khí-giới cho mình.

Nhật tỏ tình bất-phục lời quyết-nghị của hội-đồng 19 viên. — Vừa mới rồi đã công-bố bản cáo-trạng của phái-bộ Nhật-bản, bày tỏ cái ý-kiến của chính-phủ Nhật đối với chương thứ V trong điều thứ XV. Trong bài ấy nhắc lại các việc xảy ra từ trước đến đây, rồi kể những điều cho là sự lầm lẫn của hội-đồng 19 viên.

Những đoạn chính có thể tóm tắt như sau này: 1º Cứ như phần thứ ba về tờ trình của hội-đồng 19 viên, thì hình như hội-đồng cố giữ lấy cái điều ngộ-nhận rằng Trung-hoa ngày nay là một nước thống-nhất, có tổ-chức. Cái điều ngộ-nhận ấy, chẳng qua là vì liệt-cường có cái mê-mộng rằng Trung-hoa một ngày kia sẽ khôi-phục được cuộc thống-nhất. Trong mấy năm trước đây, Nhật-bản đã hết sức theo đuổi cái tôn-chỉ ấy, và về các việc không quan-hệ, Nhật-bản vẫn sẵn lòng theo đuổi cái tôn-chỉ ấy. Các nước khác có chân trong Hội Vạn-quốc, không có quyền-lợi lớn-lao ở Trung-hoa, chứ như Nhật-bản thì có những quyền-lợi cốt-tử ở Trung-hoa, nhất là ở xứ Mãn-châu, vậy Nhật phải xem xét những tình-thế đích-thực, mà xử-trí, chớ không thể mơ-mộng những tư-tưởng hão-huyền được.

2º Hội-đồng 19 viên cho việc Trung-hoa đề-chế Nhật-bản là một việc đối-phó với việc xảy ra ngày 18 *Septembre*, thì thực là gieo mầm những nỗi khó-khăn sau này cho những nước có quyền-lợi ở Trung-hoa. Liệt-cường đều có trú-binh ở Trung-hoa để phòng bị mọi sự có thể xảy ra. Nếu nước nào có việc cần phải dụng-binh, mà nước Trung-hoa cũng đề-chế để báo thù, như vậy cái cường quyền không biết thế nào là giới-hạn nữa.

3º Trong tờ cáo trạng có nói nên đặt cuộc trọng-tài, vậy muốn đặt cuộc trọng-tài tất phải là một nước có tổ-chức, có một chính-phủ có quyền quản-trị tất cả bờ cõi trong nước mới được.

4º Trong bản cáo-trạng không chịu công-nhận cho nước Nhật dụng-binh trong đêm ngày 18 *Septembre* là thi-hành cái quyền tự-vệ của mình và hình như không công-nhận cho các quan võ Nhật có quyền tự-vệ vậy. Hội-đồng chỉ theo cái ý kiến của hội-đồng *Lytton*, mà không xét đến mọi lời của chính-phủ Nhật bày tỏ, và không xét đến cái ý-kiến của các quan võ Nhật là những người có mặt ở Trung-hoa trong khi xảy ra mọi việc ấy. Cái quyền tự-vệ là một cái quyền bất-khả tiêu-diệt, chỉ có nước nào có lợi-hại mật-thiết vào đấy, mới có thể xét đoán.

Về việc ấy nước Nhật đã viện đến các khoản lánh-trừ của nước Pháp, và Hoa-kỳ trong khi lập hiệp-ước *Paris*, ấy thế mà trong bản cáo-trạng không nói gì đến các khoản lánh trừ ấy.

5º Trong bản cáo-trạng lại nói việc Mãn-châu-quốc tuyên-bố độc-lập không phải là một việc tự-nhiên mà có, việc ấy Nhật-bản đã hết sức phản-đối, mà hội-đồng 19 viên vẫn công-nhận mọi lời kết-luận của hội đồng *Lytton*.

Nhật-bản lại kể đến những sự lợi của Mãn-châu quốc được hưởng về

cuộc độc-lập, và nói người Trung-hoa vẫn tìm cách chống cự ở Nhiệt-hà kia khác.

6º Trong tờ bá-cáo có khuyên liệt-cường nên hiệp tác để tu-phục lại Trung-hoa, nếu thi hành lời khuyên ấy thì liệt-cường phải can-thiệp vào việc nước Trung-hoa, mà làm như vậy, thì lại trái với hòa-ước của chín nước. Việc ấy chứng rằng đối với một nước như nước Trung-hoa thì bản giao-ước của chín nước và bản hiệp ước của Hội Vạn-quốc, phải thi-hành một cách rộng-rãi mới được.

Nhật cho rằng các điều-khoản của Hội Vạn-quốc không thể thi-hành được. — Trong lời tuyên-bố của Nhật-bản lại nói rằng những điều-khoản của hội-đồng 19 viên không thể thi-hành được, là vì những lẽ sau này:

1º Đối với một nước có cái tình-thế khác thường như nước Trung-hoa, thì không thể thi-hành đúng các tôn-chỉ trong hiệp ước của Hội Vạn-quốc và giao-ước ký ở *Paris* được.

2º Việc quân Nhật đóng ở ngoài miền hỏa-xa, không có điều gì là trái luật-pháp, vì cái quyền tự-vệ nó bắt buộc Nhật phải cho quân đến đóng ở miền ấy; vả lại theo như một bản giao-ước của Nhật-bản ký với Mãn-châu-quốc, thì quân Nhật phải chịu trách-nhiệm giữ-gìn bình-an và trật-tự ở Mãn-châu-quốc.

3º Kể từ năm 1916 đến giờ, xét ra Trung-hoa không có chủ-quyền ở Mãn-châu nữa. Trung-hoa không đủ sức mà bảo-hộ quyền-lợi cho Nhật-bản, cùng là giữ-gìn cuộc bình-yên ở Viễn-đông.

4º Như lời của Nhật-bản đã tuyên-bố ở Hội Vạn-quốc tháng *Novembre* mới rồi, Nhật-bản ký giao-ước với Mãn-châu-quốc tức là đã thi-hành một vài tôn-chỉ trong tờ bá cáo *Lytton*. Còn như muốn theo đúng chín điều thứ nhất trong bản bá-cáo ấy, nhất là từ điều thứ sáu đến điều thứ chín, hễ nước Trung-hoa hãy còn là một nước rối-loạn không có trật-tự thì không sao theo các tôn-chỉ ấy được.

5º Việc hội-đồng muốn đặt một ban ủy-viên để giúp cho hai bên điều-đình với nhau, là một việc trái ý muốn của nước Nhật, vì nước Nhật không ưng để cho một nước nào can-thiệp vào vấn đề Mãn-châu.

6º Trong tờ bá-cáo của hội-đồng 19 viên lại nói những nước có chân trong Hội Vạn-quốc không nên công-nhận cái tình-thế bây giờ. Các nước ký hiệp-ước *Paris* và giao ước chín cường-quốc mà không có chân trong Hội Vạn-quốc cũng nên theo cái ý-tưởng ấy. Nhật-bản cho hội-đồng tuyên-bố như thế là quá các quyền hạn của hội-đồng, theo như điều thứ 15 trong hiệp-ước.

Nhật cho là mình làm phải, không có điều gì là trái phép. — Sau cùng bài tuyên-bố của Nhật có đoạn kết-luận như sau này:

Chính-phủ Nhật xét ra binh-gia Nhật không làm quá cái quyền-hạn của mình; Mãn-châu quốc sở-dĩ lập nên, là do cái ý muốn tự-nhiên của dân Mãn-châu; vậy không có điều gì là phạm đến giao-ước quốc-tế cả.

Cái vấn-đề này là một cái vấn-đề đặc-biệt, không thể lấy những phương-pháp thường mà giải-quyết được. Nếu có thể thi-hành các phương-pháp thường nữa, mà theo như cái chương-trình của hội-đồng 19 viên, thì liệt-quốc thành ra phải can-thiệp vào những cái mà hội-đồng gọi là chủ-quyền của Trung-hoa. Hội-đồng thì chỉ theo những lý-thuyết không đâu, chứ như Nhật-bản thì cần phải xét những điều thực-tế chắc-chắn mà xử-trí mới được.

(*Trích báo Trung-Bắc*)

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 28 tháng hai năm 1933)

Quan Thống-sứ đi kinh-lý. — Ngày mồng 1 và mồng 2 tháng hai này, quan Thống-sứ PAGÈS cùng quan Phó-văn-phòng GRIMALD đi kinh-lý miền Cao-bằng, Nguyên-bình, Tĩnh-túc, Đồng-đăng, Na-cham và Lạng-sơn. Ở Cao-bằng quan Thống-sứ có khen cái tài rất mẫn-cán của quan đại-tá CAU thủ-lĩnh đạo quan binh thứ nhì. Ở Tĩnh-túc quan Thiếu-tá BENOIT D'AURIAC trình bày Ngài rõ về các công-việc hiện-thời khai mỏ thiếc và *Wolfram* ở thượng-du. Lại đi thăm đồn-điền Đồng-đăng, đồn-điền Na-cham rồi đến tòa sứ Lạng-sơn. Ngài tỏ ý khen các công-việc và dưỡng-sá đều tốt cả, cùng khen những sự mẫn-cán của quan Công-sứ Lạng-sơn.

Ngày mồng 5, quan Thống-sứ đi kinh-lý tỉnh Vĩnh-yên có quan Chánh-văn-phòng ERARD đi theo hầu. Ngài thăm miền dẫn-thủy nhập-điền có khen sự sáng-kiến của quan Công-sứ LOTZER và quan Tuần-phủ VŨ TUẤN giúp sức, lại khen những công-trình nhân-dân khơi những máy nước và khơi được cái cống ngầm *Vouzi*.

Ngày mồng 9, quan Thống-sứ đi thăm khu dẫn-thủy nhập-điền ở miền nam Thái-bình, có quan Đồng-lý BARY nguyên công-sứ Thái-bình, quan Công-sứ COLAS và hai quan kỹ-sư BICORGNE và COUTEAUD đi theo, Ngài đi thăm ba cái cống lớn ở Nguyệt-lâm, Dương-liễu và Đa-cốc về mặt sông Soc-giang. Đến chỗ sông đào Bác-trạch Ngài dừng lại xem công-việc khai sông khó-nhọc vì làm ở giữa nơi đất sét quánh. Chỗ này làm xong là hết công-việc dẫn-thủy nhập-điền ở miền nam sông Trà-lý.

Sau cùng Ngài do con đường số 39 đi đến thăm huyện-lỵ Tiền-hải, cùng thăm đê duyên-hải, bãi bể Hoàng-mô và bãi bể Nho-lâm.

Chức Khâm-sứ Trung-kỳ. — Có tin *Paris* rằng quan Khâm-sứ CHÂTEL sắp về Pháp nghỉ, quan Cai-trị hạng nhất THIBAUDEAU thanh-tra chính-trị Công-sứ Bình-định sẽ lên quyền chức Khâm-sứ Trung-kỳ.

Trung kỳ đã đúc tiền đồng mới. — Xứ Trung-kỳ nay đã bắt đầu đúc hai hạng tiền đồng mới : Hạng lớn và hạng nhỏ. Sở Tài-chính định trong hạn 5 năm thì phát ra lưu-hành 10 triệu rưởi đồng hạng lớn và 17 triệu rưởi đồng hạng nhỏ.

Đổi huyện làm phủ. — Nay có nghị-định đổi huyện Nông-cống (thuộc Thanh-hóa) làm phủ Nông-cống, vì hạt ấy dân nhiều đất rộng.

Hội-đồng cố-vấn Bắc-kỳ. — Ngày mồng 8, hội-đồng Cố-vấn đã họp tại phủ Thống-sứ Hà-nội, do quan Thống sứ PAGÈS chủ-tọa, bàn về vấn-đề di-dân lên miền Trung-du và vấn-đề điền-thổ.

Người Bắc-kỳ tại xứ Tân-đảo Nouvelles-Hébrides. — Cứ báo «*Néo Hébridais*» đăng thì hiện nay người Bắc-kỳ còn ở bên Tân-đảo chừng 1.750 người. Đến tháng 10 năm nay những người hết hạn mộ sẽ tải về Bắc-kỳ một chuyến, thì ở Tân-đảo bấy giờ chỉ còn độ vài trăm người Bắc-kỳ nữa thôi.

Xử việc hội kín Hải-dương. — Ngày 11 tháng 2 này, tòa Nam-án Hải-dương đã họp phiên tòa bất-thường, do quan Chánh-sứ DOMEC chủ-tọa, quan cai-trị GILLON và quan Tổng-đốc NGUYỄN HUY-TƯỜNG bồi-thẩm, để xử các việc hội-kín ở Cẩm-giàng Nam-sách, Chí-linh và Kim-thành. Bị-cáo-nhân cả thảy 59 người. Quan tòa thẩm-vấn từ 10 giờ

sáng đến 10 giờ đêm hôm 11 thì xong. Đến 10 giờ sáng ngày 14 mới luận tội và tuyên-án như sau này :

2 người bị 20 năm khổ-sai 20 năm quản thúc :

Vũ Vát tức Khóa Vát can tội trong năm 1929-1932 lập chi-bộ hội-kín ở Lai-vu, sai người đưa đảng-viên sang Tàu, lại lập chi-bộ Tạ-xá và chi bộ Huệ-trì, tổ-chức tổng-chi bộ và liên-tỉnh-bộ ; lại can tội đeo thẻ tùy thân của người khác, đáng xử cho điều luật 66, nhưng vì già yếu, nên buộc cho điều luật thứ 321 luật Hình.

Phạm Huy-Tuyến tức Tổng Tuyến, can tội đứng chi-bộ-trưởng Tế-bằng (ở Cẩm-giàng), tỉnh-bộ-trưởng và liên-tỉnh-bộ-trưởng, cũng phạm điều 321 trong luật Hình.

3 người bị 10 năm khổ sai 20 năm quản-thúc :

Vương Văn-Thuyết tức Đồng-tĩnh, giữ ban giao thông cho đảng, dự chi-bộ tỉnh-bộ, thường ở ngoại-quốc về dò xét công việc trong nước để xui dân làm loạn ;

Đỗ Văn-Tế, dự chi-bộ Tạ xá, tỉnh-bộ và liên-tỉnh-bộ, họp hội đồng ở nhà mình ;

Bùi Văn-Sử, dự chi-bộ Tế-bằng, cho Khóa Vát trốn ở nhà mình, và cho đảng 100$ để mua súng lục ; cả ba người đều phạm điều 66 và 321 luật Hình.

1 người bị 7 năm khổ-sai 20 năm quản-thúc :

Phạm Văn-Nhự tức Tổng Nhự, chỉ là Việt-Nam Quốc-dân-đảng, không dự chi-bộ nào, đứng chủ-trương ban tài-chính cho đảng, và hai lần dự hội-đồng cách-mệnh ở nhà Đỗ Văn-Tế ở xã Ninh-khê, phủ Nam-sách, cũng phạm điều 66 và 321 luật Hình.

5 người bị 5 năm khổ-sai 20 năm quản-thúc :

Mạc Văn-Diệm, ở chi-bộ Tạ-xá, tỉnh-bộ và liên-tỉnh-bộ ;

Nguyễn Văn-Đại, thư-ký của chi-bộ Tế-bằng, trong kỳ hội-đồng cách-mệnh ngày 19 *Septembre* 1932 đọc diễn-văn ở Ninh-khê, và trong lúc bị bắt có giữ bản chương-trình làm bom của đảng ;

Vũ Văn-Tôn tức giáo Minh, dự hội-đồng cách-mệnh ngày 19 *Septembre* ở Ninh-khê ;

Lê Tâm, cũng dự buổi hội-đồng ấy và mua thẻ cho khóa Vát dùng ;

Lê Văn-Kỳ, dự chi-bộ Phả-lại năm 1930 định đánh Phả-lại ; cả 5 người đều phạm điều 66 và 321 luật Hình.

3 người bị 5 năm tù, 5 năm quản-thúc:

Trần Văn-Thân, có chi-bộ Tạ-xá, dự hội-đồng ở nhà Đỗ Văn-Tế ;

Vũ Thị-Vy, có chi-bộ Cam-thượng và sang Tàu có họp hội-đồng ;

Trịnh Giác, đứng giao-thông cho đảng ở Tàu và ta ; cả ba người đều phạm điều 71 trong luật Hình trị người có đảng kín.

3 người bị 3 năm tù, 5 năm quản thúc:

Lê Quý-Niệm tức giáo Niệm, có chi-bộ Huệ-trì, hai lần họp hội-đồng ở Hàm-ếch và Cẩm-giàng ;

Phạm Hữu-Tòng, đồng-phạm như giáo Niệm ;

Phạm Xuân-Độ, có chi-bộ Tế-bằng, tuyên-truyền cho tên Tuyên và tên Phú vào đảng ; ba người cùng phạm điều 71 luật Hình.

1 người bị 1 năm tù :

Lưu Tiến, đem thẻ của chú bán cho khóa Vát, phạm điều 154, 49 và 50 trong luật Hình.

1 người bị 6 tháng tù

Phạm Huy-Lực là người biết có đảng khả-nghi trong làng mà không trình báo, phạm điều 103 và 322.

1 người bị 5 năm tù án treo và 5 năm quản-thúc.

Dương Xuân-Cơ tức Thành-Nam dự hội-đồng ở Trại-tường, được bầu làm tổng-thư-ký nhưng không nhận.

1 người bị 3 năm tù án treo

Nguyễn Đình-Sơ tức Cai-Sơ, cai lệ huyện Cẩm-giàng, biết đảng hội-họp ở Tế-bằng mà không trình báo, phạm điều 103 và 322,

4 người bị 2 năm tù án treo

Phạm Thế-Nha, Bùi Văn-Thải, Nguyễn Cương và Nguyễn Văn-Phú đều phạm điều 322. (Cương và Phú lại phải thêm 5 năm quản-thúc).

Còn 34 người được trắng án,

Chương-trình hành-động của đảng Cộng-sản Đông-dương. — Ngọ-báo có thuật theo báo « *Avènir du Tonkin* » như sau này :

Paris. — Từ khi bài diễn-văn của quan Toàn-quyền Pasquier đọc ở Hà-nội tại phiên Hội-đồng Chính-phủ ngày 17 *Décembre* sang tới Pháp thì các báo ở *Paris* có đăng nhiều sự-kiện về cái chương-trình của đảng Cộng-sản Đông-dương. Trong bài diễn-văn ấy, ngài nói rõ-ràng về những phong-trào biến-động từ năm 1930 đến năm 1931. Cái chương-trình mà các báo bên *Paris* công-bố ra là rút ở trong một tờ báo, cơ-quan của Tiểu-ban Hành-chính quốc-tế cộng-sản xuất-bản tại *Moscou*, tên là : « *Kommounistitchesky International* ». Chương-trình ấy dài tới chín trang giấy đặc chữ. Sau đây là tóm-tắt một ít nói về mục-đích của đảng ấy tại Đông-dương

Chương-trình của đảng Cộng-sản Đông-dương làm tại *Moscou*, sau khi Nga, Pháp ký một hiệp-ước bất-xâm-phạm trong có những khoản cấm can-thiệp đến việc nội-trị của nhau, cấm cả cuộc tuyên-truyền cách-mệnh tại các thuộc-địa và cấm giúp những tay phiến-động ở thuộc-địa.

Vậy ta hãy thử xem chương-trình của đảng Cộng-sản tại Đông-dương như thế nào

Mục-đích đảng ấy tại Đông-dương là :

1°) Mưu hoàn-toàn độc-lập về đường chính-trị và kinh-tế cho Đông-dương ; bỏ quyền cai-trị của nước Pháp ; bỏ hết thủy-quân, bộ-quân, không-quân và sự tuần phòng của người Pháp ở Đông-dương ;

2°) Đánh đổ hết các nhà vua bản-xứ, các quan-trường và tịch-biên tất cả của-cải.

3°) Lập thành Chính-phủ lao-nông Tô-Nga ; tổ chức một đạo quân cách-mệnh lao-nông ; cấp khí-giới cho hết thảy các dân lao-động.

4°) Quốc-hóa tất cả các ngân-hàng và các xưởng công-nghệ, các đồn-điền, các đường xe-lửa, các tầu thủy, sông máng của người Pháp hay người ngoại-quốc ;

5°) Tịch-biên hết thảy các nhà cửa, đất-cát, rừng-rú của bọn « đế-quốc », của đạo Gia-tô, của các điền chủ, các chủ nợ, các người trong hoàng-phái, các quan-lại và các bảo-mục.

6°) Những đất cát, ruộng-nương sẽ đem chia cho các thợ thuyền, dân quê nghèo hay đủ ăn để làm lụng. Trả lại cho dân lao-động những đất ruộng công đã chiếm trước.

7°) Bỏ hết những tờ thế chấp và những tờ hợp-đồng bắt các thợ-thuyền làm tôi-mọi cho các ngân-hàng và các chủ nợ. Bỏ hết tất cả những món nợ vay của các ngân-hàng và các nhà tư-bản Pháp.

Lập một cuộc liên-hiệp bác ái cho tất cả các giống người ở cõi Đông-dương.

8°) Mỗi ngày làm việc tám giờ, chỉnh-đốn lại cách làm việc, lập những hội

bảo-trợ để phòng khi bệnh tật, già yếu, thất-nghiệp hay bị nạn lao-động.

9°) Cho phụ nữ Đông-dương được ngang quyền với đàn-ông về chính-trị.

10°) Giao-hiếu với nước Trung-hoa cách mệnh lao-động và với đảng Cách-mệnh Ấn-độ.

Ngự giá Nam-tuần lần thứ hai. -- Ngày 14 tháng 2 này, đức Bảo-đại lại ngự-giá nam-tuần lần nữa để xem-xét nốt mấy tỉnh về phía nam Trung-kỳ. Có quan Khâm-sứ CHATEL cùng đi với Ngài. Các quan hộ-giá tùy-tùng thì có quan Thủ-tướng NGUYỄN HỮU-BÀI, quan Đồng-lý PHẠM QUỲNH, quan thượng VƯƠNG TỨ-ĐẠI, ông HOÀNG TÙNG-ĐỆ, quan SOGNY chánh Liêm-phòng Trung-kỳ, quan GAUTHIER hội-lý Nội-các, và quan HAELEWYN chánh văn-phòng tòa Khâm. Ngày 15 ngự thăm đồn lính khố xanh Bình hồ, thăm trại nuôi giống vật, đồn-điền *Genaud* và các làng thực-dân An-Nam ở *Pleiku*; lại ngự thăm các đồn-điền *Catska*, *Sapdo* và đồn-điền chè, buổi tối thì tới *Kontoum*. Ngày 16 quan Công-sứ GUILLEMINET có tỏ bày cái công-lao của các nhà thực-dân Pháp Nam đã mở-mang xứ *Kontoum*. Đức Bảo-đại có gắn huy-chương cho nhiều người. Quan Khâm-sứ có làm lễ trao cờ cho đạo lính khố-xanh và thay mặt quan Giám-quốc Pháp gắn đệ-ngũ-hạng Bắc-đẩu bội-tinh cho viên quản khố-xanh BUIRON và bội-tinh khố-xanh cho viên Giám-binh DERAYMEZ. Rồi ngự thăm giáo đường, các trường học và nhà thương. Ngày 17 ngự đi *Banmethuot* tới địa-hạt tỉnh *Darlac* có dừng lại thăm các dân làng người *Djarais*. Đến đồn *Buonho* thăm các dân mọi *Indur*. Khi tới *Banmethuot* thì vào thăm dinh quan Quản-đạo, thăm trại khố-xanh cùng trường học dạy trẻ con *Khadés* và trại lính *Rhadé-Djarais*. Chiều ngày 18, Ngự đi Khánh-hòa có thăm đồn-điền *Auger* và trại lính *Mdrack*. Ngày 19, Ngự thăm trường Pháp-Việt Nha-trang, viện *Pasteur*, sở cá, rồi thẳng tới tòa-sứ Nha-trang, lại đi thăm tháp *Ponagar* của người Chàm, nhà thương, đồn-điền Suối-dầu của viện *Pasteur*. Ngày 20, Ngự đi Phan-rang, thăm nhà thương, các trường học và sở muối *Cana*, Ngự đi khánh-thành nhà cho thuốc ở Long-hương rồi tới Phan-thiết. Ngày 21, Ngự đi khánh-thành bia kỷ-niệm công-đức của dân tỉnh Bình-định giúp Như-tây học-hội ở Huế, thăm các trường học, nhà thương và sở muối sở làm nước mắm ở Bình-thuận, rồi Ngự đi *Dalat*. Ngày 22 tại *Dalat* ngự thăm các trường học, nhà thương, trại khố-xanh, trường Trung-học Tây và thăm khắp thành-phố *Dalat*, rồi đi thăm đồn-điền trồng chè. Ngày 23, quan Khâm-sứ cùng các quan Thủ-tướng, quan Đồng-lý, quan chánh Liêm-phòng, quan Hội-lý cùng quan chánh văn-phòng tòa Khâm đều trở về Huế, đức Bảo-đại còn ở lại *Dalat* mấy hôm rồi mới về Huế.

Đức Bảo-đại đối với hội Tế-bần Hà-nội. — Đức Bảo-đại thấy hội Tế-bần ở Hà-nội lập Dạ-lữ-viện cho những người cùng nghèo trú đêm. Ngài có gửi cho Hội một trăm đồng bạc để cấp cho Dạ-lữ-viện.

Lê Văn-Phan và Nguyễn Công-Huy đã bị xử tử. — Lê Văn-Phan 35 tuổi, quán làng Xuân-hồ, huyện Nam-đàn Nghệ-an can tội có chân trong một hội kín ngoại-quốc, ở lâu năm bên Tàu, học ở các trường vũ-bị, đã làm sĩ-quan trong một vài đạo binh Trung-hoa, Phan lại đứng đầu tổ-chức nhiều vụ ám-sát, có tính-cách chính-trị; Nguyễn Công-Huy 25 tuổi, quán làng Xuân-dương, huyện Thanh-chương, có chân trong hội-kín ở trong nước, hết sức tiến-hành các công-việc, lâu dần có địa-vị, cũng đã gây nhiều cuộc đổ máu, Hai tên này năm ngoái bị tòa-án Vinh kết tội tử-hình, nay án mới thi-hành

đem hai tên ấy ra bắn ở trường bình Vinh.

Hội-đồng thóc gạo họp lần thứ nhất ở Sài-gòn. — Hội-đồng do nghị-định ngày 22 *Décembre* 1932 cử để xét vấn-đề thóc gạo đã họp hôm thứ năm 16 *Février* hồi 9 giờ tại phòng hội đồng Tư-mật, do quan Thống-đốc KRAUTHEIMER chủ-tịch, hội-viên đông-đủ, quan Thống-đốc tuyên-đọc đạo nghị-định cử hội-đồng.

Viên thư-ký đọc chương-trình các công-việc của hội-đồng. Bàn luận xong, hội-đồng cử ba tiểu-ban :

a) Tiểu-ban chuyên-môn nghiên cứu về : 1) Chương-trình thực-dân, việc dẫn-thủy và trị-thủy, các thứ đất mặn ; 2) Việc sản-xuất nhân-công, chất bón, gia-súc, hợp-đồng lĩnh-trưng, các thuế-má ; 3) Thị-trường : có thể tiêu-thụ đi được bao nhiêu thóc gạo, đặt thành hạng,

b) Tiểu-ban thương-mại xét :

1) Kho lúa, trữ lúa, hội chuyên-nghiệp bán thóc, việc vận-tải, máy làm thóc.

2) Việc buôn-bán trong xứ, người môi-giới tiền lãi.

3) Việc xuất-cảng : giá ở Sài-gòn, giá ở ngoài giấy chứng chỉ bảo-lĩnh.

c) Tiểu-ban tài-chính xét :

1) Tình-thế tài-chính các điền-chủ và nông-gia.

2) Có thể bảo-đảm được đến thế nào.

3) Sổ dự-tiêu mới, sổ dự-tiêu thuộc-địa.

Tất cả hội-đồng đều đồng-ý nên làm công-việc cho nhanh-chóng, mà sao cho được chắc-chắn và ích-lợi. Hội-đồng giải-tán, các tiểu-ban định thứ sáu 17 *Février* lại họp làm việc.

Thuế thân ở Bắc-kỳ năm nay được giảm mười phần trăm. — Do viện Dân-biểu Bắc-kỳ thỉnh-cầu, ngày 24 tháng 2 nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã ưng giảm thuế thân cùng các khoản ngoại-phụ thuế thân An-Nam thu vào ngân sách các tỉnh và các thành-phố thuộc Bắc-kỳ tạm giảm cho dân mười phần trăm (10%) về năm 1933.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tục-ngữ ca-dao. PHẠM QUỲNH soạn và tập. — giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

1. — Văn-minh-luận	4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris	4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp :	4 hào.
4. — L'idéal du Sage	4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp.	
Quyển thứ I	4 hào.
Quyển thứ II	5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết	4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới	4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois	4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE	4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai).	5 hào.
11. — La Poésie annamite.	4 hào.

Sắp xuất-bản :

12. — Tuồng Lôi-xích và tuồng Hỏa-lạc.

QUỐC-NGỮ ĐÍNH-NGOA (1)

II

Trủ Trủ giò (đem giò gà mà cúng để xem bói).

Chua Chua cay, chua thích.

Chùa Đình chùa.

Chúa Vua chúa, công-chúa.

Chuân Chu-chuân (khẩn vó).

Truân Truân-chiên, truân-kiền, gian-truân, truân sợi dây lại (cho đều nhau).

Chuẩn Chuẩn-thằng (dây mực), tiêu-chuẩn, chuẩn cho, chuẩn-y, chuẩn-trừ, chuẩn món tiền lại.

Truất Truất giáng, truất-trắc, truất chức đi.

Truật Hách-truật, vị thuốc bạch-truật.

Chuầy Chuầy mất dầm nguyên trước.

Chúc Chúc-tụng, di-chúc, chúc-thư, chúc-văn, chúc lên chúc xuống.

Trúc Cây trúc, trúc nghiêng, trúc nhào.

Chục Trăm chục.

Trục Khu-trục (lùa đuổi), cái trục quây.

Chui Chui luồn, chui lủi.

Chùi Chùi quét.

Trùi Trùi mũi.

Chúi Chúi đầu xuống, lúi chúi.

Chụi Chụi nước mắt.

Trụi Trụi lông trọc trụi, hết trụi cả.

Trủi Trủi bọt lên.

Chum Cái chum (đựng nước).

Chùm Một chùm bông, nắm chùm-hum.

Trùm Chè trùm, ông trùm xóm.

Chúm Cười chúm-chím.

Chũm Cái chũm cau.

Chun Chun vào (trong chỗ hẹp).

Trun Trun ngắn lại.

Chún Chún cổ đi, bệnh úi-chún bẻ cả thân mình.

Trún Trún nước ra nơi lỗ miệng.

Chung Chung thủy (trước sau), chung cục, chung-ái (thương vào một người) chung tình, chung riêng, chung chạ, một cái chung (đựng rượu).

Trung Trung hiếu, trung tín, trung nghĩa, trung ái, trung cần, trung-độ, trung-tâm-điểm, xứ Trung-kỳ.

Chùng Chùng lên, ăn chùng.

Trùng Trùng-độc, vi-trùng, trùng-kiến, trùng-điệp, trùng-phúc, trùng-triềng.

Chứng Chứng-nhân, chứng kiến, công-chứng.

Trúng Bắn trúng, nói trúng lý, trúng độc, trúng thực, trúng bệnh, thi trúng (thi đậu).

Chủng Chủng-loại, chủng-tộc, chủng-tử (đúc con), chủng chẳng (không vâng lời).

Trủng Quan trủng-tể.

Chuốc Con chim chuốc-chuốc

Chuộc Chuộc lại, mua chuộc.

Chuôi Cái chuôi (đầu mút).

Chuối Đâm chuối xuống, chuối vào.

Chuối Cây chuối.

Chuỗi Chuỗi hột, nhiều trái nhỏ chuỗi xuống.

Chuôm Cái chuôm bũa cá, quả chuôm-chuôm.

Chuồm Chuồm gai lại (tức rào lại).

Chuồn Con chuồn chuồn.

Chuông Cái chuông, tiếng nói chuông.

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 180.

Truông Cái truông (đường đi giữa), eọ truông.

Chuồng Cái chuồng nuôi súc-vật.

Trường Trần-trường.

Truống Truống nồi xuống, truống ngôi đi.

Chuộng Kính chuộng, yêu chuộng, tham chuộng.

Chuốt Chuốt cạo, trau chuốt, chải chuốt.

Truốt Mất truốt, hỏng truốt, truốt lá đi.

Chuột Con chuột.

Truột Trơn truột, nuốt truột, cách truột.

Chúp Lúp chúp (cách nhà nhỏ).

Chụp Chụp ảnh, chụp bắt lấy, lụp chụp.

Chút Một chút, chút dỉnh, chút chít (tiếng gà con) nhỏ lút chút.

Chuyên Chuyên-môn, chuyên quyền, chuyên - sủng, chuyên - chế, chuyên chở, chính chuyên.

Chuyền Dây chuyền, chuyền bên này qua bên kia.

Truyền Truyền vị, truyền chỉ, truyền bá, truyền báo, truyền lịnh.

Chuyến Một chuyến tàu, một chuyến vác.

Chuyện Nói chuyện, thuật chuyện, chuyện trò, chim chuyện chuyện.

Truyện Kinh truyện, ngoại-truyện, tiểu-truyện.

Chuyển Chuyển-động, chuyển-vận, chuyển-bát, chuyển-di, lay chuyển.

Chuyết Chuyết tác (bài văn dở) chuyết khê (lời khiêm với bạn), thô chuyết, điềm-chuyết, chuyết giảng (nghỉ học).

11°

Chư Chư-tướng, chư-quân, chư-hầu, chư chất, chư cho lớn.

Trư Trư trư (cách giữ chặt).

Trừ Trừ-khử, tẩy-trừ, tiểu-trừ, khấu-trừ, thừa-trừ, trừ-tịch (hôm ba mươi tết).

Chứ Chứ không hề... chứ không phải...

Trứ Trứ-danh, trứ thuật (làm sách vở).

Trự Trự tiền (tức chữ tiền).

Chữ Chữ tiền, chữ trong sách, tên chữ.

Trữ Trích trữ, lưu-trữ, tàng-trữ.

Chưa Chưa xong, chưa hề.

Trưa Buổi trưa, ruộng trưa.

Chừa Chừa khớn, chừa phần lại.

Chứa Chứa đựng, cái bọc chứa, chứa chan, gá chứa, chứa người gian.

Chửa Thai chửa, chửa hề.

Chữa Chữa bệnh, chữa nhà cháy, chữa máy hư.

Chửi Chửi mắng (tức chưởi mắng).

Chước Mưu-chước, môi-chước (mối-dong) bắt chước, chước giảm đi, châm-chước.

Trước Trước sau, trước vào bộ, hàm trước-trác.

Chười Chười ứa, chười ra ngoài, chười té xuống.

Trươn Trươn vào (cho lọt qua chỗ hẹp hòi).

Chương Chương - trình, văn - chương, báo-chương, huy-chương. (cái mề-đay) chương thứ nhất.

Trương Trương mắt, trương cung, phô trương, trương hoàng, chủ trương, một trương giấy.

Chường Chường phải, chán chường.

Trường Đại-trường, tiểu-trường, can-trường, học-trường, thi-trường, đàn-trường, quan trường, chiến-trường, dặm trường.

Chướng Chướng kỳ, ương chướng, chướng ế, chướng tế, chướng độc, lam chướng.

Trướng Màn trướng, bức trướng, trù-trướng (thương xót), bành-trướng, trướng to ra.

Trượng Nhạc - trượng (ông nhạc) ông trượng (chồng cô, dì, tức là ông giượng), nghi-trượng, ngụ trượng (năm thước là ngụ, mười thước là trượng).

Chưởng Quan chưởng thâu, quan quyền chưởng, quan chưởng ấn.

Trưởng Trưởng-thượng, tôn - trưởng, tộc - trưởng, lý-trưởng, bộ-trưởng, quốc-trưởng, trưởng-giả (kẻ lớn) trưởng-thành.

II.— S. X.

12*

Sa Sa cơ, sa sút, mù sa, sa-trường, sa mạc (đám cát lớn), sô sa.

Xa Xa mã (xe ngựa), cái xa đánh chỉ, xa xôi, xa xề, xa phí, xa xát, xấu xa, xót xa.

Sà Sà sả (cách máy bay).

Xà Xà yết (rắn và bọ cạp), rường xà, tính khí xê xà.

Sá Đường sá, quá sá, không sá gì.

Xá Quán xá, thứ-xá, khoan xá, ân xá, vái xá, xá-đệ (em nhà tôi, lời nói khiêm với người ta), xá-muội (em gái tôi).

Sạ Suồng sạ.

Xạ (Bắn), xạ kỵ (bắn tên và cưỡi ngựa), ánh sáng xạ thẳng xuống, vị xạ-hương.

Sả Đem gậy sả xuống, con chim sả cánh xuống, chim cà sả, cây sả.

Xả Xả tóc xuống, bỏ xả đi.

Xã Xã-hội, xã-thôn, xã-trưởng, thư-xã.

Sáe Tần sác, cái sác (chỗ có cả nước cả cây), đi sác đường.

Xác Xác người, xác-tạc, đích-xác, xác-tín, xác-luận, xác-kiến, xơ-xác, vị chỉ-xác.

Sách Sách vở, sách giá, sách-nhiễu, yêu-sách.

Xách Xách lên, xóc-xách (cách xóc tiền, bán hàng xách.

Sạch Sạch sẽ, tinh sạch, sọc-sạch (tiếng bụng sôi), sạch-sành-sanh.

Xạch Xọc xạch (còn lỏng chưa được chặt).

Sai Sai khiến, sai suất, sai ngộ, sai lầm, sai sữ, sai phái, tính sai phân.

Xai Xai-nghi, đất xai đi, đi té xuống xai, xai chân lại.

Sài Đơn sài, sơ-sài, sài lang (loài chó sói), vị sài-hồ, bệnh sài-ghẻ.

Xài Lài xài (ăn bận không chỉnh-đốn), tiêu xài, xài-xạc, xơ-xài.

Sái Sái khớp xương, lời nói sái, tiêu sái (cách thanh-nhân).

Xái Xái nha-phiến, không xái chi điều ấy.

Sải Một sải (kể cả hai tay nhăng ra).

Sãi Người sãi chùa.

Sam Con sam (ở dưới nước), rau sam.

Xam Xấp xam (không được đều đặn).

Sàm Sàm trấm (gièm chê), sàm-sũa.

Xàm Làm xàm (không được tốt).

Sám Sám-hối, nắng sám mặt.

Xám Sắc xám, sắc xam-xám.

Sạm Nước da đen sạm.

Xảm Xảm thuyền (cho khỏi chảy nước vào).

San San-hô, san sẻ, san bớt ra, san dọn lại, giang-san (núi sông).

Sàn Sàn sàn (không tốt không xấu).

Sán Sùng sán (ở trong bụng), báng sán (gièm chê).

Xán Xán-lạn (rực-rỡ), xán một hòn đá.

Sạn Đá sạn.

Sản Sinh-sản, thổ-sản, sản-vật, sản-nghiệp.

Sang Sang-trọng, sang bên kia, phát sang.

Xang Thuyền chạy xang ra khơi, xênh-xang, xứ xang.

Sàng Cái sàng (để sàng gạo), sàng-tịch.

Xàng Xàng xê, liu họ xê xàng.

Sáng Sáng tối, sáng láng, sáng-khởi, sáng-kiến, sáng-thuyết, sáng-tạo.

Sảng Sảng - sốt, thanh - sảng, sảng-khoái.

Xảng Xang-xảng, (cách đối cãi trả) cái xảng (đựng-gạo).

Sanh Song-sanh, sạch-sành-sanh.

Xanh Sắc xanh, cái xanh (nấu đồ ăn) xanh tri (chống chọi).

Sành Đồ sành, người sành-sỏi, quả cam sành.

Sánh Sánh đôi, sánh vai, so-sánh.

Sảnh Sảnh tai (là cái tai-nạn rủi-ro) sảnh-đường (nhà bông các quan ra khách), sỏng-sảnh.

Sao Ngôi sao, gỗ sao, sao lục, sao chế, làm sao?

Xao Xao-xác, xôn-xao, xanh-xao, lao-xao, thôi-xao (cách làm văn rộng tứ).

Sảo Cây sảo, mẫu sảo, yến sảo, sảo-huyệt.

Xảo Xảo-xạc (cách xộn-rộn) chiến xảo.

Sáo Cựu-sáo, gia-sáo, chim sao-sáo, bức sáo vẽ.

Xáo Xáo bậy, xáo xiến không thứ-tự) bán hàng xáo.

Xạo Lạo-xạo (cách rộn-ràng).

Sảo Cái sảo (như cái đúa mà lớn hơn và thưa hơn).

Xảo Xảo-quyệt, diệu-xảo, tinh-xảo, trí-xảo, dấu-xảo.

Sáp Sáp ong, đèn sáp, gian sáp (khó-khăn).

Xáp Lúa xáp (không có gạo như trấu).

Sạp Tấm sạp (trong thuyền).

Sát Sát sao, sát nhân (giết người), quan-sát xem xét) sát vào trong da, sát trùng, quan án-sát.

Xát Cà xát, xa xát.

Sạt Sàn-sạt (tiếng chạy hay tiếng quăng cái gì).

Sau Trước sau.

Xàu Mặt xàu (không tươi-tỉnh).

Sáu Sáu, bảy.

Xáu Láu-xáu cách lật đật).

Sạu (Tức là lúa ngô) cái mặt sạu-sạu (giọng nhiếc mắng).

Xảu Xảu mặt lại (không tươi vui), lá cây xảu xuống.

Say Say rượu, say mê.

Xay Xay lúa, xay xố.

Xáy Xáy vào giữa mặt (như muốn nhiếc mắng).

Sảy Diên sảy (lúa gạo) sảy mặt.

Xảy Nói xầm xi xầm xảy.

13°

Sắc Sắc gái, sắc đỏ, sắc chỉ, sắc thần, sắc thuốc bắc, phong sắc (hơn và kém).

Xắc Xắc lắc (tính không vững vàng), xúc xắc (cách người hèn yếu chỉ làm được một đôi việc).

Sặc Sặc huyết ra, sặc đờm ra, sẳng sặc (cách lạ quở luôn) nghe sặc những mùi rượu.

Xăm Bắt xăm (tức bắt thăm) chạy lăm xăm, xăm bậy ra.

Sắm Sắm sửa, sắm sanh.

Xắm Lắm xắm (toan ngồi xuống).

Săn Săn bắn, săn sóc, sợi chỉ săn.

Xăn Xăn quần lên, xăn xo (toan hòng ra đánh ai).

Sắn Khoai sắn.

Xắn Đào xắn (hai bên đường).

Sẵn Sẵn sàng, sẵn của ăn tiêu.

Săng Săng gỗ.

Xăng Xung xăng, chạy lăng xăng, làm xăng bộn (không thứ-tự), dầu xăng.

Xắng Làm xắng (tức làm bậy).

Sắng Sốt sắng.

Xẳng Màu xẳng (của nước mắm) nói, xẳng (không phép tắc), xủng xẳng.

Sắp Sắp sửa, sắp đặt, sắp đi (đã gần đi).

Sắt Sắt quánh, đàn sắt.

Xắt Xắt ra từng nhát.

Sặt Cây sặt.

14°

Xấc Xấc xao, xấc ngược.

Sâm Sâm nhung, sâm thương (hai ngôi sao), sâm hiệp, con hải-sâm (vật ăn), màu sâm-sầm.

Xâm Xâm lấn, xâm chiếm, xâm-phạm, máu xâm.

Sầm Sầm uất, núi Sầm-sơn.

Xầm Chạy xầm vào, đâm xầm.

Sấm Sấm sét, sách sấm ký.

Sầm Màu sâm-sầm.

Xầm Xầm mắt (mắt mù-tối), xầm-xoan, trò hát xầm, xầm vớ được gậy.

Sản Cái sản (trước mặt nhà).

Sẵn Sượng sẵn, (cách thẹn hổ), nước da sẵn, quả sẵn đi (không lớn nữa), nhai sẵn-sật.

Sấn Sấn vào (để đánh lộn), sấn sớt, chữ này sấn với chữ kia, lễ sấn (quân quan tài lại).

Sấp Nằm sấp, sấp ngửa, sấp cật.

Xấp Xấp tóc đi, một xấp sách, nhân xấp hai lên.

Sập Sập cửa xuống, cái bẫy sập cọp, cái sập nằm.

Sật Nhai cái gì nghe «sẵn-sật».

Sâu Sâu cạn, sâu hiểm, sâu sắc, con sâu bọ, sâu mọt.

Xâu Xâu tiền vào (nơi chuỗi), xâu xé nhau, tên dầu xâu, bắt xâu (khi đánh bạc).

Sầu Sầu buồn, sầu-não, cây sầu đâu.

Sấu Sấu tước (gầy ốm), con cá sấu.

Xấu Xấu xa, xấu hổ.

Sây Sây trái (được nhiều trái).

Xây Xây đắp, xây tường, xây xa, quả địa-cầu xây.

Sậy Một cây sậy.

Sẩy Sẩy tay, sẩy mất.

Xẩy Xẩy ra một việc gì khác, lấy cái đao mà xẩy ra.

15°

Se Se da, se mình, phơi nắng đã se rồi.

Xe Xe ngựa, bánh xe, xe sợi chỉ, xe duyên.

Sè Sò sè (cách đờm kéo trong cổ).

Xé Xé rách ra, lôi xé.
Sẻ Sẻ sàng, chim sẻ sẽ.
Xẻ Xẻ hai ra.
Xem Xem ngó, xem xem (đơn sơ),
Sém Nắng sém da.
Sen Hoa sen.
Xen Xen lộn, xen vào.
Xén Xén bớt đi.
Sẻn Bỏn sẻn.
Xèng Xèng xèng (tiếng đồng la kêu).
Seo Đuôi seo (của con gà).
Xeo Xeo nạy, người đầu xeo (trong làng).
Xèo Xèo xèo (tiếng mỡ rán trên lửa).
Séo Con chim séo, đòi ăn như séo,
Xéo Cái xéo đựng gạo, xéo mất rồi (tức trốn mất).
Xẹo Xiên xẹo, cái hình xẹo.
Sẻo Cái sẻo (cái vít trong mình).
Xẻo Xẻo thịt.
Xép Bụng xép, lúa xép, xép lép (không được đầy).
Xẹp Xẹp lép (phía trong không được đầy), xẹp đi rồi (không trồi lên được nữa).
Sét Sấm sét, sét ăn hư sắt.
Xét Xét đoán, dò xét, xem xét, cứu xét.

16e

Xê Xê ra, xê xích (gần gần đúng).
Xề Tính khí xề xà, cười xề xề.
Xế Mặt trời xế, bóng xế, xê xế (không được chính giữa).
Xề Rách xề xười, đường sá lở xề.
Xếch Xếch méo, xiến xếch.
Xệch Xệch xạc (không tề chỉnh).
Sên Con sên (loài sâu).
Xênh Xênh xang (cách đi đứng tự do).
Xếp Thu xếp, xếp đặt, xếp đôi lại.
Xệp Bệp xệp (cách ngồi xấu).
Sếu Sếu sáo (cách ông già nhai cơm).

17e

Si Ngu-si, si-tình (mê trai gái).
Xi Gia-xi (của nhà).
Sì Đen sì, đen sì sì.
Xì Xì hơi ra, xì tiếng ra, xì nước ra, xì mối ra.
Xí Kỳ xí, nhà xí.
Sỉ Sỉ nhục, liêm sỉ, vô sỉ (không biết xấu).
Sĩ Sĩ-nhân, văn-sĩ, hiền-sĩ, nữ-sĩ, hiệp-sĩ.
Xỉ Xỉ mạ (chửi mắng) xỉ nhục (nhiếc mắng) bất-xỉ (không ai thèm kể).
Sia Sâu sia.
Sỉa Sỉa chân xuống nước
Sĩa Cái sĩa (như cái nống mà thưa lỗ).
Xỉa Xỉa răng, cái xỉa, cái cuốc xỉa.
Xích Xích-thằng (sợi dây đỏ) xích-tử (con mới sinh nước da còn đỏ) xê xích ra, xúc-xích (không ngang ngắn một rập), dây xúc-xích, lấy dây mà xích lại.
Sịch Chạy sầm sịch.
Xịch Xục xịch (tiếng máy chạy trong xe hay trong tầu).
Siếc Câu nói siếc (muốn nói mà không dám nói rõ).
Xiếc Làm trò xiếc (tức trò rối).
Xiêm Xiêm áo, nước Xiêm (tức nước Tiêm-la).
Siềm Siềm nịnh (hay a dua).
Xiên Xiên xéo, xiên xẹo.
Siêng Siêng năng.

Xiềng Cái xiềng (đeo cho người có tội).

Siềng Cái siềng (bỏ đồ).

Xiết Xiết nhà (mà lấy đồ chi đó) kể không xiết, xiết bao.

Siêu Siêu-quần (hơn cả đoàn), siêu độ (vớt hồn), cái siêu nấu nước.

Xiêu Bồ xiêu, xiêu lòng, xiêu theo lời nói.

Xin Xin máy, kêu xin.

Sinh Sinh đẻ, sinh sự, sinh lợi, sinh sản, sinh-nhai, sinh-lý, sinh-hoạt.

Xinh Xinh tốt, xinh tươi.

Sình Trướng sình lên.

Sính Sính nghề, sính lễ (lễ cưới), sính-vật (đồ cưới).

Sít Sít với nhau.

Xít Nghe hơi xấm xít, con bọ xít.

Sịt Sịt mũi, khóc sụt sịt, đen sịt.

Xịt Xịt hơi ra, xịt nước ra.

Xỉu Xỉu mặt lại (không tươi tỉnh).

18e

So So sánh, so đo, con so (con đầu lòng).

Xo Xăn xo, ốm xo, xo xương, cái lo-xo.

Sò Ho sò sè, con sò (loài ốc).

Xó Cái xó (một góc trong nhà) bỏ xó.

Sọ Cái sọ dừa (cái đầu người chết).

Xỏ Xỏ lỗ, xỏ xiên, xỏ lá, xỏ chân vào.

Xóa Xóa đi (không tính nữa), xóa bỏ những chữ đã viết rồi.

Xoác Trắng xoác, con chim bay xoác qua.

Xoai Cửa nhà điêu xoai.

Xoài Quả xoài.

Soái Quan nguyên-soái.

Xoàm Boàm xoàm (cách lông lá nhiều).

Xoang Xoang tay áo ra.

Xoàng Xuềnh xoàng (dáng say rượu), làng xoàng (ăn bận sơ sài).

Xoay Xoay vần, xoay đầu người nào xuống đất.

Soát Soát nhà, kiểm soát, sút soát.

Xoắt Miệng nói xoắt xoắt, lắt xoắt (cách cho đồ gì mỗi khi một ít, không được nhiều).

Sóc Gió sóc, sóc cơm vào cồ, con sóc.

Xóc Xóc vác, xóc xách, cái đòn xóc, đánh xóc-xĩa, chạy lóc-xóc.

Sọc Sọc sạch (tiếng cái gì lay động trong hộp), da con cọp có sọc.

Soi Soi xét, soi tỏ, sót soi, một soi đất.

Xoi Xoi đào, xoi móc, xoi tách.

Sói Sói đầu, con chó sói.

Xói Đánh cho một xói giữa mặt.

Sỏi Sành sỏi.

Sòm Om sòm.

Son Son phấn, lòng son, son sẻ.

Xon Chạy lon-xon.

Song Cửa song, song đường (hai cha mẹ), đi đều song song, song sinh (đẻ sinh đôi), cây mây song.

Xong Xong xoài, làm xong việc.

Sòng Sòng sạ (tính mau mắn), sòng cờ bạc.

Sóng Sóng gió, sóng đọ.

Sỏng Sỏng-sảnh (cách bưng chén rượu dâng lên), nhảy lỏng-sỏng.

Sót Bỏ sót, quên sót.

Xót Xót xáy, xót xa, thương xót, chua xót, xót gạo, nhảy lót xót.

Sọt Cái sọt (như cái bội, để đựng cỏ) sọt sẹt.

19e

Sô Sô sa.

Xô Xô đẩy.

Xốc Xốc vào (cách con trâu bạng liều, hay con người đánh nhau liều).

Sộc Sôi sồng sộc, sộc máu ra.

Xộc Xồng-xộc (cách chạy mau).

Sôi Nước sôi, bụng sôi.

Xôi Nấu xôi (tức là cơm nếp), xôi thịt, xa xôi.

Xối Xối nước xuống, cái xối hứng nước.

Xồi Ăn xồi (không chừa phần lại), con gái quá xồi.

Xồm Lông lá bồm xồm, xồm xoàm.

Xồm Ngồi xồm xuống, lồm xồm (cách ngồi xuống đứng dậy không yên).

Xôn Xôn xao (cách loạn-lạc không được yên), miệng thế xôn-xao.

Xốn Xốn-xáo trong lòng (cách đau bụng).

Xộn Lộn xộn.

Sông Núi sông.

Xông Nấu nước mà xông, xông vào để đánh nhau, xông-pha tên đạn.

Sống Sống chết, sống chín, cái xương sống.

Xống Áo xống.

Xốp Xốp nồi, xốp xốp, củ khoai xốp, (không đặc, không chắc cho lắm).

Sốt Sốt sắng, không có gì sốt.

Sột Quéo qua nghe « sồn-sột ».

20e

Sơ Đơn sơ, sơ sài, thân sơ, hồ-sơ, sơ-học, sơ-lược, sơ-suất.

Xơ Xơ xài (cách tiêu-điều) xơ xác, cái xơ (áo con trẻ) cái xơ mít.

Sờ Đứng sờ sờ.

Xờ Xù xờ.

Sớ Tấu sớ, sớ sết (cách không điềm-đạm).

Xớ Bớt xớ.

Sợ Sợ hãi.

Sở Cơ sở, sở dĩ. . . nước Sở.

Xở Xở đất ra (cho rộng thêm).

Xơi Xơi cơm,

Xới xới cơm (ra nơi đĩa) đào xới.

Sợi Sợi chỉ, vải sợi

Xờm Tóc tai xờm xờm, bờm xờm.

Sớm Buổi sớm.

Sơn Sơn đỏ, sơn thếp, giang-sơn (tức giang san).

Xơn Nói xơn lên (là tưng lên cho cao), ngọt xơn xớt.

Sờn Sờn lòng, sờn chí, chưa sờn một chút nào.

Sớn Sớn sác (cách vô lễ).

Xớn Xớn xác (cách run sợ, không yên tâm).

Xợp Đầu tóc bợp-xợp.

Xớt Ăn vào nghe ngọt xớt, lưỡi dao xớt nhẩm

21e

Xu Xu-nịnh, xu-hướng, xu-bộ, bôn-xu, xu cơ, một đồng xu.

Sù Văn-chương sù (là văn chương giỏi).

Xù Hình dáng xù xù, lù xù, xù xì, (cách bộ rù rờ), xù xờ.

Xụ Xụ lông xuống

Xủ Xủ áo, xủ màn xuống.

Sua Cái sua nón (về nón đàn bà thuở xưa).

Xua Xua đuổi.

Xuân Mùa xuân, xuân xanh.

Xuần Ngu-xuần.

Suất Suất-lược, sơ-suất, chia ra từng suất.

Xuất (là ra), xuất tiền ra, xuất nhập, xuất-cảng, xuất-chúng.

Xuây Xuây tròn, bàn xuây.

Súc Súc-tích, uẩn-súc (học vấn sâu xa), đình-súc (chứa lại, không chảy đi), săng súc, giấy súc, súc miệng, giống lục-súc, cái ống súc.

Xúc Xúc bức, xúc-động, xúc giục, xúc-nộ, cảm-xúc, xúc cơm, dây xúc xích.

Xuềnh Xuềnh xoảng (làm văn trái mất ý đề).

Sui Sui mòn.

Xui Xui giục, xui xút, xui dàn làm loạn.

Sùi Khóc sùi sụt, sụt sùi.

Xúi Xúi vào (nói xúi vào).

Xủi Xủi mả (là tảo mộ).

Sum Sum vầy, xum nghiêm, sum hiệp.

Xum Xum nhau lại (mà nói chuyện).

Sùm Um sùm (cây cối tốt).

Xúm Xúm nhau lại, xúm xít (ngồi khít nhau).

Sủm Sủm hầm.

Sung Sung sướng, sung mãn, sung túc, sung vào chức gì, cây sung.

Xung Xung ấu (thơ dại), xung đột, xung khắc, xung gan.

Sùng Sùng trọng, sùng bái, con sùng (hay ăn khoai).

Súng Khẩu súng.

Sủng Sủng ái (thương yêu), đắc sủng (được người trên thương), thất sủng (không được người trên thương nữa).

Xủng Xủng xẳng (cách nói hỗn hào).

Sụp Sụp chân xuống, sụp mình xuống, sụp hầm.

Sút Sút giầy ra, sa sút, sút soát (cách gần ngang nhau).

Xút Xút chó ra cắn.

Xuốc Xuốc quét.

Xuôi Xuôi dòng, xuôi nước.

Suối Cái suối (nước chảy), chín suối (ở âm phủ).

Xuội Mệt xuội, xuôi xuội (văn trơn tru mà không hay).

Suôn Suôn lời, suôn mạch, suôn suốt, suôn sẻ.

Suông Lấy suông đi (không trả tiền), uống rượu suông, (không có đồ nhắm).

Suồng Suồng sã (không hay thu giấu).

Xuồng Chiếc xuồng (chiếc thuyền con).

Xuống Lên xuống, bước xuống.

Xuồng Cái xuồng, xuồng bơi.

Suốt Thông suốt, suôn suốt, suốt cả ngày đêm.

Suy Suy đồi, suy loạn, suy bại, suy nghĩ, suy tính.

Xuy Xuy vàng (vào phía ngoài cái hộp), xuy bạc.

Súy Tướng súy (là các binh quan) quan nguyên-súy.

Xúy Xúy xóa (là bỏ đi không kể).

Suyên Sơn xuyên, (núi sông) xuyên tạc (nói đặt điều) đào xuyên.

Suyễn Sai-suyễn, bệnh ho suyễn.

Xuýt	Xuýt nữa (chỉ một chốc nữa thì...)
22°	
Sư	Sư đệ (thầy trò), sư sinh (thầy trò), tiên-sư, quân-sư, con sư-tử.
Sừ	Sừ-quân (ông hoàng thái-tử); sừ nhị (ông hoàng thái-tử) sừ bị (để dành).
Sứ	Sứ-thần, sứ-giả, đồ sứ (chén bát v. v.., quả chuối sứ).
Sứ	Xứ sở, xứ xang.
Sự	Sự-tích, chính-sự, da sự, sự-nghiệp, lịch-sự (từng trải).
Sử	Sách sử, lịch-sử, sử-quán, sai-sử.
Xử	Phân-xử, khu-xử, xử tội, xử-nữ (con gái trinh tiết).
Xưa	Đời xưa, xưa nay.
Sứa	Con sứa dưới bể.
Sửa	Sửa sang, sắm sửa, sửa đổi, sửa sẵn.
Sữa	Sữa của trẻ bú, sữa bò.
Sức	Sức lực, trang sức, phục sức.
Xức	Xức nước thơm, xức cho xa.
Sực	Sực nhớ lại.
Xước	Xước ngược, xước móng tay ra.
Xười	Bười xười (cách người không chỉnh đốn).
Sưởi	Bệnh sưởi, lò sưởi.
Xườn	Xương sườn, bộ sườn nhà.
Sương	Sương mù, sương tuyết, sương ganh, sương phụ (bà góa).
Xương	Xương thịt, xương xóc, quân Nam-xương.
Sướng	Sung sướng.
Xướng	Xướng-ca, ca - xướng, thủ-xướng, đề-xướng (nói ra đầu hết) khởi-xướng.
Sượng	Sượng sần, sượng sùng.
Xưởng	Công-xưởng (cái nhà làm thợ).
Sưu	Công-sưu, sưu-tầm (tìm mọc).
Sửu	Năm ất-sửu.

III.—D. Gi. R.

23°	
Da	Nước da, cây da, cành lá dum da.
Gia	Gia thêm, gia giảm, gia-quyến, gia-nghiêm (cha tôi), gia-từ (mẹ tôi), gia-huynh (anh tôi), gia-trưởng, quốc gia (nhà nước).
Ra	Ra vào.
Già	Già cả, già yếu, già giẫn, già non
Rà	Rà lại (bởi nước chảy) rầy rà, con ma rà.
Dá	Vỗng dá
Giá	Danh-giá, phẩm-giá, hóa-giá, giá-trị, giá sắc, giá thú, giá họa (xô tai họa cho người khác chịu) cái giá gác đồ, giá phỏng mà..)
Rá	Cái rá (đựng cơm) hột ca rá.
Dạ	Dạ vâng, hôn dạ (đêm tối) bụng dạ, một tấm dạ, dạ soa (con quỉ).
Giạ	Chiếc giạ.
Dã	Dả-man, sơn dã, phác dã (quê mùa).
Giả	Giả dối, giả-trá, giả-mạo, giả-gạo, học-giả (người đi học) tác-giả (người làm văn) độc-giả (người đọc sách).
Giã	Giặc giã, giã độc ra, giã cho lạt bớt đi.
Rã	Rơm rã, rã rời, rã tay ra.

Dác Phía ngoài của khúc gỗ (chưa vào tới dòng).

Giác Cảm-giác, tri-giác, giác-quan (cái phần việc tri giác trong thân thể) bát giác, giác khẩu, đồng bạc giác, lộc giác giao.

Rác Rác ghét, rơm rác, rãi rác, rác tai.

Dạc Bông lá dạc xuống.

Giạc Vóc giạc, giạc chừng, giạc chai ra.

Rạc Rời rạc.

Rách Rách áo, rách rưới, róc-rách (tiếng nước chảy).

Rạch Rạch hai, rạch rỏi.

Dai Nói dai, dẻo dai.

Giai Giai-nhân (người đàn bà tốt) giai-tế (rể tốt) giai-ngẫu (đôi lứa tốt) giai-tác (bài văn hay) giai-vị (món đồ ngon) giai-cấp, thê-giai.

Dài Dài ngắn.

Dái Hòn dái.

Rái Con rái (ở nước hay ăn cá) dầu rái.

Dại Dại dột, khôn dại.

Dải Cái dải áo.

Giải Treo giải, giải-nguyên, giải-ngạch, phân giải, giải-quyết, giải-thoát, giải phiền.

Rải Lải rải (cách thong-thả) rải rác, rủng rải, rải khắp nơi.

Giãi Phơi giãi, giãi nắng, giãi giầu.

Dam Con dam (hình như con cua mà nhỏ).

Giam Giam cấm.

Ram Thịt ram.

Ràm Ràm gió, ràm nói.

Dám Dám cả gan, không dám.

Giám Giám-định, giám-lâm, quốc-tử-giám, giám-sinh.

Dạm Dạm vợ.

Rạm Con rạm (tức con dam).

Giảm Giảm bớt, giảm phân, gia giảm.

Rảm Ăn nói nhiều câu rảm, chuyện rảm.

Dan Dan-díu (không rời nhau được) dan tay.

Gian Gian-tế, gian-tham, gian-dâm, thời-gian (cuộc gian-nan trong đời) khoản buổi gian-nan, gian-truân, một gian nhà, thế-gian, trần-gian.

Ran Tiếng sấm ran, ran đất, nước ran ra.

Dàn Dàn ra (cho có thứ lớp) dàn dá.

Giàn Cái giàn bí, giàn bầu.

Ràn Cái ràn trâu.

Dán Dán lại (cho dính nhau).

Gián Gián-cách, gián-đoạn, can gián, một con gián.

Rán Rán bằng mỡ, bánh rán, rán sức, rán hơi.

Dạn Dạn gan, bạo dạn.

Rạn Dấu rạn, (là dấu mít đá rạn (đá ngâm dưới nước).

Giản Giản-dị, giản-tiện, giản-ước, đơn-giản, lưu-giản (để bài thư lại khi ra đi).

Dang Nói dang ra, thuyền chạy dang ra khơi.

Giang Giang-sơn, giang-hà, giang-giải (đóng gông mà giải) giang nắng, cây giang.

Rang Rang trên lửa, nổ như bắp rang, tiếng nói rang rảng.

Dàng Dễ dàng, dịu dàng.

Giàng Cái giàng (để mà bắn).

Ràng Chàng ràng, ràng buộc, ràng rịt, con cọp dã có ràng.

Dáng Hình dáng, dáng dấp, làm dáng.

Giáng Cách giáng, giáng hạ, giáng trần (xuống trần thế) cây hương giáng.

Ráng Cái ráng (hé ra một phía trời) mây ráng.

Dạng Hình dạng, bộ dạng.

Rạng Tỏ rạng, rạng đông.

Giảng Giảng-giải, giảng thuyết, giảng nghĩa.

Rảng Giọng nói rang-rảng, chuông kêu rang-rảng.

Danh Danh-giá, danh-lợi, công-danh, danh-thiếp.

Gianh Con sông Gianh.

Ranh Ma ranh, ranh rấp.

Dành Để dành lại.

Giành Tranh giành, quả giành (tức sử-quân-tử).

Rành Rành rõi, rành nghề, dạy bảo rành-rành, cây rành-rành.

Giảnh Giỏng-giảnh (làm cách làm bộ).

Rảnh Rảnh việc, rảnh mình, rảnh rớm, rảnh hai vai.

Rãnh Cái rãnh (nước chảy).

Dao Dao-viễn, dao-dịch, miễn dao, con dao, lời ca-dao.

Giao Giao-ước, giao-ngôn, giao-kết, giao-thông, giao-thiệp, giao-hòa, giao-chiến, giao-dã (ngoài nội) xứ Giao-chỉ, đất Giao-châu, con giao (loài rồng).

Rao Truyền rao, bán rao.

Dào Dồi-dào, một trận mưa dào.

Rào Cái rào (tức cái sông) hàng rào, chào rào.

Giáo Giáo-dục, giáo-hóa, giáo-mác, giáo lá (cách sửa-soạn trước).

Ráo Khô-ráo, riết-ráo, làm ráo việc.

Dạo Đi dạo chơi, một dạo (như một lần).

Giảo Gian-giảo, giảo-trá, giảo-tử (chết thắt cổ).

Rảo Rảo quanh, rảo bước.

Giáp Giáp-giới, giáp-công (hai bên đánh lại) giáp mặt, cái áo giáp. năm giáp-tí, giáp-ất, giáp-lịch.

Ráp Ráp nói, ráp đánh, gà ráp trọi, may ráp lại.

Rạp Cái rạp (tức cái nhà mà không có bốn vách), rạp hát.

Rát Rát cho tôi lắm, roi đánh vào rát da.

Dạt Trôi dạt, dạt ra cho mỏng.

Rạt Ăn nói sát rạt, ngồi sát rạt.

Rau Rau cỏ.

Dàu Sắc mặt dàu lại (không tươi).

Giàu Giàu sang.

Ráu Ráu luôn (là hối hỏa luôn).

Giạu Cái giạu hoa.

Rảu Cảu rảu (nói giọng giận).

Day Day động, gió day cành cây.

Dày Dày mỏng.

Giày Giày giép, giày bừa, giày đạp.

Rày Ngày rày, từ rày về sau.

Dạy Dạy bảo, dạy-dỗ.

Dãy Một dãy núi, một dãy nhà.

Rảy Rảy đi (không cho dính vào).

24°

Rắc Rắc-rối, mưa lắc-rắc, rắc ra từng hột.

Dặc Dài dặc, dài dằng-dặc.

Giặc Giặc ngụy, giặc-giã.

Rặc Rặc nước, cười rằng-rặc.

Dăm Dăm bảy (cũng như năm bảy).

Giăm Cái giăm giăm (là một cái mụn tre hay gỗ rất nhỏ).

Răm Răm đánh nhau (là sắp đánh nhau).

(Còn nữa)